

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

TRẦN THỊ PHƯƠNG LAN

VẤN ĐỀ BẢO VỆ QUYỀN HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ HỢP PHÁP
CỦA NHÀ BÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

(Khảo sát các cơ quan báo chí: VTV, VOV, Vietnamnet, Lao động từ 2021-2024)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ BÁO CHÍ HỌC

HÀ NỘI - 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

TRẦN THỊ PHƯƠNG LAN

VẤN ĐỀ BẢO VỆ QUYỀN HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ HỢP PHÁP
CỦA NHÀ BÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

(Khảo sát các cơ quan báo chí: VTV, VOV, Vietnamnet, Lao động từ 2021-2024)

Chuyên ngành : Báo chí học

Mã số : 62 32 01 01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ BÁO CHÍ HỌC

Người hướng dẫn khoa học:

PGS.TS. Nguyễn Thị Trường Giang

TS. Dương Thị Thu Hương

HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Tác giả luận án

Trần Thị Phương Lan

DANH MỤC VIẾT TẮT

BMĐT	: Báo mạng điện tử
HĐXLVPĐĐB	: Hội đồng xử lý vi phạm đạo đức
BBBVN	ngành nghiệp người làm báo Việt Nam
Luật TCTT	: Luật Tiếp cận thông tin
NCS	: Nghiên cứu sinh
NTL	: Người trả lời

DANH MỤC BẢNG, HÌNH VẼ

Bảng 2.1: Những yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp hợp pháp.....	64
Bảng 2.2. Bảng so sánh mức độ xử phạt của các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực báo chí, xuất bản	73
Biểu đồ 3.1: Số vụ việc vi phạm quyền hoạt động nghề nghiệp hợp pháp của nhà báo được báo lên hội nhà báo.....	89
Biểu đồ 3.2: Phân tích hình thức vi phạm quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo từ các vụ việc báo lên hội nhà báo giai đoạn 2020 - 2024	102
Biểu đồ 3.3: Điểm trung bình đánh giá mức độ sẵn sàng tham gia bảo vệ và mức độ hiệu quả tham gia bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam hiện nay.....	108
Biểu đồ 3.4: Đánh giá năng lực của bản thân NTL.....	113
Biểu đồ 3.5: Nguyên nhân hạn chế từ nhận thức của người dân	117
Bảng 4.1: Đề xuất giải pháp từ phía nhà báo đối với cải thiện môi trường pháp lý	133
Bảng 4.2: Đề xuất giải pháp từ phía hội nhà báo, các cơ quan chức năng có liên quan	136
Bảng 4.3: Đề xuất giải pháp từ phía nhà báo đối với cải thiện môi trường xã hội	141
Bảng 4.4: Đề xuất giải pháp từ phía nhà báo nhằm góp phần tăng cường bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo	143
Bảng 4.5: Điểm trung bình đánh giá phẩm chất, giá trị nhà báo cần có và cần hướng đến nhằm nâng cao vị thế nhà báo phân tích theo thâm niên công tác	145
Hình 1. Sơ đồ Khung phân tích của Luận án	8

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu	15
1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài	15
1.2. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án và những vấn đề cần giải quyết.....	35
Chương 2: Cơ sở lý luận và thực tiễn về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	39
2.1. Cơ sở lý luận về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo.....	39
2.2. Cơ sở thực tiễn của vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo.....	64
2.3. Một số lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu	73
Chương 3: Thực trạng vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay	79
3.1. Giới thiệu về cơ sở dữ liệu và đặc điểm mẫu nghiên cứu.....	79
3.2. Khảo sát thực trạng bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay.....	83
3.3. Đánh giá về những thành công và hạn chế trong bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay	103
Chương 4: Những vấn đề đặt ra và giải pháp tăng cường bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam trong thời gian tới	124
4.1. Những vấn đề đặt ra trong bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay và cơ sở đề xuất giải pháp	124
4.2. Một số giải pháp tăng cường bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam trong thời gian tới.....	150
KẾT LUẬN	162
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI	
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Nhà nghiên cứu báo chí Walter Lippmann, người đặt nền móng cho lý thuyết về nghị trình truyền thông, khẳng định: “Báo chí không thể thay thế các thiết chế xã hội. Nó giống như một luồng ánh sáng mạnh mẽ, không ngừng quét qua bóng tối, lần lượt soi rọi từng lát cắt của hiện thực, đưa những câu chuyện bị che khuất ra ánh sáng” [106, tr 1]. Chính vai trò “chiếu sáng” này khiến báo chí trở thành lực lượng không thể thiếu trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền, xã hội dân chủ, văn minh.

Nếu báo chí là công cụ truyền thông mạnh mẽ, giúp định hướng dư luận, giám sát và phản biện xã hội, lan tỏa các giá trị nhân văn mẽ thì nhà báo chính là người trực tiếp vận hành và thực hiện nhiệm vụ cao cả của báo chí đối với xã hội. Do đó, nhà báo phải được đảm bảo quyền được tiếp cận thông tin, quyền được điều tra, tác nghiệp, phản ánh sự thật - đó không chỉ là quyền, mà còn là điều kiện tất yếu để thực hiện nghĩa vụ xã hội. Việc bảo vệ quyền hành nghề hợp pháp của nhà báo không chỉ là bảo vệ cá nhân họ, mà còn là bảo vệ nền tảng của tự do báo chí, tự do ngôn luận - những giá trị căn bản của một xã hội dân chủ, pháp quyền. Nếu nhà báo không được bảo vệ đúng mực, họ sẽ bị cản trở trong việc phát hiện và phản ánh sự thật, từ đó dẫn đến nguy cơ bị bẻ cong thông tin, làm lu mờ vai trò phản biện và giám sát của báo chí.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, sự an toàn và quyền được tác nghiệp hợp pháp của nhà báo đã trở thành một nội dung trọng tâm trong các nỗ lực pháp lý và nhân quyền quốc tế. Các quy phạm quốc tế không chỉ khẳng định vai trò của báo chí như một thành tố thiết yếu của xã hội dân chủ, mà còn đặt ra những chuẩn mực rõ ràng trong việc bảo vệ nhà báo trước những nguy cơ bị đe dọa, hành hung, truy cứu vô căn cứ hoặc cản trở khi thực thi nghiệp vụ. Tuyên ngôn Thế giới về Nhân quyền 1948 (UDHR) đã khẳng định tại Điều 19 rằng: *“Ai cũng có quyền tự do quan điểm và ngôn luận; quyền này bao gồm tự do giữ ý kiến không bị can thiệp và tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt thông tin và ý tưởng bằng mọi phương tiện, không kể biên giới”* [7]. Tuyên ngôn này đặt nền móng cho các quyền báo chí trong phạm trù quyền con người, trong đó nhà báo được xem là chủ thể thực hiện quyền truyền thông và tự do

thông tin. Tiếp nối tinh thần đó, Công ước quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR, 1966) - mà Việt Nam là thành viên từ năm 1982 - tại Điều 19 tiếp tục khẳng định rằng mọi người có quyền tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt thông tin dưới bất kỳ hình thức nào, không bị cản trở bởi biên giới. Đây là cơ sở pháp lý quốc tế quan trọng bảo vệ quyền hành nghề báo chí, đồng thời ràng buộc trách nhiệm của các quốc gia thành viên trong việc không được can thiệp hoặc hạn chế quyền tác nghiệp của nhà báo một cách tùy tiện.

Kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và đặc biệt là sau khi giành được chính quyền, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, báo chí cách mạng đã luôn là một phần không thể thiếu trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển tư tưởng, văn hóa của Đảng. Trong quá trình lãnh đạo báo chí phục vụ sự nghiệp cách mạng, Đảng và nhà nước luôn đề cao vai trò đội ngũ người làm báo. Sinh thời, chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *“Cán bộ làm báo là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ”* [26, tr 616]. Người khuyến khích, cổ vũ: *“Ngòi bút của các bạn cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính, trừ tà”* [25, tr 131]. Trong nhiệm kỳ gần đây, Đảng và Nhà nước ban hành nhiều văn kiện, nghị quyết như: Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng chỉ đạo định hướng phát triển báo chí, Chỉ thị số 43 về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong tình hình mới”* và Thông báo số 22 của Ban Bí thư Trung ương về nâng cao vai trò, chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam... Các văn bản quan trọng này đều nhấn mạnh việc cần thường xuyên tổ chức cho nhà báo - hội viên nghiên cứu, quán triệt sâu sắc lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ, kỹ năng làm báo cho các hội viên cần tiến hành tích cực, chủ động dưới nhiều hình thức đào tạo nhằm xây dựng đội ngũ người làm báo Việt Nam ngang tầm với đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng. Chính sách của Đảng, thông qua các Nghị quyết, Chỉ thị về báo chí và truyền thông luôn nhấn mạnh vai trò then chốt của báo chí trong công cuộc phòng

chống tham nhũng, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ lợi ích nhân dân, qua đó nâng cao vị thế và uy tín của Đảng và Nhà nước, khẳng định nhà báo phải được bảo hộ chính đáng để hoàn thành sứ mệnh của mình.

Hệ thống pháp luật của Nhà nước về báo chí được ban hành, ngày càng hoàn thiện, trong đó có nhiều văn bản pháp luật quan trọng bảo hộ hoạt động nghề nghiệp của nhà báo. Điều này thể hiện sự quan tâm của Nhà nước đối với việc đảm bảo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động báo chí. Cụ thể: Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Báo chí 2016, là văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh hoạt động báo chí ở Việt Nam hiện nay. Luật này đã dành riêng Chương IV để quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ quan báo chí, nhà báo. Đáng chú ý, Điều 25 của Luật quy định rõ 8 quyền của nhà báo, trong đó có quyền “*Được pháp luật bảo hộ trong hoạt động nghề nghiệp; được bảo vệ danh dự, nhân phẩm khi hành nghề báo chí*” (Khoản 8, Điều 25, Luật Báo chí 2016). Bên cạnh đó, Nghị định số 119/2020/NĐ-CP ngày 7/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản cũng đã quy định cụ thể các hành vi vi phạm và mức xử phạt đối với những hành vi cản trở hoạt động nghề nghiệp của nhà báo.

Tính đến tháng 12/2024, Việt Nam có một lực lượng báo chí hùng hậu với nhân sự khoảng 41.000 người, trong đó có hơn 21.000 nhà báo được cấp thẻ, đang làm việc tại gần 884 cơ quan báo chí thuộc các loại hình: báo in, phát thanh, truyền hình, báo điện tử [31]. Lực lượng này đang hằng ngày, hằng giờ chuyển tải một lượng thông tin khổng lồ đến với hơn 98 triệu người dân. Nhìn chung, Đảng, Nhà nước và nhân dân đặt niềm tin vào báo chí, nhất là trước những sự kiện có ảnh hưởng lớn đối với đời sống chính trị - xã hội của đất nước.

Mặc dù được tạo điều kiện thuận lợi về chính sách, hành lang pháp lý đầy đủ để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ, nhưng trên thực tế vẫn còn xảy ra tình trạng nhiều nhà báo bị đe dọa, hành hung khi tác nghiệp hoặc xâm phạm quyền hành nghề hợp pháp. Theo báo cáo của Hội Nhà báo Việt Nam, trong giai đoạn 2020 - 2024, có 47 vụ việc nhà báo bị hành hung, đe dọa khi tác nghiệp [1]. Tình trạng cản trở, hành hung, xâm phạm quyền hành nghề, sức khỏe, tính mạng, danh dự và nhân phẩm của nhà báo có xu hướng diễn biến ngày càng phức tạp, cả hiện trường thực tế lẫn không gian mạng.

Sự bùng nổ của công nghệ số, mạng xã hội và trí tuệ nhân tạo mang đến không chỉ những cơ hội mới cho ngành báo chí mà còn cả những thách thức và mối đe dọa chưa từng có. Trong môi trường truyền thông mới, an toàn tác nghiệp nhà báo bị đe dọa ở nhiều cấp độ, với hình thức tấn công và quấy rối trực tuyến ngày càng tinh vi và đa dạng, vượt ra khỏi biên giới vật lý và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự an toàn, tinh thần và công việc của nhà báo: tấn công kỹ thuật số và doxing, tấn công truyền thông và công kích danh dự...

Nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề bảo vệ hoạt động tác nghiệp của nhà báo có xu hướng tập trung nghiên cứu lý luận về vị trí, vai trò, quan điểm, phân loại các hành vi cản trở, các yếu tố ảnh hưởng đến an toàn của nhà báo... Tuy nhiên, nghiên cứu sâu về bảo vệ nhà báo dưới góc độ bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp vẫn cần được tăng cường và nhìn nhận với các quan điểm toàn diện hơn. Chính vì vậy, NCS chọn đề tài “*Vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay*” là đề tài nghiên cứu cho luận án.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án xây dựng cơ sở lý thuyết của đề tài nghiên cứu. Trên cơ sở đó, luận án tiến hành nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực trạng của vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam hiện nay. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để chỉ ra những vấn đề còn tồn tại và đề xuất những giải pháp chủ yếu góp phần tăng cường bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo Việt Nam trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, luận án thực hiện những nhiệm vụ sau:

- *Thứ nhất*, tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài;
- *Thứ hai*, xây dựng và hoàn thiện khung lý thuyết về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay;
- *Thứ ba*, khảo sát, phân tích, đánh giá hiện trạng vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay thông qua phân tích nội dung các trường hợp nghiên cứu điển hình, tiến hành điều tra xã hội học và phỏng vấn sâu

đối với nhà báo. Từ đó, đánh giá về vai trò, mức độ, cách thức, những biểu hiện tích cực và hạn chế trong vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo;

- *Thứ tư*, đưa ra những giải pháp, khuyến nghị nhằm nâng cao bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi không gian*: Trong khuôn khổ luận án, tác giả tập trung nghiên cứu về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo thông qua hoạt động khảo sát 302 nhà báo, phóng viên của 7 cơ quan báo chí, trong đó có 4 cơ quan báo chí chính gồm: Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV), Báo điện tử Vietnamnet và Báo Lao động. Lý do lựa chọn các cơ quan báo chí này:

Thứ nhất, Đài Truyền hình Việt Nam (VTV), Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV), Báo điện tử Vietnamnet và Lao động đều là những cơ quan báo chí uy tín, đại diện cho 4 loại hình báo chí: báo in, phát thanh, truyền hình và báo mạng điện tử. VTV là đài truyền hình quốc gia với 11 kênh truyền hình quảng bá và hệ thống kênh truyền hình cáp được phủ sóng toàn quốc. Giai đoạn 2020 - 2021, VTV được trao Huy chương Lao động hạng nhất và Hoạt động đưa tin xuất sắc nhất năm tại Asiavision Annual Awards. VOV là đài phát thanh quốc gia, chịu sự quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông. Trải qua gần 80 năm hình thành và phát triển, VOV đã được nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương, danh hiệu cao quý: Huân chương Kháng chiến, Huân chương Lao động hạng nhất, Huân chương Hồ Chí Minh... Báo Vietnamnet là báo mạng điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông. Năm 2024, báo đã được Đảng và Nhà nước trao Huân chương Lao động hạng nhất để ghi nhận các công lao đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước. Báo Lao động bản in là cơ quan thông tin của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và là một trong những tờ báo lâu đời nhất, có ảnh hưởng nhất trong hệ thống báo chí truyền thông của Việt Nam. Suốt 95 hình

thành và phát triển, Lao động đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều huân chương, danh hiệu và bằng khen: huân chương Lao động hạng nhất, danh hiệu Anh hùng Lao động, bằng khen Chính phủ... Những tờ báo trong diện khảo sát đã có nhiều năm giữ vững và phát huy vị trí là cơ quan báo chí uy tín, có số lượng tin bài phong phú, dồi dào, thu hút một lượng công chúng lớn. Do vậy, tác giả luận án muốn tìm hiểu về vấn đề bảo vệ nhà báo trong hoạt động tác nghiệp đúng luật pháp của các cơ quan báo chí này để rút ra bài học cả mặt tích cực và tiêu cực, cũng như soi chiếu, làm rõ khung lý thuyết trong thực tiễn mà luận án đề xuất.

Thứ hai, đây là bốn cơ quan báo chí đại diện cho 4 loại hình báo chí, có đội ngũ làm báo hùng hậu, với các trung tâm khu vực, cơ quan thường trú bao phủ diện rộng các địa phương cả nước. Hoạt động tác nghiệp diện rộng, phản ánh mọi mặt của đời sống xã hội là cơ sở để luận án nghiên cứu được nhiều trường hợp nhà báo bị cản trở, xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ trong quá trình tác nghiệp.

Ngoài ra, mẫu nghiên cứu còn bao gồm các nhà báo đến từ các cơ quan báo chí địa phương có uy tín khác: Tuổi Trẻ, Báo Nghệ An, Truyền hình Hà Nội.

Phạm vi thời gian: Để nghiên cứu thực trạng bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, tác giả chọn thời khoảng thời gian 5 năm, từ 2020 đến 2024, là giai đoạn có ý nghĩa đặc biệt về mặt chính sách và thực tiễn. Đây là thời kỳ triển khai Nghị quyết Đại hội XI Hội Nhà báo Việt Nam nhiệm kỳ 2020-2025, với nội dung nhấn mạnh việc bảo vệ quyền hành nghề hợp pháp, quyền lợi chính đáng của hội viên, đồng thời nâng cao vai trò và vị thế người làm báo trong xã hội hiện đại. Giai đoạn này cũng gắn với quá trình các cơ quan báo chí cụ thể hóa tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trong xây dựng nền báo chí chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại. Đáng chú ý, mốc thời gian này kết thúc ngay trước khi Quốc hội xem xét sửa đổi Luật Báo chí năm 2016, dự kiến đưa vào Chương trình xây dựng pháp luật năm 2025 - tạo điều kiện thuận lợi để kết quả nghiên cứu đóng góp kịp thời về mặt lý luận và thực tiễn cho tiến trình hoàn thiện chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động nghề báo.

Thời gian tiến hành khảo sát điều tra đối với nhà báo được thực hiện trong khoảng từ tháng 10/2024 đến tháng 4/2025.

4. Câu hỏi nghiên cứu

Khi tiến hành nghiên cứu, luận án tập trung trả lời ba câu hỏi nghiên cứu sau:

Thứ nhất: Cơ sở lý luận và thực tiễn về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo là gì?

Thứ hai: Quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay đang được bảo vệ như thế nào?

Thứ ba: Các giải pháp nào có thể áp dụng để tăng cường bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo trong thời gian tới?

5. Giả thuyết nghiên cứu và Khung phân tích

5.1. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết thứ nhất: Văn bản chỉ đạo của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước rất quan trọng và cần thiết để đảm bảo quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo.

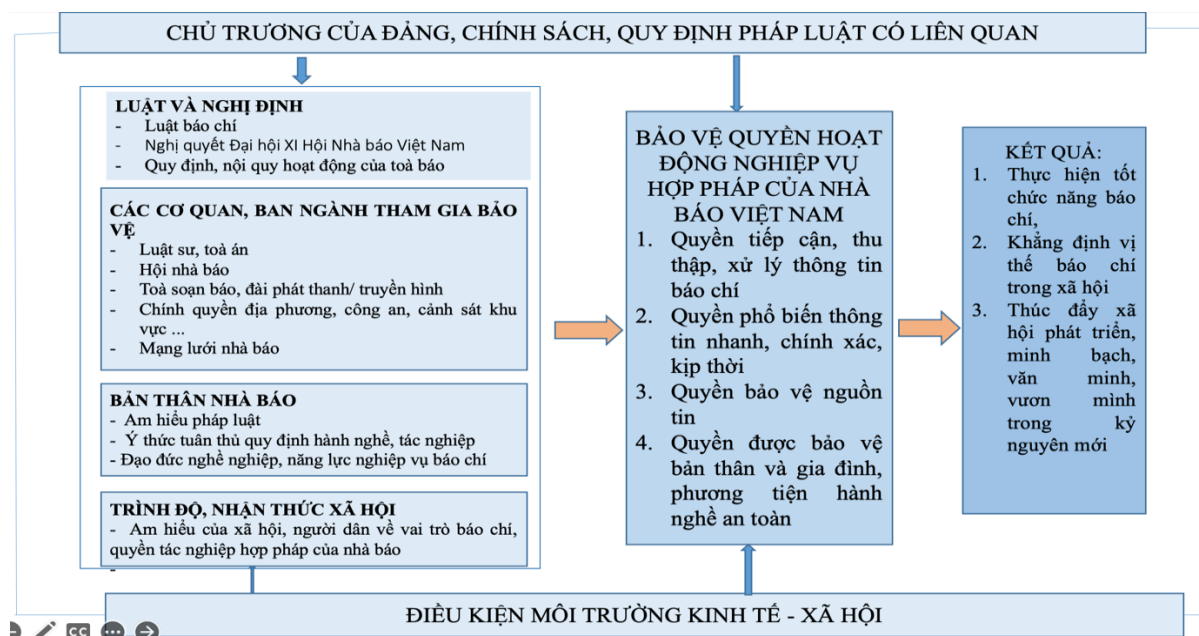
Giả thuyết thứ hai: Khung pháp lý hiện hành và quy định về xử lý hành vi cản trở hoạt động báo chí chưa đủ sức răn đe hoặc chưa được thực thi một cách nghiêm minh và nhất quán trong thực tiễn.

Giả thuyết thứ ba: Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ quyền nhà báo của một bộ phận cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan còn chưa cao, góp phần gây ra các hành vi cản trở, xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo.

Giả thuyết thứ tư: Am hiểu pháp lý và năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của nhà báo liên quan ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tự bảo vệ khi bị xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp.

5.2. Khung phân tích

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, khung phân tích của luận án về mối quan hệ các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo như sau:



Hình 1. Sơ đồ Khung phân tích của Luận án

6. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp luận

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để làm rõ nội dung các vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo.

Luận án dựa trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về báo chí - truyền thông nói chung, bảo vệ nhà báo nói riêng, được thể hiện qua các Nghị quyết của Đảng và chủ trương, văn bản pháp luật của Nhà nước có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của nhà báo cũng như quy định xử phạt đối với những hành vi cản trở, hành hung nhà báo khi tác nghiệp.

Luận án vận dụng hệ thống lý luận về báo chí truyền thông để làm rõ thực trạng của vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo. Cụ thể, luận án áp dụng: Lý thuyết cấu trúc - chức năng và Lý thuyết trách nhiệm xã hội để làm rõ lý luận và tìm hiểu thực trạng của vấn đề.

6.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành của báo chí truyền thông, xã hội học, cụ thể:

6.2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Luận án thu thập và nghiên cứu các văn kiện, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về công tác báo chí và vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo hiện nay; Luật Báo chí hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật (nghị định, thông tư hướng dẫn) có liên quan đến vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo hiện nay; các công trình nghiên cứu khoa học trong nước và ngoài nước đã công bố về đề tài này hoặc các khía cạnh có liên quan.

Mục đích của phương pháp này là tìm cơ sở cho việc xây dựng khung lý thuyết về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, đồng thời làm rõ quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo. Tác giả tìm hiểu, chất lọc kết quả nghiên cứu của một số công trình khoa học trước đó. Những kết quả này là nguồn tư liệu hữu ích cho việc đối chiếu, so sánh và làm giàu thêm các phát hiện của nghiên cứu hiện tại. Các tài liệu sau khi được phân tích có thể làm cơ sở cho việc đánh giá các kết quả khảo sát, nhận diện những khoảng trống trong quy định và thực thi, từ đó giúp tìm ra các giải pháp khoa học cho vấn đề nghiên cứu. Các tài liệu sau khi thu thập sẽ được phân nhóm, hệ thống hoá, phân tích theo phương pháp tổng hợp, so sánh.

6.2.2. Phương pháp phân tích tài liệu

Phân tích tài liệu định tính: Nghiên cứu phân tích nội dung định tính, trong đó lựa chọn 05 trường hợp điển hình về vi phạm quyền hoạt động nghề nghiệp của nhà báo trong giai đoạn nghiên cứu (1/2020 - 12/2024) nhằm tìm hiểu bối cảnh, tình huống dẫn đến vi phạm, mức độ vi phạm, nguyên nhân dẫn đến vi phạm quyền hoạt động nghề nghiệp hợp pháp (môi trường pháp lý, nhận thức của xã hội, sự tham gia bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo từ cơ quan chức năng, kiến thức, kỹ năng và đạo đức người làm báo...). Kết quả phân tích giúp hiểu rõ hơn vấn đề, đối chiếu với dữ liệu khảo sát từ nhà báo và dữ liệu từ phỏng vấn sâu làm rõ hơn vấn đề nghiên cứu, có thêm cơ sở dữ liệu vững chắc để đi đến các kết luận.

Phân tích tài liệu định lượng: Tác giả sử dụng phương pháp này nhằm làm rõ hơn thực trạng vi phạm quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo, nghiên cứu cũng

tổng hợp phân tích dữ liệu cung cấp từ phía Hội nhà báo về 47 vụ vi phạm quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo được báo cáo lên Hội nhà báo trong giai đoạn 5 năm từ 2020 đến tháng 12/2024. Kết quả phân tích sẽ bổ sung thêm những hiểu biết về thực trạng bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo bên cạnh số liệu khảo sát từ nhà báo thuộc các cơ quan báo chí. Các vấn đề được chú trọng phân tích gồm: hình thức vi phạm, mức độ vi phạm, bối cảnh vi phạm. Nghiên cứu sẽ lượng hoá một số đặc điểm của những vụ việc vi phạm, đưa ra dữ liệu thống kê nhằm bổ sung thêm hiểu biết về thực trạng vi phạm và xu hướng vi phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo trong giai đoạn từ 2020 - 2024. Một số các đặc điểm quan tâm được đưa vào phân tích tổng hợp gồm: bối cảnh vi phạm, nguyên nhân vi phạm, tính chất vụ việc vi phạm, hành vi vi phạm cụ thể.

6.2.3. Phương pháp điều tra xã hội học (điều tra chọn mẫu)

Tác giả sử dụng bảng hỏi (anket) phát cho nhóm các nhà báo của cơ quan báo chí thuộc diện khảo sát gồm 4 cơ quan đại diện bốn loại hình báo chí chính là VTV, VOV, Vietnamnet và Lao động và 03 cơ quan báo chí địa phương ở bắc, trung, nam. Tổng cộng mẫu thu về là 302 phiếu. Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn giản: Tại mỗi cơ quan báo chí, NCS sẽ xin danh sách các nhà báo đang chính thức tham gia hoạt động nghiệp vụ báo chí (bao gồm: phóng viên, biên tập viên, quay phim...). Trên cơ sở danh sách đó, nghiên cứu sẽ chọn theo phương pháp ngẫu nhiên đơn giản cho đủ số lượng mẫu tại mỗi cơ quan với sự trợ giúp của phần mềm SPSS. Toàn bộ dữ liệu thu thập được sẽ được xử lý, tổng hợp, mô tả và phân tích định lượng kết hợp các phép kiểm định thống kê nhằm làm rõ vấn đề nghiên cứu, đồng thời đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy của kết quả thông qua sự hỗ trợ của SPSS.

Mục đích khi sử dụng phương pháp này là thu nhận các phản hồi, đánh giá của các nhóm nhà báo về vấn đề bảo vệ hoạt động nghiệp vụ hợp pháp ở các cơ quan báo chí thuộc diện khảo sát.

6.2.4. Phương pháp phỏng vấn sâu

Nghiên cứu thực hiện phỏng vấn sâu (phỏng vấn cá nhân) bốn nhóm: Thứ nhất, phỏng vấn sâu nhà báo, phóng viên (12 người). Cụ thể, mỗi tờ báo trong diện khảo sát

chính là 3 người trực tiếp tác nghiệp viết bài để hỏi sâu về thực trạng của vấn đề bảo vệ hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo hiện nay hai phương diện tích cực và hạn chế, mong muốn của họ trong việc được bảo vệ tối ưu hơn khi tác nghiệp tại các điểm nhạy cảm; *Thứ hai*, phỏng vấn sâu các trưởng, phó ban chuyên môn và quản lý cấp cao của 04 tờ báo thuộc diện khảo sát (08 người). Cụ thể, cấp trưởng, phó phòng ban chuyên môn mỗi tờ báo 1 người và lãnh đạo cấp cao gồm tổng biên tập, phó tổng biên tập mỗi tờ báo 01 người để hỏi sâu về thực trạng của vấn đề bảo vệ hoạt động tác nghiệp hợp pháp của nhà báo hiện nay hai phương diện tích cực và hạn chế, hướng dẫn của họ trong việc đảm bảo an toàn khi tác nghiệp dành cho cán bộ của cơ quan báo chí như thế nào; *Thứ ba*, Phỏng vấn sâu cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý về nhà nước về báo chí gồm: Bộ Thông tin và Truyền thông, Vụ Báo chí Xuất bản, Cục Quản lý Phát thanh - Truyền hình, Hội Nhà báo Việt Nam (04 người) về hướng dẫn, phối hợp xử lý các vụ việc liên quan đến vi phạm hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo; *Thứ tư*, phỏng vấn 01 nhà nghiên cứu báo chí, 01 luật sư đã có kinh nghiệm nghiên cứu lý luận và thực tiễn về lĩnh vực này. Dữ liệu phỏng vấn sâu sau khi thu thập sẽ được tổng hợp, phân tích định tính nội dung với sự hỗ trợ của phần mềm Nivo.

Mục đích thu thập thông tin từ phỏng vấn sâu góp phần bổ sung và giải thích rõ hơn cho phần thông tin định lượng, đồng thời làm rõ hơn về bối cảnh, hoàn cảnh diễn ra các sự kiện hay vai trò của các bên tham gia bảo vệ đề bảo vệ hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo.

6.2.5. Phương pháp thảo luận nhóm

Phương pháp này dùng để thu thập thông tin định tính nhằm hiểu sâu về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo trong bối cảnh Việt Nam hiện nay. Thảo luận nhóm được tổ chức với sự tham gia của 02 nhà báo, 01 luật sư và 01 nhà nghiên cứu về luật báo chí và đạo đức nhà báo. Qua sự tương tác của các đối tượng, tác giả có thể khám phá chiều sâu nhận thức, khai thác các quan điểm, góc nhìn khác nhau về các khía cạnh quan trọng của vấn đề nghiên cứu. Đồng thời, kết quả thảo luận nhóm góp phần làm sáng tỏ những giải pháp cần thiết để nâng cao việc bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam trong thời gian tới.

7. Đóng góp mới của luận án

Đây là một trong những công trình khoa học đầu tiên ở cấp độ tiến sĩ nghiên cứu về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo. Luận án có những đóng góp cụ thể như sau:

Thứ nhất, luận án hệ thống hóa và phát triển tương đối toàn diện những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo Việt Nam. (1) Xây dựng khái niệm bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, cũng như một số khái niệm khác có liên quan như: vấn đề, nhà báo... (2) Xác định vai trò, nội dung của vấn đề nghiên cứu cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo. (3) Trình bày một cách có hệ thống cơ sở chính trị và cơ sở pháp lý về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, nêu rõ những luận điểm về sự hoàn thiện về mặt chính sách và pháp lý của Đảng và Nhà nước nhằm tăng cường sự bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Thứ hai, luận án phân tích thực trạng bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam, đồng thời phân tích mối quan hệ hữu cơ giữa những quy định của Luật Báo chí, cơ chế, chính sách để điều hành hoạt động báo chí với mức độ an toàn của môi trường hoạt động nghiệp vụ báo chí; Mối quan hệ giữa nhà báo đang hoạt động nghiệp vụ tại hiện trường với tòa báo, cơ quan quản lý và hệ thống luật pháp và với xã hội. Từ đó, luận án đánh giá khách quan thực trạng của công tác bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo Việt Nam hiện nay.

Thứ ba, luận án là một trong những công trình khoa học đầu tiên tìm hiểu, phân tích một cách toàn diện, khoa học các khía cạnh khác nhau của vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo Việt Nam hiện nay. Tác giả luận án đánh giá các mặt tích cực, những thành tựu đã đạt được và các mặt hạn chế trong công tác bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo Việt Nam, từ đó đưa ra những giải pháp, khuyến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường sự quản lý hoạt động báo chí một cách khoa học, tạo điều kiện cho nhà báo hoạt động nghiệp vụ một cách hợp pháp, an toàn, hiệu quả. Đó chính là điều kiện cần thiết để nhà báo có

thể hoàn thành nhiệm vụ và sáng tạo nên những tác phẩm báo chí có chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu của công chúng và thúc đẩy xã hội phát triển lành mạnh.

8. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

8.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp thêm một góc nhìn mới, đồng thời mở rộng sự hiểu biết về cơ sở lý luận và thực tiễn chuyên sâu về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay. Luận án có thể là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách, xây dựng, bổ sung luật; lãnh đạo quản lý báo chí, các phóng viên; nghiên cứu viên, giảng viên, học viên tại các cơ sở đào tạo báo chí. Kết quả luận án góp phần mở ra những hướng nghiên cứu mới về nhà báo dựa trên những nhìn nhận vai trò, đóng góp, khó khăn thuận lợi trong quá trình tác nghiệp trong yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện hành lang pháp lý, thực thi chính sách pháp luật của Nhà nước đối với vấn đề bảo vệ nhà báo và phát triển toàn diện hoạt động báo chí trong nước.

8.2. Giá trị thực tiễn

Những kết quả nghiên cứu của luận án là tài liệu tham khảo cho các nhà báo, cơ quan báo chí, các nhà quản lý báo chí giúp củng cố nhận thức về quyền và nghĩa vụ nghề nghiệp, bổ sung các phương thức bảo vệ trong hoạt động tác nghiệp, xây dựng văn hóa bảo vệ nhà báo. Kết quả nghiên cứu của luận án cũng giúp cho các nhà làm luật có thể nghiên cứu, bổ sung thêm nội dung luật pháp nói chung và Luật báo chí nói riêng ngày càng phù hợp với thực tiễn, tạo ra hành lang pháp lý rõ ràng cho nhà báo tiếp cận thông tin một cách công khai, minh bạch, an toàn, kịp thời. Bên cạnh đó, luận án cũng có thể giúp cho các cơ quan công quyền, các cá nhân đang ở vị trí đứng đầu những đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp hiểu rõ trách nhiệm và nghĩa vụ phải cung cấp thông tin cho báo chí và phải tôn trọng hoạt động nghiệp vụ của nhà báo, đó là con đường gần nhất để tạo nên sự đồng thuận xã hội. Những điều được rút ra từ luận án là tư liệu tham khảo cho các bạn sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành báo chí về vấn đề quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo và bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo Việt Nam hiện nay. Luận án cũng góp phần giải thích, tuyên truyền cho mọi tầng lớp trong xã hội hiện nay về trách nhiệm

công dân phải sống theo hiến pháp và pháp luật. Nếu cá nhân hoặc tổ chức nào xâm phạm đến quyền tự do ngôn luận, quyền tiếp cận thông tin của báo chí và công chúng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục tài liệu tham khảo, luận án chia làm 4 chương, cụ thể:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo.

Chương 2: Cơ sở lý luận và thực tiễn về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo.

Chương 3: Thực trạng vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo Việt Nam hiện nay.

Chương 4: Những vấn đề đặt ra và giải pháp tăng cường bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam trong thời gian tới.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

1.1.1. *Những công trình nghiên cứu về khái niệm, khung pháp lý bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo*

1.1.1.1. *Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài*

Quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo là một nội dung gắn liền với tiến trình phát triển của các khung pháp lý quốc tế và quốc gia về tự do ngôn luận, tự do báo chí. Các công trình nghiên cứu quốc tế về chủ đề này có thể được phân kỳ theo ba giai đoạn chính:

Giai đoạn 1: Từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX là giai đoạn nhận thức sơ khai về quyền tự do báo chí - nền tảng cơ bản của quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo. Giai đoạn này đánh dấu sự hình thành tư tưởng sơ khai về quyền tự do báo chí - nền tảng pháp lý ban đầu cho hoạt động nghiệp vụ báo chí. Hiến pháp Hoa Kỳ (Tu chính án I, 1789) và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền Pháp (1798) là hai văn kiện sớm ghi nhận tự do báo chí như một quyền cơ bản của con người. Dù chưa có các nghiên cứu học thuật chuyên sâu về bảo vệ nhà báo, nhiều tác phẩm triết học và chính trị tiêu biểu đã đặt nền móng tư tưởng, tiêu biểu là *Areopagitica* của John Milton (1644), với quan điểm mạnh mẽ về tự do tư tưởng và tự do phát biểu. Nhiều tư tưởng của ông vẫn còn nguyên giá trị đối với hoạt động thông tin của báo chí và quyền tự do báo chí, chẳng hạn: *“điều mong muốn nhất bây giờ là người cầm quyền phải được đồng nhất với nhân dân rằng quyền lợi và ý chí của họ phải là quyền lợi và ý chí của quốc gia”*. Hoặc *“Nếu một người nắm công quyền, hay thậm chí một thường dân, nhận thấy có bất cứ chứng cứ nào của việc chuẩn bị phạm tội, thì họ không bắt buộc phải thụ động ngồi nhìn chờ cho tội ác được hoàn tất, mà có thể can thiệp ngăn chặn nó”* [82, tr 37]. John Stuart Mill (1859) với công trình *Bàn về tự do* (On Liberty) tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm của tự do ngôn luận trong tiến bộ xã hội. Quan điểm của Mill, dù mang tính triết học, đã gián tiếp ủng hộ việc không thể cấm đoán quyền đưa tin, bình luận của báo chí; qua đó hình thành một cơ sở lý

luận cho việc bảo vệ người viết báo (khi đó phần lớn giới nghiên cứu và chính trị sử dụng khái niệm “*người phát biểu*” hay “*người viết*” [72]).

Giai đoạn 2: Bắt đầu từ sau thế chiến thứ II đến năm 1970, là giai đoạn xây dựng nền tảng pháp lý quốc tế và luận bàn học thuật. Các văn kiện quan trọng như Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (1948), Công ước ICCPR (1966) và Công ước Châu Âu về nhân quyền (1950)... đặt nền tảng pháp lý cho tự do báo chí. UNESCO bắt đầu quan tâm đến bảo vệ nhà báo trong bối cảnh xung đột, điển hình là các thảo luận trong khuôn khổ Trật tự thông tin và truyền thông thế giới mới (New World Information and Communication Order - viết tắt là NWICO) đã khơi dậy nhận thức toàn cầu về việc tạo lập môi trường pháp lý để truyền thông (trong đó có nhà báo) được hoạt động an toàn, độc lập. Về học thuật, công trình *Four Theories of the Press* (Siebert, Peterson & Schramm, 1956) giới thiệu mô hình báo chí Trách nhiệm xã hội, khẳng định rằng tự do báo chí phải gắn với nghĩa vụ phục vụ công chúng và chấp nhận cơ chế điều tiết mang tính chuyên môn hoặc công luận. Dù không đề cập trực diện đến vấn đề bảo vệ nhà báo song lý thuyết này đặt nền tảng cho các nghiên cứu sau này về quyền tác nghiệp gắn với trách nhiệm nghề nghiệp [93, tr 39-72].

- *Giai đoạn 3:* Từ cuối thế kỷ 20 và đầu thế kỷ 21, là giai đoạn vấn đề bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo bắt đầu được quan tâm ở phạm vi toàn cầu. Khung pháp lý quốc tế cũng như quốc gia đã có những nội dung riêng biệt bảo vệ quyền hoạt động đúng pháp luật của nhà báo. Nhiều công trình khoa học và hoạt động nghiên cứu bám sát quá trình xây dựng khung pháp lý quốc tế cũng như quốc gia, nhìn nhận vấn đề bảo vệ nhà báo trong mối quan hệ tổng thể giữa đạo đức, quyền, trách nhiệm của nhà báo.

Về khía cạnh đạo đức, các nhà nghiên cứu thống nhất quyền tác nghiệp của nhà báo không thể tách rời trách nhiệm đưa tin trung thực, khách quan và công bằng, cũng như việc tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Theo đó, muốn bảo vệ quyền hoạt động quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo, trước hết nhà báo đó phải đảm bảo về trách nhiệm xã hội của mình cũng như tuân thủ những quy phạm đạo đức của nghề. Các công trình như *Đạo đức báo chí: Trách nhiệm đạo đức trong truyền thông* (Journalistic Ethics: Moral Responsibility in the Media) của tác giả Dale Jacquette

(2007) [61] và công trình *Luật và đạo đức cho nhà báo ngày nay* (Law and Ethics for Today's) của Joe Mathewson (2014) [80] đều nhấn mạnh rằng quyền tác nghiệp chỉ có thể được đảm bảo khi nhà báo tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và thực hiện trách nhiệm xã hội một cách đầy đủ.

Về khía cạnh pháp lý, các công trình nhấn mạnh sự am hiểu về luật pháp của nhà báo như là một trong yếu tố cần thiết trong quá trình hành nghề, đảm bảo hoạt động nghiệp vụ của nhà báo an toàn. Công trình *Hướng dẫn về Luật Truyền thông dành cho Nhà báo: Một cuốn sổ tay cho các nhà truyền thông trong một thế giới số* (The Journalist's Guide to Media Law: A handbook for communicators in a digital world) của tác giả Mark Pearson (2019) cho thấy tính chất pháp lý hiện diện trong mọi khâu tác nghiệp - từ ghi âm, viết bài, chỉnh sửa đến xuất bản - qua đó khẳng định rằng hiểu biết pháp luật là năng lực không thể thiếu của nhà báo hiện đại... [79].

Khía cạnh thực tiễn, nhiều nghiên cứu đã xem xét vai trò của nhà báo như một chủ thể bảo vệ quyền con người, từ đó đặt vấn đề bảo vệ nhà báo trong hệ quy chiếu nhân quyền. Bài viết *Báo chí và Tự do báo chí như quyền con người* (Journalism and Press Freedom as Human Rights) của tác giả Rowan Cruft (2020) tiếp cận khái niệm bảo vệ quyền tự do báo chí như một quyền con người, dựa trên cách tiếp cận “tự nhiên”. Tác giả cho rằng, quyền tác nghiệp là phần mở rộng của quyền công dân trong xã hội dân chủ [89]. Ở một góc độ bao quát hơn, công trình *Nhà báo toàn cầu trong thế kỷ 21* (The Global Journalist in the 21st Century) của David H. Weaver & Lars Willnat (2012) cùng nhiều tác giả khác đã khảo sát môi trường tác nghiệp của nhà báo thông qua đặc điểm nghề nghiệp, điều kiện làm việc và giá trị nghề nghiệp, từ đó, đưa ra những nhận định về ảnh hưởng của bối cảnh văn hóa - chính trị tới sự an toàn, độc lập của báo chí. Nghiên cứu cho thấy ở những nơi thiếu sự bảo vệ (luật pháp, tổ chức công đoàn), nhà báo dễ bị kiểm duyệt hoặc đe dọa hơn [105].

Bên cạnh đó, các nghiên cứu thời kỳ này đi sâu vào phân tích khung pháp lý của quốc gia và quốc tế trong việc bảo vệ quyền của nhà báo cũng như an toàn cho nhà báo.

Về khung pháp lý quốc tế bảo vệ nhà báo, công trình *Bảo vệ hợp pháp nhà báo và truyền thông tại các khu vực có xung đột* (The Legal Protection of Journalists

and Media in Conflict Zones) của Al-Moslamani (2017) phân tích các khung pháp lý hiện hành về bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo trong vùng xung đột dựa trên ba nền tảng chính: Luật Nhân đạo Quốc tế (IHL), Luật Nhân quyền Quốc tế (IHRL), hệ thống luật mềm (Soft Law). Tác giả đã chỉ ra những tồn tại trong hệ thống pháp lý hiện hành. Trước tiên, sự bảo vệ hiện tại chưa đáp ứng yêu cầu trong các cuộc xung đột phi quốc tế, vốn ngày càng phổ biến, khi các chuẩn mực chủ yếu được thiết kế cho xung đột quốc tế. Tiếp theo, các cơ chế bảo vệ mang tính khuyến nghị nhiều hơn là cưỡng chế, thiếu khả năng áp đặt trách nhiệm pháp lý đối với những hành vi vi phạm. Cuối cùng, sự phát triển nhanh chóng của môi trường truyền thông số, cùng sự xuất hiện của các nhà báo công dân, đã vượt xa phạm vi dự liệu của các văn kiện như Công ước Geneva và các Nghị định thư bổ sung, dẫn đến khoảng trống trong xác định đối tượng được bảo vệ và cơ chế áp dụng các tiêu chuẩn pháp lý truyền thống [53].

Về khung pháp lý quốc gia, các công trình học thuật đã hình thành một nền tảng lý luận vững chắc nhằm khẳng định tầm quan trọng của việc thiết lập khung pháp lý phù hợp để bảo vệ nhà báo ở mỗi quốc gia, đồng thời cũng phân tích, chỉ ra những khoảng trống pháp lý cần tiếp tục được nghiên cứu và khắc phục. Chẳng hạn, nghiên cứu tại Zimbabwe, *Một phân tích về Luật bảo vệ hoạt động tác nghiệp của nhà báo và luật sư dưới Đạo luật thông tin Truyền thông tại Zimbabwe* (An analysed the Law on the Protection of Professional Activity of Journalists and Lawyers Under Zimbabwe's Interception of Communications Act) của nhóm tác giả Brian Hungwe, Allen Munoriyarwa (2024) xem xét mức độ mà Đạo luật thông tin Truyền thông ICA bảo vệ các đặc quyền của nhà báo. Thông qua phân tích văn bản định tính của luật, bài báo xác định những hàm ý về mặt hiến pháp của các điều khoản chính trong Đạo luật, từ đó làm rõ những quy định đó có phản ánh các chuẩn mực hiến pháp trong bảo vệ các đặc quyền pháp lý trao cho nghề báo hay không [58]. Nghiên cứu này cũng là một gợi ý để tác giả học hỏi, từ đó đối chiếu, so sánh, phân tích mức độ bảo vệ nhà báo tại Việt Nam về mặt pháp lý, đi sâu đánh giá thực trạng bảo vệ hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam. Tại Indonesia, công trình *Bảo vệ pháp lý quyền của nhà báo dựa trên Luật số 40 năm 1999 về Tự do báo chí* (Legal Protection

of Journalists' Rights Based on Law No. 40 of 1999 on Freedom of the Press) của Albertus Makur và cộng sự là một nghiên cứu pháp lý chuyên sâu về cơ chế bảo vệ quyền nghề nghiệp của nhà báo tại Indonesia. Luật 40/1999 của Indonesia đóng vai trò tương tự như một “*Luật Báo chí căn bản*”, trong đó các quyền cơ bản của nhà báo được hiến định hóa, gồm: Quyền được bảo vệ khỏi can thiệp (Điều 4.2); Quyền bảo mật nguồn tin (Điều 8); Quyền tiếp cận thông tin từ các cơ quan công (Điều 3). Các nhà nghiên cứu đánh giá Luật có tính chất tiến bộ, nhưng chỉ ra rằng thực thi yếu kém và thiếu cơ chế cưỡng chế pháp lý là nguyên nhân khiến quyền nhà báo thường xuyên bị vi phạm [51]. Đây là tài liệu giúp NCS trong việc so sánh, đối chiếu và đưa ra khuyến nghị hoàn thiện pháp luật. Điều quan trọng là không chỉ có luật, mà còn phải đảm bảo cơ chế cưỡng chế thực thi hiệu quả để bảo vệ quyền tác nghiệp một cách thực chất.

Tình hình nghiên cứu quốc tế cho thấy, quyền tác nghiệp của nhà báo đã chuyển từ nhận thức nền tảng (tự do báo chí) sang các cơ chế bảo vệ cụ thể về mặt pháp lý, đạo đức và thể chế. Tuy nhiên, khoảng cách giữa quy phạm và thực tiễn vẫn còn đáng kể, đặc biệt trong các quốc gia đang phát triển hoặc khu vực xung đột. Các công trình học thuật quốc tế cung cấp cơ sở lý luận, kinh nghiệm pháp lý và mô hình so sánh cần thiết để làm nền tảng cho việc xây dựng lý luận và hoàn thiện giải pháp về chính sách pháp luật bảo vệ nhà báo tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

1.1.1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước

Nghiên cứu lý luận của vấn đề bảo vệ quyền của nhà báo và khung pháp lý ở Việt Nam cũng gắn liền với bối cảnh chính trị - xã hội và quá trình đổi mới hệ thống pháp luật về báo chí, trong đó khởi điểm đầu tiên là sự ra đời của Luật báo chí.

Từ năm 1957 đến năm 1989: Luật Báo chí 1957 là bước ngoặt quan trọng đầu tiên quy định chính thức về quyền và nghĩa vụ của cơ quan báo chí, nhà báo. Mục 4, Điều 15 trong Luật xác định những nội dung bảo vệ hoạt động nghề nghiệp của nhà báo, mở đường cho các luận bàn chi tiết hơn về “*quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp*” của nhà báo. Luật Báo chí 1989 bổ sung một số điều nhưng vẫn giữ nguyên các nội dung ở Điều 15, so với luật cũ. Các nghiên cứu thời kỳ này tập trung nhiều

vào trách nhiệm xã hội của nhà báo, chưa phân tích các khía cạnh khác (như bảo đảm an toàn trên thực địa, xử lý hành vi cản trở, đe dọa...) như hiện nay.

Từ năm 1990 đến năm 2016 (trước thời điểm Luật Báo chí 2016 ban hành và có hiệu lực): Báo chí Việt Nam phát triển nhanh về loại hình và phạm vi hoạt động, song cũng bộc lộ nhiều vấn đề về đạo đức nghề nghiệp và nguy cơ bị cản trở tác nghiệp, nhất là khi phản ánh các vấn đề nhạy cảm như tiêu cực, tham nhũng. Một số tác phẩm đáng chú ý thời kỳ này bao gồm: *Cơ sở lý luận báo chí* của PCS, TS. Tạ Ngọc Tấn (2005) dành chương V Luật pháp và báo chí phân tích các hiến định về quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí trên thế giới cùng các đạo luật liên quan đến báo chí để khẳng định hoạt động báo chí luôn luôn gắn liền với những quy định của pháp luật [36, tr 129-134]. Công trình *Nghề báo nghề nguy hiểm* của tác giả Trần Tiến Duẩn (2006) hệ thống các chế tài pháp luật bảo vệ nhà báo, đề cập chi tiết đến các hình thức xử lý hành vi cản trở [6, tr 176-193]. Công trình *Cơ sở lý luận báo chí - truyền thông* của PGS, TS. Dương Xuân Sơn, PGS, TS. Đinh Văn Hường và GV Trần Quang (2011) dành dung lượng 2 chương trao đổi về mối quan hệ giữa báo chí và luật pháp, làm rõ những nội dung cơ bản của khi nhà báo hoạt động tác nghiệp. Tuy không đưa ra hệ thống lý luận cụ thể về quyền và bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo (khái niệm, vai trò...), nhưng các tác giả đều nhấn mạnh nhà báo phải nắm chắc nội dung và dựa vào các văn bản pháp luật [34, tr 164]. Đồng quan điểm với hai tác giả trên, PGS, TS. Nguyễn Văn Dũng trong công trình *Cơ sở lý luận báo chí* (2012) khi tiếp cận ở góc độ tự do hoạt động báo chí và thực hiện quyền tự do ngôn luận trên báo chí, cũng cho rằng để đảm bảo được quyền tự do tác nghiệp, nhà báo phải thông hiểu pháp luật và môi trường pháp lý. Thông hiểu môi trường pháp lý, tức là nắm vững hệ thống văn bản quy phạm pháp luật... Theo cách hiểu này, bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo phải gắn liền với năng lực tự bảo vệ thông qua trang bị kiến thức vững chắc về pháp luật [4, tr 265].

Song song với đó, một số dự án nghiên cứu của các tổ chức như RED Communication, UNESCO, Konrad-Adenauer-Stiftung... đã cung cấp cơ sở dữ liệu và khái niệm thực tiễn đáng chú ý về thực trạng vi phạm tác nghiệp của nhà báo. Các

dự án này đã công bố báo cáo khảo sát có tính hàn lâm và được nhiều nghiên cứu trích dẫn kết quả, trong đó ít nhiều đề cập đến một số khái niệm liên quan và phân tích khung pháp lý bảo vệ hoạt động tác nghiệp của nhà báo ở Việt Nam. Báo cáo RED (2011) lần đầu định nghĩa “*cản trở tác nghiệp*” thông qua phân tích Điều 6, Nghị định 02/2011/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí - xuất bản. Báo cáo cũng chỉ ra hạn chế của định nghĩa này là thu hẹp phạm vi bảo vệ ở đối tượng là nhà báo (những người được cấp thẻ) chứ không bao hàm cả những người không có thẻ nhưng vẫn hoạt động thường xuyên như sự nghiệp chính [44, tr 11-13]. Sổ tay RED (2016) cung cấp hướng dẫn về xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi cản trở nhà báo tác nghiệp. Tài liệu tập trung phân tích khung pháp lý quốc gia, cụ thể là Hiến pháp và Luật Báo chí của Việt Nam, để làm căn cứ cho việc bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo [46, tr 11-20]. Đây là những đóng góp ban đầu để xây dựng phương pháp tiếp cận công cụ pháp lý, khảo sát môi trường hoạt động nghiệp vụ của nhà báo.

Giai đoạn Luật Báo chí 2016 có hiệu lực đến nay: Là bước phát triển quan trọng về mặt pháp lý, bổ sung tương đối rõ nội dung về quyền và trách nhiệm của nhà báo, cơ quan báo chí, quy định cụ thể hơn về bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ. Các điều khoản về quyền hạn, nghĩa vụ, chế tài xử phạt người vi phạm đã tiến gần hơn đến khái niệm “*bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo*” trong thực tế. Thời điểm này xuất hiện nhiều kỷ yếu tập hợp các tham luận có tính chất tổng kết về thực hiện “*quyền hoạt động nghiệp vụ*” trước những thách thức của chuyển đổi số, mạng xã hội, và đa nền tảng, cũng như tổng kết những bất cập trong thực tiễn sau khi Luật Báo chí 2016 đi vào thực tiễn. Một số công trình có nội dung hàn lâm, phân tích khung pháp lý bảo vệ nhà báo tiêu biểu:

Kỷ yếu hội thảo *Bảo vệ quyền hành nghề hợp pháp của nhà báo* do Tạp chí Người làm báo - Hội nhà báo Việt Nam và Hội Nhà báo Quảng Ngãi (2017) phối hợp tổ chức tập hợp hơn 30 tham luận, trong đó nhiều tham luận phân tích tính đầy đủ của các quy định về bảo vệ nhà báo, vai trò của Hội nhà báo, các giải pháp có tính khả

thi... Hội thảo góp phần hình thành nhận thức khoa học về quyền tác nghiệp và trách nhiệm nhà nước, cơ quan, tổ chức trong hỗ trợ, bảo vệ nhà báo [37].

Báo cáo đánh giá An toàn tác nghiệp do RED đã phối hợp với UNESCO (2019) dựa trên bộ chỉ số Đánh giá an toàn nhà báo của UNESCO. Báo cáo thu thập dữ liệu (phỏng vấn trực tiếp chuyên gia báo chí về những chỉ số phù hợp của các chỉ số an toàn của nhà báo UNESCO có thể ứng dụng được trong bối cảnh của VN. Báo cáo do RED thực hiện đã chỉ ra rằng: Rất nhiều các chỉ số trong Bộ chỉ số của UNESCO không phù hợp và không áp dụng được ở Việt Nam; Việc xây dựng bộ chỉ số an toàn nhà báo như một công cụ đánh giá mức độ an toàn tác nghiệp tại Việt Nam là cần thiết; Các bên liên quan và người dân đều nhận thức được việc bảo vệ nhà báo là bảo vệ quyền tự do ngôn luận của người dân; An toàn số và an toàn tâm lý là nguy cơ mới mà báo chí Việt Nam đang phải đối mặt. Báo cáo này là giúp tác giả tiếp cận đến những tiêu chuẩn quốc tế về an toàn nhà báo, chống tình trạng miễn trừ trừng phạt. Việc tham chiếu chuẩn mực quốc tế có thể giúp hoàn thiện khung pháp lý và xây dựng được bộ công cụ đánh giá mức độ an toàn tác nghiệp của nhà báo.

Các kỹ yếu *Hội nghị Tổng kết 6 năm thực hiện Luật Báo chí 2016 gắn với 10 điều Quy định về đạo đức nghề nghiệp, Quy tắc sử dụng mạng xã hội của người làm báo Việt Nam*) do Hội Nhà báo Việt Nam (2023) tổ chức tại Hoà Bình, Nghệ An và Tiền Giang có nhiều tham luận phân tích kỹ càng về một số bất cập của Luật: Quy định về vai trò, trách nhiệm của Hội Nhà báo Việt Nam; Quy định về nhiệm vụ, trách nhiệm của cơ quan chủ quản báo chí; Quy định về tác nghiệp báo chí của những người hoạt động báo chí mà chưa được cấp thẻ nhà báo... và sự thiếu sót về các điều khoản quy định về hoạt động báo chí trên môi trường số. Những nội dung tổng kết trên là cơ sở để xây dựng lý luận ban đầu về đảm bảo an toàn cho nhà báo ở môi trường thực địa nói chung và trên không gian mạng nói riêng, từ đó có phân tích sâu về tính pháp lý và thực tiễn bảo vệ nhà báo, đặc biệt trong môi trường số, khi xuất hiện các hình thức quấy rối trực tuyến, xâm phạm dữ liệu cá nhân.

Về mặt học thuật, công trình *Luật pháp và đạo đức báo chí* (2020) của PGS,TS. Nguyễn Thị Trường Giang tập trung vào trình bày chi tiết các quy định của

Luật Báo chí Việt Nam về quyền tự do báo chí, quyền hạn và trách nhiệm của nhà báo, cơ quan báo chí, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí. Từ khung pháp lý trên, tác giả phân tích vai trò của luật pháp trong việc bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo, đề cao vai trò tư duy pháp lý đối với nhà báo trong việc nắm được quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của mình, phân biệt được vùng đúng sai, vùng không rõ ràng trong quá trình thu thập và xử lý thông tin. Công trình đề cập đến những nguyên tắc quốc tế về đạo đức nghề báo có liên quan đến quyền tác nghiệp của nhà báo, như tôn trọng sự thật, tính công bằng, khách quan, bảo vệ nguồn tin...

Tóm lại, các công trình trong nước đã bước đầu hình thành hệ thống lý luận đa chiều về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo. Ưu điểm nổi bật là phản ánh từ nhiều góc độ - luật học, đạo đức, thực tiễn - đồng thời tiếp cận từ cả chủ thể (nhà báo) lẫn môi trường (pháp luật, xã hội). Tuy nhiên, vẫn còn thiếu một hệ khái niệm chuyên biệt và một khung phân tích nhất quán để nhận diện đầy đủ, toàn diện và hệ thống hóa các yếu tố bảo vệ quyền tác nghiệp trong bối cảnh truyền thông số và báo chí đa nền tảng hiện nay.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về thực trạng vi phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp và mức độ được bảo vệ của nhà báo

1.1.2.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Trong bối cảnh toàn cầu chứng kiến nhiều vi phạm cản trở hoạt động tác nghiệp hợp pháp của nhà báo - từ đe dọa, bạo lực đến quấy rối trực tuyến - một loạt công trình nghiên cứu chuyên sâu đã được thực hiện nhằm cung cấp cả khung lý luận và dẫn chứng thực nghiệm về vấn đề này. Ngoài phản ánh sâu sắc thực trạng bạo lực, miễn trừ trừng phạt (impunity), những mối nguy hại đối với nhà báo, các công trình còn chỉ ra mối quan hệ giữa an toàn nghề nghiệp và vai trò “giám sát quyền lực” của báo chí, và khẳng định mức độ can thiệp của cơ quan chức năng là yếu tố quyết định trong việc bảo vệ người làm báo.

Về tình trạng bạo lực và trách nhiệm bảo vệ, công trình *Chiến tranh ngôn từ: Ai nên bảo vệ các nhà báo?* (War on words: Who should protect journalists) của Lisosky và Henrichsen (2011) cung cấp một cái nhìn toàn diện về tình hình vi phạm

quyền tác nghiệp của nhà báo, nhấn mạnh rằng bạo lực có chủ đích nhằm vào nhà báo đang trở thành công cụ kiểm soát thông tin tại nhiều quốc gia. Các cuộc tấn công không chỉ đến từ các tổ chức phi nhà nước như nhóm vũ trang hay tội phạm có tổ chức mà còn có thể xuất phát từ chính quyền và cơ quan công lực. Tác giả đặc biệt lưu ý rằng 87% nhà báo bị sát hại là phóng viên địa phương, thường bị cô lập và thiếu hỗ trợ từ cộng đồng quốc tế. Điều này cho thấy sự phân tầng trong khả năng được bảo vệ giữa nhà báo trong nước và nhà báo quốc tế. Ngoài ra, nghiên cứu còn chỉ ra rằng tình trạng thiếu điều tra và truy tố hiệu quả khiến thủ phạm không bị xử lý, làm tăng nguy cơ tái phạm và gieo rắc tâm lý sợ hãi, tự kiểm duyệt trong cộng đồng báo chí [77].

Bàn về vai trò bảo vệ của pháp lý quốc tế, trong bài *Bảo vệ quyền sống của các nhà báo: Sự cần thiết phải có mức độ tham gia cao hơn* (Protecting the Right to Life of Journalists: The Need for a Higher Level of Engagement) của Christof Heyns và Sharath Srinivasan (2013) tập trung vào quyền sống của nhà báo dưới góc độ luật nhân quyền quốc tế. Các tác giả khẳng định rằng sự gia tăng các vụ sát hại nhà báo tại các điểm nóng như Iraq, Philippines và Mexico là hậu quả trực tiếp của việc thiếu truy tố hình sự và thiếu quyết tâm chính trị. Với 88% các vụ giết nhà báo không được đưa ra xét xử, nghiên cứu này chỉ rõ rằng hệ thống pháp lý hiện hành tại nhiều quốc gia không đủ năng lực hoặc không đủ độc lập để bảo vệ nhà báo. Đây là nguyên nhân cốt lõi dẫn đến việc nhà báo trở thành mục tiêu dễ tổn thương, và cần có sự tham gia mạnh mẽ hơn từ cộng đồng quốc tế nhằm thúc đẩy trách nhiệm bảo vệ mang tính cưỡng chế [67, tr 304-332].

Bàn về tình trạng “*tự kiểm duyệt*”, một hệ quả của tình trạng nhà báo bị vi phạm quyền hoạt động nghiệp vụ, nghiên cứu *An toàn của nhà báo và sự tự kiểm duyệt* (Journalist Safety and Self-Censorship), nhóm tác giả Larsen, A. G., Fadnes, I., & Krøvel, R. (Eds.) (2020) mở rộng phạm vi nghiên cứu sang hệ quả tâm lý và nghề nghiệp của bạo lực đối với nhà báo - cụ thể là hiện tượng tự kiểm duyệt. Trong môi trường thiếu bảo vệ, nhà báo có xu hướng tránh né các chủ đề nhạy cảm, dẫn đến sự suy yếu vai trò phản biện, giám sát và đưa tin khách quan của báo chí. Tự kiểm

duyet, tuy không phải là hành vi vi phạm pháp luật trực tiếp, nhưng lại là hệ quả nguy hiểm và khó nhận diện của bạo lực chính trị và pháp lý. Đồng thời, nghiên cứu cũng khẳng định rằng một số cơ quan chức năng không những không bảo vệ nhà báo mà còn là tác nhân của các hành vi đàn áp, thông qua bắt giữ, truy tố, hoặc đe dọa đối với những nhà báo điều tra tham nhũng, quyền lực hay lạm quyền [74].

Về tình trạng bạo lực trực tuyến đối với nhà báo, các công trình gần đây như *Bảo vệ an toàn trực tuyến cho nhà báo* (Keeping journalists safe online: a guide for newsrooms in West Africa & beyond) (2022) và *Xu hướng toàn cầu về bạo lực trực tuyến đối với các nhà báo nữ* (The Chilling: Global Trends in Online Violence Against Women Journalists) (2021) đã đưa ra cảnh báo rõ ràng về bạo lực mạng và tấn công giới tính nhằm vào nhà báo, đặc biệt là nữ giới. Các hình thức quấy rối bao gồm: tung thông tin cá nhân, đe dọa cưỡng hiếp, chửi rủa phân biệt giới, và nhắm vào gia đình của nhà báo. Hậu quả của bạo lực mạng là không chỉ ảnh hưởng tới sức khỏe tinh thần mà còn buộc nhiều nhà báo phải rút lui khỏi mạng xã hội hoặc ngừng tác nghiệp. Trong khi đó, cơ quan chức năng và các nền tảng số lại chưa có phản ứng đủ mạnh, kịp thời và minh bạch, dẫn tới sự mất lòng tin sâu sắc từ phía người làm báo [86], [90].

Các công trình nêu trên cho thấy một bức tranh nhất quán: nhà báo đang phải hoạt động trong môi trường ngày càng nguy hiểm, từ bạo lực vật lý đến tấn công pháp lý, tâm lý và công nghệ, trong khi cơ chế bảo vệ vẫn còn rời rạc, yếu kém và thiếu tính cưỡng chế. Việc nâng cao nhận thức về tính hệ thống của các mối đe dọa, xây dựng khung pháp lý chuyên biệt và thúc đẩy trách nhiệm liên ngành - từ nhà nước, xã hội dân sự đến quốc tế - là giải pháp cấp thiết để bảo vệ nghề nghiệp báo chí và duy trì không gian thông tin tự do trong xã hội dân chủ. Những công trình nghiên cứu về thực trạng vi phạm quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo và mức độ bảo vệ của các cơ quan chức năng tương đối đầy đủ ở những công trình của nước ngoài. Đây là nguồn tham khảo vô cùng hữu ích cho tác giả luận án tìm hiểu và nhận định về một số hệ quả của hành vi vi phạm quyền hoạt động nghiệp vụ đúng pháp luật của nhà báo, ví dụ: tự kiểm duyệt, miễn trừ hình phạt... để tiến hành khảo sát ở Việt Nam.

1.1.2.2. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

Các công trình nghiên cứu về thực trạng vi phạm quyền tác nghiệp báo chí tại Việt Nam chủ yếu được thực hiện trong khuôn khổ các dự án truyền thông phối hợp với tổ chức quốc tế. Do tính chất nhạy cảm của đề tài và yêu cầu về khảo sát diện rộng, những nghiên cứu này thường không do các cơ quan báo chí nhà nước khởi xướng, mà tập trung ở khu vực phi chính phủ hoặc hợp tác quốc tế (ví dụ: RED Communication, UNESCO...). Phần lớn các nghiên cứu được tiến hành trước thời điểm Luật Báo chí 2016 có hiệu lực, do đó chưa phản ánh đầy đủ bối cảnh pháp lý mới với những quy định cập nhật như Nghị định 14/2022/NĐ-CP về xử phạt hành chính trong lĩnh vực báo chí - xuất bản, thay thế cho Nghị định 119/2020.

Một nghiên cứu nổi bật là *Báo cáo Khảo sát, Nghiên cứu về các hành vi cản trở tác nghiệp báo* do RED Communication thực hiện với sự hỗ trợ của Bộ Ngoại giao Anh (2011). Nghiên cứu phân loại hành vi cản trở thành 12 nhóm, quy về 3 mức độ: Nhóm C (nhẹ): Né tránh cung cấp thông tin, gây khó dễ, mua chuộc; Nhóm B (trung bình): Tịch thu, phá hoại phương tiện tác nghiệp, vu khống, quấy rối tình dục; Nhóm A (nghiêm trọng): Đe dọa, bắt giữ, hành hung, trả thù cá nhân. Báo cáo chỉ ra rằng hành vi cản trở phổ biến ở cả trung ương và địa phương, chủ yếu xảy ra khi nhà báo điều tra các vấn đề liên quan đến quyền lực, lợi ích nhóm hoặc tiêu cực trong cơ quan công quyền [44].

Đánh giá về cơ chế xử lý vi phạm và bảo vệ pháp lý, *Sổ tay hướng dẫn xử phạt hành chính các hành vi cản trở nhà báo tác nghiệp* do RED (2013) biên soạn cung cấp một phân tích rõ ràng về khoảng trống trong thực thi pháp luật. Tài liệu cho thấy: Các hành vi vi phạm nhẹ thường khó xử lý do thiếu chứng cứ hoặc thiệt hại không rõ ràng; Các hành vi nghiêm trọng như hành hung thường chỉ bị xử lý dưới tội danh chung chung như “*cố ý gây thương tích*”, không phản ánh đúng bản chất là xâm phạm quyền báo chí; Có sự thiếu phối hợp giữa cơ quan hành chính và cơ quan tố tụng, dẫn đến tình trạng bỏ lọt hành vi vi phạm hoặc xử lý sai khung. Tài liệu cũng nhấn mạnh vai trò chưa phát huy đúng mức của chính quyền cấp cơ sở trong việc bảo vệ nhà báo khi tác nghiệp tại địa bàn [45].

Dưới góc độ nhìn nhận của người trong cuộc, kỷ yếu hội thảo *Bảo vệ quyền hành nghề hợp pháp của nhà báo* của Hội Nhà báo Việt Nam (2017) phản ánh sâu sắc sự gia tăng các vụ việc hành hung, đe dọa nhà báo, đồng thời phê phán thái độ thiếu quyết liệt của các cơ quan chức năng trong việc bảo vệ nhà báo. Nhiều tham luận tiêu biểu như “*Ai bảo vệ nhà báo?*” hay “*Nạn hành hung nhà báo bao giờ chấm dứt?*” đã chỉ ra rằng sự thờ ơ, thiếu trách nhiệm từ cơ quan thực thi pháp luật là nguyên nhân làm gia tăng mức độ nguy hiểm trong môi trường tác nghiệp. Đồng thời, một số cơ quan báo chí cũng bị phê bình vì chưa chủ động bảo vệ phóng viên, thậm chí có xu hướng né tránh, không hỗ trợ khi phóng viên gặp rủi ro nghề nghiệp [17].

Công trình *Giáo trình Báo chí điều tra* (2015) dành một dung lượng nhỏ trong chương 2 bàn về thực trạng những nguy hiểm mà nhà báo đối diện trong khi thực hiện bài điều tra. Tác giả cho rằng báo chí điều tra luôn đối mặt với nhiều khó khăn rắc rối từ những chuyện rất nhỏ: người cung cấp tin vì lý do nào đó phủ nhận thông tin đã cung cấp... đến việc cơ quan chức năng bắt hợp tác, dọa nạt, thậm chí bắt nhốt, hành hung nhà báo; có người can thiệp để bài báo không được xuất bản. Thậm chí sau khi bài báo đăng, nhà báo vẫn bị tác động: ép phải đính chính thừa nhận báo sai; đương sự gửi đơn khiếu nại, tố cáo đến cơ quan hành chính, cơ quan tố tụng, dẫn tới khả năng nhà báo, cơ quan báo chí bị kiện ra toà, bị cơ quan quản lý xử phạt hành chính hoặc thậm chí xử lý hình sự... Tác giả cũng đưa ra nhiều ví dụ điển hình để minh chứng về nhận định của mình về tình trạng tác nghiệp báo chí điều tra vốn nhiều nguy cơ hiện nay [11, tr 55].

Mặc dù các công trình nghiên cứu về thực trạng vi phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp ở Việt Nam được trình bày khá rõ ràng với số liệu cụ thể kết hợp nghiên cứu trường hợp, song phần lớn đều thực hiện trước khi Luật Báo chí năm 2016 có hiệu lực. Do đó, khoảng trống về thực trạng cản trở quyền hoạt động hợp pháp của nhà báo từ năm 2017 trở lại đây chưa được lấp đầy.

1.1.3. Những công trình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

1.1.3.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Các yếu tố ảnh hưởng đến quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo được khai thác một cách toàn diện trong nhiều công trình nghiên cứu học thuật quốc tế. Các nghiên cứu này không chỉ tập trung vào khung pháp lý mà còn phân tích sâu sắc tác động của môi trường chính trị, kinh tế, công nghệ và văn hóa đến hoạt động của báo chí.

Yếu tố đầu tiên ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo là khung pháp lý và mức độ can thiệp của nhà nước vào hoạt động báo chí. Công trình kinh điển của Lee Bollinger (1976) với bài viết *Tự do báo chí và tiếp cận công chúng: Hướng tới lý thuyết về quy định một phần của phương tiện truyền thông đại chúng* (Freedom of the Press and Public Access: Toward a Theory of Partial Regulation of the Mass Media) đã đặt nền tảng cho lý thuyết về sự điều tiết có chọn lọc. Theo đó, việc nhà nước tham gia điều tiết báo chí vừa có thể bảo vệ quyền tiếp cận thông tin của công chúng, nhưng đồng thời cũng có nguy cơ hạn chế quyền tác nghiệp nếu không đảm bảo tính cân bằng trong cơ chế kiểm soát [76]. Bổ sung cho góc nhìn này, *Sổ tay Luật truyền thông* (Handbook of Media Law) do Monroe E. Price và Peter Krug (2014) chủ biên, đã tổng hợp các hệ thống pháp luật khác nhau và chỉ ra rằng tòa án, luật báo chí và cơ chế hành pháp tại mỗi quốc gia có thể tạo ra các mô hình bảo vệ hoặc hạn chế quyền tự do báo chí rất khác nhau, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ an toàn pháp lý của nhà báo khi hành nghề [87].

Yếu tố thể chế chính trị đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo. Trong chương sách. *Báo chí và tham nhũng: Hướng tới một lý thuyết phổ quát phân cấp về các yếu tố quyết định* (Journalism and Corruption: Toward a Hierarchical Universal Theory of Determinants), Basyouni Ibrahim Hamada (2022) phân tích mối quan hệ giữa mức độ dân chủ của hệ thống chính trị với hiệu quả bảo vệ báo chí. Theo tác giả, các quốc gia có thể chế dân chủ vững mạnh, có cơ chế trách nhiệm giải trình rõ ràng thì báo chí có vai trò giám sát quyền lực rõ rệt hơn, từ đó nhà báo cũng được bảo vệ tốt hơn. Ngược lại, trong các chế độ độc tài hoặc dân chủ hình thức, báo chí thường bị kiểm soát bởi cơ quan quyền lực, dẫn đến tình trạng nhà báo dễ bị đàn áp, kiểm duyệt hoặc bị truy cứu với các cáo buộc mang tính chính trị [68].

Một nhân tố khác ảnh hưởng đến mức độ tự do và an toàn của nhà báo là mô hình sở hữu và tài chính trong truyền thông. Theo Hamada (2022), trong các nền kinh tế bị chi phối bởi các nhóm lợi ích lớn hoặc tổ chức có quyền lực kinh tế cao, báo chí thường mất tính độc lập, từ đó khó thực hiện vai trò giám sát, điều tra hoặc phản biện quyền lực. Sự phụ thuộc vào quảng cáo hoặc tài trợ từ các thế lực kinh tế - chính trị dẫn đến hiện tượng tự kiểm duyệt hoặc bị kiểm soát nội dung, ảnh hưởng đến quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo [68].

Các công trình nghiên cứu như của Hamada (2022), nhóm tác giả Slavtcheva-Petkova và cộng sự (2023) trong *Khái niệm về sự an toàn của các nhà báo trên toàn cầu* (Conceptualizing Journalists' Safety Around the Globe) cũng cho thấy rằng văn hóa - chính trị - xã hội ảnh hưởng mạnh mẽ đến mức độ bảo vệ nhà báo. Tại các xã hội nơi văn hóa chấp nhận quyền lực tuyệt đối, thiếu truyền thống minh bạch và quyền công dân yếu, báo chí thường bị xem là đối thủ hoặc kẻ thù chính trị, từ đó dẫn đến môi trường nguy hiểm hơn cho người làm báo. Các yếu tố như thiếu niềm tin vào thiết chế công quyền, sự thờ ơ của công chúng với tự do báo chí cũng làm giảm động lực bảo vệ nhà báo cả ở cấp độ xã hội và thể chế [95, tr 1211-1229].

Môi trường kỹ thuật số mang lại cả cơ hội lẫn rủi ro mới cho hoạt động báo chí. Theo Slavtcheva-Petkova (2023), nhà báo ngày nay phải đối mặt với bạo lực kỹ thuật số như doxing (phát tán thông tin cá nhân), tấn công mạng, theo dõi gián điệp số, và phong tỏa truy cập thông tin. Những vi phạm này ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn cá nhân, sự riêng tư và quyền tiếp cận nguồn tin của nhà báo. Mặt khác, môi trường mạng xã hội làm mờ ranh giới giữa “*nhà báo chuyên nghiệp*” và “*người sáng tạo nội dung*”, khiến nhà báo dễ bị nhầm mục tiêu hơn nhưng lại ít được bảo vệ bởi các thiết chế chính thức. Nghiên cứu mới của Slavtcheva-Petkova và cộng sự (2023) đề xuất mô hình rủi ro ba cấp độ đối với nhà báo: cấp độ cá nhân (tính cách, lý lịch, định hướng nghề nghiệp); cấp độ tổ chức (môi trường làm việc, bảo vệ nội bộ, cấu trúc lãnh đạo); và cấp độ xã hội (chính trị, kinh tế, văn hóa). Mỗi cấp độ tương tác và làm gia tăng mức độ nguy hiểm hoặc giảm thiểu khả năng được bảo vệ của nhà báo. Mô hình này giúp định

vị rõ vai trò của tổ chức báo chí trong bảo vệ người lao động, đồng thời nhấn mạnh sự tác động tổng hợp giữa yếu tố cá nhân và môi trường xã hội - chính trị.

Các yếu tố nêu trên không tồn tại riêng rẽ mà tác động đồng thời và chồng lấn lẫn nhau. Một hệ thống pháp lý mạnh nhưng hoạt động trong môi trường chính trị phi dân chủ sẽ không đủ để bảo vệ nhà báo. Tương tự, một môi trường dân chủ nhưng thiếu độc lập kinh tế báo chí hoặc quyền sở hữu tập trung cũng làm hạn chế vai trò giám sát của truyền thông. Chính vì vậy, cần tiếp cận vấn đề bảo vệ nhà báo theo hướng đa yếu tố, liên ngành, liên thể chế, thay vì chỉ đơn thuần tập trung vào sửa đổi luật báo chí.

1.1.3.2. *Tình hình nghiên cứu ở trong nước*

Công trình đề cập đến nội dung này ở Việt Nam chưa nhiều. Phần lớn chỉ mang tính chất điểm mặt, chỉ tên một số yếu tố tác động theo góc nhìn hẹp, trực tiếp chứ chưa phân tích có tính hệ thống, chuyên sâu. Đáng kể nhất là *Báo cáo Khảo sát, Nghiên cứu về các hành vi cản trở tác nghiệp báo chí* được thực hiện bởi RED Communication trực thuộc Liên hiệp Các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, với sự hỗ trợ của Bộ Ngoại giao Anh (2011) chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo. Các yếu tố này được nhóm tác giả tập phân tích 3 nhóm chính: *Thứ nhất*, nhóm yếu tố từ phía nhà báo (thiếu kỹ năng tác nghiệp, dụng ý thiếu khách quan, không biết tự bảo vệ, thiếu thẻ nhà báo); *Thứ hai*, nhóm yếu tố từ phía đối tượng cản trở (lợi ích nhóm, lạm dụng quyền lực, tâm lý coi thường pháp luật); *Thứ ba*, nhóm yếu tố từ hệ thống pháp luật và cơ chế thực thi (luật pháp chưa hoàn thiện, cơ chế thực thi yếu kém, nhận thức về luật pháp còn hạn chế).

Công trình Báo chí điều tra do PGS, TS. Đỗ Thị Thu Hằng (2015) chủ biên chỉ ra rằng bên cạnh môi trường pháp lý cần thay đổi để thuận lợi cho nhà báo trong quá trình tác nghiệp, thì kiến thức pháp lý, yếu tố xuất phát từ bản thân nhà báo, cũng là rào cản khiến nhà báo gặp khó khăn khi hoạt động nghiệp vụ bị xâm phạm [11].

Nhìn chung, các yếu tố ảnh hưởng đến bảo vệ hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước luận giải, phân tích khá kỹ cả góc độ vĩ mô: yếu tố luật pháp, kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá... và góc độ vi

mô: thể chất, tâm lý, tư duy pháp lý... của nhà báo. Tuy vậy, các công trình nghiên cứu về nội dung này chưa mang tính hệ thống, chưa có tính liên kết và thống nhất.

1.1.4. Những công trình nghiên cứu về các giải pháp bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

1.1.4.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Một trong những giải pháp nền tảng được các học giả đồng thuận là cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp lý đặc thù bảo vệ nhà báo, cả trong thời bình và trong bối cảnh xung đột. Công trình của Lisosky và Henrichsen (2011) trong *Chiến tranh bằng ngôn từ: Ai nên bảo vệ nhà báo* (War on Words: Who Should Protect Journalists) khẳng định rằng hành vi tấn công nhà báo là một cuộc tấn công vào nền dân chủ, do vậy việc bảo vệ nhà báo không thể chỉ là lựa chọn đạo đức, mà phải được luật hóa như một nghĩa vụ nhân quyền [71]. Đồng quan điểm, nghiên cứu của Sharrath Srinivasan (2013) nhấn mạnh rằng việc thiếu cơ chế trừng phạt nghiêm minh và tình trạng miễn trừ pháp lý (impunity) là nguyên nhân gốc rễ dẫn đến gia tăng bạo lực. Giải pháp đặt ra là: các quốc gia cần xây dựng luật hình sự chuyên biệt để xử lý hành vi tấn công nhà báo, quy định rõ ràng quyền miễn trách nhiệm trong việc bảo vệ nguồn tin, và có hệ thống bảo vệ nhân chứng cho nhà báo [91]. Cuốn *Luật và đạo đức cho nhà báo ngày nay* (Law and Ethics for Today's Journalist) của Mathewson (2014) đề xuất việc luật hóa quy tắc đạo đức nghề nghiệp như một phần của bảo vệ pháp lý, đồng thời kiến nghị tăng cường đào tạo pháp luật báo chí cho phóng viên - nhất là tại các cơ quan địa phương [82].

Bên cạnh luật pháp, nhiều công trình nhấn mạnh vai trò của các thiết chế trung gian như Hội nhà báo, liên đoàn báo chí, cơ quan giám sát độc lập và các tổ chức phi chính phủ. Trong bài viết *Một câu chuyện lớn hơn cuộc sống của bạn? Những thách thức về an toàn của các nhà báo đưa tin về xung đột dân chủ hóa* (A story bigger than your life? The safety challenges of journalists reporting on democratization conflicts) Lohner & Banjac (2017) đề xuất mô hình hỗ trợ thể chế gồm 3 lớp: (1) bảo vệ tại hiện trường (trang bị bảo hộ, hỗ trợ pháp lý); (2) bảo vệ hành chính (phản ứng nhanh, điều tra vụ việc); (3) bảo vệ hệ thống (thay đổi chính sách) [78, tr 287-301].

Theo *An toàn cho nhà báo và tự kiểm duyệt* (Journalist Safety and Self-Censorship) của Larsen và cộng sự (2020), việc thiết lập các cơ quan phản ứng khẩn cấp, quỹ hỗ trợ pháp lý, và đường dây nóng báo cáo rủi ro là những biện pháp thiết thực giúp nhà báo đối phó với nguy cơ bị đe dọa và hành hung [65].

Các công trình nước ngoài nhất trí rằng nhà báo cần được đào tạo chuyên biệt về an toàn nghề nghiệp, bao gồm cả kỹ năng pháp lý, phòng ngừa tấn công, sơ cứu, và an toàn kỹ thuật số. Mathewson (2014) và Slavtcheva-Petkova và cộng sự (2023) nhấn mạnh rằng trong bối cảnh rủi ro tăng cao về tấn công mạng, theo dõi số, giám sát điện tử và doxxing, nhà báo cần có khả năng bảo mật danh tính, bảo vệ nguồn tin và sử dụng công nghệ an toàn. Các chương trình đào tạo nên được tổ chức định kỳ bởi các tòa soạn, hiệp hội báo chí, hoặc thông qua hợp tác quốc tế. Việc nâng cao năng lực cũng bao gồm giáo dục nhận thức cho nhà báo về quyền và nghĩa vụ của họ theo luật quốc gia và quốc tế.

Giải pháp mang tính chiến lược dài hạn là thúc đẩy cơ chế hợp tác quốc tế giữa các nhà nước, tổ chức nhân quyền và truyền thông. Từ các đề xuất của Posetti và cộng sự (2021) trong báo cáo *The Chilling*, cũng như các nghiên cứu của Larsen và cộng sự (2020) và UNESCO, các giải pháp như: chia sẻ dữ liệu tấn công, hỗ trợ pháp lý xuyên quốc gia, cơ chế giám sát vi phạm của LHQ, và ban hành công ước quốc tế về bảo vệ nhà báo đang được thúc đẩy. Các tổ chức như Liên đoàn Nhà báo Quốc tế (IFJ), UNESCO, OSCE và Liên minh Châu Âu đóng vai trò dẫn dắt trong việc xây dựng chuẩn mực quốc tế và gây sức ép lên các quốc gia vi phạm quyền tự do báo chí.

1.1.4.2. Tình hình nghiên cứu trong nước

Một trong những giải pháp cốt lõi được đề xuất xuyên suốt các công trình là cần hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành, cả ở cấp luật và dưới luật. Báo cáo của Trung tâm RED (2016) khuyến nghị xem xét việc thiết lập tội danh hình sự riêng liên quan đến hành vi cản trở hoặc hành hung nhà báo, tương tự tội “*chống người thi hành công vụ*”, nhằm nâng cao tính răn đe trong Bộ luật Hình sự [46]. Ngoài ra, *Sổ tay Hướng dẫn xử phạt hành chính các hành vi cản trở tác nghiệp báo chí* (RED, 2013) chỉ rõ sự thiếu cụ thể và tính đồng bộ trong quy định pháp luật hiện nay, đặc biệt là trong việc

xác định hành vi cản trở và mức độ xử lý vi phạm. Do đó, tài liệu đề xuất cần có thông tư hướng dẫn chuyên biệt, làm rõ phạm vi hành vi bị cấm và cơ chế xử phạt phù hợp với thực tiễn [45]. Trần Tiến Duẩn (2016) đề xuất 4 giải pháp: sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ hơn nữa giữa Hội Nhà báo VN, các cơ quan báo chí, các cơ quan bảo vệ pháp luật và các đơn vị liên quan; nhà báo phải đưa thông tin khách quan, đúng sự thật; báo chí không được tùy tiện nhất là khi viết về những nạn tiêu cực, tham nhũng; tăng cường “quyền” cho nhà báo trong việc điều tra, thông tin về các vụ việc tiêu cực, tham nhũng; nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức trong sạch [6, tr 190-193].

Nhiều nghiên cứu trong nước chỉ ra sự thiếu đồng bộ và hiệu quả trong phối hợp liên ngành là rào cản trong việc bảo vệ nhà báo. Tài liệu của RED (2013) và Kỷ yếu Hội thảo năm của Hội Nhà báo VN (2017) đều thống nhất rằng vai trò của chính quyền địa phương là tuyến đầu, nơi xảy ra phần lớn các vụ cản trở. Do đó, cần cơ chế pháp lý buộc địa phương phải xử lý các vụ việc liên quan đến báo chí một cách công khai, minh bạch, và có trách nhiệm. Các cơ quan như Thanh tra Thông tin - Truyền thông, công an, viện kiểm sát và Hội Nhà báo cần có quy trình phản ứng nhanh, phối hợp trong điều tra, xử lý, đặc biệt là khi nhà báo bị tấn công trong quá trình điều tra tiêu cực tại địa phương [17].

Một vấn đề khác được đề cập trong các nghiên cứu (RED, 2013; Kỷ yếu Hội thảo, 2017; Nguyễn Thị Trường Giang, 2015) là sự bị động từ chính các cơ quan báo chí trong việc bảo vệ phóng viên. Nhiều tòa soạn chưa có quy trình nội bộ để ứng phó khi phóng viên bị đe dọa, cũng như thiếu cơ chế hỗ trợ pháp lý, tinh thần và bảo hiểm nghề nghiệp. Tác giả Nguyễn Thị Trường Giang nhấn mạnh vai trò của lãnh đạo cơ quan báo chí trong việc xây dựng phương án ứng phó, huấn luyện kỹ năng phòng vệ, nhận diện rủi ro và bảo vệ nguồn tin - đặc biệt với báo chí điều tra. Nhà báo không thể tự đối phó nếu thiếu sự hậu thuẫn chính thức từ tổ chức chủ quản [11].

Một nhóm giải pháp quan trọng khác là nâng cao năng lực cá nhân của nhà báo về tác nghiệp và pháp luật. Trong cuốn *Báo chí điều tra* (PGS.TS. Đỗ Thị Thu Hằng, 2015), các tác giả chỉ rõ nhà báo thường gặp khó khăn trong quá trình điều tra do thiếu kiến thức pháp lý, không nắm được quy trình điều tra hợp pháp, hoặc không

biết cách phản ứng khi bị đe dọa. Các giải pháp được đưa ra bao gồm: đào tạo pháp luật báo chí; huấn luyện các kỹ năng sơ cứu, an toàn nghề nghiệp, kỹ năng nhận diện rủi ro; xây dựng bản lĩnh nghề nghiệp và đạo đức báo chí. Đây cũng là cách giúp nhà báo tự chủ hơn trong quá trình đưa tin mà không phụ thuộc hoàn toàn vào sự can thiệp từ bên ngoài [11].

Một nội dung được nhấn mạnh tại Kỷ yếu Hội thảo “Bảo vệ quyền hành nghề hợp pháp của nhà báo” năm 2017 là cần chuyển từ xử lý hành chính sang truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các vụ hành hung, đe dọa nhà báo. Theo nhà báo Đoàn Minh Long và Nguyễn Văn Lương, việc chỉ xử phạt hành chính hoặc “*rút kinh nghiệm*” sẽ tạo tiền lệ xấu, khiến thủ phạm không sợ pháp luật. Các cơ quan điều tra cần coi hành vi tấn công nhà báo như tấn công cán bộ công vụ, truy xét đầy đủ các tình tiết và xử lý theo hướng nghiêm minh. Đồng thời, cần công khai kết quả điều tra, giúp dư luận thấy rõ cam kết pháp quyền trong bảo vệ tự do báo chí [17].

Kỷ yếu Hội thảo sửa đổi Luật Báo chí (2023) đã cập nhật thách thức mới mà nhà báo gặp phải trong môi trường truyền thông số. Các nhà báo không chỉ bị cản trở tác nghiệp trực tiếp, mà còn bị tấn công danh dự, bôi nhọ trên mạng, hoặc bị lạm dụng quy định pháp lý để ngăn chặn thông tin. Giải pháp được đề xuất bao gồm: sửa luật theo hướng làm rõ quyền được bảo vệ nguồn tin; đưa vào quy định cụ thể về bảo vệ nhà báo trước các hành vi tấn công trên không gian mạng; xây dựng quy trình xử lý phản hồi nhanh khi có vụ việc xảy ra; và áp dụng các biện pháp công nghệ để hỗ trợ nhà báo bảo mật thông tin cá nhân [18].

Nhìn chung, các giải pháp bảo vệ nhà báo ở Việt Nam đã được đề cập ở nhiều góc độ - pháp lý, thể chế, nghiệp vụ và xã hội. Tuy nhiên, còn thiếu một cơ chế tích hợp xuyên suốt từ quy định pháp luật đến phối hợp thực thi và hỗ trợ cá nhân. Hướng nghiên cứu trong tương lai nên tập trung xây dựng mô hình bảo vệ nhà báo mang tính liên ngành - liên cấp - liên tổ chức, đồng thời tăng cường khả năng phản ứng nhanh, giám sát xã hội và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này. Đây là yêu cầu thiết yếu để bảo vệ quyền được đưa tin và quyền được biết của công chúng trong bối cảnh truyền thông hiện đại và chuyển đổi số đang diễn ra sâu rộng.

1.2. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án và những vấn đề cần giải quyết

1.2.1. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

Nhìn chung, các nghiên cứu về nội dung bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tập trung vào các khía cạnh pháp lý, đạo đức và thực tiễn. Các nội dung bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp xoay quanh các quyền cơ bản sau: Quyền tự do ngôn luận (Đây là quyền cơ bản cho phép nhà báo tự do tìm kiếm, thu thập, công bố thông tin mà không bị kiểm duyệt, can thiệp hoặc trừng phạt một cách bất hợp pháp); Quyền tiếp cận thông tin (Nhà báo có quyền tiếp cận các nguồn thông tin công cộng, bao gồm cả các tài liệu chính thức và các cuộc họp báo); Quyền bảo vệ nguồn tin (Nhà báo có quyền bảo vệ danh tính của nguồn tin cung cấp thông tin cho họ, trừ khi có yêu cầu của tòa án hoặc trong trường hợp đặc biệt khác); Quyền được bảo vệ khỏi các hành vi tấn công, đe dọa hoặc sách nhiễu (Nhà báo cần được bảo vệ khỏi các hành vi bạo lực, đe dọa hoặc sách nhiễu từ các cá nhân, tổ chức hoặc chính quyền).

Các tài liệu nghiên cứu của trong nước, nước ngoài đã tiếp cận một số nội dung về lý luận cũng như phân tích khung pháp lý của quốc tế và quốc gia trong vấn đề bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo. Đặc biệt, nhiều nghiên cứu trên thế giới làm rõ mối quan hệ giữa quyền, trách nhiệm và đạo đức của nhà báo. Những nền tảng lý luận này là cơ sở lý thuyết quan trọng để luận án vận dụng, nghiên cứu, soi chiếu, xây dựng lý luận về bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo phù hợp với điều kiện ở Việt Nam.

Về phương diện phương pháp luận, các nghiên cứu đều sử dụng phương pháp bảng hỏi, nghiên cứu trường hợp, phân tích nội dung, phỏng vấn sâu. Trên cơ sở nghiên cứu các trường hợp tiêu biểu, điển hình, phân tích, mô tả vị trí, vai trò của của các Luật, quy định bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp và các tình huống, hành vi của hoạt động cản trở tác nghiệp của nhà báo, các nhà nghiên cứu đúc rút các vấn đề lý luận cần thiết. Các giải pháp không chỉ dừng lại ở hoàn thiện khung pháp lý, thúc đẩy thực thi pháp luật, nâng cao nhận thức mà còn tăng cường hợp tác quốc

tế chia sẻ kinh nghiệm và thực tiễn, sử dụng công nghệ (công cụ) để bảo vệ nhà báo trong không gian mạng... Đây chính là vấn đề trọng tâm của các cơ quan báo chí truyền thông hiện nay.

Các nghiên cứu trực diện đề tài còn mỏng. Trong nhiều nghiên cứu, các quan điểm chưa thống nhất, chủ yếu phân tích từ kinh nghiệm của các nhà báo thực chiến, nhất là khi bàn đến các yếu tố tác động đến vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp.

Ở Việt Nam, đây là vấn đề không mới nhưng chưa được nghiên cứu một cách bài bản, chỉnh chu, có tính học thuật. Các công trình liên quan trực tiếp đến đề tài tại Việt Nam thực hiện dưới dạng dự án và đã tiến hành trước năm 2016 khi Luật Báo chí mới ra đời. Bên cạnh đó, đa phần các công trình chỉ tiếp cận ở góc độ nghiên cứu về những hành vi gây cản trở, những yếu tố tác động... chứ thiếu về đánh giá mức độ bảo vệ của các bên có liên quan đến hoạt động tác nghiệp của nhà báo. Do đó, có thể khẳng định: đây là nghiên cứu đầu tiên, trực diện và tương đối hoàn thiện về cả lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực này. Những công trình, bài viết, tư liệu đã trình bày trên sẽ được kế thừa những vấn đề sau:

Về lý luận, các nghiên cứu là tiền đề hình thành ý tưởng và định hướng để xây dựng cơ sở lý luận. Hệ thống khái niệm, vai trò, các nội dung cũng như yếu tố tác động đến vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo sẽ được làm rõ theo hệ thống logic, có tính khoa học.

Các dữ liệu và thông tin thu thập từ nghiên cứu trước đây đóng vai trò quan trọng trong việc xác định và mở rộng sự hiểu biết về các nội dung bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, những rào cản, thiếu sót trong quá trình thực thi hoạt động bảo vệ quyền của nhà báo và xử lý những cản trở trong tác nghiệp. Việc tiếp tục tìm kiếm và thu thập tư liệu mới nhất, phù hợp nhất là cần thiết để bổ sung, cập nhật kiến thức, đồng thời hỗ trợ phân tích, đánh giá trong quá trình nghiên cứu.

Về phương pháp nghiên cứu, các công trình trước đây đã sử dụng đa dạng phương pháp và cách tiếp cận khác nhau. Điều này đã cung cấp tài nguyên và nền tảng vững chắc cho việc xây dựng và triển khai nghiên cứu một cách hiệu quả, khoa học.

1.2.2. Những vấn đề luận án cần tập trung giải quyết

Thứ nhất, khái quát có hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo. Luận án sẽ tập trung xây dựng một khung lý thuyết toàn diện về quyền tác nghiệp báo chí, làm rõ các khái niệm nền tảng, nội dung và các yếu tố ảnh hưởng, các cơ sở chính trị và pháp lý của vấn đề, cũng như phân tích kinh nghiệm quốc tế có giá trị tham khảo. Trên cơ sở đó, luận án chỉ ra tầm quan trọng của việc bảo vệ quyền hành nghề hợp pháp như một điều kiện tiên quyết để bảo đảm chức năng của báo chí trong xã hội dân chủ hiện đại.

Thứ hai, đánh giá thực trạng vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam: Bằng phương pháp khảo sát thực địa, phỏng vấn sâu các nhà báo, chuyên gia pháp lý và lãnh đạo cơ quan quản lý báo chí, luận án tiến hành phân tích thực trạng thực thi pháp luật trong bảo vệ quyền nghề nghiệp của nhà báo. Qua đó, luận án nhận diện các bất cập, hạn chế còn tồn tại trong cơ chế pháp lý hiện hành và quá trình tổ chức thực thi, đồng thời làm rõ những nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến tình trạng cản trở hoạt động tác nghiệp của nhà báo.

Thứ ba, đề xuất các giải pháp bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam: Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực tiễn, luận án đề xuất một hệ thống giải pháp đồng bộ, bao gồm hoàn thiện khung pháp luật liên quan đến hoạt động báo chí, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chức năng và cơ quan báo chí. Bên cạnh đó, luận án nhấn mạnh vai trò của bồi dưỡng chuyên môn - pháp lý, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức cho nhà báo và truyền thông nâng cao nhận thức xã hội về quyền tác nghiệp hợp pháp như một phần không thể thiếu trong quá trình bảo vệ.

Tiểu kết Chương 1

Tổng quan về tình hình nghiên cứu đã cho thấy tính đa dạng và tính kế thừa trong việc tiếp cận vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo. Nhìn chung, những nghiên cứu ở nước ngoài tập trung xây dựng nền tảng lý luận về tự do ngôn luận, tự do báo chí, và nhấn mạnh vai trò của khung pháp lý quốc tế cũng

như vai trò của các tổ chức toàn cầu, chỉ ra những yếu tố tác động đến an toàn của nhà báo. Qua các giai đoạn phát triển lý luận từ cuối thế kỷ XVIII đến nay, các công trình này đều khẳng định sự cần thiết phải có môi trường pháp lý chặt chẽ, cơ chế giám sát độc lập và quy định về đạo đức nghề báo để bảo đảm nhà báo được tự do tác nghiệp và thực hiện trách nhiệm xã hội.

Ở trong nước, các công trình nghiên cứu về khung pháp lý và lý luận bảo vệ quyền tác nghiệp cho nhà báo gắn liền với quá trình phát triển Luật Báo chí, nhất là qua các cột mốc 1989 và 2016. Từ những đề tài khoa học, kỹ yếu cho đến báo cáo, có thể thấy nghiên cứu dần dịch chuyển từ việc quan tâm vai trò - nghĩa vụ của nhà báo sang bảo vệ cụ thể nhà báo trước các hành vi cản trở, đe dọa, xâm phạm dữ liệu... Đặc biệt, bối cảnh hội nhập quốc tế và sự phát triển mạnh mẽ của môi trường truyền thông số đã thúc đẩy nhiều dự án tìm hiểu cách thức xây dựng quy trình liên ngành, chế tài xử phạt, và bộ chỉ số an toàn để nhà báo tác nghiệp an toàn hơn.

Nhìn chung, các nghiên cứu đã cung cấp những tiền đề lý luận và bằng chứng thực tiễn vững chắc, giúp khẳng định tầm quan trọng của việc bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo trong bối cảnh chính trị - xã hội luôn biến động. Song, các nghiên cứu vẫn còn khoảng trống cần tiếp tục lấp đầy: xây dựng hệ thống lý luận bài bản, đánh giá mức độ an toàn cũng như mức độ bảo vệ hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, xác định những vấn đề tồn tại trong công tác bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo và đề xuất những giải pháp phù hợp.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ VẤN ĐỀ BẢO VỆ QUYỀN HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ HỢP PHÁP CỦA NHÀ BÁO

2.1. Cơ sở lý luận về vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

2.1.1. Các khái niệm cơ bản

2.1.1.1. Vấn đề

Theo Từ điển tiếng Việt, “vấn đề” là “điều cần xem xét, nghiên cứu, giải quyết, chẳng hạn: vấn đề đời sống, vấn đề dân tộc, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, có vấn đề (chứa đựng mâu thuẫn, có điều nào cần được giải quyết)” [30, tr 1401].

Trong ngôn ngữ thông thường, “vấn đề” thường được hiểu là một điểm tranh luận, một tình huống khó khăn hoặc một chủ đề cần được quan tâm, giải quyết. Nó có thể là một câu hỏi mở, một mối quan ngại, một sự bất đồng hoặc một thách thức cần được giải quyết. Ví dụ: vấn đề môi trường, vấn đề bất bình đẳng xã hội, vấn đề đạo đức trong kinh doanh.

Trong lĩnh vực luật pháp, “vấn đề” thường đề cập đến một điểm tranh chấp pháp lý cần được tòa án giải quyết. Nó có thể là một câu hỏi về sự thật, một câu hỏi về luật pháp hoặc một câu hỏi về cả sự thật và luật pháp. Ví dụ: vấn đề trách nhiệm pháp lý, vấn đề vi phạm hợp đồng, vấn đề quyền sở hữu trí tuệ.

Tóm lại, “vấn đề” là một thuật ngữ linh hoạt, có thể mang nhiều ý nghĩa khác nhau tùy thuộc vào ngữ cảnh sử dụng nhưng nhìn chung nó ám chỉ *một điều gì đó cần được quan tâm, xem xét, giải quyết hoặc làm rõ*.

2.1.1.2. Nhà báo

Theo từ điển Tiếng Việt của tác giả Hoàng Phê (2019), nhà báo được hiểu một cách ngắn gọn, đơn giản là “người chuyên làm nghề viết báo” [30, tr 885]. Theo cách lý giải này, nhà báo được khu biệt ở nội hàm là những người lao động ở khâu sáng tạo tác phẩm.

Luật Báo chí (2016) xác định nhà báo là “*người hoạt động báo chí được cấp thẻ nhà báo*” [33]. Cách hiểu này không giới hạn khái niệm nhà báo chỉ trong phạm vi những người trực tiếp sáng tạo tác phẩm báo chí như phóng viên hay biên tập viên, mà mở rộng ra tất cả những cá nhân tham gia hoạt động báo chí chuyên nghiệp bao gồm cả người tổ chức nội dung, thiết kế, trình bày, kỹ thuật, và quản lý trong cơ quan báo chí miễn là đáp ứng đầy đủ các điều kiện được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 27 của Luật. Đồng thời, định nghĩa này nhấn mạnh vai trò của thẻ nhà báo như một căn cứ pháp lý xác lập tư cách nhà báo, thể hiện sự công nhận chính thức của Nhà nước đối với người hành nghề báo chí. Chính sự công nhận này là cơ sở để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà báo trong quá trình tác nghiệp.

Cách tiếp cận mở rộng về khái niệm nhà báo của Luật Báo chí có nhiều điểm tương đồng với đề xuất của Tổ chức Hội đồng Khoa học Giáo dục Liên Hợp Quốc - UNESCO (2015), theo đó nhà báo là: “*Bất kỳ người nào, không phân biệt quốc tịch, thường xuyên và chuyên nghiệp tham gia với tư cách là biên tập viên, phóng viên, nhiếp ảnh gia, người quay phim hoặc kỹ thuật viên của cơ quan báo chí. dịch vụ báo chí, phát thanh, truyền hình hoặc quay phim để tìm kiếm, tiếp nhận hoặc truyền đạt thông tin, bao gồm các ý kiến, ý kiến, bình luận trên các ấn phẩm hàng ngày, định kỳ, cơ quan báo chí, dịch vụ phát thanh, truyền hình hoặc dịch vụ tin tức quay phim*” [98]. Cách nhìn này đề cao tính chuyên nghiệp và vai trò thiết yếu của mọi khâu trong chuỗi sản xuất thông tin, qua đó khẳng định rằng nghề báo không chỉ giới hạn ở người viết bài mà còn bao gồm cả đội ngũ kỹ thuật và tổ chức nội dung - những người giữ vai trò không thể thiếu trong hoạt động báo chí hiện đại.

Trong một nghiên cứu của Peters và Tandoc (2013), thuật ngữ nhà báo là “*người được tuyển dụng để thường xuyên tham gia vào việc thu thập, xử lý và phổ biến (hoạt động) tin tức và thông tin (đầu ra) để phục vụ lợi ích công cộng (vai trò xã hội)*”. Định nghĩa này đưa ra ba điều kiện để đủ điều kiện trở thành nhà báo. *Thứ nhất*, nguồn sinh kế chính phải đến từ hoạt động báo chí. *Thứ hai*, vai trò của con người là phục vụ phúc lợi công cộng bằng cách tạo ra tin tức và thông tin. *Thứ ba*, phải tham gia vào việc thu thập, xử lý và phổ biến tin tức và thông tin một cách thường

xuyên [73]. Tuy nhiên, cách hiểu này loại trừ các loại nhà báo khác như nhà báo công dân, những người có vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin thô, thậm chí viết bài cộng tác thường xuyên. Ngoài ra, những nhà báo không thuộc biên chế trả lương của các cơ quan báo chí cũng sẽ không nằm trong phạm vi định nghĩa của Peters và Tandoc. Trong khi, các hình thức truyền thông hiện đại mới trên thực tế ngày càng tạo điều kiện cho những người không chuyên tiếp cận thông tin đại chúng, thuật ngữ “nhà báo” giờ đây được mở rộng để bao gồm cả các nhà báo công dân cũng như các nhà báo chuyên nghiệp.

Như vậy, quan niệm nhà báo được hiểu theo hai tầng nghĩa. Theo nghĩa hẹp, nhà báo là người có tư cách pháp lý rõ ràng, được Nhà nước công nhận thông qua thẻ nhà báo, thường là nhân sự thuộc các cơ quan báo chí chính thức. Nghĩa rộng, nhà báo là bất kỳ ai thường xuyên và chuyên nghiệp thực hiện hoạt động truyền thông vì mục đích thông tin và lợi ích công cộng, dù không thuộc biên chế báo chí hay có thẻ nhà báo. Hai tầng nghĩa này phản ánh sự thay đổi trong môi trường truyền thông hiện đại, nơi mà hoạt động báo chí không còn chỉ do “người viết báo chuyên nghiệp” thực hiện, mà còn bởi những cá nhân/tổ chức phi chính thức, nhưng có ảnh hưởng và chức năng xã hội tương đương.

Trong nghiên cứu này, tác giả cho rằng quan niệm “nhà báo” nên được nhìn nhận góc độ lao động sáng tạo tác phẩm, tức là những người hoạt động trong cơ quan báo chí, thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với những sự việc, sự kiện, nhân vật... để khai thác, phản ánh thông tin về đời sống sôi động hàng ngày đến công chúng. Đó là *những người thực hiện lao động sáng tạo tác phẩm với nhiệm vụ đặc thù là tìm kiếm, xác minh, đánh giá và cung cấp thông tin về tất cả sự kiện, vấn đề mới mà công chúng cần được biết. Họ là chủ thể trực tiếp hoạt động báo chí, chịu trách nhiệm trước pháp luật và dư luận xã hội, công chúng về những thông tin mà họ cung cấp cho công chúng.*

2.1.1.3. Quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

Theo nghĩa thông thường, “quyền” được lý giải với 3 nội dung: là “*điều mà pháp luật hoặc xã hội công nhận cho được hưởng, được làm, được đòi hỏi*”, ví dụ: quyền công dân, quyền bầu cử và ứng cử, quyền được sống; là “*những điều mà do*

địa vị hay chức vụ được làm”, ví dụ: có chức có quyền, lạm dụng quyền, cầm quyền...; là “tạm giữ một chức vụ lãnh đạo nào đó trong khi người phụ trách chính thức vắng mặt hoặc chưa được chỉ định”, ví dụ: quyền giám đốc...[30, tr 1031]. Dưới góc độ pháp lý, quyền là “*xử sự mà pháp luật cho phép chủ thể được tiến hành*” [3, tr 237]. Quyền bao gồm khả năng: Tự xử sự trong phạm vi quy định pháp luật để thoả mãn những nhu cầu của mình; Yêu cầu chủ thể khác thực hiện nghĩa vụ pháp lý liên quan đến quyền pháp lý của mình; Yêu cầu cơ quan Nhà nước bảo vệ lợi ích chính đáng [3, tr 237-238].

Từ cơ sở trên, có thể hiểu *quyền* là *khả năng hợp pháp của chủ thể, được pháp luật và xã hội công nhận, cho phép tự mình hành xử, yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ, hoặc yêu cầu Nhà nước bảo vệ lợi ích chính đáng*.

“Ngh nghiệp vụ” theo từ điển Tiếng Việt thông dụng của Nguyễn Như Ý (2001) là “công việc chuyên môn của một nghề” [50, tr 492]. Từ điển tiếng Việt do Hoàng Phê (2019) biên soạn giải thích “ngh nghiệp vụ” là “kỹ năng, biện pháp để thực hiện công việc chuyên môn của một nghề” [30, tr 862], ví dụ: nghiệp vụ điều tra, nghiệp vụ báo chí. Như vậy, có thể hiểu hoạt động nghiệp vụ, theo nghĩa thông thường, là việc tiến hành những kỹ năng, kiến thức để thực hiện công việc chuyên môn của một nghề.

Trong lĩnh vực báo chí và lao động phóng viên, hoạt động nghiệp vụ báo chí còn được hiểu là hoạt động tác nghiệp báo chí. Theo từ điển tiếng Việt, tác nghiệp là “tiến hành những hoạt động có tính chất nghiệp vụ, kỹ thuật” [30, tr 1116].

Theo tác giả Nguyễn Văn Dũng (2012), hoạt động nghiệp vụ phải thể hiện được “chất” nghề, chủ yếu là “phát hiện, thu thập, xử lý các sự kiện và vấn đề thời sự thành thông tin bổ ích và thú vị cho công chúng xã hội, cho nhóm đối tượng tiếp nhận” [4, tr 276]. Quan điểm này nhấn mạnh bản chất cốt lõi của hoạt động báo chí thông qua kỹ năng nghề nghiệp của nhà báo. Theo đó, chủ thể của hoạt động báo chí là nhà báo cần có kỹ năng quan sát tinh tế, nhạy bén với các sự kiện xảy ra trong xã hội, biết lựa chọn những thông tin có giá trị, phù hợp với nhu cầu của công chúng. Thông tin sau khi thu thập cần được xử lý qua quá trình phân tích, xác minh và biên tập, sử dụng ngôn ngữ chính xác, rõ ràng và dễ hiểu, tránh gây hiểu lầm cho người

đọc. Giá trị của thông tin đối với công chúng mà nhà báo đem lại không chỉ nằm ở tính bổ ích, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, cung cấp kiến thức, mở rộng hiểu biết và giúp họ đưa ra những quyết định đúng đắn, mà còn ở tính thú vị, tạo sự hứng thú cho người đọc thông qua cách diễn đạt sinh động, câu chuyện hấp dẫn hoặc góc nhìn mới lạ.

Theo Warren Breed (2005) trong nghiên cứu kinh điển của ông về kiểm soát xã hội trong tòa soạn, tuy không đề cập trực tiếp đến khái niệm hoạt động nghiệp vụ nhưng ông đưa ra chuẩn mực hoạt động nghề nghiệp bao gồm: chuẩn mực kỹ thuật liên quan đến các hoạt động thu thập, viết và biên tập tin tức hiệu quả; chuẩn mực đạo đức bao gồm nghĩa vụ của người đưa tin đối với độc giả và nghề của mình và bao gồm các lý tưởng như trách nhiệm, công bằng, chính xác, khách quan [104, tr 327].

Herbert. J. Gans (2004) lại tập trung vào khía cạnh văn hóa của hoạt động nghiệp vụ. Ông cho rằng các nhà báo không chỉ đơn thuần là người truyền đạt thông tin mà còn là những người kể chuyện, những người tạo ra ý nghĩa và giá trị cho xã hội. Theo Gans, hoạt động nghiệp vụ báo chí là một quá trình sáng tạo, trong đó nhà báo sử dụng ngôn ngữ và hình ảnh để xây dựng một bức tranh thế giới có ý nghĩa cho độc giả [66].

Tóm lại, có thể hiểu *hoạt động nghiệp vụ của nhà báo* là việc nhà báo tiến hành tiếp cận, thu thập, xử lý các sự kiện, vấn đề thời sự thành những thông tin bổ ích và phổ biến chúng tới công chúng và xã hội.

Hợp pháp là một khái niệm được hiểu theo nhiều cách khác nhau về lĩnh vực ngôn ngữ và pháp luật. Theo Từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học, hợp pháp là tính từ, nghĩa là “*phù hợp với pháp luật, được pháp luật thừa nhận*” [49, tr 76]. Từ điển Pháp luật Việt Nam cũng định nghĩa hợp pháp là “*những hành vi, sự việc, tình huống được pháp luật cho phép và được nhà nước bảo vệ*” [9, tr 24]. Hành vi hợp pháp không vi phạm bất kỳ quy định, luật lệ nào và không gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người khác. Tuy nhiên, khái niệm “hợp pháp” cũng cần được xem xét trong bối cảnh xã hội và đạo đức. Một hành vi có thể hợp pháp theo quy định pháp luật nhưng không nhất thiết được xã hội chấp nhận về mặt đạo đức. Ngược lại, có những hành vi được xã hội chấp nhận nhưng không hợp pháp. Điều này cho thấy mối quan hệ phức tạp giữa pháp luật và đạo đức, và “hợp pháp” không chỉ gắn liền với tuân thủ pháp luật mà còn cần xem

xét trong bối cảnh giá trị đạo đức và chuẩn mực xã hội. Từ các phân tích trên, có thể thấy “hợp pháp” là *trạng thái của một hành vi, sự việc hoặc tình huống phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, đồng thời không vi phạm các chuẩn mực đạo đức cơ bản của xã hội.*

Kế thừa và phát triển từ các quan điểm trên, tác giả đề xuất khái niệm *quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo là sự thừa nhận và bảo vệ của pháp luật đối với hoạt động nghiệp vụ ((tiếp cận, thu thập, xử lý và phổ biến thông tin) do nhà báo tiến hành nhằm phục vụ lợi ích cộng đồng, xã hội.*

2.1.1.4. Bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

“Bảo vệ” được hiểu với nhiều nội hàm, bao gồm: *Thứ nhất*, giữ gìn cho được nguyên vẹn, không để bị hư hỏng, mất mát, xâm phạm (ví dụ: bảo vệ môi trường, bảo vệ tài sản; bảo vệ sức khỏe, bảo vệ hòa bình, bảo vệ bí mật quốc gia...); *Thứ hai*, giữ gìn, che chở, không để bị nguy hiểm, tấn công (ví dụ: bảo vệ trẻ em, bảo vệ phụ nữ, bảo vệ nhân chứng...); *Thứ ba*, đảm bảo cho được hưởng, được làm những điều mà pháp luật quy định (ví dụ: bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; bảo vệ quyền tác giả; bảo vệ quyền tự do ngôn luận...) [30, tr 49]. Trong một xã hội, mọi cá nhân dù ở vị trí, hoàn cảnh nào, đều có quyền sống an toàn, được tôn trọng nhân phẩm và hưởng các quyền cơ bản. Cụ thể, pháp luật và các chuẩn mực đạo đức xã hội bảo vệ mọi công dân trước các hành vi xâm phạm về thể xác, tinh thần và quyền lợi hợp pháp; đồng thời, hệ thống giáo dục, y tế, an sinh xã hội và cộng đồng cũng đóng vai trò ngăn ngừa, hỗ trợ khi gặp rủi ro (bạo lực, khủng hoảng tâm lý, thiên tai, bệnh tật...).

Quyền lợi của một người được bảo vệ thông qua các thiết chế xã hội [27]. Trong đó, Nhà nước, với công cụ pháp luật và quyền lực cưỡng chế đã tạo nên một cơ chế bảo vệ hiệu quả. Không như các cách thức bảo vệ khác có thể tạo nên những tác động hữu hình đối với đối tượng, bảo vệ bằng pháp luật chủ yếu thông qua việc ảnh hưởng đến khả năng nhận thức, điều chỉnh hành vi, tạo nên một môi trường lành mạnh, công bằng để đối tượng cần được bảo vệ phát triển thuận lợi nhất có thể. Để thực hiện chức năng bảo vệ, pháp luật tác động theo chiều hướng tích cực đến quyền lợi của một đối tượng cụ thể.

Từ những phân tích ở trên, tác giả đề xuất khái niệm *bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo là việc thiết lập một cơ chế đảm bảo và duy trì để nhà báo thực hiện các hoạt động nghiệp vụ (tiếp cận, thu thập, xử lý và phổ biến thông tin) theo quy định pháp luật một cách tự do, an toàn và không bị cản trở bởi bất kỳ hành vi trái pháp luật nào.*

Các nội hàm của khái niệm này đã xác định được các quyền của nhà báo được pháp luật và xã hội công nhận và bảo vệ. Đây là nền tảng chính danh và cơ sở để nhà báo thực thi sứ mệnh báo chí. Sự công nhận này hàm ý một tương tác hai chiều: xã hội trao quyền và kỳ vọng vào vai trò của báo chí và người làm báo đổi lại, nhà báo cam kết hoạt động một cách chuyên nghiệp, có trách nhiệm và đúng pháp luật. Chính sự công nhận này, được thể chế hóa thông qua các quy định pháp luật và củng cố bằng chuẩn mực đạo đức xã hội, tạo ra hành lang pháp lý và môi trường xã hội cần thiết để nhà báo thực hiện nhiệm vụ của mình một cách hợp pháp, đồng thời được bảo vệ hiệu quả trước mọi hành vi cản trở hoặc xâm phạm. Việc bảo vệ không chỉ dừng lại ở quyền lợi cá nhân của nhà báo mà còn là liên quan chặt chẽ lợi ích công chúng ở hai phương diện: vừa đảm bảo công chúng được thụ hưởng thông tin đầy đủ, khách quan, và đa chiều vừa đặt họ trong sự an toàn với vai trò là nguồn cung cấp thông tin cho nhà báo.

Theo khoản 2 Điều 25 Luật Báo chí năm 2016 thì nhà báo có quyền như sau: Hoạt động báo chí trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hoạt động báo chí ở nước ngoài theo quy định của pháp luật và được pháp luật bảo hộ trong hoạt động nghề nghiệp; Được khai thác, cung cấp và sử dụng thông tin trong hoạt động báo chí theo quy định của pháp luật; Được đến các cơ quan, tổ chức để hoạt động nghiệp vụ báo chí. Khi đến làm việc, nhà báo chỉ cần xuất trình thẻ nhà báo. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp cho nhà báo những tư liệu, tài liệu không thuộc phạm vi bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật; Được hoạt động nghiệp vụ báo chí tại các phiên tòa xét xử công khai; được bố trí khu vực riêng để tác nghiệp; được liên lạc trực tiếp với người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng để lấy tin, phỏng vấn theo quy định của pháp luật; Được đào

tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ báo chí; Khước từ việc tham gia biên soạn hoặc thể hiện tác phẩm báo chí trái với quy định của pháp luật.

Hiểu theo góc độ hẹp của luận án, quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo cần cụ thể hoá ở những hành vi hợp pháp liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của nhà báo đã được tác giả xác định rõ ràng ở trên. Cụ thể:

Thứ nhất, quyền tiếp cận, thu thập và xử lý thông tin báo chí: Đây là quyền nền tảng, đảm bảo nhà báo có thể tiếp cận các nguồn tin, dữ liệu, sự kiện một cách chính đáng và hợp pháp, là cơ sở để tạo ra sản phẩm báo chí chất lượng, có tính phản biện cao. Theo đó, nhà báo được đến các cơ quan, tổ chức để tác nghiệp và được cung cấp thông tin theo Quy định phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí định kỳ và trong trường hợp đột xuất, bất thường. Đồng thời, đối với không gian pháp đình, nhà báo có quyền đến tác nghiệp ở các phiên tòa xử công khai cũng như tiếp xúc với cơ quan tố tụng... Lý do là, Hiến pháp và các luật tố tụng của Việt Nam đều quy định nguyên tắc xét xử công khai, trừ một số trường hợp đặc biệt (ví dụ: liên quan đến bí mật nhà nước, thuần phong mỹ tục, hoặc người chưa thành niên), do đó, việc cho phép báo chí tác nghiệp tại phiên tòa công khai là để cụ thể hóa nguyên tắc này. Nếu tòa án xét xử công khai mà công chúng, bao gồm cả báo chí, không thể theo dõi, đưa tin thì nguyên tắc công khai sẽ bị mất đi ý nghĩa. Việc nhà báo tác nghiệp tại phiên tòa công khai giúp truyền tải thông tin về hoạt động xét xử đến rộng rãi người dân, đáp ứng quyền được thông tin về các vấn đề pháp luật, các vụ án đang diễn ra trong xã hội. Ngoài ra, sự hiện diện của báo chí tại phiên tòa tạo ra một cơ chế giám sát hiệu quả đối với hoạt động của tòa án và những người tiến hành tố tụng.

Thứ hai, quyền phổ biến thông tin nhanh chóng, chính xác và kịp thời: Quyền này không chỉ đòi hỏi sự tự do trong việc truyền tải thông tin mà còn nhấn mạnh trách nhiệm của nhà báo trong việc đảm bảo tính xác thực và tính thời sự của thông tin khi đến với công chúng. Trong quá trình, nhà báo hoàn toàn có thể từ chối việc tham gia biên soạn, thể hiện và công bố tác phẩm báo chí trái với quy định của pháp luật

Thứ ba, quyền bảo vệ nguồn tin: Một trong những nguyên tắc cốt lõi của nghề báo, đảm bảo nhà báo có thể bảo vệ danh tính của những người cung cấp thông tin nhạy cảm, từ đó khuyến khích các cá nhân dũng cảm lên tiếng vì lợi ích chung mà

không sợ bị trả đũa. Bảo vệ nguồn tin của nhà báo là một quyền rất quan trọng trong lĩnh vực báo chí, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay khi thông tin ngày càng trở nên đa dạng và phong phú. Nhà báo, khi thực hiện nhiệm vụ của mình, thường phải thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó có những nguồn tin nhạy cảm hoặc có thể ảnh hưởng đến an toàn cá nhân của người cung cấp. Việc bảo vệ nguồn tin không chỉ là trách nhiệm của nhà báo mà còn là quy định pháp luật, nhằm đảm bảo rằng họ có thể hoạt động độc lập mà không sợ bị trả thù hoặc áp lực từ phía bên thứ ba. Luật Báo chí đã quy định giới hạn việc cơ quan báo chí, nhà báo chỉ phải tiết lộ người cung cấp thông tin khi có yêu cầu bằng văn bản của Viện trưởng VKSND, Chánh án TAND cấp tỉnh và tương đương trở lên cần thiết cho việc điều tra, xét xử tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng.

Thứ tư, quyền được bảo vệ bản thân, gia đình và phương tiện hành nghề an toàn: Đây là quyền mang tính bảo hộ trực tiếp, đảm bảo an toàn về thể chất, tinh thần và tài sản cho nhà báo cùng những người thân yêu, tạo môi trường không bị đe dọa để họ yên tâm cống hiến cho nghề nghiệp.

2.1.2. Tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

2.1.2.1. Giúp nhà báo tự tin và tăng cường uy tín, vị thế của nhà báo

Khi quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo được bảo vệ chặt chẽ, nhà báo có thể yên tâm phát huy tối đa năng lực, chuyên môn và trách nhiệm xã hội của mình.

Từ góc độ tâm lý nghề nghiệp, nếu nhận thấy môi trường làm việc an toàn, không bị cản trở hay đe dọa bất hợp pháp, nhà báo sẽ có tâm lý vững vàng, dồn nhiều tâm sức hơn cho việc tiếp cận hiện trường, tìm kiếm, khai thác, xác minh và công bố thông tin mà không bị xao nhãng bởi mối lo cho chính bản thân và gia đình. Sự an tâm giúp nhà báo chủ động tiếp cận đề tài nhạy cảm (các vấn đề tiêu cực, tham nhũng đến điều tra các góc khuất của đời sống xã hội), nhờ đó thông tin được đưa tới công chúng đầy đủ và sắc bén hơn. Do họ sẽ ít có xu hướng tự kiểm duyệt nội dung do lo ngại các hậu quả tiêu cực. Điều này giúp thông tin được truyền tải một cách khách quan và đầy đủ hơn [63, tr.1-12].

Từ góc độ trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp, được tạo điều kiện hành nghề đúng pháp luật, nhà báo có cơ hội tập trung hơn vào việc tuân thủ chuẩn mực đạo đức, ít bị chi phối bởi những can thiệp không chính đáng (can thiệp bằng vật chất, quyền lực...). Trong bối cảnh làm nghề an toàn, nhà báo cũng tự giác tuân thủ các quy tắc đạo đức cơ bản của người làm báo: trung thực, khách quan, công tâm, không vụ lợi. Từ đó, khẳng định vai trò “*người gác cổng đáng tin cậy*” trong dòng chảy thông tin.

Từ góc độ trách nhiệm pháp lý, khi nhà báo được pháp luật công nhận quyền tác nghiệp, ví dụ như quyền tiếp cận thông tin, quyền không bị kiểm duyệt phi lý, quyền giữ bí mật nguồn tin..., họ thể hiện trước công chúng vai trò độc lập, giàu trách nhiệm, sẵn sàng chịu trách nhiệm về tính xác thực của tin tức. Chính sự độc lập và bảo đảm an toàn pháp lý đã làm nên đặc thù “*chính danh*” của nghề báo. Nhà báo làm việc trong khuôn khổ pháp lý chặt chẽ, tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, công chúng có lý do để tin tưởng vào chất lượng thông tin, từ đó nâng tầm ảnh hưởng xã hội và gia tăng vị thế.

2.1.2.2. Tăng cường uy tín, vị thế của cơ quan báo chí nói riêng và của báo chí nói chung

Uy tín, vị thế của một cơ quan báo chí được xây dựng trên nhiều yếu tố, trong đó có hai yếu tố quan trọng: sự tin cậy của công chúng, khả năng giám sát và phản biện xã hội của tờ báo. Muốn có được sự tin cậy của công chúng, tờ báo phải đảm bảo chất lượng thông tin (chính xác, kịp thời, khách quan) và tính đạo đức, liêm chính của đội ngũ phóng viên, biên tập viên và lãnh đạo toà soạn. Đồng thời, khả năng giám sát và phản biện xã hội chỉ thực hiện tốt khi đội ngũ của cơ quan báo chí đó sẵn sàng phản ánh trung thực, phanh phui sai phạm, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực [96 tr. 754-765].

Khi luật pháp xác lập khuôn khổ và thực thi nghiêm túc những quy định bảo vệ hoạt động tác nghiệp, cơ quan báo chí càng an tâm thúc đẩy phóng viên, biên tập viên nêu lên các vấn đề gai góc, mang tính phản biện xã hội cao. Cơ quan báo chí có thêm dũng khí và khả năng chủ động trong việc phát hiện, đấu tranh với các hành vi sai trái, góp phần nâng tầm hình ảnh “*tiếng nói công luận*” của cả tập thể, chứ không

chỉ riêng từng phóng viên. Mỗi quan hệ chặt chẽ giữa chất lượng thông tin và mức độ bảo vệ nhà báo thể hiện ở việc nếu cơ quan báo chí cho phóng viên biết rõ họ được pháp luật và các tổ chức nghề nghiệp “*chống lưng*” về mặt pháp lý, thì tinh thần phóng viên lên rất cao, tạo ra loạt tin, bài được đánh giá tin cậy, qua đó định vị tờ báo hoặc đài phát thanh - truyền hình như một chủ thể uy tín trong môi trường thông tin đa dạng. Ở một số quốc gia có luật pháp và cơ chế bảo vệ nhà báo rõ ràng, (ví dụ ban hành “*shield law*” - Luật Khiên - đạo luật đặc quyền dành cho báo chí, giúp bảo vệ quyền giữ bí mật nguồn tin), nhà báo có thể tự do thu thập và đưa tin mà không sợ bị truy tố, chất lượng và độ tin cậy của kênh truyền tải được nâng cao [84].

Từ góc độ vĩ mô, khi quyền tác nghiệp được tôn trọng nghiêm túc, báo chí dễ dàng hoàn thành chức năng giám sát, phản biện, đồng thời tạo nền móng cho hoạt động biên tập độc lập. Báo chí cũng vì thế nâng cao vị thế của mình trong hệ thống truyền thông, giúp thiết chế báo chí nhận được sự tin cậy dài lâu từ xã hội. Khung pháp lý vững chắc và môi trường tác nghiệp an toàn chính là điều kiện kiên quyết để tổ chức tòa soạn, đài, hãng thông tấn xây dựng danh tiếng, biến mình thành một “*thương hiệu thông tin*” được công chúng lẫn cơ quan quản lý tôn trọng. Và sau cùng, một cơ quan báo chí độc lập, tuân thủ luật pháp, kiên định bảo vệ quyền hành nghề của các thành viên là tiền đề thúc đẩy báo chí khẳng định vai trò trong quá trình minh bạch hóa thông tin, hoàn thiện thể chế và phát huy trách nhiệm xã hội của toàn ngành.

2.1.2.3. Góp phần làm trong sạch xã hội, thúc đẩy xã hội dân chủ, minh bạch, phát triển tiến bộ

Các mô hình xã hội dân chủ truyền thống khi giải thích mối quan hệ giữa dân chủ - truyền thông đều nhấn mạnh tầm quan trọng cốt yếu của nhà báo trong việc phân phối thông tin, cho phép công dân thực hiện quyền kiểm soát chính thức (thông qua bầu cử) và không chính thức (thông qua dư luận) đối với nhà nước. Theo cách này, nhà báo đảm nhận vai trò giám sát, thu hút sự chú ý của người dân về những bất cập trong hoạt động của các tổ chức nhà nước và thị trường [70]. Trong một xã hội dân chủ, minh bạch, hoạt động nghiệp vụ của những nhà báo thể hiện rõ nét ở vai trò sau:

Thứ nhất, giám sát hoạt động của chính phủ và các cơ quan quyền lực giúp phát hiện, ngăn chặn tham nhũng và lạm quyền. Báo chí được coi là thiết chế giám sát quyền lực, bảo vệ sự minh bạch của xã hội. Một quốc gia cam kết với nền dân chủ sẽ cam kết với quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận vì điều đó đại diện cho sự tiến bộ, hướng tới việc ra quyết định sáng suốt [97]. Việc bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo là điều kiện tiên quyết để báo chí thực hiện vai trò giám sát quyền lực, phản biện xã hội và phát hiện sai phạm. Khi nhà báo được tự do tiếp cận thông tin, điều tra và công bố các sai lệch trong quản trị, họ trở thành “tai mắt” của công chúng, thúc đẩy minh bạch hóa các hoạt động công quyền. Nếu quyền tác nghiệp bị cản trở bởi kiểm duyệt, đe dọa hoặc tấn công, thì thông tin bị bóp méo, xã hội không thể giám sát được quyền lực, từ đó dẫn đến tha hóa quyền lực và lạm dụng.

Thứ hai, nhà báo đóng vai trò then chốt trong việc điều tra và vạch trần tiêu cực. Một trong những chức năng cốt lõi của báo chí là phát hiện, phanh phui các hành vi sai phạm, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội. Những loạt bài điều tra về buôn lậu, chiếm đoạt tài sản công, sai phạm cán bộ... nếu không có sự bảo vệ đúng mức cho nhà báo thì rất khó tồn tại. Nếu nhà báo sợ bị trả thù hoặc bị cản trở khi điều tra, phản ánh sai phạm, thì chính báo chí sẽ bị tước đi chức năng “*giám sát*” và “*phản biện*” vốn dĩ của mình, xã hội vì thế khó trở nên minh bạch và phát triển tiến bộ.

Thứ ba, nhà báo đóng vai trò then chốt trong việc cung cấp thông tin chính xác, đa chiều cho công chúng, đảm bảo quyền được biết và quyền tự do thông tin của người dân. Quyền tác nghiệp của nhà báo không chỉ là quyền của một cá nhân nghề nghiệp, mà còn là quyền mang tính đại diện cho xã hội - đó là quyền tiếp cận và phổ biến thông tin khách quan, trung thực. Khi quyền này bị xâm hại, người dân mất đi cơ hội được tiếp cận thông tin đầy đủ, chính xác, từ đó suy giảm quyền được biết, quyền tham gia giám sát nhà nước, và các quyền dân sự khác. Nói cách khác, bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo là một cách gián tiếp nhưng mạnh mẽ để đảm bảo các quyền công dân khác trong xã hội dân chủ.

2.1.2.4. Tăng cường tính công khai, minh bạch, khách quan, đa chiều của báo chí, hướng đến một nền báo chí tự do và độc lập, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước

Theo thống kê của UNESCO, năm 2024, có 68 nhà báo và nhân viên truyền thông bị sát hại khi đang làm nhiệm vụ [60]. Con số này cho thấy mức độ nguy hiểm của nghề báo và sự cần thiết phải bảo vệ họ. Bảo vệ nhà báo tác nghiệp và bảo vệ nền báo chí tự do, độc lập có mối liên hệ mật thiết, không thể tách rời bởi nhà báo chính là những người trực tiếp thực hiện hoạt động báo chí, là “*đầu tàu*” của nền báo chí. Mối liên hệ này thể hiện ở những nội dung sau:

Nhà báo là người thực thi quyền tự do báo chí: Quyền tự do báo chí được thể hiện rõ nhất qua hoạt động tác nghiệp của nhà báo. Khi nhà báo được tự do tìm kiếm, thu thập, xử lý và công bố thông tin mà không bị can thiệp, đe dọa hay trừng phạt, thì quyền tự do báo chí mới thực sự được đảm bảo. Trong mọi giai đoạn lịch sử, tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và tự do báo chí là tâm điểm chú ý của hệ tư tưởng thống trị, là thước đo về thực hành dân chủ của hệ thống chính trị. Bởi, tự do giao tiếp đại chúng trên báo chí cũng như các phương tiện truyền thông đại chúng là quyền, là thể hiện dân trí, là văn hoá phát triển và là thể hiện quyền lực chính trị của nhân dân. Tự do báo chí là “*không bị ràng buộc hay cưỡng bức, không bị hạn chế hay cấm đoán trong quá trình tìm kiếm, trao đổi, giao tiếp, chia sẻ, sản xuất, phổ biến và truyền bá thông tin, thể hiện ý chí và nguyện vọng của con người một cách công khai trên báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng*” [4, tr 257]. Và một nền báo chí tự do trong tuân thủ trật tự của pháp luật, do pháp luật, phát huy được trách nhiệm chính trị, trách nhiệm xã hội, đạo đức của người làm báo là điều kiện lý tưởng của một xã hội công bằng, dân chủ.

Nhà báo là tiếng nói của công chúng: Nhà báo đóng vai trò là cầu nối giữa công chúng và các sự kiện xã hội, cung cấp thông tin, phản biện và giám sát quyền lực. Bảo vệ nhà báo chính là bảo vệ tiếng nói của công chúng, đảm bảo quyền được biết và quyền được thông tin của người dân. Một cuộc tấn công vào nhà báo chính là tấn công vào nền tảng của quyền con người và quyền được thông tin trong xã hội [59, tr 304-332]. Theo nghĩa này, tự do ngôn luận là một quyền cá nhân cũng như quyền tập thể, và các nhà báo cung cấp một liên kết quan trọng cho phép thực hiện quyền lên tiếng của công chúng, thúc đẩy các cuộc tranh luận có lý lẽ và trách nhiệm giải trình dân chủ.

Nhà báo là người bảo vệ sự thật: Nhà báo có trách nhiệm tìm kiếm và công bố sự thật, phơi bày những vấn đề tiêu cực, những góc khuất của xã hội. Bảo vệ nhà báo chính là bảo vệ sự thật, bảo vệ những giá trị công bằng và chính nghĩa. Muốn bảo vệ sự thật, báo chí phải có sự độc lập, nghĩa là “*không chịu ảnh hưởng của doanh nghiệp và chính phủ, bao gồm: báo chí truyền hình, báo in, phát thanh và trực tuyến, bất kể là phi lợi nhuận hay vì mục đích lợi nhuận, và bao gồm các nhà báo làm việc cho một tổ chức hoặc điều hành kênh truyền thông, ấn phẩm, trang web, podcast hoặc blog của riêng họ*” [52].

Về cơ bản có thể hiểu một nền báo chí độc lập là báo chí không bị kiểm soát hay chi phối bởi bất kỳ thế lực chính trị, kinh tế hay xã hội nào. Nền báo chí này có khả năng tự chủ trong việc thu thập, xử lý và công bố thông tin một cách khách quan, chính xác và trung thực, phục vụ lợi ích của công chúng và xã hội. Đặc thù chính của báo chí độc lập gồm: tự do biên tập, đa dạng và đa chiều, minh bạch và trách nhiệm, phục vụ công chúng, tài chính bền vững.

2.1.2.5. Giảm tình trạng miễn trừ trừng phạt (impunity) đối với các vụ tấn công nhà báo

Miễn trừ trừng phạt (impunity) đề cập đến tình trạng những kẻ tấn công, đe dọa hoặc gây hại đến nhà báo không bị trừng phạt hoặc bị trừng phạt không tương xứng với hành vi phạm tội của họ. Đây là tình trạng không có khả năng buộc những kẻ phạm tội phải chịu trách nhiệm. Miễn trừ trừng phạt có thể xảy ra do nhiều nguyên nhân, bao gồm: *Khung pháp lý yếu kém:* Luật pháp không bảo vệ đầy đủ quyền tự do báo chí, không quy định rõ ràng và nghiêm khắc các hành vi tấn công nhà báo; *Thực thi pháp luật kém hiệu quả:* Các cơ quan thực thi pháp luật thiếu năng lực, không điều tra, truy tố các vụ tấn công nhà báo một cách nghiêm túc; *Tham nhũng và lạm quyền:* Các quan chức tham nhũng có thể bảo kê cho thủ phạm, cản trở quá trình điều tra và truy tố; *Thiếu ý chí chính trị:* Chính phủ không quan tâm hoặc không muốn giải quyết vấn đề tấn công nhà báo [56]. Báo cáo năm 2022 của UNESCO về An toàn của Nhà báo và Nguy cơ bị trừng phạt, Mỹ Latinh và Caribe là khu vực có tỷ lệ sát hại nhà báo cao nhất thế giới. Kể từ năm 1993, toàn thế giới có hơn 1.600 nhà báo đã bị giết

hại vì thực hiện công việc đưa tin và thông tin đến công chúng. Đáng lo ngại hơn, trong chín trên mười trường hợp, thủ phạm không bị trừng phạt [100].

Sự miễn trừ trách nhiệm đối với các vụ tấn công nhà báo không chỉ khuyến khích gia tăng thêm các vụ việc mà còn phản ánh sự suy yếu của hệ thống pháp luật và tư pháp. Việc không điều tra đầy đủ các vụ đe dọa và tấn công nhà báo không chỉ tiếp tay cho tội phạm mà còn gây ra hiệu ứng tiêu cực lan rộng trong xã hội. Tình trạng miễn trừ trừng phạt được coi là nguyên nhân chính dẫn đến việc nhà báo tiếp tục bị sát hại, khuyến khích thủ phạm tiếp tục tấn công nhà báo mà không phải chịu hậu quả pháp lý.

2.1.3. Nội dung của vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

Nội dung của vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo thể hiện ở nhiều góc độ, gắn liền với chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, mức độ tham gia và sẵn sàng bảo vệ của các cơ quan - cá nhân có liên quan, hiệu quả thực tế của các biện pháp bảo vệ, môi trường tác nghiệp báo chí, cũng như các rào cản nhà báo có thể gặp phải.

2.1.3.1. Sự đầy đủ, rõ ràng về chính sách, pháp luật và vai trò định hướng của Đảng, Nhà nước về bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo

Nền tảng chính sách - pháp luật và vai trò định hướng của Đảng, Nhà nước về bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo được xác lập qua hàng loạt văn bản quan trọng, trước hết phải kể đến Hiến pháp, Luật Báo chí và các văn kiện khẳng định quyền tự do báo chí là một quyền hiến định, đồng thời nhấn mạnh trách nhiệm của báo chí trong giám sát, phản biện xã hội. Sự đầy đủ, rõ ràng và nhất quán của chính sách và khung pháp lý là trụ cột then chốt trong việc bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo. Thiếu sót ở bất kỳ khía cạnh nào cũng có thể làm suy yếu đáng kể nỗ lực bảo vệ và gây ra hậu quả nghiêm trọng cho nhà báo, tự do báo chí và xã hội nói chung.

Một khung pháp lý và chính sách quốc gia được coi là “đầy đủ” khi nó đáp ứng trọn vẹn yêu cầu bảo vệ nhà báo, không chỉ trao quyền mà bao gồm cả việc phòng ngừa, can thiệp, xử lý, và khắc phục hậu quả của mọi hành vi cản trở tác nghiệp đúng

quy định. Theo nghiên cứu của Heyn & Srinivasan, một khuôn khổ pháp lý toàn diện trong việc bảo vệ nhà báo cần bao quát đầy đủ mọi hình thức đe dọa và tấn công. Không chỉ dừng ở những dạng bạo lực thể chất như giết hại, bắt cóc, tấn công, đe dọa, hay giam giữ tùy tiện, khuôn khổ này còn phải tính đến các cách thức tấn công tinh vi hơn, chẳng hạn như chiến dịch tấn công trực tuyến, lan truyền thông tin sai lệch (disinformation), quấy rối mang tính kỳ thị giới (misogynistic harassment), cũng như những áp lực phi vật lý khác [67, tr 304-332]. Bên cạnh đó, phạm vi bảo vệ không chỉ giới hạn trong nhóm nhà báo chuyên nghiệp mà mở rộng cho cả nhà báo tự do, blogger và bất kỳ cá nhân nào tham gia đóng góp thông tin qua các kênh truyền thông vì lợi ích cộng đồng, đặc biệt lưu tâm đến những nhóm dễ bị tổn thương, như phụ nữ làm báo. Việc bảo vệ này phải được triển khai nhất quán ở tất cả 03 cấp độ: quốc tế, khu vực và quốc gia, với sự phối hợp chặt chẽ nhằm bảo đảm hiệu quả thực thi. Nghĩa là, chính sách và luật trong nước hài hòa với các công ước và điều ước quốc tế mà quốc gia đó là thành viên đồng thời tham chiếu các nghị quyết, khuyến nghị từ Liên Hợp Quốc, cũng như các cơ chế nhân quyền cấp khu vực. Sự đồng bộ này giúp đảm bảo tính thống nhất, tránh xung đột pháp lý và tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc khi cần thiết lập cơ chế hợp tác đa quốc gia.

Sự rõ ràng trong chính sách và khung pháp lý là việc các nội dung định hướng, quy định được trình bày một cách chi tiết, dễ hiểu và không gây mâu thuẫn. Khi đó, mọi bên liên quan đều hiểu rõ nghĩa vụ và quyền hạn của mình, giúp đảm bảo tính hiệu quả, nhất quán và công bằng trong quá trình bảo vệ. Sự rõ ràng trong chính sách và khung pháp lý bao gồm: Định nghĩa rõ ràng (các từ khoá cơ bản trong nội dung luật định cần phải đưa ra nội hàm đầy đủ); Quy trình rõ ràng (Quy trình điều tra, truy tố và xét xử các vụ việc vi phạm cần minh bạch, hiệu quả, tránh tình trạng “miễn trừ hình sự”); Trách nhiệm rõ ràng: (Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các nền tảng truyền thông xã hội và các cá nhân trong việc bảo vệ nhà báo cần được xác định rõ ràng. Các nền tảng truyền thông xã hội có trách nhiệm ngăn chặn và xử lý các hành vi tấn công trực tuyến, trong khi các cơ quan nhà nước có trách nhiệm điều tra và truy tố các vụ việc vi phạm) [85].

Sự nhất quán trong chính sách và khung pháp lý được hiểu là trạng thái trong đó các quy định được soạn thảo, diễn giải và áp dụng một cách đồng bộ, không mâu thuẫn và không chồng chéo. Nhất quán thể hiện ở sự các văn bản luật, nghị định, thông tư và chính sách liên quan đến báo vệ hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo phải tương đồng về mục tiêu, không chứa những điều khoản trái ngược hoặc gây khó hiểu hoặc chồng chéo giữa các luật và quy định khác nhau. Bên cạnh đó, quá trình thực thi pháp luật phải được thực hiện một cách đồng đều trên toàn quốc, tuân thủ cùng một tiêu chuẩn và không có sự phân biệt về đối tượng hay khu vực địa lý. Hệ thống quy định nên hài hòa với các công ước, hiệp ước mà quốc gia tham gia, qua đó bảo đảm không xảy ra xung đột pháp lý và giữ vững cam kết quốc tế.

2.1.3.2. Hiệu quả trong thực thi pháp luật

Thực thi pháp luật có hiệu quả có thể được hiểu theo nghĩa hẹp là việc cảnh sát và các cơ quan chức năng thực thi luật pháp, nhưng cũng có thể được hiểu theo nghĩa rộng hơn là việc duy trì trật tự xã hội và củng cố các quy tắc xã hội cũng như các hệ tư tưởng thống trị [75]. Dù được hiểu theo nghĩa nào, thực thi pháp luật hiệu quả đều đóng vai trò thiết yếu trong việc duy trì trật tự xã hội, bảo vệ công dân, ngăn chặn và khắc phục những hành vi gây hại đến công dân, tài sản và môi trường. Thực thi pháp luật hiệu quả đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo rằng các quy định pháp luật bảo vệ quyền nhà báo không chỉ tồn tại trên giấy tờ mà còn được thực hiện nghiêm túc trong thực tế, qua đó tạo ra một môi trường an toàn và thuận lợi để nhà báo thực hiện công việc của mình mà không phải lo sợ bị trả thù hay cản trở.

Thực thi pháp luật hiệu quả là một quá trình phức tạp, đòi hỏi sự kết hợp của nhiều yếu tố để đạt được mục tiêu duy trì trật tự xã hội và bảo vệ quyền của mọi công dân, bao gồm cả nhà báo. Các yếu tố cấu thành bao gồm: một khung pháp lý rõ ràng và toàn diện, năng lực của các cơ quan thực thi pháp luật (về nhân lực, kỹ thuật, và nguồn lực), cơ chế giám sát và kiểm soát hiệu quả cả bên trong lẫn bên ngoài, một văn hóa tổ chức đề cao tính chính trực và trách nhiệm, và sự tham gia, ủng hộ của cộng đồng [94].

2.1.3.3. Mức độ sẵn sàng bảo vệ từ các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan

Mức độ sẵn sàng bảo vệ từ các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thể được hiểu là tổng hòa các nỗ lực, cam kết, năng lực và hiệu quả hành động của các chủ thể liên quan (cơ quan nhà nước, tổ chức truyền thông, tổ chức xã hội dân sự, cá nhân và cộng đồng quốc tế) trong việc đảm bảo an toàn và các quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo. Sự sẵn sàng thể hiện qua việc ban hành và thực thi các chính sách, luật pháp, quy định, cũng như các tuyên bố công khai về tầm quan trọng của việc bảo vệ quyền nhà báo. Điều này bao gồm việc các cơ quan có thẩm quyền có thực sự coi trọng và ưu tiên vấn đề này hay không. Bên cạnh đó, sự sẵn sàng liên quan đến khả năng thực tế của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc triển khai các biện pháp bảo vệ. Đối với cơ quan nhà nước, điều này bao gồm năng lực điều tra, truy tố các hành vi xâm phạm quyền nhà báo một cách hiệu quả và độc lập. Đối với cơ quan báo chí, đó là khả năng hỗ trợ pháp lý, nâng cao nhận thức về an toàn cho nhà báo và lên tiếng bảo vệ quyền của họ. Đối với xã hội dân sự và cộng đồng quốc tế, đó là khả năng giám sát, lên án các hành vi vi phạm và hỗ trợ các nhà báo bị đe dọa. Sự sẵn sàng được đánh giá là hiệu quả dựa trên kết quả thực tế của các nỗ lực bảo vệ, ví dụ như số lượng các vụ xâm phạm quyền nhà báo được điều tra và xử lý thành công, mức độ an toàn mà nhà báo cảm thấy khi tác nghiệp, và sự thay đổi trong môi trường pháp lý và chính trị có lợi cho quyền tự do báo chí.

2.1.3.4. Vấn đề về nhận thức của nhà báo

Trong bối cảnh thông tin đa chiều và phức tạp như hiện nay, việc nhà báo am hiểu và nhận thức rõ ràng về quyền hoạt động nghề không chỉ là một lợi thế mà còn là một yêu cầu tất yếu. Nhà báo nhận thức tốt về quyền hoạt động nghề thường có xu hướng tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng sự thật và khách quan trong thông tin. Nhận thức về quyền hoạt động nghề không chỉ là trách nhiệm của mỗi nhà báo mà còn là yếu tố quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của cả ngành báo chí. Nâng cao nhận thức toàn diện về các khía cạnh dưới đây sẽ giúp nhà báo hiểu rõ hơn về quyền hoạt động báo chí của mình, từ đó có thể bảo vệ và thực thi quyền này hiệu quả hơn trong quá trình làm việc:

Nhận thức sâu sắc về pháp lý: Ở mức độ nhận thức sâu sắc nghĩa là nhà báo đã hình thành tư duy pháp lý. Theo đó, “*tư duy pháp lý giúp cho nhà báo nắm được quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân; nắm tổ chức và hoạt động báo chí, quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia và có liên quan đến hoạt động báo chí, nắm được quản lý nhà nước về báo chí; nắm vững vai trò của báo chí ở Việt Nam là phương tiện thông tin thiết yếu đối với đời sống xã hội, là cơ quan ngôn luận của cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, là diễn đàn của nhân dân; nắm vững các nhiệm vụ, quyền hạn của báo chí Việt Nam...*” [14, tr 17-19]

Nhận thức rõ về trách nhiệm xã hội của nhà báo: Trách nhiệm xã hội không chỉ dừng ở việc đưa tin chính xác, kịp thời, mà còn gắn liền với ý thức tôn trọng lợi ích chung của cộng đồng. “*Thông tin báo chí là một loại hàng hóa mang tính xã hội chứ không phải hàng hóa vật chất, có nghĩa là các nhà báo cùng nhau có trách nhiệm truyền tải thông tin và đó không chỉ là trách nhiệm đối với những người quản lý các phương tiện truyền thông đại chúng mà còn là trách nhiệm với công chúng, với nhiều lợi ích xã hội khác nhau*” [12, tr 63]. Vì lẽ đó, trách nhiệm xã hội đòi hỏi mỗi nhà báo phải luôn cân nhắc: làm thế nào để thông tin mà mình đưa ra giúp cộng đồng tiếp cận sự thật, hạn chế định kiến hoặc bức xúc vô căn cứ. Sâu xa hơn, một nhà báo nhận thức rõ trách nhiệm xã hội của mình sẽ dám dấn thân vào những chủ đề gai góc, chấp nhận áp lực dư luận, gạt bỏ tư lợi để ưu tiên thông tin có giá trị cộng đồng.

Nhận thức về các loại vi cản trở khác nhau trong quá trình tác nghiệp: Theo Red Communication, có 12 loại hành vi thường xuyên cản trở hoạt động nghề nghiệp của các nhà báo Việt Nam. Đó là các hành vi né tránh cung cấp thông tin, gây khó dễ, tác động, mua chuộc đến đe dọa, giữ người, tấn công gây thương tích, trả thù... [88, tr. 21-36]. Những hành vi này nếu xét về tính chất nghiêm trọng, mức độ gây ra tổn thương về mặt thể chất và tinh thần, có thể chia ra làm hai loại: “cản trở mềm” và “cản trở cứng” (dùng bạo lực). “Cản trở mềm” là những hành vi gây khó khăn, hạn chế, hoặc cản trở công việc của nhà báo một cách không trực tiếp, không mang tính

bạo lực hay đe dọa rõ ràng về thể chất. “Cản trở mềm” thường biểu hiện qua các hình thức tinh vi hơn, gây khó khăn âm thầm nhưng vẫn ảnh hưởng đến hiệu quả tác nghiệp và quyền được thông tin của công chúng. Ngược lại là “cản trở cứng” là những hành động tấn công hay đe dọa trực tiếp, mang tính chất bạo lực, gây ra những tổn thương về mặt thể chất lẫn tinh thần.

Tuy nhiên, trong thời đại bùng nổ thông tin, sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội, hành vi cản trở không dừng lại ở hiện trường sự việc mà lan tràn trên internet và mạng xã hội với nhiều hình thức nguy hiểm không kém. Xét về môi trường thực hiện cản trở, có thể chia thành hai nhóm: cản trở trên môi trường trực tuyến và phi trực tuyến. Cản trở phi trực tuyến là nhóm hành vi diễn ra trong quá trình tác nghiệp thực địa, tiếp xúc trực tiếp giữa nhà báo với đối tượng hoặc môi trường đưa tin. Cản trở trực tuyến là tập hợp những hành vi: *Tấn công qua ngôn ngữ và hình ảnh* (lăng mạ, xúc phạm bằng từ ngữ thô tục - dùng ảnh chế, cắt ghép hình ảnh để hạ uy tín nhà báo - gửi bình luận thù hận, kỳ thị giới, kỳ thị chủng tộc); *Đe dọa và khủng bố tinh thần* (đe dọa giết hại, cưỡng bức, tấn công người thân - tổ chức tấn công theo nhóm (coordinated trolling) - tung tin giả về nhà báo để bôi nhọ, kích động thù ghét); *Xâm phạm đời tư - an ninh mạng* (doxxing: công bố thông tin cá nhân - tấn công tài khoản cá nhân, email, máy tính, đánh cắp dữ liệu - giám sát số, theo dõi hành vi trực tuyến, xâm nhập phần mềm); *Gián tiếp cản trở quyền tác nghiệp* (Bóp méo thuật toán phân phối nội dung (algorithmic suppression) - kiểm duyệt nội dung trên nền tảng số một cách thiên vị - không phản hồi hoặc xử lý chậm trễ các báo cáo vi phạm)... Một đặc điểm nguy hiểm là hành vi cản trở trực tuyến có thể dẫn đến tấn công thực tế. Các nhà báo bị bôi nhọ, đe dọa trên mạng thường trở thành mục tiêu trong đời sống thực, với các vụ theo dõi, bạo lực hoặc kiện cáo vu khống. Slavtcheva-Petkova và cộng sự (2023) chỉ rõ: “*Tấn công kỹ thuật số không chỉ làm tổn thương tinh thần nhà báo, mà còn tạo ra nguy cơ hiện hữu về thể chất, dẫn đến từ bỏ nghề hoặc tự kiểm duyệt*” [95, tr 1211-1229]. Căn cứ vào thực tế diễn ra trong bối cảnh kỹ thuật số, tác giả đưa ra 13 hành vi cản trở, bao gồm: *bị né tránh/ từ chối cung cấp thông tin; bị mua chuộc; bị trì hoãn/ cản trở/ gây khó dễ; bị từ chối tiếp cận hiện trường, nhân vật; bị thu giữ*

phương tiện tác nghiệp; bị đe dọa, khủng bố tinh thần (trực tiếp, trên internet); bị vu khống, bôi nhọ (trực tiếp, trên internet); bị quấy rối tình dục (trực tiếp, trên internet); bị tấn công/ hành hung gây thương tích; bị giam/ giữ trái phép; bị gây sức ép sau khi sản phẩm được công bố; bị trả thù.

Nhận thức về mối đe dọa và rủi ro an toàn mà nhà báo phải đối mặt: Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng nhà báo phải đối mặt với nhiều loại rủi ro khác nhau như rủi ro về thể chất, tâm lý, tài chính, pháp lý, xã hội và cảm xúc khi thực hiện công việc [69]. Nếu không nhận thức rõ ràng về rủi ro, nhà báo dễ rơi vào trạng thái bị động, lo sợ hoặc bị sốc tâm lý khi đối mặt với các sự cố như bị đe dọa, quấy rối hoặc vu khống. Việc chuẩn bị tâm lý và hiểu biết về các nguy cơ tiềm ẩn sẽ giúp nhà báo giữ vững bản lĩnh nghề nghiệp, xử lý tình huống một cách tỉnh táo và đúng quy trình, đồng thời tránh vi phạm pháp luật hoặc đạo đức báo chí trong lúc hoảng loạn. Nhận thức về rủi ro không chỉ là yếu tố tâm lý cần thiết mà còn là công cụ tăng cường sức đề kháng nghề nghiệp trong các môi trường có xung đột.

Nâng cao nhận thức về các biện pháp tự bảo vệ: Nhà báo cần được đào tạo về các kỹ năng an toàn và cách đưa tin trong môi trường nguy hiểm cũng như cách sử dụng các thiết bị bảo hộ cần thiết khi tác nghiệp. Heyns & Srinivasan (2013) tiến hành đánh giá các biện pháp can thiệp có thể thực hiện giúp đảm bảo an toàn hơn cho các nhà báo nhận định các nhà báo quốc tế ít bị nhắm mục tiêu hơn. Ngược lại, các nhà báo địa phương thường bị cô lập và do đó, dễ bị tổn thương hơn. Lý giải điều này, các học giả cho rằng nhà báo quốc tế có vị thế tốt hơn để ứng phó với các mối đe dọa đối với họ.. do được đào tạo về an toàn đặc biệt, cũng như đào tạo sơ cứu và có thiết bị bảo vệ [67].

Nâng cao nhận thức về các nguồn hỗ trợ: Nhà báo cần biết về sự tồn tại của các tổ chức hỗ trợ và bảo vệ nhà báo ở cấp quốc gia và quốc tế. Họ cũng cần biết cách tiếp cận các nguồn hỗ trợ này khi cần thiết. Hoạt động của các nhà báo thường được đặt dưới sự bảo vệ của quốc gia. Trong một số trường hợp, chính phủ có thể sử dụng các kênh ngoại giao và sự bảo vệ ngoại giao để giải quyết hoàn cảnh khó khăn của công dân mình khi tác nghiệp báo chí ở các quốc gia khác.

Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của đoàn kết nghề nghiệp: Sự đoàn kết nghề nghiệp đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc hỗ trợ nhà báo đối mặt với các tình huống rủi ro trong quá trình tác nghiệp. Sự đoàn kết trong nội bộ giới báo chí giúp chuyển hóa những phản ứng rời rạc thành sức ép xã hội và thể chế có tổ chức. Khi một nhà báo bị tấn công, nếu toàn ngành im lặng, sự xâm hại sẽ bị bỏ qua hoặc coi nhẹ. Ngược lại, khi các đồng nghiệp, cơ quan báo chí, hiệp hội nghề nghiệp cùng lên tiếng, vụ việc có thể trở thành tâm điểm chú ý, buộc các cơ quan chức năng phải vào cuộc. Nâng cao nhận thức về đoàn kết nghề nghiệp giúp xây dựng cơ chế tự bảo vệ nội bộ trong các cơ quan báo chí. Không phải mọi sự bảo vệ đều đến từ bên ngoài như luật pháp hay cơ quan công quyền; nhiều trường hợp, sự hỗ trợ khẩn cấp đầu tiên đến từ chính tòa soạn hoặc tổ chức đồng nghiệp. Khi các nhà báo có nhận thức rõ ràng về tinh thần tương trợ, họ sẽ chủ động thiết lập mạng lưới an toàn nội bộ như nhóm tác nghiệp an toàn, hỗ trợ pháp lý nội bộ, hay chia sẻ thông tin về rủi ro.

2.1.3.5. Vấn đề về nhận thức của xã hội

Nhận thức xã hội đúng đắn là tiền đề để nhà báo được tôn trọng trong quá trình thực hiện chức năng giám sát, phản biện. Trong xã hội hiện đại, nhà báo không chỉ là người đưa tin mà còn là chủ thể thực thi quyền giám sát của nhân dân đối với quyền lực nhà nước, các tổ chức xã hội và doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu xã hội không hiểu và không ủng hộ vai trò này, nhà báo dễ bị xem như “*kẻ gây rối*”, “*xâm phạm đời tư*”, hoặc “*thế lực chống đối*”. Công chúng chỉ có thể bảo vệ báo chí nếu họ nhận thức được rằng “*báo chí là một thành tố của quản lý xã hội*” [62, tr.46], là nhân tố thiết yếu trong việc duy trì nhà nước pháp quyền và dân chủ. Như vậy, một xã hội hiểu rõ và chia sẻ vai trò của báo chí sẽ là điểm tựa tinh thần và thực tiễn giúp nhà báo thực hiện nhiệm vụ một cách an toàn và đúng pháp luật.

Sự ủng hộ từ xã hội là yếu tố làm tăng áp lực buộc các cơ quan chức năng phải bảo vệ nhà báo. Khi nhà báo bị đe dọa, tấn công, hoặc cản trở quyền tiếp cận thông tin, phản ứng từ công chúng đóng vai trò rất quan trọng trong việc tạo sức ép lên các thiết chế bảo vệ. Những vụ việc được dư luận quan tâm thường buộc chính quyền địa phương, cơ quan tư pháp và tổ chức nghề nghiệp phải vào cuộc nhanh chóng và minh bạch hơn.

2.1.4. Những yếu tố tác động đến vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

Để xác định các yếu tố tác động đến vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, luận án tập trung vào nghiên cứu từ những tác động mang tính chất vĩ mô: chính trị, xã hội, kinh tế, công nghệ... đối với báo chí, đến những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến nhà báo trong quá trình làm nghề.

Một trong những công trình nghiên cứu trên thế giới về những yếu tố tác động đến tin tức trên báo chí do Herbert J. Gans thực hiện đã phân tích kỹ lưỡng về ảnh hưởng của các yếu tố xã hội, chính trị và kinh tế đối với quá trình đưa tin của các phương tiện truyền thông quốc gia lớn ở Mỹ. Gans chỉ ra rằng, những yếu tố này có vai trò then chốt trong việc nhà báo định hình cách thức mà tin tức được chọn lọc và trình bày đến công chúng. Về mặt xã hội, Gans nhấn mạnh rằng báo chí có xu hướng phản ánh các giá trị văn hóa và xã hội của tầng lớp trung lưu, đặc biệt là những giá trị về dân chủ và tư bản chủ nghĩa có trách nhiệm. Điều này dẫn đến việc các nhà báo thường chọn lọc và ưu tiên những câu chuyện phản ánh sự ổn định và trật tự xã hội. Những xung đột xã hội, chẳng hạn như biểu tình hoặc phong trào dân quyền, chỉ được báo chí quan tâm khi chúng có ảnh hưởng lớn hoặc thách thức các giá trị xã hội cơ bản. Gans cũng lưu ý rằng mặc dù các nhà báo thường tự tuyên bố là khách quan, nhưng quan điểm về công bằng xã hội của họ vẫn có thể tác động đến quyết định chọn lựa tin tức, và điều này đôi khi dẫn đến sự thiên lệch. Về mặt chính trị, Gans nhận thấy rằng quyền lực chính trị có tác động mạnh mẽ đến tin tức. Các phương tiện truyền thông thường ưu tiên những sự kiện liên quan đến chính phủ, đặc biệt là những nhân vật quyền lực như tổng thống, thành viên quốc hội, và các quan chức cấp cao.

Quá trình này tạo ra sự phụ thuộc lớn của các nhà báo vào các nguồn tin chính thức và thường dẫn đến việc những câu chuyện chính trị được chọn lọc và báo cáo theo cách có lợi cho giới lãnh đạo. Sự phụ thuộc này đồng nghĩa với việc các nhân vật quyền lực có khả năng kiểm soát và định hướng nội dung tin tức mà công chúng tiếp cận. Yếu tố kinh tế cũng là một khía cạnh quan trọng trong quá trình quyết định đưa tin. Gans chỉ ra rằng các phương tiện truyền thông, ngoài vai trò cung cấp thông tin, còn là những

doanh nghiệp phụ thuộc vào doanh thu quảng cáo. Điều này tạo ra áp lực khiến các tổ chức tin tức phải lựa chọn những câu chuyện hấp dẫn khán giả nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Những tin tức liên quan đến bê bối, tội phạm, hoặc giải trí thường được ưu tiên hơn những tin tức về chính sách hoặc các vấn đề phức tạp. Gans nhấn mạnh rằng mô hình kinh tế này đã tác động sâu sắc đến cấu trúc tin tức, khi các nhà báo phải cân nhắc giữa nhiệm vụ cung cấp thông tin khách quan và yêu cầu thương mại [64].

Dưới góc độ tiếp cận từ mối quan hệ phức tạp giữa báo chí với các lực lượng chính trong xã hội, tác giả Amanullah Jawad đã gọi ý những nhân tố ảnh hưởng đến nhà báo và truyền thông gồm: các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, và các sự kiện quốc tế [54]. Các nhà báo thường phải đối mặt với áp lực từ nhiều phía, từ việc kiểm duyệt thông tin cho đến việc phụ thuộc tài chính. Trong các xã hội dân chủ, chính phủ có thể sử dụng luật pháp và các quy định để kiểm soát truyền thông một cách tinh vi hơn. Tác giả cũng chỉ ra rằng trong các xã hội độc tài, việc kiểm soát truyền thông bởi nhà nước là điều hiển nhiên. Truyền thông thường bị biến thành công cụ tuyên truyền cho chính phủ, và các nhà báo thường xuyên bị đe dọa và đàn áp.

Dưới góc độ tiếp cận các mối đe dọa về pháp lý và kinh tế, nhà báo phải đối mặt với nhiều mối đe dọa, cả về mặt pháp lý lẫn kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến sự an toàn của họ, bao gồm: 1) Đe dọa pháp lý, theo đó chính phủ gia tăng sử dụng luật pháp áp chế quyền tự do ngôn luận của nhà báo để bảo vệ lợi ích của giới tinh hoa quyền lực. 2) Giám sát bất hợp pháp qua sử dụng phần mềm gián điệp để theo dõi hoạt động của nhà báo đang gia tăng, xâm phạm quyền riêng tư và gây nguy hiểm cho nguồn tin của họ. 3) Ngắt kết nối internet gây ảnh hưởng lớn đến khả năng đưa tin của nhà báo và hạn chế quyền tiếp cận thông tin của công chúng. 4) Đe dọa kinh tế do sự chuyển dịch của khán giả và doanh thu sang nền tảng trực tuyến đã dẫn đến sự suy giảm của các mô hình truyền thông truyền thống, khiến các cơ quan truyền thông và nhà báo gặp khó khăn về tài chính 5) Điều kiện lao động bấp bênh, đặc biệt là nhà báo nữ và nhà báo tự do, thường phải đối mặt bao gồm lương thấp, thiếu bảo hiểm xã hội và nguy cơ bị sa thải 6) Khoảng cách về thu nhập do định kiến giới, cụ thể nữ giới trong ngành truyền thông thường xuyên phải đối mặt với khoảng cách lương

so với nam giới. 7) Ngoài ra, các yếu tố khác: như bạo lực và quấy rối (nhà báo, đặc biệt là nhà báo nữ, phải đối mặt với nguy cơ bị bạo lực, quấy rối và đe dọa, cả trực tuyến lẫn ngoại tuyến), tự kiểm duyệt (do lo sợ bị trả thù, nhiều nhà báo buộc phải tự kiểm duyệt, hạn chế khả năng đưa tin về các vấn đề nhạy cảm), thiếu sự hỗ trợ (Nhiều nhà báo thiếu sự hỗ trợ từ các cơ quan báo chí, chính phủ và các tổ chức quốc tế khi đối mặt với các mối đe dọa)... khiến an toàn của nhà báo đang bị đe dọa nghiêm trọng [103].

Dựa trên các phân tích trên, tác giả xây dựng những yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo như sau:

STT	Yếu tố	Giá trị
1	Môi trường chính trị - xã hội	Yếu tố nền tảng định hình không gian pháp lý và thực tiễn cho quyền tác nghiệp của nhà báo.
2	Nhận thức của xã hội	Nhận thức cộng đồng và văn hóa truyền thông ảnh hưởng đến mức độ bảo vệ nghề báo. Cách xã hội nhìn nhận vai trò giám sát quyền lực và tự do biểu đạt là rất quan trọng. Việc nâng cao nhận thức về vai trò của báo chí trong xã hội có thể góp phần bảo vệ quyền lợi cho nhà báo.
3	Yếu tố pháp lý	Một khung pháp lý toàn diện, cơ chế thực thi hiệu quả tạo ra một môi trường lý tưởng để các nhà báo tự do đưa tin một cách khách quan và trung thực.
4	Yếu tố công nghệ	Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ kỹ thuật số đã làm thay đổi môi trường tác nghiệp của nhà báo. Bên cạnh những lợi ích như mở rộng khả năng tiếp cận thông tin, lan tỏa nội dung nhanh chóng và đa nền tảng, công nghệ số cũng tạo ra nguy cơ tấn công mạng, giám sát số, doxxing, quấy rối và theo dõi phi pháp.
5	Yếu tố kinh tế	Áp lực thương mại, tài chính và cơ chế thị trường định hình tính dễ tổn thương của báo chí
6	Các yếu tố cá nhân (bao gồm: giới tính, dân tộc, tôn giáo, lĩnh vực đưa tin, hiểu biết pháp luật, đạo đức, năng lực, phẩm chất..)	Hiểu biết pháp luật giúp nhà báo nhận diện ranh giới hợp pháp trong tác nghiệp, từ đó tự bảo vệ mình và xử lý tình huống vi phạm đúng quy trình. Đạo đức nghề nghiệp là nền tảng đảm bảo tính chính trực, khách quan, tránh bị lợi dụng, sai phạm, từ đó tạo uy tín và bảo vệ chính đáng quyền hành nghề. Năng lực, phẩm chất quyết định khả năng ứng phó với tình huống rủi ro, thương lượng, thu thập bằng chứng, và phản hồi phù hợp khi bị cản trở, giúp nhà báo chủ động trong mọi môi trường nghề nghiệp.

		Sự phân biệt, đối xử, định kiến xã hội và bản chất nhạy cảm của một số lĩnh vực đã tạo ra những thách thức đặc thù, đòi hỏi sự quan tâm và bảo vệ đặc biệt đối với các nhà báo.
--	--	---

Bảng 2.1: Những yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp

2.2. Cơ sở thực tiễn của vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

Trải qua gần 100 năm ra đời, báo chí Cách mạng Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với mục tiêu phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân đã thể hiện rõ vai trò quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước trước đây, cũng như trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Đảng ta đã nhiều lần khẳng định vai trò và vị trí vô cùng to lớn, quan trọng của báo chí. Trên cơ sở đánh giá ấy, những người làm báo được coi là chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng của Đảng, công tác cán bộ báo chí được Đảng rất quan tâm [32, tr.30]. Để sử dụng và phát huy sức mạnh của báo chí, góp phần kiến tạo những thành tựu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, việc xây dựng cơ sở chính trị, pháp lý đảm bảo quyền tác nghiệp của nhà báo giữ một vị trí quan trọng. Bởi lẽ, chỉ có trên cơ sở một chế độ chính trị - xã hội ngày càng hướng tới sự dân chủ, với một Nhà nước pháp quyền nghiêm minh thì quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo mới được đảm bảo vững chắc.

2.2.1. Cơ sở chính trị

Cơ sở chính trị của vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp là quan điểm của Đảng trong lãnh đạo báo chí ở bốn khâu: định hướng phát triển, định hướng nội dung, công tác cán bộ, công tác kiểm tra, trong đó khâu cán bộ đóng vai trò quyết định.

Ngay từ Nghị quyết đầu tiên, Đảng ta đã dành sự quan tâm lớn cho báo chí. Nghị quyết của Trung ương toàn thể Đại hội về tình hình hiện tại ở Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng (10/1930) đã nhấn mạnh việc Đảng phải mở rộng tuyên truyền cổ động, ra báo, sách, truyền đơn... “*để làm cho quần chúng biết mục đích của Đảng và ý kiến của Đảng đối với các việc quan trọng xảy ra*”. Từ nhận thức đúng về tầm quan trọng của báo chí, ngay từ thời điểm đầu của tiến trình cách mạng, hầu

hết các đồng chí lãnh đạo và cán bộ chủ chốt ta đều tham gia trực tiếp làm báo hay tổ chức, lãnh đạo các tờ báo của Đảng. Sau này, trong các Văn kiện, Nghị quyết qua 13 kỳ Đại Hội, Đảng luôn đánh giá đúng vị trí, vai trò quan trọng của báo chí, đồng thời luôn đảm bảo giữ vai trò lãnh đạo tuyệt đối và xuyên suốt của Đảng với báo chí. Đảng ta khẳng định: Báo chí là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, của tổ chức chính trị - xã hội và là diễn đàn của Nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật; bảo đảm tính tư tưởng, tính chân thật, tính nhân dân, tính chiến đấu và tính đa dạng [10, tr. 43]. Theo thống kê của Ban Tuyên giáo Trung ương, trong 30 năm đổi mới (1986-2016), Đảng ta đã ban hành 48 nghị quyết, kết luận, chỉ thị về lĩnh vực báo chí - xuất bản, trong đó, lĩnh vực báo chí, truyền thông là 22 văn bản. Cùng với đó, Chính phủ và các bộ ban ngành đã ban hành 35 văn bản quy phạm pháp luật để chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện pháp luật đối với lĩnh vực báo chí - xuất bản, trong đó, lĩnh vực báo chí, truyền thông là 21 văn bản [48].

Về định hướng phát triển báo chí, văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “*Xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại*”. Đây là sự nối tiếp nhất quán quan điểm, chủ trương của Đảng trong Nghị quyết Trung ương 5 khóa X về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới. Theo định hướng đó, nền báo chí cách mạng phải đáp ứng nội dung sau:

Tính chuyên nghiệp: Đòi hỏi các nhà báo và cơ quan báo chí phải hoạt động dựa trên nền tảng tri thức văn hóa phong phú, có kiến thức sâu rộng về chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ vững vàng, khả năng tiếp cận và ứng dụng công nghệ hiện đại, đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp. Để phát triển một nền báo chí chuyên nghiệp, cần phải giải quyết những vấn đề cốt lõi như: lãnh đạo và quản lý hoạt động báo chí một cách chuyên nghiệp; tổ chức hiệu quả các hoạt động của cơ quan báo chí; xây dựng một đội ngũ nhà báo chuyên nghiệp; và đảm bảo công tác đào tạo báo chí cũng đạt tiêu chuẩn chuyên nghiệp.

Tính nhân văn: Thể hiện sâu sắc qua việc luôn đề cao, quý trọng và ca ngợi những giá trị văn hóa chung của cộng đồng, vì con người và lợi ích cộng đồng. Báo chí cách mạng không chỉ hướng đến lợi ích dân tộc mà còn đề cao các giá trị văn hóa phổ quát của nhân loại, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, nhằm hướng tới hòa bình, ổn định, sự tiến bộ và phát triển bền vững của cộng đồng quốc tế. Trong hoạt động báo chí và truyền thông, tính nhân văn được thể hiện qua thái độ tiếp cận, đánh giá các sự kiện và vấn đề xã hội, luôn quan tâm đến những ảnh hưởng đối với cộng đồng và số phận con người. Đồng thời, nó phản ánh quan điểm, thái độ và những nỗ lực không ngừng nghỉ trong việc đấu tranh vì quyền con người, dân chủ, dân sinh, vì sự tiến bộ xã hội và bảo vệ những giá trị nhân văn chân chính. Tính nhân văn của báo chí cách mạng Việt Nam phải được xây dựng trên cơ sở nền tảng đạo đức và pháp luật. Do vậy, để bảo đảm tính nhân văn trong hoạt động báo chí, nhà báo nhất thiết phải trang bị tốt kiến thức và trau dồi tốt ý thức về luật pháp nói chung, pháp luật về hoạt động báo chí nói riêng, phải nắm vững và tự giác thực hiện 10 điều quy định đạo đức nghề nghiệp của người làm báo Việt Nam.

Tính hiện đại: đòi hỏi sự phát triển toàn diện trên nhiều phương diện, bao gồm cả công nghệ - kỹ thuật làm báo và phong cách của nhà báo, cũng như phong cách của người quản lý báo chí. Trong bối cảnh hiện nay, khi báo chí hiện đại đang hoạt động trong kỷ nguyên số, việc cập nhật và làm chủ các thiết bị công nghệ, phương thức làm báo tiên tiến, cũng như quy trình tác nghiệp, là vô cùng quan trọng. Nhà báo và các cơ quan báo chí cần nắm vững tri thức hiện đại về nghề, kết hợp với các kỹ năng thao tác chuyên nghiệp, khả năng sử dụng và kiểm soát công nghệ mới, giúp nâng cao chất lượng tác nghiệp và đảm bảo việc tổ chức, quản lý tòa soạn theo mô hình hội tụ, đáp ứng yêu cầu của cơ quan báo chí - truyền thông đa phương tiện. Phong cách tác nghiệp và quản lý báo chí hiện đại phải phản ánh sự kết hợp giữa kiến thức chuyên môn sâu rộng, kỹ năng công nghệ, và khả năng tổ chức linh hoạt, đáp ứng nhanh chóng nhu cầu của độc giả và xã hội. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh: “*Phát triển hiệu quả, lành mạnh hệ thống báo chí, xuất bản, in, phát thanh, truyền hình, đặc biệt là mảng nội dung số đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo vệ*

đất nước và nhu cầu của người dân. Chủ động, kịp thời cung cấp thông tin thiết yếu và tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân trong đấu tranh phòng, chống suy thoái đạo đức, lối sống, các thông tin về tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tệ nạn xã hội; biểu dương nhân tố tích cực, điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt. Sớm hình thành thị trường sản phẩm dịch vụ văn hoá, thông tin lành mạnh”.

Trải qua 100 năm (1925 - 2025), đồng hành cùng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, hệ thống báo chí nước ta đã phát triển nhanh, mạnh cả về loại hình, quy mô, phương tiện, kỹ thuật và công nghệ, đội ngũ, trình độ; báo chí, truyền thông ngày càng có ảnh hưởng lớn trong xã hội, đóng góp tích cực vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hiện nay, các cơ quan báo chí nước ta đang thực hiện Quyết định số 362/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ nhằm phát triển báo chí đi đôi với quản lý tốt, theo hướng cách mạng, chuyên nghiệp, hiện đại, chất lượng, hiệu quả đáp ứng nhu cầu thông tin của nhân dân, tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đoàn kết tập hợp quần chúng, tạo đồng thuận trong xã hội, định hướng tư tưởng và thẩm mỹ, góp phần nâng cao dân trí, phát triển văn hóa và con người Việt Nam.

Về định hướng nội dung báo chí, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng thông tin của Đảng và Nhà nước, báo chí luôn bám sát mục tiêu giữ vững ổn định chính trị, tạo niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ; là diễn đàn tin cậy của nhân dân. Báo chí chủ động, kịp thời, thông tin hiệu quả về những vấn đề lớn của đất nước, có nội dung thông tin thể hiện rõ vai trò dẫn dắt, định hướng dư luận và tạo sự đồng thuận xã hội. Các cơ quan báo chí nhất quán thực hiện Nghị quyết số 35- NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về “*Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*”, công tác thông tin, tuyên truyền về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái tiếp tục được tăng cường với nhiều hình thức, nội dung thông tin phong phú. Số lượng, chất lượng các chuyên mục, chương trình, tin

bài đã tăng lên đáng kể, nhiều bài viết, chương trình có hiệu ứng tốt trong xã hội, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đón nhận.

Trong công tác xây dựng đội ngũ nhà báo, Đảng ta đã nhiều lần khẳng định vị trí là “chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng” của đội ngũ người làm báo. Nhà báo là nhân tố thực hiện và đảm bảo tính chiến đấu của báo chí vì “nói đến báo chí trước hết là nói đến người làm báo chí” [41, tr.142]. Đối với người làm báo cách mạng, “*cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ*”, do đó họ là “*chiến sĩ cách mạng*” [41, tr.614]. Ngay từ khi báo Thanh Niên mới ra đời, Bác Hồ đã chú ý đến việc rèn luyện, hướng dẫn nghiệp vụ làm báo cho các cán bộ trẻ từ trong nước sang. Nhiều đồng chí có trọng trách trong Đảng đều đã làm báo, đã là người phụ trách, tổ chức hoạt động những cơ quan báo chí cách mạng [32]. Do tầm quan trọng của công tác cán bộ báo chí, nên Đảng đã trực tiếp lãnh đạo công tác này từ khâu đào tạo, bồi dưỡng, đến bố trí, sử dụng.

Chỉ thị số 43-CT/TW ngày 8/4/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong tình hình mới. Theo đó, đẩy mạnh xây dựng các cơ quan báo chí, tổ chức Hội vững mạnh toàn diện; tiếp tục đổi mới và nâng cao vai trò, uy tín của Hội Nhà báo Việt Nam trong hoạt động báo chí và đời sống xã hội, góp phần xây dựng nền báo chí cách mạng Việt Nam giàu tính chiến đấu, nhân văn, chuyên nghiệp, hiện đại vì lợi ích của đất nước và nhân dân. Tiếp tục xây dựng đội ngũ nhà báo “vừa hồng, vừa chuyên”, trong đó tập trung xây dựng đội ngũ người làm báo có bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thông nghiệp vụ, gương mẫu về đạo đức nghề nghiệp, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; chú trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, bồi dưỡng đạo đức cách mạng, nhất là đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành báo chí và đội ngũ nhà báo. Thông qua Hội Nhà báo Việt Nam tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của báo giới, các yêu cầu để xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác báo chí đáp ứng về lý luận chính trị, đạo đức nghề nghiệp, chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới được chỉ dẫn cụ thể. Trong Thông báo số 01/ CV-HĐXL của Hội Nhà báo Việt Nam ngày 9/1/2024 yêu cầu Hội Nhà báo các tỉnh,

thành phố; các liên chi hội và chi hội trực thuộc thực hiện một số công tác sau: Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân cho đội ngũ người làm báo; Rà soát và quản lý chặt chẽ, thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở đội ngũ phóng viên nhất là phóng viên thường trú, cộng tác viên tại các địa phương thực hiện nghiêm các quy định của Luật Báo chí, 10 điều Quy định đạo đức nghề nghiệp, Quy tắc sử dụng mạng xã hội của người làm báo; Rà soát và quản lý chặt chẽ việc sử dụng thẻ nhà báo, thẻ hội viên, giấy giới thiệu cấp cho cán bộ, phóng viên; Khẩn trương rà soát, thành lập, kiện toàn Hội đồng xử lý vi phạm đạo đức nghề nghiệp theo quy định; Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng xử lý nghiêm khắc những trường hợp vi phạm pháp luật, đạo đức nghề nghiệp người làm báo.

Đối với xây dựng đội ngũ lãnh đạo báo chí, quy định số 101-QĐ/TW ngày 28-02-2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về trách nhiệm, quyền hạn và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo cơ quan báo chí” đã thể hiện sự tiếp cận vấn đề thẩm quyền, quyền lực của người đứng đầu cơ quan chủ quản báo chí và sức mạnh của công luận, báo chí truyền thông khi quy định rõ người đứng đầu cơ quan chủ quản báo chí không được kiêm giữ chức tổng biên tập cơ quan báo chí: *“Người đứng đầu cơ quan chủ quản báo chí không được kiêm giữ chức vụ lãnh đạo cơ quan báo chí; lãnh đạo cơ quan báo chí này không được kiêm giữ chức vụ lãnh đạo cơ quan báo chí khác”*.

Làm tốt công tác cán bộ là cơ sở quyết định cho hiệu quả của việc lãnh đạo, quản lý báo chí, đảm bảo cho đội ngũ báo chí luôn trung thành với sự nghiệp chính trị, có định hướng đúng đắn, hướng dẫn được dư luận xã hội và hạn chế được những sai phạm trong hoạt động hành nghề của nhà báo.

2.2.2. Cơ sở pháp lý

Đảng và Nhà nước chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và tăng cường pháp chế XHCN. Điều 2, Hiến pháp 1992 ghi rõ: *“Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân”*. Trong điều 12, Hiến pháp 1992 cũng xác định *“nhà nước pháp quyền là nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa”*. Pháp chế được hiểu là chế độ

của đời sống chính trị - xã hội, Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, trong đó các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức nghề nghiệp, các đơn vị kinh tế và mọi công dân đều phải tôn trọng hiến pháp, pháp luật một cách nghiêm minh, triệt để và chính xác. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử lý.

Cơ sở pháp lý là các văn bản quy phạm pháp luật trong đó khẳng định và thừa nhận quyền tác nghiệp của nhà báo cùng các quy định bảo vệ hoạt động tác nghiệp của nhà báo. Đảng và Nhà nước đã hết sức quan tâm xây dựng hành lang pháp lý cho báo chí cách mạng nước ta hoạt động ngày càng hoàn thiện, tạo cơ hội thuận lợi nhất cho báo chí nói chung, các nhà báo nói riêng tác nghiệp có hiệu quả. Quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo là tổng hợp từ rất nhiều quy định cụ thể tại các khoản mục trong Hiến pháp, các điều Luật khác nhau và các văn bản dưới luật (Nghị định, Thông tư hướng dẫn). Trong đó, Luật báo chí được ban hành lần đầu tiên vào từ 1957, qua ba lần sửa đổi vào năm 1989, 1999 và năm 2016, là trục cơ bản với những quy phạm pháp luật điều chỉnh hành vi và các mối quan hệ phát sinh trong hoạt động báo chí nói chung và hoạt động tác nghiệp của nhà báo nói riêng. Luật không chỉ minh định quyền thu thập, phân tích đánh giá và công bố thông tin của nhà báo mà còn nghiêm cấm tất cả những hành vi cản trở nhà báo hành nghề đúng pháp luật.

Từ Hiến pháp năm 2013, tại điều 25, nhấn mạnh *“công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”*. Theo đó, nhà báo vừa được đảm bảo quyền như mọi công dân khác, vừa thực hiện vụ cung cấp thông tin cho người dân theo Hiến pháp. Luật báo chí cụ thể hoá quy định của Hiến pháp về vấn đề quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận, đồng thời quy định về trách nhiệm của Nhà nước đối với việc đảm bảo thực hiện hai quyền quan trọng này. Cụ thể:

Luật Báo chí 2016 đã *trao cho các nhà báo các quyền hạn*, được quy định tại Khoản 2, Điều 25. Luật báo chí 2016 có quy định cụ thể *đảm bảo quyền tác nghiệp* của báo chí. Điều 38, Khoản 1, 2, 3, 5 quy định rõ trách nhiệm *cung cấp thông tin*

cho báo chí của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm; những thông tin cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có quyền từ chối cung cấp thông tin cho báo chí.

Luật cũng có chế tài *bảo vệ nguồn tin của nhà báo* quy định ở Khoản 4, Điều 38, theo đó, quy định giới hạn việc cơ quan báo chí, nhà báo chỉ phải tiết lộ người cung cấp thông tin khi có yêu cầu văn bản của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân, Chánh toà án nhân dân cấp tỉnh và tương đương trở lên khi cần thiết cho hoạt động điều tra, xét xử tội phạm nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng. Đồng thời, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Chánh án Toà án nhân dân cấp tỉnh và tương đương trở lên có trách nhiệm tổ chức bảo vệ người cung cấp thông tin sau khi tên của họ được tiết lộ.

Luật nghiêm cấm các hành vi cản trở nhà báo tác nghiệp. Trong số các hành vi bị Luật Báo chí 2016 nghiêm cấm có hành vi “*Đe dọa, uy hiếp tính mạng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhà báo, phóng viên; phá hủy, thu giữ phương tiện, tài liệu, cản trở nhà báo, phóng viên hoạt động nghề nghiệp đúng pháp luật*” (Khoản 12, Điều 9).

Như vậy, các quy định trong Luật Báo chí 2016 tạo hành lang pháp lý, vừa tạo điều kiện hoạt động, vừa bảo vệ nhà báo tác nghiệp đúng pháp luật. Do đặc thù nghề nghiệp là hoạt động khai thác thông tin ở những lĩnh vực khác nhau nên nhà báo còn chịu sự chi phối của các bộ luật khác. Chẳng hạn Luật phòng, chống tham nhũng tiếp tục cụ thể hóa quyền này với mục tiêu tạo điều kiện tốt hơn cho các nhà báo hoạt động, phục vụ xã hội tốt hơn tại Điều 13 (Hợp báo, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí), Điều 14 (Quyền yêu cầu cung cấp thông tin). Luật tiếp cận thông tin (TCTT) được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 6/4/2016 và có hiệu lực từ ngày 1/7/2018 cung cấp những nội dung cơ bản về quyền tiếp cận thông tin của nhà báo để đảm bảo công việc đưa tin chính xác, đầy đủ, nhanh chóng, cụ thể: Thông tin trong phạm vi của quyền tiếp cận thông tin (Điều 2, Khoản 1); Những thông tin không được phép tiếp cận (Điều 6); Thông tin được tiếp cận có điều kiện (Điều 7); Thông tin được tự do tiếp cận (Điều 5, Điều 2 - Khoản 3, Điều 12, Điều 17). Luật Tổ chức toà án nhân dân 2024 quy định quyền tác nghiệp của báo chí trong toàn bộ thời gia diễn ra phiên toà (Điều 141 -Khoản 3.

Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự cũng quy định hình thức xử phạt đối với những hành vi cản trở nhà báo tác nghiệp như hành hung hay làm thiệt hại tài sản của nhà báo khi vụ việc được dân sự hay hình sự hoá. Luật Hình sự có hai nội dung liên quan đến cản trở hoạt động người có chức trách, xâm phạm thân thể con người, có thể viện dẫn khi xảy ra những vụ việc cản trở hoạt động tác nghiệp của nhà báo (mức xử lý hình sự): Điều 134, 138 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khoẻ của người khác) và Điều 330 (tội chống người thi hành công vụ).

Bên cạnh đó, Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực báo chí, xuất bản ở Việt Nam được chính phủ ban hành lần đầu tiên vào năm 2006, thông qua Nghị định số 56/2006/NĐ-CP xuất hiện quy định xử phạt cản trở nhà báo hoạt động nghề nghiệp đúng pháp luật. Kể từ đó đến nay, các văn bản quy định đã được sửa đổi và thay thế 4 lần để phù hợp với bối cảnh pháp lý mới và Luật Báo chí sửa đổi. Cụ thể: Nghị định 159/2013/NĐ-CP (ngày 12/11/2013), Nghị định 119/2020/NĐ-CP (ngày 7/10/2020), Nghị định 14/2022/NĐ-CP (ngày 27/01/2022) - hiện hành. Lần lượt Nghị định, mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm ngày càng tăng, phản ánh sự nghiêm khắc hơn trong việc bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo. Các Nghị định sau này bổ sung thêm các hành vi vi phạm mới, nâng cao mức xử phạt. Điều này cho thấy sự quan tâm ngày càng lớn của nhà nước trong việc bảo vệ nhà báo khỏi các hành vi cản trở, đe dọa trong quá trình tác nghiệp.

Hành vi vi phạm	Nghị định 56/2006/NĐ- CP	Nghị định 159/2013/NĐ- CP	Nghị định 119/2020/NĐ- CP	Nghị định 14/2022/NĐ- CP
Xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhà báo khi đang tác nghiệp	3 - 7 triệu đồng	10 - 20 triệu đồng	30 - 40 triệu đồng	50 - 70 triệu đồng
Cản trở trái pháp luật hoạt động nghề nghiệp của nhà báo	3 - 6 triệu đồng	5 - 10 triệu đồng	10 - 20 triệu đồng	10 - 30 triệu đồng
Hủy hoại, làm hư hỏng phương tiện, tài liệu hoạt động	3 - 7 triệu đồng	10 - 20 triệu đồng	30 - 40 triệu đồng	30 - 50 triệu đồng

Hành vi vi phạm	Nghị định 56/2006/NĐ- CP	Nghị định 159/2013/NĐ- CP	Nghị định 119/2020/NĐ- CP	Nghị định 14/2022/NĐ- CP
báo chí của nhà báo				
Đe dọa, uy hiếp tính mạng nhà báo	5 - 10 triệu đồng	20 - 30 triệu đồng	40 - 60 triệu đồng	50 - 70 triệu đồng

Bảng 2.2. Bảng so sánh mức độ xử phạt của các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực báo chí, xuất bản

Ngoài ra, nhà báo được bảo vệ bởi tổ chức hội chính trị, nghề nghiệp là Hội Nhà báo Việt Nam. Hội viên đang sinh hoạt dù làm việc ở bất cứ tỉnh thành nào đều bình đẳng trước tổ chức và được bảo vệ quyền hành nghề hợp pháp. Từ 1/1/2017, Hội ban hành và thực hiện 10 Quy định đạo đức nghề nghiệp của người làm báo Việt Nam. Từ tháng 5/2017, Hội đồng xử lý vi phạm đạo đức nghề nghiệp người làm báo Việt Nam (HĐXLVPĐĐBBBBVN) được thành lập trong cả nước từ cấp TƯ đến cấp tỉnh. Hội đồng có hai vai trò lớn: Bảo vệ quyền lợi, quyền hành nghề hợp pháp của hội viên, nhà báo; Xử lý công bằng, minh bạch, công khai, dân chủ khi hội biên vi phạm pháp luật cũng như các quy định về đạo đức nghề nghiệp. HĐXLVPĐĐBBBBVN cũng là một tổ chức bảo vệ hợp pháp và trách nhiệm hoạt động tác nghiệp của nhà báo bởi đạo đức nghề báo cũng được ghi nhận trong luật nên mối quan hệ chặt chẽ và sự giao thoa giữa luật với đạo đức rất khăng khít.

Nhìn chung, văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động nghiệp vụ báo chí được tổ chức tổ chức theo thứ bậc, từ văn bản có hiệu lực cao nhất là Hiến pháp, đến Luật và các văn bản khác. Hệ thống các văn bản pháp lý đều thống nhất ở sự đảm bảo quyền tự do báo chí, quyền tác nghiệp của nhà báo, tạo ra môi trường pháp lý cho nhà báo và cơ quan báo chí phát huy trách nhiệm xã hội của mình.

2.3. Một số lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu

2.3.1. Lý thuyết cấu trúc - chức năng (Structural Functionalism)

Lý thuyết cấu trúc - chức năng là một trong những cách tiếp cận nền tảng trong xã hội học, gắn liền với các nhà lý luận tiêu biểu như Herbert Spencer, Émile Durkheim, Talcott Parsons và sau này là Robert K. Merton. Các tác giả đều thống

nhất coi xã hội như một cơ thể sống đặc biệt trong đó các thành phần của cơ thể đều có những chức năng nhất định tạo thành cấu trúc ổn định. Lý thuyết cấu trúc - chức năng cho rằng: (1) mọi hệ thống đều bao gồm các yếu tố có quan hệ chặt chẽ với nhau và mạng lưới các mối quan hệ đó tạo thành cấu trúc của hệ thống; (2) mỗi yếu tố của hệ thống, đến lượt nó, đều có thể là một hệ thống con (tiểu hệ thống) và dưới tiểu hệ thống lại có thể có những hệ thống nhỏ hơn nữa và (3) mọi hệ thống đều có quan hệ mật thiết với môi trường cảnh quan xung quanh chúng [1].

Như vậy, mục tiêu chính của thuyết cấu trúc - chức năng là giải thích hiện tượng hoàn toàn không tất nhiên rằng các hệ thống xã hội dù cho có yếu tố rất khác nhau, vẫn hoạt động một cách đáng tin cậy và tồn tại lâu dài. Thuyết cấu trúc - chức năng nhìn nhận xã hội như một dạng cơ cấu trong đó từng bộ phận đều có chức năng cụ thể. Mỗi chức năng đó có thể xác định được nhằm để duy trì hệ thống xã hội tổng thể. Tất cả các hình thái xã hội dù lớn hay bé đều hướng tới trạng thái cân bằng. Các thành phần trong xã hội phải hoạt động hoàn hảo và không có xung đột. Mỗi thành phần trong xã hội đều có mối quan hệ khăng khít với các thành phần khác để đảm bảo sự duy trì hệ thống tổng thể chung.

Dưới lăng kính của lý thuyết cấu trúc - chức năng, xã hội là một hệ thống gồm các cấu trúc liên kết, mỗi thiết chế (gia đình, giáo dục, tôn giáo, pháp luật...) đều đảm nhiệm một chức năng nhất định để duy trì toàn hệ thống. Báo chí là một mắt xích không thể thiếu trong hệ thống xã hội với chức năng riêng biệt, gắn với quá trình truyền đạt thông tin, định hướng, giáo dục, giám sát và phản biện, giải trí. Mỗi chức năng của báo chí không chỉ phục vụ riêng lẻ một mục tiêu mà còn góp phần duy trì tính hài hoà, ổn định và khả năng thích ứng của xã hội trước những biến đổi.

Nếu xã hội như một “cơ thể sống”, có thể coi hệ thống báo chí - truyền thông, với các nhà báo là tế bào, đóng vai trò như hệ thần kinh thực hiện chức năng lan truyền thông tin kết nối các bộ phận (chính quyền, doanh nghiệp, người dân), và giúp xã hội “cảm nhận” được những vấn đề phát sinh (chức năng giám sát). Khi quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo bị xâm phạm, “hệ thần kinh” này bị tổn thương. Dòng thông tin bị tắc nghẽn, sai lệch hoặc bị kiểm soát. Điều này khiến “cơ thể xã

hội” không thể vận hành trơn tru, dẫn đến “bệnh tật”: tham nhũng, bất công, trì trệ và suy yếu. Khi áp dụng lý thuyết cấu trúc chức năng vào nghiên cứu về quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo, có thể tiếp cận theo các hướng sau:

Thứ nhất, xác định vai trò - chức năng xã hội của nhà báo: Nhà báo là một phần trong cấu trúc của hệ thống truyền thông vốn là một thiết chế xã hội quan trọng. Nhà báo đảm nhận chức năng thông tin, giám sát, định hướng và phản biện xã hội. Việc nhà báo được bảo vệ quyền hành nghề chính là điều kiện cần thiết để các chức năng đó được thực thi hiệu quả. Ví dụ: Nếu không được đảm bảo quyền tiếp cận thông tin, quyền tác nghiệp hợp pháp hoặc quyền an toàn cá nhân, nhà báo sẽ không thể thực hiện vai trò giám sát và cung cấp thông tin trung thực cho xã hội điều này làm gián đoạn hoặc làm sai lệch chức năng của thiết chế báo chí.

Thứ hai, phân tích hậu quả xã hội nếu chức năng báo chí bị cản trở. Từ cách tiếp cận của Merton, có thể phân tích rằng việc vi phạm quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo không chỉ là hành vi vi phạm cá nhân, mà còn dẫn đến sự suy yếu cấu trúc chức năng của hệ thống truyền thông. Điều này kéo theo những chức năng tiềm ẩn tiêu cực: mất niềm tin công chúng, gia tăng thông tin sai lệch, hoặc phát sinh các nguy cơ “truyền thông im lặng” trước các vấn đề xã hội hệ trọng.

Thứ ba, kiến nghị từ góc độ tái thiết cấu trúc bảo vệ quyền nghề nghiệp. Từ góc độ cấu trúc chức năng, luận án có thể đề xuất xây dựng lại hoặc tăng cường hiệu quả của các cấu trúc pháp lý và nghề nghiệp bảo vệ nhà báo: ví dụ như bộ quy tắc bảo vệ nhà báo khi tác nghiệp, cơ chế phản ứng nhanh khi bị cản trở tác nghiệp, hệ thống hỗ trợ pháp lý và tâm lý cho nhà báo bị tấn công trên mạng... Đây là cách “khôi phục và gia cố” chức năng của cấu trúc báo chí trong hệ thống xã hội, đảm bảo sự vận hành cân bằng và ổn định, đúng như tinh thần lý thuyết cấu trúc - chức năng mô tả.

2.3.2. Lý thuyết trách nhiệm xã hội (Social Responsibility Theory)

Lý thuyết trách nhiệm xã hội (Social Responsibility Theory) trong báo chí là một trong những học thuyết quan trọng nhất về vai trò và chức năng của truyền thông trong xã hội dân chủ. Thuyết này ra đời vào giữa thế kỷ 20, chủ yếu là phản ứng trước những hạn chế của Lý thuyết tự do báo chí (Libertarian Theory), vốn quá nhấn mạnh

quyền tự do cá nhân mà chưa đủ đề cao trách nhiệm xã hội của truyền thông. Năm 1944, nhà xuất bản Henry Luce đã đề nghị Robert Hutchins (Chủ tịch Đại học Chicago) thành lập một ủy ban độc lập để đánh giá vai trò của truyền thông. Ủy ban Tự do Báo chí (còn có tên gọi khác là Ủy ban Hutchins) ra đời và sau 4 năm nghiên cứu, đã công bố báo cáo lịch sử mang tên “Một nền báo chí tự do và có trách nhiệm” (A Free and Responsible Press) vào năm 1947. Báo cáo này đã đặt nền móng vững chắc cho Lý thuyết trách nhiệm xã hội, trở thành cột mốc đánh dấu sự chuyển mình trong tư duy về báo chí. Báo cáo của Ủy ban Hutchins đã thẳng thắn chỉ ra những sai lầm của báo chí thời bấy giờ và đề xuất một tầm nhìn mới: tự do đi đôi với trách nhiệm. Lý thuyết trách nhiệm xã hội khẳng định rằng, báo chí có quyền tự do, nhưng quyền đó không phải là vô hạn mà phải được sử dụng để phục vụ lợi ích tối cao của công chúng.

Lý thuyết trách nhiệm xã hội được xây dựng dựa trên một số nguyên tắc chính: Báo chí có nghĩa vụ với xã hội trong việc cung cấp những thông tin trung thực, toàn diện và sáng tỏ về các sự kiện hàng ngày trong bối cảnh có ý nghĩa; Phương tiện truyền thông phải tự điều chỉnh trong khuôn khổ pháp luật và các thể chế được thiết lập; Phương tiện truyền thông phải duy trì các tiêu chuẩn cao về tính chuyên nghiệp, tính chính xác, sự thật và tính khách quan; Người làm truyền thông và các tổ chức truyền thông phải chấp nhận và thực hiện một số nghĩa vụ nhất định đối với xã hội; Nhiệm vụ chính của nhà báo là bảo vệ quyền được biết của công chúng, ưu tiên lợi ích cộng đồng hơn động cơ lợi nhuận; Các nhà báo và tổ chức truyền thông phải chịu trách nhiệm trước xã hội về các báo cáo và hoạt động của mình...[92].

Luận án sử dụng Lý thuyết trách nhiệm xã hội làm nền tảng lý luận cốt lõi, cung cấp một lập luận vững chắc và mang tính định hướng: việc bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo không chỉ được xem là một đặc quyền dành cho một nhóm đối tượng cụ thể, mà là điều kiện tiên quyết để họ thực thi đầy đủ và hiệu quả trách nhiệm xã hội của mình.

Lập luận trung tâm của luận án sẽ được xây dựng trên cơ sở sau: Nếu quyền tác nghiệp hợp pháp không được đảm bảo một cách đầy đủ, nhà báo sẽ không thể thực hiện trọn vẹn sứ mệnh giám sát quyền lực, phản biện xã hội, và cung cấp thông

tin đa chiều - những chức năng cốt lõi được kỳ vọng từ báo chí trong một xã hội dân chủ. Hậu quả trực tiếp là trách nhiệm xã hội của báo chí, theo định nghĩa của Lý thuyết trách nhiệm xã hội, sẽ không thể được hiện thực hóa một cách trọn vẹn. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến cá nhân nhà báo mà còn gây tổn hại đến lợi ích công chúng và sự minh bạch của xã hội. Để kiểm chứng và làm rõ lập luận này, luận án sẽ tiến hành phân tích chuyên sâu các quy định pháp luật hiện hành và các cơ chế bảo vệ nhà báo đang được áp dụng. Việc phân tích sẽ được thực hiện dưới lăng kính của Lý thuyết trách nhiệm xã hội, nhằm đánh giá một cách khách quan: Liệu khung pháp lý và các cơ chế này đã thực sự tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích nhà báo thực hiện các chức năng xã hội quan trọng của mình (như giám sát, điều tra, phản biện, cung cấp thông tin chính xác và toàn diện) hay chưa; Chỉ ra những điểm mạnh và hạn chế trong các quy định hiện hành, cũng như những khoảng trống hoặc vướng mắc trong thực tiễn áp dụng, từ đó ảnh hưởng đến khả năng báo chí thực hiện trách nhiệm xã hội; Đề xuất các giải pháp pháp lý và phi pháp lý nhằm củng cố quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, đồng thời nâng cao hiệu quả thực thi trách nhiệm xã hội của báo chí trong bối cảnh xã hội hiện đại. Thông qua cách tiếp cận này, luận án không chỉ giải quyết vấn đề pháp lý về quyền của nhà báo mà còn làm nổi bật ý nghĩa xã hội sâu sắc của việc bảo vệ họ, góp phần vào sự phát triển bền vững của truyền thông và toàn xã hội.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 của luận án đã hệ thống hóa những cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng liên quan đến vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay. Qua việc phân tích và làm rõ các khái niệm cốt lõi, tác giả đã xây dựng nền tảng lý thuyết vững chắc để tiếp cận và nghiên cứu sâu hơn các khía cạnh pháp lý, chính trị và xã hội của vấn đề bảo vệ nhà báo.

Về cơ sở chính trị, luận án đã chỉ ra rằng Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng và khẳng định vai trò của báo chí trong việc định hướng dư luận xã hội, thực hiện chức năng giám sát, phản biện, và phục vụ sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Về cơ sở pháp lý, luận án đã phân tích các quy định cụ thể trong Hiến pháp năm 2013, Luật Báo chí năm 2016 và các văn bản dưới luật như Nghị định 14/2022/NĐ-CP, Luật Tiếp cận thông tin, Bộ luật Hình sự... Đây là nền tảng pháp lý quan trọng bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo, đảm bảo quyền tự do báo chí, quyền tiếp cận thông tin và quyền giữ bí mật nguồn tin.

Luận án cũng nhấn mạnh vai trò và nội dung của bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, đồng thời xác định và phân tích sâu các yếu tố tác động đến vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo, bao gồm: (1) Khung pháp lý và thực thi pháp luật; (2) Môi trường chính trị, xã hội ổn định; (3) Điều kiện làm việc và an toàn nghề nghiệp; (4) Sự phát triển của công nghệ; (5) Nhận thức của xã hội về quyền hoạt động của nhà báo; (6) Sự hỗ trợ từ các tổ chức báo chí; và (7) Các yếu tố cá nhân của nhà báo như giới tính, dân tộc, tôn giáo và lĩnh vực đưa tin... Đây là các yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo, đòi hỏi sự quan tâm và giải pháp đồng bộ từ Nhà nước, cơ quan báo chí và xã hội.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ BẢO VỆ QUYỀN HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ HỢP PHÁP CỦA NHÀ BÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Giới thiệu về cơ sở dữ liệu và đặc điểm mẫu nghiên cứu

Trong chương 2 và chương 3, các phân tích được rút ra từ các cơ sở dữ liệu sau đây:

Thứ nhất, cơ sở dữ liệu thu được từ khảo sát từ đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cán bộ quản lý các cấp các cơ quan báo chí bao gồm phát thanh, truyền hình, báo in, báo mạng điện tử. Cỡ mẫu khảo sát là 302 mẫu nghiên cứu, được chọn 04 cơ quan báo chí chính và 03 cơ quan báo chí địa phương ở bắc, trung, nam. Cụ thể cơ cấu mẫu nghiên cứu được trình bày ở bảng dưới đây.

Bảng 3.1: Đặc điểm cơ cấu mẫu nghiên cứu

Đặc điểm	Số lượng	%
Giới tính		
1. Nam	138	45,7
2. Nữ	164	54,3
Cơ quan công tác		
1. VTV	48	15,9
2. VOV	52	17,2
3. Báo lao động	51	16,9
4. Báo điện tử Vietnamnet	58	19,2
5. Khác (Tuổi trẻ, Báo Nghệ An, Truyền hình Hà Nội)	93	30,8
Vị trí công tác		
1. Phóng viên	187	62,3
2. Biên tập viên	67	22,4
3. Cán bộ quản lý các cấp	36	12
4. Khác	10	3,3
Thâm niên công tác		
1. Dưới 5 năm	55	18,8
2. Từ 5 đến dưới 10 năm	77	26,3
3. Từ 10 năm đến dưới 15 năm	61	20,8

Đặc điểm	Số lượng	%
4. Từ 15 năm trở lên	100	34,1
Sở hữu thẻ nhà báo		
1. Có	212	70,2
2. Không	90	29,8
Tổng	302	100

Với cỡ mẫu 302 mẫu, trong đó bao gồm các cán bộ ở các vị trí khác nhau, có thời gian kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực báo chí từ dưới 5 năm đến trên 15 năm, bao gồm cả 45,7% là nam và 54,3% là nữ, gồm cả những người có thẻ nhà báo (70,2%) và những người trong quá trình chờ cấp hoặc chưa có thẻ nhà báo (29,8%) cho thấy cơ cấu mẫu đạt được những tiêu chí phù hợp bao gồm cả cỡ mẫu và những đặc điểm cơ bản đủ đại diện để đưa ra những nhận định, phân tích về các vấn đề nghiên cứu, góp phần trả lời câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra.

Về các cơ quan báo chí được chọn trong mẫu nghiên cứu bao gồm:

Đài Truyền hình Việt Nam (VTV) là cơ quan truyền hình quốc gia trực thuộc Chính phủ, có vai trò quan trọng trong việc thông tin, tuyên truyền và giải trí cho đông đảo công chúng trong nước cũng như kiều bào ở nước ngoài. Trải qua quá trình hình thành và phát triển từ năm 1970, VTV từng bước trở thành một trong những đài truyền hình lớn mạnh nhất khu vực Đông Nam Á, với hệ thống kênh truyền hình phủ sóng toàn quốc và có độ phủ sóng kỹ thuật số ngày càng mở rộng.

Báo điện tử Vietnamnet (Vietnamnet.vn) là một trong những cơ quan báo chí trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo, đồng thời cũng là một trong những tờ báo điện tử tiên phong tại Việt Nam. Ra đời vào ngày 19/12/1997, Vietnamnet đã nhanh chóng khẳng định vị trí và tầm ảnh hưởng trên không gian báo chí số, nhờ nội dung đa dạng, phong phú, cùng với cách thức truyền tải hiện đại, gần gũi độc giả.

Báo Lao động là một trong những cơ quan báo chí hàng đầu của Việt Nam, trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Ra đời vào ngày 14/8/1929, tờ báo mang sứ mệnh quan trọng trong việc phản ánh tiếng nói, bảo vệ quyền lợi và lợi ích chính đáng của người lao động, đồng thời truyền tải kịp thời chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tới công chúng. Tờ báo đặc biệt chú trọng đến mảng phóng

sự điều tra, phản ánh sâu các vấn đề của người lao động, hiện trạng thị trường việc làm, điều kiện lao động, cũng như nêu bật những tấm gương tiên tiến trong quá trình lao động và cống hiến.

Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV) là cơ quan truyền thông quan trọng của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, trực thuộc Chính phủ, giữ vị trí then chốt trong việc cung cấp thông tin, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Thành lập vào ngày 7/9/1945, chỉ ít lâu sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, VOV sớm trở thành biểu tượng của nền báo chí cách mạng, gắn bó chặt chẽ với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với bề dày lịch sử và truyền thống cách mạng, Đài Tiếng nói Việt Nam đã không ngừng phát triển, mở rộng phạm vi phát thanh đến mọi miền đất nước, đáp ứng nhu cầu tiếp nhận thông tin của người dân.

Thứ hai, dữ liệu từ Hội nhà báo Việt Nam:

Nhằm làm rõ hơn thực trạng vi phạm quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo, nghiên cứu cũng tổng hợp phân tích dữ liệu cung cấp từ phía hội nhà báo về các vụ vi phạm quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo được báo cáo lên hội nhà báo trong giai đoạn 5 năm từ 2020 đến tháng 12/2024. Kết quả phân tích sẽ bổ sung thêm những hiểu biết về thực trạng bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo bên cạnh số liệu khảo sát từ nhà báo thuộc các cơ quan báo chí.

Thứ ba, phân tích 5 trường hợp cản trở nhà báo trong quá trình tác nghiệp, có mức độ xâm phạm nghiêm trọng, được công luận chú ý trong giai đoạn từ tháng 1/2020 đến tháng 12/2024. Cụ thể:

Trường hợp 1: Tháng 11/2020, phóng viên H.H.N, đang công tác tại Tạp chí Đời sống và Pháp luật đã bị hai người đàn ông lạ mặt tấn công sau khi dự tiệc thôi nôi tại một nhà hàng ở phường Hội Phú, TP. Pleiku. Ông H.H.N bị thương tích ở vùng lưng, với vết chém sâu và chảy nhiều máu, kéo dài khoảng 30cm dọc sống lưng.

Trường hợp 2: Tháng 7/2021, phóng viên P.T.N, đang công tác tại Tạp chí Giao thông Vận tải (Bộ Giao thông Vận tải), cùng một số đồng nghiệp đã bị một nhóm đối tượng hành hung tại thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai. Vụ việc xảy ra sau khi ông Nghị thực hiện các bài viết phản ánh về hoạt động vận tải của Công ty TNHH

MTV thương mại dịch vụ Hiệp Anh Xuân, với các dấu hiệu vi phạm. Kết quả giám định thương tích của ông N là 7%.

Trường hợp 3: Tháng 10/2022, nhà báo H.N.H, phóng viên Báo Giao thông (thuộc Văn phòng đại diện khu vực miền Trung - Tây Nguyên), đang thực hiện phóng sự điều tra về tình trạng “xe dù, bến cóc” hoạt động trái phép trên địa bàn TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thì bị tài xế đã xông tới cản trở, không cho chụp ảnh. Ông H.N.H bị đa chấn thương: đầu, tay và thành bụng trái.

Trường hợp 4: Tháng 6/2023, phóng viên T.T.C quay phim Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội khi cùng đồng nghiệp tác nghiệp tại Ô Chợ Dừa thì bị một đối tượng đã xông ra hành hung. Anh T.T.C bị đa chấn thương vùng gáy, lưng, đầu, cổ và đang tiếp tục được điều trị tại bệnh.

Trường hợp 5: Tháng 4/2024, hai phóng viên N.V.C của Thời báo VTV và M.H.M của báo điện tử VnExpress, đã bị hành hung khi đang tác nghiệp tại hiện trường một vụ cháy nhà xưởng ở Thanh Trì. Khi đang sử dụng điện thoại cá nhân để ghi hình vụ cháy, cả hai phóng viên, ở hai thời điểm và vị trí khác nhau, bất ngờ bị tấn công. Anh C. bị đánh vào đầu, thái dương, cổ tay trái, phải và bị chảy máu. Anh M. bị bóp cổ và đạp vào bụng. Anh C phải nhập viện để theo dõi.

Thứ tư, phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm: nhằm làm rõ hơn môi trường pháp lý, vai trò của luật báo chí, các thông tư, nghị định, vai trò của các cơ quan tổ chức có liên quan tham gia bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo, nghiên cứu đã thực hiện các phỏng vấn sâu (PVS) đối với các đối tượng bao gồm:

STT	Phương pháp	Vị trí/ đối tượng	Số lượng (người)
1.	Phỏng vấn sâu	Phóng viên	12
		Lãnh đạo báo/ đài	8
		Lãnh đạo cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý báo chí	4
		Luật sư	1
		Nhà nghiên cứu	1
2	Thảo luận nhóm	Phóng viên, nhà nghiên cứu, luật sư	4

Bảng 3.2: Số lượng và vị trí công việc NTL phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm

Kết quả PVS và thảo luận nhóm/ toạ đàm một phần hỗ trợ giải thích rõ hơn kết quả phân tích định lượng, mặt khác giúp hiểu sâu hơn những góc nhìn, đánh giá của các bên liên quan về nguyên nhân dẫn đến những vi phạm quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo, những bối cảnh vi phạm và giải pháp đề xuất giúp bảo vệ có hiệu quả quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo.

3.2. Khảo sát thực trạng bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay

3.2.1 Khảo sát mức độ an toàn của môi trường hoạt động nghiệp vụ ở Việt Nam và nhận thức về tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

3.2.1.1. Đánh giá mức độ an toàn của môi trường hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của báo chí tại Việt Nam

Phải nói, trong nhiều năm qua, với sự chỉ đạo sát sao của Đảng, sự quan tâm của các cấp ban ngành, rất nhiều luật, nghị định mới ra đời hoặc được cập nhật, sửa đổi góp phần không nhỏ vào cải thiện môi trường báo chí, trở thành môi trường chuyên nghiệp và an toàn cho phóng viên, nhà báo tham gia tác nghiệp hiệu quả. Đáng chú ý là Luật Báo chí năm 2016, Luật Tiếp cận thông tin... cùng các quy định chế tài về quản lý nội dung, xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực báo chí - xuất bản. Những văn bản quy phạm pháp luật này không chỉ giúp nâng cao mức độ chuyên nghiệp trong hoạt động báo chí, mà còn tạo dựng khung pháp lý đầy đủ nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhà báo, phóng viên. Đồng thời, các chế định về đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cũng được nhấn mạnh, qua đó thúc đẩy việc tăng cường giám sát, hạn chế tình trạng lạm dụng quyền lực, bảo đảm tính minh bạch, công khai trong hoạt động tác nghiệp. Chính nhờ môi trường pháp lý ngày càng hoàn thiện ấy, đội ngũ làm báo có thể yên tâm hơn khi phản ánh, đưa tin, và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của báo chí cách mạng Việt Nam, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin của công chúng cũng như nhiệm vụ chính trị mà Đảng, Nhà nước giao phó.

Với kinh nghiệm hoạt động trực tiếp trong môi trường báo chí của Việt Nam, đánh giá từ chính nhà báo về mức độ an toàn của môi trường làm việc báo chí là những đánh giá đáng tin cậy và có giá trị. Với thang điểm đánh giá từ 1 đến 10 về mức độ an toàn môi trường tác nghiệp báo chí hiện nay, kết quả đánh giá phân tích toàn mẫu nghiên cứu đạt điểm trung bình: 6,86/10 điểm, tương đương với mức độ khá và vẫn rất cần phải cải thiện thêm trong tương lai. Cụ thể về tỉ lệ đánh giá phân tích theo các mức điểm như sau:

Bảng 3.3: Đánh giá mức độ an toàn của môi trường tác nghiệp báo chí (theo điểm số từ 1 đến 10, trong đó 10 điểm tương ứng với “rất an toàn”)

Tham gia	Số lượng	%
Dưới 5 điểm	20	6,7
Từ 5 - 6 điểm	97	32,3
Từ 7 - 8 điểm	138	46,0
Từ 9 - 10 điểm	45	15,0
Tổng	300	100

Bảng dữ liệu trên cho thấy tỉ lệ người trả lời (NTL) đánh giá môi trường tác nghiệp báo chí phổ biến nhất ở mức điểm 7-8 điểm (chiếm 46%), tiếp đến là mức 5 - 6 điểm (32%). Tỉ lệ NTL đánh giá mức độ an toàn của môi trường báo chí ở mức dưới trung bình (dưới 5 điểm) không cao, chỉ chiếm 6,7%, tuy nhiên tỉ lệ NTL đánh giá môi trường tác nghiệp đạt mức rất an toàn (9-10 điểm) cũng chưa thật cao, chỉ đạt 15% tổng số NTL. Kết quả phỏng vấn sâu của tác giả cho thấy những người tham gia phỏng vấn sâu đều thống nhất quan điểm Đảng và Nhà nước đã tạo ra được môi trường tác nghiệp an toàn song hiện tượng nhà báo vấp phải cản trở ở những mức độ khác nhau vẫn còn phổ biến:

“Hệ thống pháp luật dần được hoàn thiện. Luật Báo chí đã nghiêm cấm hành vi cản trở nhà báo hoạt động nghề nghiệp đúng pháp luật, cùng với đó là các quy định pháp luật liên quan đến xử phạt đối với hành vi cản trở trái pháp luật hoạt động báo chí. Những quy định này đã bao phủ tương đối đầy đủ nội dung bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo và trong nhiều trường hợp đã phát huy hiệu quả. Các vụ việc cản trở đã có sự bảo vệ nội bộ từ cơ quan báo chí. Các cơ quan báo chí trong nước, điển

hình như tòa soạn nơi tôi công tác, đều có cơ chế nội bộ chặt chẽ để hỗ trợ nhà báo khi bị cản trở trong quá trình tác nghiệp. Điều này tạo ra điểm tựa quan trọng, giúp phóng viên, nhà báo yên tâm hơn khi theo đuổi các đề tài mang tính chất điều tra hoặc nhạy cảm” - (PVS - N2, Phụ lục 5a)

“Tôi cho rằng vấn đề này vẫn đang diễn ra ở nhiều mức độ. Từ các sự việc cản trở quyền tác nghiệp chính đáng của PV ở hiện trường, hay quyền được tiếp cận, cung cấp thông tin, tài liệu, và thậm chí là cả những sự việc hành hung nhà báo, phóng viên vẫn đang diễn ra ở nhiều nơi. Bản thân cá nhân tôi, trong quá trình tác nghiệp cũng thường xuyên gặp phải những vấn đề này” - (PVS - N2, Phụ lục 5a)

“Qua quá trình tác nghiệp báo chí và nắm bắt thông tin từ báo chí, các lực lượng chức năng, tôi nhận thấy tình trạng cản trở, hành hung nhà báo vẫn còn xuất hiện. Nhóm nhà báo thường gặp phải tình huống trên thường là những phóng viên tác nghiệp ở hiện trường khi tham gia các đề tài thời sự nóng hoặc tìm hiểu về các tuyến bài điều tra có yếu tố nhạy cảm. Mật độ xuất hiện các trường hợp nhà báo bị hành hung theo tôi quan sát, đánh giá là có chiều hướng giảm” - (PVS - N3, Phụ lục 5a)

“Theo quan sát của cá nhân tôi, hiện nay vẫn còn tình trạng cản trở, hành hung nhà báo khi đang hoạt động nghiệp vụ hợp pháp ở Việt Nam hiện nay. Tình trạng này dù đã có giảm trong những năm qua nhưng vẫn còn và có biến đổi sang một số dạng thức, hình thức mới. Chẳng hạn như đe dọa thông qua các hình thức thông tin, liên lạc internet, thông qua mạng xã hội; khủng bố tinh thần nhà báo, người nhà của nhà báo trên các mạng xã hội phổ biến” - (PVS - N6, Phụ lục 5a).

Phân tích đánh giá về mức độ an toàn của môi trường tác nghiệp báo chí Việt Nam trong bối cảnh hiện nay theo đặc điểm đối tượng trả lời (giới tính, vị trí việc làm, thâm niên công tác, sở hữu thẻ nhà báo), kết quả cho thấy có sự khác biệt trong đánh giá giữa các nhóm. Cụ thể, nữ giới đánh giá môi trường an toàn ở mức tốt hơn so với nam giới (7,02 điểm so với 6,67 điểm/ 10 điểm), nhóm cán bộ quản lý đánh giá mức độ an toàn với điểm trung bình thấp hơn các nhóm khác (6,5 điểm/10 điểm), nhóm có thâm niên công tác từ 10 - 15 năm đánh giá điểm trung bình an toàn của môi trường tác nghiệp thấp nhất so với các nhóm có thâm niên còn lại (6,51 điểm/ 10 điểm). Cụ thể:

Bảng 3.4: Điểm trung bình đánh giá mức độ an toàn của môi trường tác nghiệp báo chí phân tích theo các đặc điểm người trả lời

Vị trí công tác	Điểm trung bình đánh giá mức độ an toàn của môi trường tác nghiệp báo chí (điểm TB/ 10 điểm)
a. Giới	
1. Nam	6,67*
2. Nữ	7,02*
Vị trí	
1. Phóng viên	6,89*
2. Biên tập viên	6,86*
3. Cán bộ quản lý	6,5*
4. Khác	7,36*
b. Số năm công tác	
1. Dưới 5 năm	6,95*
2. Từ 5 đến dưới 10 năm	6,97*
3. Từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,51*
4. Trên 15 năm	6,81*
Có thẻ nhà báo	
1. Có thẻ nhà báo	6,76*
2. Không có thẻ nhà báo	7,08*

* $p \leq 0,05$

Sự khác biệt trong đánh giá nói trên có thể là do các nhóm khác nhau họ có những trải nghiệm nghề nghiệp khác nhau, ví dụ nhóm cán bộ quản lý thường xuyên được nghe báo cáo hay tham gia xử lý những vấn đề về mất an toàn, hay nhóm nhà báo là nam giới, đặc biệt là nhóm có thâm niên nghề nghiệp tương đối cao, họ được phân công hay đã từng đối mặt với nhiều tình huống mất an toàn hơn nhà báo nữ hay những nhóm có thâm niên nghề nghiệp thấp hơn.

Mặc dù điểm đánh giá trung bình chung về mức độ an toàn của môi trường tác nghiệp báo chí hiện nay mới đạt ở mức khá, tuy nhiên, khi được hỏi so sánh về môi trường tác nghiệp báo chí hiện nay so với 5 năm trước, kết quả tổng hợp được rất khả quan với đa phần đánh giá đối với các tiêu chí đều ở mức tiên bộ hơn (*Chi tiết dữ liệu tại Phụ lục số 1 - Bảng B7*)

Nghiên cứu đánh giá 6 tiêu chí về môi trường tác nghiệp báo chí hiện nay so với 5 năm trước đây, tỉ lệ đánh giá cho rằng môi trường kém hơn đối với cả 6 tiêu chí

đều ở mức từ khoảng 10% trở xuống, tỉ lệ đánh giá môi trường như cũ, không thay đổi cũng chỉ ở mức trên dưới 20%, còn lại đối với cả 6 tiêu chí đánh giá đều đạt được ở mức từ 70% - 80% tổng số NTL đánh giá môi trường cải thiện tốt hơn hoặc tốt hơn đáng kể. Đây là những tín hiệu rất tích cực, cho thấy những nỗ lực chỉ đạo của các cấp ban ngành lãnh đạo và của chính hội nhà báo, sự góp sức của chính các nhà báo đã đem lại kết quả tích cực. Trong 6 tiêu chí đánh giá về môi trường tác nghiệp, có 3 tiêu chí đạt điểm trung bình cao nhất (từ 3,9 điểm/ 5 điểm trở lên) và có tỉ lệ đánh giá “cải thiện hơn đáng kể”, bao gồm: mức độ an toàn; mức độ sẵn sàng được bảo vệ quyền tác nghiệp; mức độ đăng, phát tác phẩm theo quy định pháp luật. Có 2 tiêu chí đạt mức điểm trung bình đánh giá thấp nhất, bao gồm: mức độ nhà báo được tôn trọng (3,73/5 điểm) và mức độ nhà báo được tự do tác nghiệp (tiếp cận/ thu thập thông tin) trong khuôn khổ luật cho phép (3,76/5 điểm).

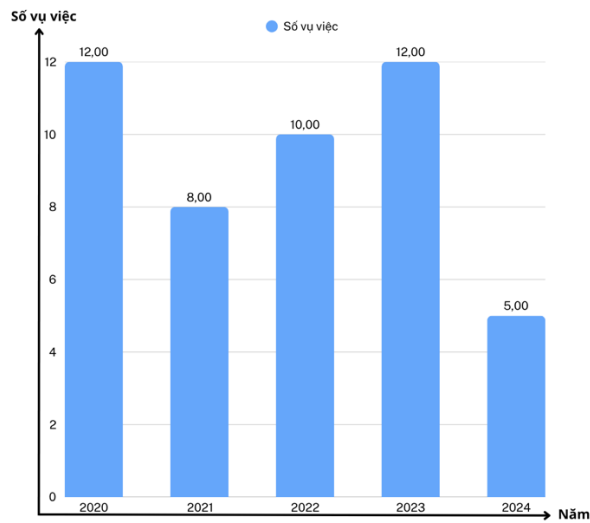
Giải thích về dữ liệu này, trước hết phải nhắc đến bối cảnh pháp luật Việt Nam ngày càng chú trọng đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà báo, phóng viên. Luật Báo chí đã đặt ra những quy định nghiêm cấm rõ ràng nhằm ngăn chặn bất kỳ hành vi nào xâm phạm đến tính mạng, danh dự, nhân phẩm cũng như cản trở hoạt động tác nghiệp của họ. Cụ thể, các hành vi đe dọa, uy hiếp tính mạng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; phá hủy, thu giữ phương tiện, tài liệu; hay ngăn cản nhà báo, phóng viên hoạt động nghề nghiệp đúng pháp luật đều bị chế tài nghiêm khắc. Bên cạnh đó, pháp luật hình sự cũng quy định chế tài cho các hành vi nghiêm trọng hơn, như tội cố ý gây thương tích, tội giết người, tội đe dọa giết người, tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, tội hủy hoại tài sản..., tùy theo mức độ và tính chất vi phạm. Các biện pháp này bảo đảm người vi phạm phải chịu trách nhiệm tương ứng với hậu quả gây ra, qua đó răn đe và phòng ngừa các hành vi xâm phạm, tạo môi trường tác nghiệp an toàn và minh bạch hơn cho nhà báo. Trường hợp chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, hành vi vi phạm vẫn có thể bị xử phạt theo Nghị định số 119/2020/NĐ-CP của Chính phủ, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản. Sự đa dạng và thống nhất trong hệ thống quy phạm pháp luật này đã và đang góp phần nâng cao hiệu lực bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của

nhà báo, thúc đẩy tính chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội của hoạt động báo chí, đồng thời củng cố niềm tin công chúng vào khả năng giám sát và phản ánh trung thực của báo chí đối với đời sống xã hội.

Bên cạnh đó, phỏng vấn sâu đối với nhà nghiên cứu về Luật báo chí chỉ ra sự bao trùm của các quy định trong các Luật khác nhau nhằm đảm bảo môi trường tác nghiệp báo chí ngày càng phát huy được tính an toàn cho nhà báo và hiệu quả trong thu thập và xuất bản thông tin. *“Cơ sở pháp lý bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam đã được xây dựng với hệ thống văn bản tương đối đầy đủ, bao gồm Hiến pháp, Luật Báo chí và các văn bản hướng dẫn khác. Chúng ta có Hiến pháp Việt Nam 2013 quy định tại Điều 25 về quyền tự do ngôn luận, báo chí, tiếp cận thông tin và quyền phản biện xã hội. Đây là nền tảng pháp lý quan trọng bảo vệ hoạt động của nhà báo. Luật Báo chí 2016 là văn bản chuyên biệt, trong đó Điều 15 quy định rõ quyền và nghĩa vụ của nhà báo khi tác nghiệp, đồng thời Điều 9 cấm các hành vi cản trở hoạt động báo chí như hành hung, đe dọa hoặc gây khó khăn cho nhà báo. Ngoài ra, các quy định bổ sung trong Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) có những điều khoản nghiêm khắc về việc xử lý các hành vi xâm hại sức khỏe, danh dự, nhân phẩm. Luật An ninh mạng 2018 và các nghị định liên quan cũng góp phần bảo vệ nhà báo trong môi trường tác nghiệp trực tuyến, chống lại các hành vi đe dọa, tấn công hoặc bôi nhọ nhà báo qua mạng xã hội”*. (Thảo luận nhóm - Phụ lục 4)

Phân tích đánh giá điểm trung bình mức độ cải thiện môi trường tác nghiệp báo chí hiện nay so với 5 năm trước đây theo đặc điểm NTL, kết quả cho thấy gần như không có quá nhiều sự khác biệt trong đánh giá về mức độ cải thiện môi trường tác nghiệp ở cả 6 tiêu chí giữa nam nhà báo và nữ nhà báo. Tuy nhiên khi phân tích theo thâm niên làm việc, kết quả cho thấy nhóm các nhà báo có thâm niên làm việc dưới 10 năm có xu hướng đánh giá tích cực hơn, thể hiện ở điểm trung bình đánh giá cao hơn ở cả 6 tiêu chí đánh giá so với nhóm có thâm niên làm việc từ 10 năm trở lên, sự khác biệt này là do trải nghiệm nghề nghiệp đem lại. Tuy nhiên sự chênh lệch này là không quá lớn (*Chi tiết dữ liệu tại Phụ lục 1 - Bảng B7b*).

Thực tế, số liệu phân tích những vụ việc xâm phạm quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo trong giai đoạn 5 năm từ 2020 đến cuối năm 2024 đã cho thấy những kết quả khá tương đồng so với đánh giá trên của NTL. Từ năm 2020 đến năm 2023, số vụ việc được báo cáo lên hội nhà báo gần tương đồng nhau, tuy nhiên số vụ việc đã có xu hướng giảm đáng kể vào năm 2024, cụ thể như sau:



Biểu đồ 3.1: Số vụ việc vi phạm quyền hoạt động nghề nghiệp hợp pháp của nhà báo được báo cáo lên Hội nhà báo

Như vậy, có thể thấy môi trường tác nghiệp báo chí tại Việt Nam đã có những tiến bộ đáng kể so với những năm trước, trong đó đặc biệt là môi trường tác nghiệp an toàn và nhà báo sẵn sàng được bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp. Tuy nhiên, môi trường tác nghiệp báo chí hiện tại vẫn chưa hoàn toàn được đánh giá ở mức tốt hay rất tốt, vẫn rất cần được tiếp tục cải thiện tích cực hơn nữa trong tương lai.

3.2.1.2. Đánh giá nhận thức về tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

Bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo có ý nghĩa rất quan trọng đối với hoạt động nghề nghiệp báo chí, đảm bảo vị thế, chức năng nhà báo, giúp cho báo chí đảm nhận tốt chức năng, nhiệm vụ được Đảng, nhà nước giao phó, từ đó đóng góp đáng kể vào sự phát triển báo chí, phát triển xã hội. Khi được hỏi về vai trò và tầm quan trọng của việc đảm bảo thực thi tốt quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của

nhà báo đối với phát triển báo chí và phát triển xã hội, kết quả thu được từ NTL trong mẫu nghiên cứu đã khẳng định rất rõ điều này. (*Chi tiết dữ liệu tại Phụ lục 1 - Bảng B3*)

Bảng dữ liệu trên cho thấy nhà báo ở các vị trí khác nhau đã nhận thức rất rõ về vai trò và tầm quan trọng của việc thực thi quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo không chỉ đối với việc đảm bảo vị thế, vai trò của họ mà đối với chức năng của báo chí đối với xã hội và đối với sự phát triển xã hội nói chung. Với 9 tiêu chí đánh giá đề cập ở bảng trên, trong đó có 3 tiêu chí đánh giá tầm quan trọng đối với nhà báo, 3 tiêu chí đánh giá dành cho môi trường làm việc báo chí, 3 tiêu chí đánh giá đối với sự phát triển đất nước. Kết quả đánh giá về vai trò và tầm quan trọng của đảm bảo thực thi tốt quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo đối với cả 9 tiêu chí trên đều nhận được điểm số đánh giá rất cao (từ 4,32 đến 4,46 điểm/ 5 điểm), với tỉ lệ NTL lựa chọn đánh giá rất quan trọng luôn cao nhất và tỉ lệ NTL lựa chọn đánh giá ở cả mức “*quan trọng*” và “*rất quan trọng*” đối với cả 9 tiêu chí luôn ở mức trên dưới 90%.

Phân tích tương quan điểm trung bình đánh giá tầm quan trọng của việc đảm bảo thực thi tốt quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo đối với phát triển báo chí và phát triển xã hội với một số đặc điểm của NTL như giới tính NTL, thâm niên công tác, tình trạng có/ không sở hữu thẻ nhà báo cho thấy khá rõ một số những phát hiện sau đây. Thứ nhất, không có quá nhiều sự khác biệt trong đánh giá giữa nhà báo là nam hay nữ, điểm trung bình đánh giá có sự tương đồng ở 8 tiêu chí và chỉ khác biệt ở tiêu chí đầu tiên: nhà báo là nam giới cho rằng thực thi tốt quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp giúp họ tự tin với điểm trung bình đánh giá cao hơn nữ. Thứ hai, xu hướng chung cho thấy những người có thẻ nhà báo, những người có thâm niên công tác lâu hơn, đặc biệt nhóm có thâm niên công tác từ 10 đến 15 năm, với đủ trải nghiệm môi trường tác nghiệp báo chí hiện đại đều có xu hướng đánh giá tầm quan trọng ở cả 9 tiêu chí đánh giá với điểm trung bình cao hơn nhóm chưa có thẻ nhà báo, nhóm có thâm niên công tác dưới 10 năm. Những nhà báo đã có thẻ nhà báo và có thâm niên công tác đủ lâu (từ 10 - 15 năm) là nhóm đánh giá rất cao tầm quan trọng của thực thi tốt quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, nó cho thấy

đây là cơ sở dữ liệu đáng tin cậy. Như vậy, có thể thấy đảm bảo thực thi tốt quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo đóng vai trò rất quan trọng, không chỉ cho nhà báo, nghề báo, đảm bảo chức năng, nhiệm vụ của báo chí mà còn đối với sự phát triển xã hội nói chung.

3.2.2. Thực trạng đảm bảo quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo và hành vi vi phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo trong thời gian vừa qua

3.2.2.1. Thực trạng đảm bảo quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

Nghiên cứu tìm hiểu đánh giá của các nhà báo về các quyền được bảo vệ cơ bản giúp họ hoạt động nghiệp vụ hiệu quả trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Nghiên cứu tìm hiểu các quyền tác nghiệp hợp pháp cơ bản như: quyền được pháp luật bảo hộ trong hoạt động nghề nghiệp; được tiếp cận thu thập, khai thác, xử lý thông tin báo chí, được quyền bảo vệ nguồn tin; quyền phổ biến thông tin đúng quy trình và pháp luật đáp ứng nhu cầu xã hội; quyền được bảo vệ bản thân, gia đình khỏi các hành vi đe dọa, uy hiếp tính mạng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; phá hủy, thu giữ phương tiện, tài liệu, cản trở hoạt động nghề nghiệp đúng pháp luật.... Kết quả nghiên cứu được đánh giá ở 5 cấp độ, đồng thời phân tích theo điểm trung bình được đề cập cụ thể ở bảng “*Đánh giá về các quyền của nhà báo được bảo vệ và thực thi trên thực tế tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay*”. (Chi tiết dữ liệu tại Phụ lục 1 - Bảng B2)

Với 8 nội dung đánh giá đề cập ở bảng trên, điểm trung bình đánh giá của cả 8 yếu tố không chênh lệch quá lớn, rơi vào mức điểm từ 3,61 đến 3,94 điểm/ 5 điểm. Tỷ lệ NTL đánh giá ở mức “không tốt” đối với cả 8 nội dung thể hiện quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo gần như rất thấp và không đáng kể (dưới 1% tổng số NTL, cá biệt có nội dung đạt mức đánh giá 2,4%). Đa phần các ý kiến đánh giá của NTL rơi vào mức đánh giá “tốt” hoặc “rất tốt”, và khoảng trên dưới 30% NTL lựa chọn đánh giá ở mức “trung bình”. Trong 8 nội dung đánh giá thể hiện các quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo được bảo vệ, có 3 nội dung nhận được tỷ lệ NTL đánh giá tích cực nhất, tương ứng với mức độ bảo vệ và thực thi tốt trong môi trường báo chí hiện nay, bao gồm:

- Quyền khước từ việc tham gia biên soạn hoặc thể hiện tác phẩm báo chí trái với quy định của pháp luật: điểm trung bình đạt 3,94/5 điểm; với trên 70% ý kiến NTL đánh giá ở mức “tốt” và “rất tốt”; chỉ 0,7% ý kiến đánh giá “không tốt”.

- Quyền bảo vệ nguồn tin và bí mật nghề nghiệp: điểm trung bình đạt 3,89/5 điểm; với gần 70% ý kiến NTL đánh giá ở mức “tốt” và “rất tốt”; chỉ 0,7% ý kiến đánh giá “không tốt”.

- Quyền được tham gia vào các khoá đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ báo chí: điểm trung bình đạt 3,89/5 điểm; với gần 70% ý kiến NTL đánh giá ở mức “tốt” và “rất tốt”; chỉ 0,7% ý kiến đánh giá “không tốt”. Đây là một kết quả đáng chú ý, cho thấy các nhà báo rất được các cấp, ban ngành quan tâm trong lĩnh vực đào tạo và đào tạo lại, hỗ trợ họ làm tốt vai trò nghề nghiệp của bản thân nhà báo, đồng thời giúp họ nâng cao hiểu biết, trau dồi kỹ năng hỗ trợ thực thi tốt các quyền tác nghiệp hợp pháp khác.

Bên cạnh 3 nội dung đánh giá nhận được phản hồi tích cực nhất nói trên, có 2 nội dung đều thể hiện quyền tiếp cận thông tin nhận được phản hồi với điểm trung bình đánh giá thấp nhất, cụ thể:

- Quyền được hoạt động nghiệp vụ báo chí tại các phiên tòa xét xử công khai; được bố trí khu vực riêng để tác nghiệp; được liên lạc trực tiếp với người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng để lấy tin, phỏng vấn theo quy định của pháp luật: điểm trung bình đạt 3,61/5 điểm; với 57,7% ý kiến NTL đánh giá ở mức “tốt” và “rất tốt”; chỉ có 0,3% ý kiến đánh giá “không tốt”, và có tới 32% ý kiến nhận định mới đạt ở mức “khá”.

- Quyền được đến các cơ quan, tổ chức để hoạt động nghiệp vụ báo chí. Khi đến làm việc, nhà báo chỉ cần xuất trình thẻ nhà báo. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp cho nhà báo những tư liệu, tài liệu không thuộc phạm vi bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật: điểm trung bình đạt 3,65/5 điểm; với 61,6% ý kiến NTL đánh giá ở mức “tốt” và “rất tốt”; có 2,4% ý kiến đánh giá “không tốt”.

Kết quả phản hồi về quyền hoạt động nghiệp vụ tại các phiên tòa xét xử công khai có thể lý giải như sau: Trong bối cảnh Luật tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi) 2024 quy định việc ghi âm, ghi hình tại phiên tòa chỉ thực hiện trong thời gian “khai mạc, tuyên án, công bố quyết định” và đều phải được chủ tọa cho phép. Việc ghi hình ảnh của người tiến hành tố tụng khác, người tham gia phiên tòa... cũng cần có sự đồng ý của những người này (Khoản 3, Điều 141). Trong thực tiễn, tại một số phiên tòa xét xử các vụ án lớn như kit test Việt Á, Tân Hoàng Minh tại TAND TP. Hà Nội, phóng viên được bố trí phòng riêng để theo dõi, đưa tin nhưng bị hạn chế nghiêm ngặt về phương tiện tác nghiệp. Cụ thể, phóng viên không được ghi âm, ghi hình, sử dụng máy tính hay mang theo điện thoại. Thay vào đó, họ chỉ được cấp phát giấy, bút để ghi chép diễn biến phiên tòa, sau đó mới có thể ra ngoài hoàn thiện tin bài trên máy tính. Cách thức này đã gây ra nhiều khó khăn cho hoạt động báo chí, đặc biệt khi các vụ án có tính chất phức tạp, nhiều tình tiết, số liệu và kéo dài trong nhiều ngày. Việc hạn chế hoặc cấm ghi âm, ghi hình tại các phiên tòa không chỉ khiến việc tạo ra những tác phẩm báo chí chất lượng, hấp dẫn phục vụ công chúng trở nên khó khăn, mà còn làm suy giảm tính chính xác, chân thực, khách quan và độ tin cậy của thông tin.

“Phiên tòa công khai là một hoạt động mang tính công vụ, phục vụ lợi ích quốc gia và dân tộc, với trọng tâm là đấu tranh, xử lý và phòng ngừa tội phạm. Bộ luật Tố tụng hình sự đã xác định rõ, thông tin từ báo chí, đặc biệt là thông tin tố giác tội phạm, là căn cứ quan trọng để cơ quan tố tụng xem xét khởi tố và tiến hành điều tra (Điều 143). Do đó, thông tin báo chí cần đảm bảo tính chính xác, chân thực và tin cậy - đây là yếu tố cốt lõi trong hoạt động báo chí chuyên nghiệp. Để đáp ứng yêu cầu này, việc ghi âm, ghi hình tại các phiên tòa là điều cần thiết. Tuy nhiên, cần cân bằng giữa việc duy trì tính tôn nghiêm của phiên tòa, sự vô tư, công tâm của Hội đồng xét xử với quyền tác nghiệp hợp pháp của báo chí, đảm bảo thông tin được sử dụng và đăng tải luôn khách quan, chính xác và trung thực.” - (PVS -S1, Phụ lục 5c)

Bên cạnh đó, một số cơ quan nhà nước vẫn chưa thực sự hợp tác cung cấp thông tin cho nhà báo. Và hành vi này có thể coi là một dạng “cản trở mềm”.

“Một sự việc nhỏ thôi chỉ cách đây độ 2 tháng khi tôi liên hệ làm việc với Thanh tra tỉnh Hà Nam, đề nghị được cung cấp một số Kết luận thanh tra của đơn vị (những kết luận này không danh mục Bí mật nhà nước) nhưng không được cung cấp. Dù tôi đã xuất trình thẻ nhà báo, giấy giới thiệu bản cứng và nội dung đề nghị được cung cấp. Chánh thanh tra tỉnh Hà Nam từ chối với nhiều lý do thiếu thuyết phục và cuối cùng tôi vẫn không được cung cấp những thông tin cần thiết cho quá trình tác nghiệp của mình. Rất nhiều những sự việc như vậy vẫn đang xảy ra. Và tôi cho rằng bất cứ nhà báo, phóng viên cũng đã từng gặp phải những trường hợp tương tự.” - (PVS -N2, Phụ lục 5a)

Phân tích đánh giá các quyền của nhà báo được bảo vệ và thực thi trên thực tế tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay theo các đặc điểm của NTL và dựa vào điểm trung bình đánh giá (trên tổng số 5 điểm, với điểm càng cao thể hiện mức độ thực thi quyền và được bảo vệ càng cao) cho thấy một số những phát hiện sau:

Nhà báo là nam có xu hướng đánh giá mức độ được bảo vệ các quyền hoạt động nghề nghiệp của nhà báo như đã đề cập ở bảng trên cao hơn so với nhà báo là nữ, trong đó sự khác biệt đáng chú ý ở một số đánh giá liên quan đến các quyền như: Hoạt động báo chí trên lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, hoạt động báo chí ở nước ngoài theo quy định của pháp luật và được pháp luật bảo hộ trong hoạt động nghề nghiệp (nam: 3,93/5; nữ: 3,77/5 điểm); Được đến các cơ quan, tổ chức để hoạt động nghiệp vụ báo chí. Khi đến làm việc, nhà báo chỉ cần xuất trình thẻ nhà báo. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp cho nhà báo những tư liệu, tài liệu không thuộc phạm vi bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật (nam: 3,76/5; nữ: 3,56/5 điểm); Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ báo chí (nam: 3,96/5; nữ: 3,81/5 điểm)... Điều này có thể xuất phát từ hai nguyên nhân sau. Thứ nhất, nữ giới vẫn vấp phải định kiến xã hội và rào cản giới. Trong một số hoạt động nghiệp vụ như thâm nhập địa bàn phức tạp, lấy thông tin nhân chứng hay tham dự sự kiện mang tính nhạy cảm nhà báo nữ có thể phải đối mặt với những nghi ngại hoặc định kiến không chính thức từ xã hội, từ cơ quan, tổ chức hoặc thậm chí từ cả đồng nghiệp. Những định kiến này khiến họ nhận thấy môi trường bảo

vệ pháp lý và sự tiếp cận thông tin chưa thật sự thuận lợi hoặc bình đẳng như đồng nghiệp nam. Thứ hai, nhà báo nam, do ít phải đương đầu với rào cản giới, thường có xu hướng tiếp cận nguồn tin và địa bàn tác nghiệp một cách cởi mở hơn, không phải lo lắng nhiều về thành kiến hay an toàn cá nhân. Từ đó, họ có thể cảm nhận rằng quyền tác nghiệp của mình được bảo vệ tốt hơn. Ngược lại, nhà báo nữ có thể gặp những tình huống phân biệt đối xử hoặc thiếu tôn trọng khi tiếp cận các nguồn tin, dẫn đến việc đánh giá môi trường pháp lý và mức độ hỗ trợ thấp hơn.

Nhà báo có kinh nghiệm tác nghiệp còn hạn chế, đặc biệt nhóm nhà báo có kinh nghiệm tác nghiệp dưới 5 năm có xu hướng đánh giá tích cực hơn về mức độ bảo vệ các quyền hoạt động nghề nghiệp của nhà báo so với những nhóm có kinh nghiệm nghề nghiệp từ 5 năm trở lên, nguyên nhân do trải nghiệm nghề nghiệp khác nhau. Những nhà báo có nhiều năm làm việc họ có nhiều trải nghiệm hơn, đối mặt với nhiều thực tế hơn và do vậy họ cũng khắt khe hơn trong các đánh giá. Bên cạnh đó, so sánh điểm trung bình đánh giá giữa nhóm nhà báo có thể và nhóm chưa có thể nhà báo, kết quả cho thấy không có sự khác biệt trong đánh giá: điểm trung bình đánh giá ở các nội dung thể hiện mức độ bảo vệ với các quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo không có sự khác biệt đáng kể (có ý nghĩa thống kê) giữa hai nhóm này.

Như vậy bên cạnh các giải pháp tổng thể hướng đến cải thiện tốt hơn nữa việc đảm bảo quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo thì các cơ quan quản lý cũng cần có thêm những giải pháp nâng cao hơn nữa mức độ bảo vệ với quyền tiếp cận thông tin của nhà báo, trong đó bao gồm tiếp cận thông tin và hoạt động nghiệp vụ báo chí tại các phiên tòa xét xử công khai như đề cập ở trên.

3.2.2.2. Tần suất, mức độ vi phạm, loại hành vi xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp

Nhằm làm rõ hơn thực trạng nhà báo được bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp, nghiên cứu cũng đã tìm hiểu về thực trạng nhà báo đã từng bị xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp, trong đó bao gồm những hành vi xâm phạm và tần suất, mức độ họ bị xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp. Nghiên cứu chia làm hai loại hành vi: loại hành vi ở mức độ trung bình, ít nghiêm trọng và loại hành vi vi

phạm nghiêm trọng. Với mỗi nhóm hành vi này, nghiên cứu sẽ tìm hiểu cụ thể mức độ nhà báo đã từng gặp phải và tần suất, mức độ họ đã từng gặp phải những hành vi đó (đã từng gặp/ chưa gặp; và số lần họ đã từng gặp) trong vòng 5 năm trở lại đây (tính từ năm 2020).

Ở nhóm hành vi xâm phạm ở mức trung bình và ít nghiêm trọng, nghiên cứu tìm hiểu các nhóm hành vi: Bị né tránh/từ chối cung cấp thông tin; Bị mua chuộc (để không đăng hoặc đăng theo ý của đối tượng); Bị trì hoãn/ cản trở/ gây khó dễ; Bị từ chối tiếp cận hiện trường, nhân vật; Bị từ chối tiếp cận hiện trường, nhân vật; Bị thu giữ phương tiện tác nghiệp. Xem *“Thực trạng nhà báo đã từng gặp phải những trường hợp bị xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp (hành vi xâm phạm ở mức trung bình và hành vi ít nghiêm trọng)”* - (Phụ lục 1 - Bảng B8a)

Những nhóm hành vi xâm phạm quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo ở mức ít nghiêm trọng như các hành vi bị né tránh, từ chối cung cấp thông tin hay bị trì hoãn, cản trở, gây khó dễ là những nhóm hành vi được nhà báo cho biết họ gặp phải ở mức độ phổ biến nhất. Có trên 85% NTL cho biết họ từng bị né tránh, từ chối cung cấp thông tin thông qua việc bị từ chối trả lời/ hỏi đáp hay né tránh, đùn đẩy cho người khác, đặc biệt là tỉ lệ NTL cho biết đã từng nhiều lần (từ 3 lần trở lên) gặp phải trường hợp này lên đến trên 50%. Tương tự, tình trạng bị trì hoãn, cản trở, gây khó dễ cũng rất phổ biến thông qua nhiều hình thức khác nhau, bên cạnh những cách thức thông thường, họ cũng gặp phải những hình thức mới như đòi trả công, gây tác động đến bạn bè, đồng nghiệp, gia đình. Cũng có đến 58,1% ý kiến cho rằng họ bị từ chối tiếp cận hiện trường, nhân vật mà không được cung cấp lý do chính đáng, trong đó 22% tổng số NTL cho biết họ đã từng gặp phải tình huống này trong 5 năm vừa qua từ 3 lần trở lên.

Bên cạnh những nhóm hành vi xâm phạm ở mức không quá nghiêm trọng như ở trên, nhóm hành vi xâm phạm ở mức trung bình như: bị mua chuộc hay thu giữ phương tiện tác nghiệp cũng khá nhiều nhà báo đã từng đối mặt. Có 27,1% NTL cho biết họ từng bị mua chuộc bằng mối quan hệ và 26,4% NTL từng bị mua chuộc bằng vật chất. Tỉ lệ NTL cho biết họ từng bị thu giữ các phương tiện tác nghiệp (thẻ nhà

báo, giấy tờ tùy thân, giấy tờ, sổ sách, điện thoại, máy tính, máy ảnh, máy quay...) cũng không phải là nhỏ (từ khoảng 20% đến 25% tổng số NTL tương ứng với mỗi hành vi xâm phạm).

Đối với nhóm hành vi xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở mức nghiêm trọng, mức độ và tần suất vi phạm qua phản hồi của các nhà báo được ghi nhận ở bảng *“Thực trạng nhà báo đã từng gặp phải những trường hợp bị xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp (hành vi xâm phạm ở mức nghiêm trọng)”* (Chi tiết tại Phụ lục 1 - Bảng 8b)

Bảng dữ liệu cho thấy tỉ lệ nhà báo và người thân của họ đã từng bị đe dọa, khủng bố tinh thần không phải là ít gặp. Có 23,5% NTL cho biết họ đã từng bị đe dọa khủng bố tinh thần trực tiếp và trên 18% cho biết bị đe dọa, khủng bố thông qua MXH. Bên cạnh đó, trên dưới 10% nhà báo cho biết người thân gia đình của họ cũng từng bị đe dọa khủng bố tinh thần trực tiếp và trên MXH. Ngoài bị khủng bố tinh thần, một tỉ lệ không phải là ít cho biết họ đã từng bị vu khống, bôi nhọ trực tiếp hoặc gián tiếp (trên dưới 15% đã từng bị). Hành vi bị phá hoại, phá hủy phương tiện tác nghiệp không nhiều (dưới 10% NTL cho biết họ đã từng gặp ở một số hành vi cụ thể), tuy nhiên nếu tính cứ 10 nhà báo có 1 nhà báo đã từng bị vi phạm quyền tác nghiệp bằng hình thức này thì đây vẫn là vấn đề đáng lên án và rất cần chú ý của dư luận và các bên liên quan. Hệ quả của việc bản thân nhà báo bị ảnh hưởng bởi những hành vi trên rất rõ ràng trong thảo luận sâu:

“Việc đe dọa hay trả thù, những người này thường không đe dọa trực tiếp mà âm thầm gây áp lực, với mục đích làm nhà báo cảm thấy lo sợ hoặc bị ảnh hưởng tâm lý” - (Thảo luận nhóm - Phụ lục 4)

Bảng dữ liệu *“Thực trạng nhà báo đã từng gặp phải những trường hợp bị xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp (hành vi xâm phạm ở mức rất nghiêm trọng)”* mô tả tình trạng xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở mức nghiêm trọng, trong đó bao gồm vi phạm nghiêm trọng ảnh hưởng đến nhà báo và cả những hành vi ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính chính xác, chân thực của thông tin đã được đăng tải. (Chi tiết tại Phụ lục 1 - Bảng 8c)

Bảng trên mô tả rất chi tiết các vi phạm ở mức độ nghiêm trọng, trong đó có thể nhận thấy một số dữ liệu đáng quan tâm: có 9,4% số NTL cho biết họ từng bị hành hung với các hình thức như tát, đấm hoặc đẩy, và khoảng 5% xác nhận từng bị gây thương tích. Ngoài ra, 7,7% cho biết họ đã từng bị ngăn cản di chuyển, trong khi khoảng 4% từng bị bắt giữ hoặc giam giữ. Về vấn đề quấy rối tình dục, có 6% số NTL phản ánh rằng họ từng bị quấy rối trên môi trường trực tuyến và tỷ lệ tương tự cũng từng trải nghiệm quấy rối trực tiếp ngoài đời thực. Một con số đáng chú ý khác là 7,4% cho biết họ đã từng bị trả thù sau khi công bố tác phẩm báo chí.

Trong bối cảnh không gian mạng, các hành vi cản trở hoạt động báo chí đúng pháp luật cũng được ghi nhận ở mức đáng kể. Có 18,5% NTL bị đe dọa về mặt tinh thần thông qua các nền tảng trực tuyến, 14,4% bị vu khống hoặc bôi nhọ trên mạng, và 6,6% từng là nạn nhân của quấy rối tình dục trực tuyến. Mặc dù tỷ lệ cản trở loại này không quá cao nhưng thể hiện rằng mạng internet đang trở thành một môi trường xâm hại mới đối với nhà báo, đặc biệt khi các tác nhân xấu sử dụng không gian ảo để thực hiện các hành vi đe dọa, quấy rối và vu khống trên mạng thường khó định danh (ẩn danh, dùng tài khoản ảo) và pháp luật còn chưa được áp dụng mạnh mẽ trong môi trường số. Môi trường internet không còn là nơi chỉ để “bôi nhọ cho vui” mà đã trở thành một công cụ cản trở, làm tổn hại nhà báo một cách có chủ đích. Tuy nhiên, những cản trở trên môi trường trực tuyến thường chỉ gây tổn hại sức khỏe tinh thần nên nhà báo có xu hướng ít báo cáo để xử lý triệt để. Trong 5 năm khảo sát, có 02 vụ việc lăng mạ, bôi nhọ nhà báo được báo cáo lên Hội nhà báo để phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý. Vụ việc thứ nhất, nhà báo Hoàng Văn Hương, VOV5 bị nhóm Youtuber phản động tấn công ngôn từ nhằm bôi nhọ, hạ uy tín của nhà báo trong quá trình nhà báo thực hiện các chương trình tọa đàm liên quan đến chủ đề bảo vệ đường lối, quan điểm, nền tảng tư tưởng của Đảng, chống lại các thế lực thù địch trên sóng của Đài TNVN. Vụ việc thứ hai liên quan đến một đối tượng dùng tài khoản trên mạng xã hội Zalo để phát tán nội dung xuyên tạc, sai sự thật, gây mất uy tín cho báo Công thương. (Xem chi tiết tại Phụ lục 6A)

Nghiên cứu 05 vụ việc điển hình trong 5 năm qua đều ở mức độ vi phạm rất nghiêm trọng (Gây thương tích rõ rệt, sử dụng hung khí, đe dọa tính mạng, tổn thương >5%); Nghiêm trọng (Hành hung, truy đuổi, cản trở, làm hư hại thiết bị). Các hình thức vi phạm đã vượt xa giới hạn ngăn cản thông thường, tiếm cận tội phạm hình sự có tổ chức. Cụ thể:

Các vụ tấn công thường có tính chất côn đồ. Phóng viên bị cản trở bằng nhiều hình thức: lăng mạ, đe dọa, bị tấn công bằng tay, chân, gậy gỗ, thậm chí bằng dao. Cả 5 vụ tấn công vào phóng viên, nhà báo đều có chủ đích và manh động. Trong một số vụ việc, kẻ tấn công được mô tả là lao vào tấn công bất ngờ, hùng hổ, thậm chí tiếp tục tấn công khi phóng viên đã ngã gục hoặc đang bảo vệ thiết bị.... Có trường hợp kẻ tấn công truy đuổi phóng viên ngay cả khi họ chạy về phía lực lượng chức năng hoặc đi theo xe đưa phóng viên đi cấp cứu để uy hiếp.

Hậu quả trực tiếp là phóng viên bị thương tích, có trường hợp bị đa chấn thương, chấn thương đầu, gáy, lưng, bụng, tay, và vết chém sâu ở lưng. Một số phóng viên phải nhập viện để kiểm tra, cấp cứu và điều trị. Mức độ tổn thương có thể cần giám định để xử lý. Kẻ tấn công không chỉ hành hung mà còn cản trở hoạt động quay phim, chụp ảnh và giật, ném, làm vỡ thiết bị tác nghiệp của phóng viên. *(Chi tiết dữ liệu tại Phụ lục 8)*

Như vậy, mặc dù có khung pháp lý bảo vệ và chế tài xử lý các hành vi cản trở trái phép hoạt động báo chí song những vụ việc tấn công nhà báo có tính chất côn đồ, có tổ chức, sử dụng vũ lực và hung khí vẫn tồn tại. Và điểm đáng chú ý là các nhà báo điều tra tiêu cực xã hội là nhóm có nguy cơ cao nhất, dễ trở thành mục tiêu trả thù. Nhận định ảnh hưởng tiêu cực của hình thức này, một nhà báo cho biết: *“Trả thù, dù ít xảy ra nhưng lại rất nghiêm trọng. Nó có thể khiến nhà báo bị đối xử không công bằng, thậm chí chịu đựng những tác động tiêu cực không đáng có”*. - (Thảo luận nhóm - Phụ lục 4)

Bên cạnh những hành vi xâm phạm nghiêm trọng đến sức khỏe, danh dự của nhà báo thì hành vi có tính nghiêm trọng, không chỉ ảnh hưởng đến nhà báo mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến tác phẩm báo chí, tính tôn nghiêm của báo chí, đó là

hành vi can thiệp vào nội dung đã đăng tải, gỡ bỏ nội dung, hạn chế nội dung đăng tải. Thực tế dữ liệu khảo sát cho thấy đây lại là hành vi vi phạm khá nhiều, với trên 1/4 tổng số NTL trong mẫu nghiên cứu cho biết họ đã từng gặp phải (dữ liệu cụ thể ở bảng trên). Kết quả phỏng vấn sâu của tác giả đã làm rõ những ảnh hưởng của những hành vi xâm phạm nghiêm trọng này đến nhà báo:

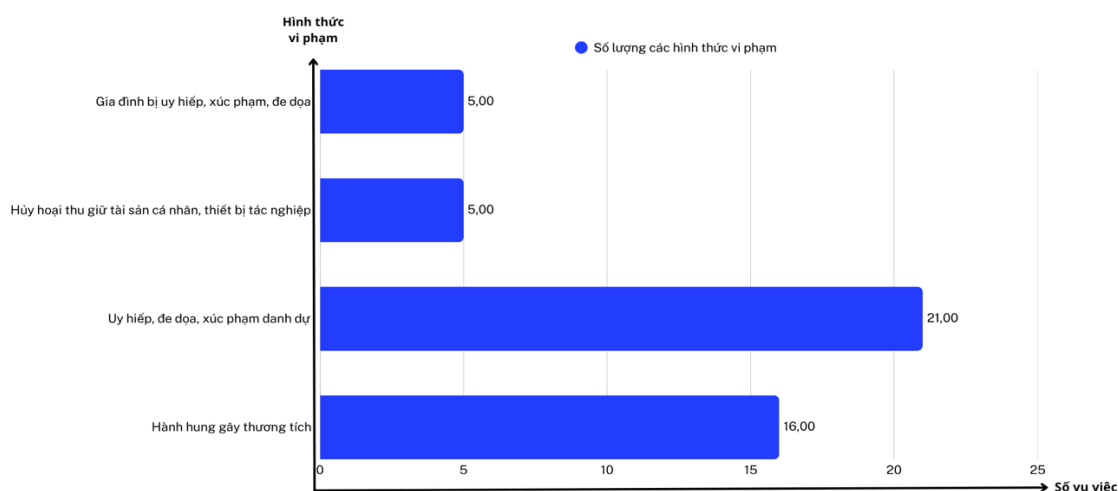
“Cái khó khăn nhất trong quá trình tác nghiệp lại là sự gián tiếp, khi người ta sử dụng các quan hệ mềm để tác động lên công việc của nhà báo, không chỉ trong quá trình thu thập thông tin mà còn sau khi thông tin đã được công bố. Điều này có thể gây ra những tác động tiêu cực, khiến nhà báo cảm thấy bị day dứt, nhất là khi có những hành vi gián tiếp ngăn chặn hoạt động tác nghiệp, hoặc thậm chí bôi nhọ, vu khống nhà báo. Tôi nhớ có một vụ việc lớn liên quan đến nước sạch sông Đà, khi toàn bộ nguồn nước ở Hà Nội bị nhiễm bẩn. Vụ việc xảy ra vào thời điểm tôi còn làm việc tại báo điện tử A, và đó là một ví dụ điển hình về những khó khăn mà nhà báo phải đối mặt trong việc duy trì tính khách quan và minh bạch trong tác nghiệp. Thời điểm đó, khi bài viết của tôi được lên, các đồng nghiệp ở các báo khác đã chất vấn rất kỹ, và tôi gặp rất nhiều áp lực từ các phía. Cuối cùng, tôi phải gỡ bài, điều này khiến tôi phải tự hỏi liệu nhà báo có quyền dừng bài viết khi gặp phải áp lực như vậy. Trong những tình huống như thế, việc dừng bài hoặc điều chỉnh bài viết phải được thảo luận với ban biên tập. Thực tế, mặc dù anh em báo chí luôn làm việc với tâm huyết và trách nhiệm cao, nhưng không thể tránh khỏi có những lúc sẽ có sự tác động từ các yếu tố bên ngoài hoặc các luồng ý kiến khác nhau, khiến chúng ta phải cân nhắc kỹ lưỡng trước khi quyết định”. - (Thảo luận nhóm - Phụ lục 4)

Với tình trạng vi phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo như trên, việc nhà báo cần đến sự hỗ trợ để bảo vệ sự an toàn của bản thân, gia đình là cần thiết. Thực tế cho thấy tỉ lệ NTL cho biết họ phải nhờ cậy đến lãnh đạo cơ quan báo chí, lãnh đạo địa phương và các bên liên quan khác trong quá trình tác nghiệp là khá phổ biến. Trong 5 năm qua, thống kê về mức độ và tần suất nhà báo báo cáo nguy cơ/tình trạng bị xâm phạm quyền tác nghiệp hợp pháp của bản thân đối với các bên liên quan được thống kê ở bảng “*Tình trạng ông/bà đã từng nhờ toà báo/ cơ quan chức*

năng can thiệp khi bị cản trở, gây khó khăn hoặc bị đe dọa trong quá trình tác nghiệp trong 5 năm vừa qua (từ đầu năm 2020 đến nay)” - (Chi tiết tại Phụ lục 1 - Bảng C1)

Rất đáng chú ý, có đến 42,6% tổng số NTL cho biết họ đã phải báo cáo với người đứng đầu và Ban biên tập cơ quan báo chí nơi mình làm việc nhờ hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ; 18,5% NTL cho biết họ đã từng gọi cảnh sát/ công an địa phương/ khu vực nhờ hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ; 17,4% đã từng nhờ chính quyền địa phương can thiệp/ hỗ trợ/ bảo vệ và gần 20% nhờ đến mạng lưới nhà báo/ đồng nghiệp hỗ trợ, bảo vệ trong 5 năm vừa qua. Cứ 10 nhà báo trong mẫu nghiên cứu thì trung bình có khoảng 1 người cho biết họ đã từng báo cáo trường hợp của mình với hội nhà báo để nhờ hỗ trợ/ can thiệp/ bảo vệ trong 5 năm vừa qua. Trên thực tế, cơ quan báo chí, cơ quan quản lý báo chí, Hội bảo vệ nghề nghiệp đều xây dựng quy trình nội bộ để bảo vệ phóng viên, cũng như những biện pháp phối hợp với cơ quan chức năng để đảm bảo an toàn cho nhà báo khi tác nghiệp: *“Thực ra, bất cứ cơ quan báo chí nào cũng có những quy định dành cho phóng viên, bên cạnh các quy định về đạo đức nghề nghiệp và Luật Báo chí. Các quy định này bao gồm tác nghiệp trong những môi trường đặc biệt, ví dụ như bão lũ, thiên tai hoặc những tình huống phức tạp”*. (PVS - L2, Phụ lục 5b)

Và bản thân Hội Nhà báo cũng có quy trình xử lý rõ ràng khi nhận thông tin cản trở tác nghiệp từ hội viên: *“Về quy trình xử lý khi có vụ việc cản trở nhà báo tác nghiệp, Hội Nhà báo Việt Nam có nhiệm vụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người làm báo, được quy định trong Luật Báo chí và Điều lệ Hội Nhà báo Việt Nam. Khi tiếp nhận thông tin từ các kênh khác nhau hoặc từ báo cáo của các cấp hội, Hội Nhà báo sẽ liên hệ trực tiếp với các cơ quan bảo vệ pháp luật địa phương, đồng thời gửi công văn tới lãnh đạo chính quyền địa phương để yêu cầu điều tra, xử lý nghiêm vi phạm (nếu có)”* - (PVS - L1, Phụ lục 5b) (Xem thêm Phụ lục 9)



Biểu đồ 3.2: Phân tích hình thức vi phạm quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo từ các vụ việc báo lên hội nhà báo giai đoạn 2020 - 2024 (Nguồn: Số liệu do Hội nhà báo Việt Nam cung cấp)

Theo phân tích dữ liệu từ 47 vụ việc vi phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo cung cấp thêm và làm sáng rõ hơn về thực trạng này. Cụ thể, những vụ việc báo lên hội nhà báo đa phần là những vụ việc vi phạm ở mức trung bình (51,1%) và nghiêm trọng (46,8%), những vụ việc vi phạm dưới mức trung bình gần như ít khi được báo lên hội nhà báo. Về nơi mà nhà báo, phóng viên bị xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp xảy ra phổ biến nhất tại hiện trường tác nghiệp (chiếm 63,8% tổng số vụ việc. Tỷ lệ vụ việc vi phạm tại nhà phóng viên là 12,8%, xâm phạm ngoài đường phố là 8,5% và qua điện thoại, MXH lần lượt là 12,8% và 2,1%. Về hình thức vi phạm, phân tích các vụ việc tổng hợp lại các số liệu như sau:

Bảng trên cho thấy khá rõ mức độ nghiêm trọng của những vụ việc đã được báo lên hội nhà báo trong giai đoạn 2020 - 2024: 34% hành hung gây thương tích nhà báo, 44,7% vụ việc uy hiếp, đe dọa, xúc phạm danh dự nhà báo, 10,6% vụ việc là nhà báo bị huỷ hoại, thu giữ tài sản cá nhân, thiết bị tác nghiệp và cũng có 10,6% vụ việc người nhà phóng viên, nhà báo bị uy hiếp, xúc phạm, đe dọa. Hệ quả của những vụ việc nêu trên khiến 27,7% nhà báo tác nghiệp tại hiện trường bị thương tích, đi bệnh viện cấp cứu/ điều trị, 61,7% bị tổn thương tinh thần đáng kể và 10,6% phóng viên nhà báo bị

mất/ hỏng tài sản hoặc bị thiệt hại tiền, tài sản. Người tham gia vào xâm phạm quyền hoạt động nghề nghiệp hợp pháp của nhà báo phần nhiều là người lạ, không rõ danh tính (55,3% tổng số vụ việc), tỉ lệ người vi phạm là người thuộc công ty/tổ chức/ cơ quan nhà báo đến tác nghiệp chiếm 25,5%, 10,6% vụ việc người vi phạm là đối tượng côn đồ, còn lại là không đề cập đến trong thông tin. Các vụ việc xảy ra được báo cho công an, chính quyền địa phương, hội nhà báo, tuy nhiên gần như không có thông tin về kết quả giải quyết vụ việc, mức độ xử lý. *(Chi tiết dữ liệu tại Phụ lục số 7).*

3.3. Đánh giá về những thành công và hạn chế trong bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay

3.3.1. Những thành công và nguyên nhân của những thành công

Như kết quả phân tích ở trên cho thấy trong 5 năm qua môi trường tác nghiệp báo chí được cải thiện rất rõ, thể hiện những tiến bộ đáng kể, trong đó đặc biệt là mức độ an toàn trong tác nghiệp và mức độ sẵn sàng được bảo vệ bởi pháp luật. Có được những thành công này là nỗ lực rất lớn từ nhiều phía: sự hoàn thiện môi trường pháp luật, sự tham gia mạnh mẽ, hiệu quả của các cấp, ban ngành và sự nỗ lực trang bị kiến thức, kỹ năng để tự bảo vệ bản thân của nhà báo tham gia tác nghiệp báo chí.

3.3.1.1. Tạo dựng môi trường pháp lý vững mạnh, an toàn bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

Trong những năm qua, Việt Nam đã không ngừng hoàn thiện hành lang pháp lý nhằm tạo dựng một môi trường an toàn, vững mạnh cho hoạt động nghiệp vụ báo chí. Đây là bước phát triển tất yếu, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn đòi hỏi báo chí phải được bảo đảm quyền tác nghiệp, đồng thời tuân thủ những quy định pháp luật chặt chẽ. Hàng loạt đạo luật, nghị định, thông tư đã lần lượt ra đời hoặc được sửa đổi, bổ sung với mục đích nâng cao hiệu quả bảo vệ nhà báo trong quá trình tác nghiệp, điển hình như Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản liên tục cập nhật theo năm 2013, 2020 và 2022 điều chỉnh tăng mức phạt đối với một số hành vi vi phạm, đặc biệt cản trở trái pháp luật đối với hoạt động báo chí cho phù hợp với yêu cầu thực tế. Việc liên tục rà soát, điều chỉnh và nâng cao tính hiệu quả của các văn bản quy phạm pháp luật đã góp phần tạo dựng

nền tảng pháp lý rõ ràng, nhất quán. Nhờ đó, quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo được bảo vệ một cách tối ưu hơn, đồng thời bảo đảm cho báo chí thực hiện tốt vai trò giám sát, phản ánh và định hướng dư luận trong đời sống xã hội.

Nghiên cứu phản hồi của nhà báo trong mẫu khảo sát về tầm quan trọng của Nghị quyết Đảng, Luật Báo chí, các Thông tư, Nghị định liên quan đóng góp vào bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam hiện nay cho thấy kết quả phản hồi rất khả quan. Có thể thấy nhà báo đều nhận thấy những đóng góp quan trọng, có tính then chốt của những yếu tố trên đối với việc tạo dựng môi trường pháp lý có tính bảo đảm cao góp phần quan trọng vào vào vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo. Cụ thể kết quả phản hồi về mức độ quan trọng của từng nghị quyết, luật, thông tư, nghị định được trình bày ở bảng dưới đây theo mức độ quan trọng (%) và phân tích theo điểm trung bình mức độ đánh giá (điểm chạy từ 1 đến 5, trong đó 5 điểm thể hiện mức độ “rất quan trọng”). *(Chi tiết tại Phụ lục 1 - Bảng B4a)*

Kết quả tổng hợp ở bảng trên đã cho thấy được tầm quan trọng của Nghị quyết Đảng, Luật Báo chí, các Thông tư, Nghị định liên quan đóng góp vào bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam hiện nay từ nhận định khách quan và tin cậy của những người gián tiếp hay trực tiếp tác nghiệp tại hiện trường. Đối với cả 10 nội dung đánh giá là Nghị quyết Đảng, Luật Báo chí, các Thông tư, Nghị định có liên quan đều nhận về điểm số trung bình đánh giá từ 4,37/ 5 điểm (tương ứng với mức đánh giá quan trọng và rất quan trọng) đóng góp vào sự an toàn, lành mạnh đối với môi trường tác nghiệp báo chí. Đối với cả 10 nội dung đánh giá trên, tỉ lệ NTL đánh giá “không đóng góp” hay “ít quan trọng” đối với bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam hiện nay gần như không đáng kể (trên dưới 1% tổng mẫu nghiên cứu), tỉ lệ NTL đánh giá các nội dung đóng góp ở mức “trung bình” cũng rất thấp, còn lại đa số (sấp xỉ trên dưới 90%) NTL đánh giá mức độ đóng góp là “quan trọng” và “rất quan trọng”, trong đó hầu như đều đạt trên 50% ý kiến NTL đánh giá mức độ đóng góp ở thang cao nhất “rất quan trọng”.

Trong số 10 nội dung nói trên, Luật Báo chí được đánh giá đạt điểm trung bình cao nhất (4,56/ 5 điểm) về tầm quan trọng góp phần vào bảo vệ quyền hoạt

động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam hiện nay và có đến 62% NTL đánh giá ở mức “rất quan trọng, 32% đánh giá ở mức “quan trọng”. Luật Báo chí ở Việt Nam ra đời lần đầu năm 1989, được sửa đổi, bổ sung vào các năm 1999 và đặc biệt là năm 2016, đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động báo chí và bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo. Luật Báo chí năm 2016 quy định rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của nhà báo trong quá trình tác nghiệp, bao gồm quyền được tiếp cận thông tin, quyền được ghi âm, ghi hình tại các phiên tòa công khai và quyền được pháp luật bảo hộ khi thực hiện nhiệm vụ. Luật thiết lập hành lang pháp lý để bảo vệ nhà báo trước các hành vi cản trở, đe dọa hoặc xâm phạm trong khi tác nghiệp. Luật cũng đảm bảo rằng nhà báo có thể tiếp cận thông tin từ các cơ quan, tổ chức một cách hợp pháp, đồng thời tạo điều kiện cho báo chí thực hiện chức năng giám sát, phản ánh sự thật và định hướng dư luận. Việc hoàn thiện và thực thi Luật Báo chí là nền tảng quan trọng để nhà báo thực hiện tốt vai trò của mình trong việc bảo vệ công lý và phục vụ lợi ích của nhân dân. Phỏng vấn sâu luật sư và nhà báo về vai trò của Luật Báo chí đều thống nhất quan điểm đây là “tám khiên” đầu tiên và vững chắc giúp nhà báo tự tin, an toàn trong tác nghiệp: *“Luật Báo chí không chỉ quy định nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp mà còn khẳng định các quyền cơ bản của nhà báo như quyền tác nghiệp trong nước và nước ngoài, quyền được pháp luật bảo hộ trong hoạt động nghề nghiệp, quyền tiếp cận thông tin theo quy định của pháp luật, quyền được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ. Việc quy định rõ ràng các quyền này là cơ sở pháp lý vững chắc để nhà báo tự tin thực hiện nhiệm vụ của mình.”* - (PVS -L1, Phụ lục 5c).

Tiếp đến, người làm báo cũng đánh giá rất cao tầm quan trọng và đóng góp của Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIII về Xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại góp phần vào bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam hiện nay. Điểm trung bình tầm quan trọng của Nghị quyết là 4,47 điểm/5 điểm và tỉ lệ NTL đánh giá ở mức “quan trọng” và “rất quan trọng” của Nghị quyết là trên 92%. Mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra không chỉ định hướng cho sự phát triển của ngành báo chí mà góp phần tạo môi trường thuận

lợi để bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo. Việc xây dựng nền báo chí chuyên nghiệp đòi hỏi các cơ quan báo chí và nhà báo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, nâng cao đạo đức nghề nghiệp và trình độ chuyên môn. Điều này giúp giảm thiểu các vi phạm trong hoạt động báo chí, từ đó bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhà báo trong quá trình tác nghiệp.

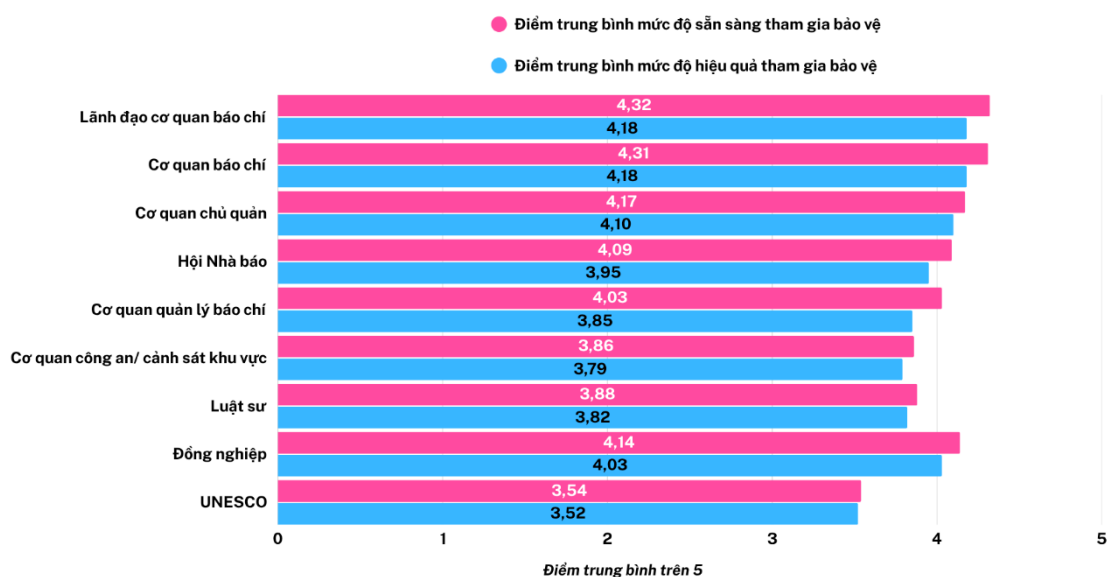
Ngoài Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIII và Luật Báo chí, các nội dung về luật, nghị định còn lại cũng nhận được sự đánh giá về mức độ đóng góp rất quan trọng vào bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo với điểm đánh giá khá tương đồng ở mức khoảng 4,4/5 điểm.

Phân tích đánh giá điểm trung bình tầm quan trọng của Nghị quyết Đảng, Luật Báo chí, các Thông tư, Nghị định liên quan đóng góp vào bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam hiện nay theo đặc điểm của NTL như giới tính (nam/ nữ), trải nghiệm nghề nghiệp (số năm công tác), thực tế có/ không sở hữu thẻ nhà báo. Kết quả phân tích cho thấy nam giới, người có sở hữu thẻ nhà báo và người có thâm niên công tác càng nhiều năm có xu hướng đánh giá tầm quan trọng của của Nghị quyết Đảng, Luật Báo chí, các Thông tư, Nghị định... cao hơn so với nhà báo là nữ, chưa sở hữu thẻ nhà báo và có ít năm công tác. Lý do của sự khác biệt này có thể giải thích bởi thực tế những người có nhiều trải nghiệm, đặc biệt là khi có thẻ nhà báo và là nam giới họ thường sẽ được phân công các trọng trách quan trọng tác nghiệp tại hiện trường có nhiều rủi ro, do vậy họ sẽ cảm nhận rõ hơn về tầm quan trọng của việc luật hoá bảo vệ quyền tác nghiệp, giúp môi trường tác nghiệp trở nên an toàn hơn. *(Chi tiết các dữ liệu phân tích tương quan điểm trung bình đánh giá của từng Nghị quyết Đảng, Luật Báo chí, các Thông tư, Nghị định được trình bày ở phụ lục 1 - Bảng B4b)*. Một số ví dụ điển hình: điểm trung bình đánh giá tầm quan trọng đóng góp vào bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo của Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIII về Xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại của NTL là nam giới là 4,55/5 điểm và cao hơn so với nữ nhà báo (4,4/5 điểm). Cũng ở nội dung này, điểm trung bình đánh giá mức độ quan trọng ở những NTL có thâm niên công tác

dưới 5 năm là 4,29, tuy nhiên NTL có thâm niên từ 5 năm trở lên đều đánh giá tầm quan trọng tương ứng với điểm trung bình đánh giá trên 4,5/5 điểm. Nhà báo có thể đánh giá tầm quan trọng của Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIII về Xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại với điểm trung bình là 4,53/5 điểm và cao hơn so với điểm trung bình đánh giá của nhóm chưa có thể (4,33/5 điểm).

3.3.1.2. Sự tích cực tham gia bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của hội nhà báo, lãnh đạo cơ quan báo chí, các cơ quan ban ngành có liên quan

Bên cạnh sự đóng góp của Nghị quyết Đảng, Luật Báo chí, các Thông tư, Nghị định liên quan, sự đóng góp vào bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo của các cơ quan, ban ngành có liên quan là rất lớn và rất đáng ghi nhận. Ở phần phân tích ở trên đã đề cập một phần đến vai trò của các tổ chức, cơ quan có liên quan này trong việc hỗ trợ nhà báo trong những tình huống có nguy cơ mất an toàn trong tác nghiệp. Thực tế dữ liệu bên trên đã cho thấy có 42,6% NTL trong mẫu nghiên cứu cho biết trong 5 năm vừa qua họ đã phải báo cáo với người đứng đầu và Ban biên tập cơ quan báo chí nơi mình làm việc nhờ hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ, 18,5% đã từng gọi cảnh sát/ công an địa phương nhờ hỗ trợ, 17,4% đã từng nhờ đến chính quyền địa phương hỗ trợ, 11,5% báo cáo và nhờ đến sự hỗ trợ của hội nhà báo. Số liệu này hoàn toàn khớp với đánh giá của NTL là các nhà báo đang hoạt động tại các cơ quan báo chí khi được hỏi về mức độ sẵn sàng tham gia bảo vệ và mức độ hiệu quả khi tham gia bảo vệ hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo. Điểm đánh giá chi tiết theo điểm số đánh giá từ mức “không sẵn sàng tham gia bảo vệ”/ “không hiệu quả” đến mức “rất hiệu quả” và điểm trung bình đánh giá chạy từ 1 đến 5, điểm trung bình càng cao thể hiện mức độ sẵn sàng/ hiệu quả cao (*Chi tiết số liệu tại Phụ lục - Bảng B5 và B6*). Dưới đây tổng hợp điểm trung bình đánh giá về mức độ sẵn sàng tham gia bảo vệ của các cơ quan, tổ chức có liên quan dưới đây:



Biểu đồ 3.3: Điểm trung bình đánh giá mức độ sẵn sàng tham gia bảo vệ và mức độ hiệu quả tham gia bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam hiện nay (điểm/5 điểm)

Biểu đồ trên đã cho thấy rất rõ vai trò của các cơ quan báo chí, lãnh đạo các cơ quan, hội nhà báo, cơ quan quản lý báo chí đã thực sự rất quan tâm và sát sao đối với bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo. Họ đã nhận được phản hồi rất tích cực từ chính nhà báo về mức độ sẵn sàng tham gia bảo vệ (điểm trung bình đạt trên 4/5 điểm và mức độ hiệu quả tham gia bảo vệ (điểm trung bình đạt trên 3,85/5 điểm). Đây có thể xem là những thành tựu, điểm tích cực trong công tác bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, và đây cũng là vấn đề ưu tiên của các cấp quản lý, cơ quan ban ngành liên quan. Điểm trung bình phản hồi đánh giá về mức độ sẵn sàng bảo vệ và hiệu quả bảo vệ của cơ quan báo chí, cơ quan chủ quản và lãnh đạo cơ quan báo chí đạt rất cao (trên 4,1/5 điểm), đây là mức đánh giá rất tích cực và cũng là lý do tại sao nhà báo tin cậy và tìm đến phổ biến khi họ cần hỗ trợ, cần bảo vệ. Ngoài ra, mạng lưới đồng nghiệp báo chí cũng là mạng lưới mạnh, có ý nghĩa quan trọng trong hỗ trợ và bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp. Trong các phỏng vấn sâu, NTL cũng đã thể hiện rõ nhận thức về vai trò và sự sẵn sàng bảo vệ nhà báo của các tổ chức, cá nhân kể trên. Trước hết, phần lớn NTL tại

các cơ quan báo chí trong diện khảo sát đều khẳng định các tờ báo đa phần có quy định để hướng dẫn phóng viên tác nghiệp an toàn, đồng thời có quy trình để bảo vệ phóng viên khi gặp cản trở:

“Cơ quan báo chí nơi tôi công tác luôn ưu tiên việc bảo vệ người làm báo trước những cản trở từ bên ngoài. Việc bảo vệ được thực hiện từ khâu đăng ký đề tài, báo cáo tiến độ đề tài, lập báo cáo sơ bộ đề tài và những vụ điều tra sẽ có “báo cáo án”. Với một quy trình chặt chẽ, khi xảy ra các sự việc ngoài mong muốn, cơ quan sẽ có những giải pháp để bảo vệ người làm báo”. - (PVS -N3, Phụ lục 5a)

“Dù tỷ lệ xảy ra ở VTV không cao, nhưng nếu có trường hợp như vậy, cơ quan sẽ vào cuộc rất khẩn trương, coi đây là vấn đề nghiêm trọng và bảo vệ quyền lợi của phóng viên cũng như uy tín của đơn vị. Thực tế, đã có những vụ việc trước đây, như trường hợp nhà báo Tuyết Mai của VTV khi tác nghiệp bị một đối tượng lao vào đập vỡ máy quay, gây thiệt hại hàng trăm triệu đồng. Đối tượng này sau đó đã bị truy tố và chịu án hình sự. Điều đó cho thấy VTV có sự quyết liệt trong việc bảo vệ phóng viên trước những hành vi cản trở.” - (PVS -N5, Phụ lục 5a)

Các phỏng vấn sâu cũng cho thấy những hành động quyết liệt của Hội nghề nghiệp trong việc bảo vệ nhà báo: *“Hội Nhà báo là tổ chức nghề nghiệp đại diện cho tiếng nói và lợi ích chính đáng của những người làm báo, đã lên tiếng kịp thời, kiến nghị với các cơ quan quản lý Nhà nước khi xảy ra hành vi cản trở, xâm hại đến nhà báo. Những văn bản, công văn của Hội Nhà báo gửi lên cơ quan chức năng hay các tổ chức liên quan thường có giá trị gây chú ý, từ đó thúc đẩy tiến trình xác minh, xử lý vụ việc”. - (PVS -N5, Phụ lục 5a)*

“Hội Nhà báo, dù là tổ chức nghề nghiệp tập hợp các nhà báo, vẫn đóng vai trò hỗ trợ quan trọng.... Ngoài ra, Hội Nhà báo trong những năm gần đây, đặc biệt trong khoảng ba năm vừa qua, đã tổ chức nhiều lớp tập huấn về kỹ năng tác nghiệp hiện trường và điều tra báo chí. Đây là những hành trang quý giá, không chỉ giúp phóng viên, đặc biệt là các phóng viên trẻ, có thêm kiến thức và kỹ năng mà còn củng cố niềm tin cũng như sự hiểu biết về hành lang pháp lý để làm nghề an toàn và hiệu quả.” - (Thảo luận nhóm - Phụ lục 4)

“Mạng lưới đồng nghiệp có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ, chia sẻ thông tin hữu ích; thông qua các mối quan hệ riêng, mạng lưới đồng nghiệp sẽ giúp đẩy nhanh tiến độ đề tài cũng như tạo được sức mạnh tổng hợp về cùng một sự việc báo chí phản ánh.” - (PVS - N3, Phụ lục 5a)

“Mạng lưới đồng nghiệp tôi cho rằng luôn có trách nhiệm bảo vệ đồng nghiệp trong những tình huống như vậy. Chúng ta thấy các cơ quan báo chí đều sẵn sàng lên tiếng, đưa thông tin về việc nhà báo bị cản trở hành hung để các cơ quan chức năng có biện pháp xử lý kịp thời.” - (PVS - N2, Phụ lục 5a)

Khảo sát tiến trình vụ việc trên báo, cả 5 vụ việc điển hình đều có sự vào cuộc và phản ứng khá sẵn sàng và mạnh mẽ từ hầu hết các cơ quan (cơ quan báo chí, cơ quan quản lý, Hội Nhà báo, và các cơ quan chức năng) ngay sau khi các vụ việc xảy ra. Cụ thể:

Cơ quan báo chí nơi phóng viên công tác: Các cơ quan báo chí có phóng viên bị hành hung đã gửi văn bản đến các cơ quan chức năng (Công an, Hội Nhà báo) đề nghị làm rõ, xử lý nghiêm vụ việc và bảo vệ phóng viên. Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội đã có hành động gửi báo cáo và đề nghị các cơ quan chức năng xử lý và bảo vệ nhà báo. Tạp chí Giao thông Vận tải cũng có sự phản ánh và phối hợp. Điều này cho thấy các đơn vị trực thuộc có vai trò trong việc bảo vệ phóng viên của mình. Một số cơ quan báo chí đã phản ánh mạnh mẽ vụ việc trên phương tiện của mình và phối hợp điều tra để bảo vệ phóng viên. Việc cử đại diện hoặc phóng viên tham gia thực nghiệm hiện trường cũng cho thấy sự đồng hành của cơ quan báo chí với phóng viên trong quá trình xử lý.

Cơ quan chủ quản (trực tiếp): Các bài viết không đi sâu vào hành động của các “bộ” chủ quản (như Bộ Giao thông Vận tải).

Cơ quan quản lý nhà nước về báo chí (Sở Thông tin và Truyền thông): Tại Hà Nội, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông đã trực tiếp đến thăm hỏi phóng viên bị thương ngay sau vụ việc, khẳng định phối hợp với các cơ quan chức năng để bảo vệ nhà báo và đã có văn bản đề nghị Công an thành phố chỉ đạo xác minh, điều tra, xử lý nghiêm. Tại Đắk Lắk, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh cũng đã có văn bản

đề nghị Công an tỉnh và Sở Giao thông vận tải kiểm tra, xác minh và phản hồi thông tin vụ hành hung. Sự tham gia của các Sở Thông tin và Truyền thông cho thấy sự vào cuộc ở cấp quản lý nhà nước nhằm bảo vệ hoạt động báo chí hợp pháp.

Hội Nhà báo (Trung ương và địa phương): Hội Nhà báo Việt Nam và Hội Nhà báo các địa phương đã thể hiện sự sẵn sàng rất cao trong việc lên tiếng bảo vệ quyền lợi chính đáng của phóng viên. Hầu hết các vụ việc đều có sự lên án mạnh mẽ từ Hội Nhà báo. Hội đều nhận định hành vi hành hung là côn đồ, coi thường pháp luật, vi phạm nghiêm trọng Luật Báo chí và gây bức xúc, hoang mang trong giới làm báo. Các Hội đều đã có văn bản gửi các cơ quan chức năng (Công an, UBND) đề nghị khẩn trương điều tra, làm rõ, xử lý nghiêm minh các đối tượng vi phạm và có biện pháp bảo vệ các phóng viên, nhà báo khi tác nghiệp.

Các cơ quan chức năng có liên quan (Công an, UBND, VKSND, v.v.): Đây là nhóm có vai trò quan trọng và trực tiếp nhất trong việc xử lý và bảo vệ theo quy định pháp luật. Công an ở các cấp (phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố) đều vào cuộc rất nhanh chóng: tiếp nhận thông tin, tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ, lấy lời khai. Các đối tượng liên quan đã được triệu tập/đưa về trụ sở làm việc 1..., có trường hợp bị tạm giữ hình sự. Trong các vụ việc tại Ô Chợ Dừa và Gia Lai (xe quá tải), cơ quan Công an đã khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can về tội “Cố ý gây thương tích”, cho thấy việc xử lý hình sự khi có đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vụ Gia Lai (xe quá tải) còn áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị can. Tại Đắk Lắk, dù không khởi tố hình sự hành vi hành hung, Công an TP Buôn Ma Thuột cũng đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với đối tượng hành hung 6, đồng thời xử lý các sai phạm liên quan đến xe vi phạm. Viện Kiểm sát nhân dân cũng tham gia vào quá trình xử lý hình sự, như việc phê chuẩn quyết định khởi tố bị can. Lãnh đạo các cấp chính quyền (UBND tỉnh/thành phố, thậm chí Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ) đều có chỉ đạo khẩn trương, quyết liệt yêu cầu các cơ quan chức năng (đặc biệt là Công an) điều tra làm rõ, xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm và có biện pháp bảo vệ phóng viên, nhà báo.... Các chỉ đạo này thường yêu cầu báo cáo kết quả cụ thể. Các chỉ đạo không chỉ dừng lại ở việc xử lý hành vi

hành hung mà còn mở rộng ra kiểm tra, xử lý các vấn đề liên quan mà phóng viên phản ánh (như “xe dù, bến cóc”, xe quá tải, gỗ lậu..)

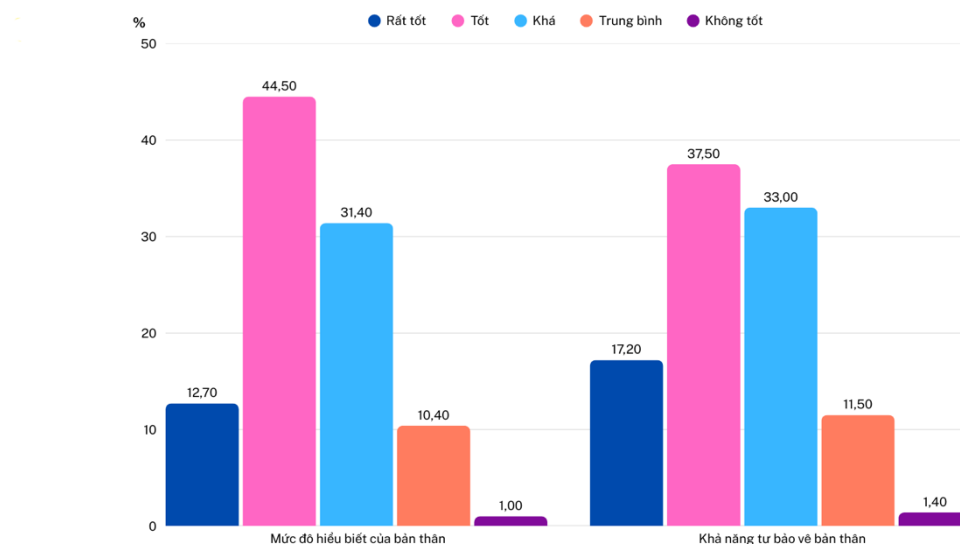
Nhìn chung, kết quả khảo sát và các phỏng vấn sâu cho thấy vai trò quan trọng của lãnh đạo cơ quan báo chí, cơ quan chủ quản, Hội Nhà báo và các tổ chức liên quan trong bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo. Trước hết, sự sẵn sàng và hiệu quả tham gia bảo vệ từ chính cơ quan báo chí, lãnh đạo cơ quan, cơ quan chủ quản đạt mức đánh giá rất cao, qua đó giúp nhà báo an tâm hơn khi tác nghiệp. Thứ hai, Hội Nhà báo cũng được ghi nhận tích cực trong việc lên tiếng, kiến nghị kịp thời đến các cơ quan quản lý Nhà nước, đồng thời tổ chức nhiều hoạt động bồi dưỡng kỹ năng tác nghiệp an toàn. Thứ ba, mạng lưới đồng nghiệp đóng vai trò hỗ trợ quan trọng, không chỉ trong việc chia sẻ thông tin, kinh nghiệm mà còn tạo nên sức mạnh tổng hợp khi xảy ra cản trở, xâm hại. Cuối cùng, các hành động quyết liệt, minh bạch của cơ quan công an, chính quyền địa phương, cùng việc sẵn sàng hỗ trợ từ luật sư, tổ chức quốc tế (UNESCO) góp phần củng cố niềm tin cho nhà báo. Tất cả yếu tố này đã xây dựng nên môi trường tác nghiệp tích cực, an toàn hơn, khẳng định sự phối hợp đồng bộ giữa các bên liên quan trong bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam hiện nay.

3.3.1.3. Năng lực, trình độ của nhà báo

Bên cạnh các cơ quan, tổ chức nghề nghiệp báo chí, chính quyền địa phương, công an khu vực cũng là những bên đóng góp quan trọng vào hỗ trợ đảm bảo quyền hoạt động nghiệp vụ báo chí, vai trò của chính nhà báo là rất quan trọng trong việc thường xuyên cập nhật và nâng cao kiến thức, kỹ năng bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của mình. Khi được hỏi về hiệu quả của các cơ quan ban ngành và chính bản thân nhà báo trong việc bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của mình, điểm trung bình đánh giá dành cho phương án tự bảo vệ mình của bản thân nhà báo đạt điểm đánh giá về hiệu quả rất cao: 4,17/5 điểm và cao hơn nhiều so phương án còn lại, được đánh giá gần tương đương với hiệu quả bảo vệ của lãnh đạo cơ quan báo chí (4,18/5 điểm).

Theo kết quả phân tích dữ liệu đánh giá mức độ hiểu biết và khả năng tự bảo vệ của bản thân nhà báo trong trường hợp bị cản trở hoạt động nghiệp vụ hợp pháp,

kết quả đem lại rất khả quan, đa số NTL đánh giá mức độ hiểu biết và khả năng tự bảo vệ của bản thân từ mức “khá” trở lên, tỉ lệ đánh giá ở mức “không tốt” gần như không đáng kể, cụ thể như sau:



Biểu đồ 3.4: Đánh giá năng lực của bản thân NTL

Như vậy, điểm trung bình đánh giá mức độ hiểu biết và khả năng tự bảo vệ của nhà báo trong mẫu nghiên cứu đều tương đồng nhau (3,54/5 điểm) và khoảng gần 90% đánh giá mức độ hiểu biết và khả năng tự bảo vệ của bản thân ở mức khá trở lên. Tính tỉ lệ NTL cho biết họ có mức độ hiểu biết từ “tốt” trở lên là 57,2% và tỉ lệ NTL tự đánh giá khả năng tự bảo vệ bản thân từ mức “tốt” trở lên là 54,7%.

Phân tích điểm trung bình tự đánh giá mức độ hiểu biết và khả năng tự bảo vệ của bản thân NTL theo một số đặc điểm của người trả lời, kết quả cho thấy không có sự khác biệt giữa người có sở hữu và không sở hữu thẻ nhà báo. Tuy nhiên có sự khác biệt khá lớn về đánh giá giữa nhà báo là nam và nữ: nam nhà báo đánh giá mức độ hiểu biết của bản thân về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo với điểm trung bình cao hơn so với nữ (3,72 so với 3,46 điểm). Tương tự, điểm số đánh giá khả năng tự bảo vệ của bản thân trong trường hợp bị cản trở hoạt động nghiệp vụ hợp pháp nhà báo là nam cũng cao hơn đáng kể so với nữ: 3,82 so với 3,37 điểm. Ngoài

ra, nhóm nhà báo có kinh nghiệm công tác lâu năm hơn, đặc biệt là nhóm có kinh nghiệm từ 5 năm trở lên đều có xu hướng đánh giá mức độ hiểu biết cũng như khả năng tự bảo vệ của bản thân trong trường hợp bị cản trở hoạt động nghiệp vụ hợp pháp cao hơn so với nhóm NTL có thâm niên nghề báo dưới 5 năm (*Chi tiết dữ liệu tại Phụ lục 1 - Bảng A9a1, A9a2, A9a3*)

Mặc dù đây là kết quả đánh giá tích cực, là kết quả của chính nỗ lực của nhà báo trong việc trau dồi kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ của bản thân, tuy nhiên nó cũng phản ánh sự quan tâm của các cấp ban ngành trong việc tạo nhiều cơ hội để nhà báo tham gia các khoá học nâng cao trình độ, kỹ năng, nghiệp vụ, trong đó bao gồm cả những khoá học liên quan đến kỹ năng bảo vệ bản thân trong tác nghiệp và trong các tình huống có nguy cơ cao. Cụ thể, bảng dữ liệu “*Thực trạng bằng cấp/chứng nhận và tham gia khoá học từ trước đến nay của NTL*” tổng hợp bằng cấp, chứng chỉ và thực tế tham gia các khoá học, tập huấn về an toàn, tác nghiệp trong tình huống nhiều nguy cơ rủi ro (*Chi tiết tại Phụ lục 1 - Bảng A7*)

Bảng dữ liệu trên cho thấy tỉ lệ NTL đã từng có bằng cử nhân đúng chuyên ngành làm việc khá cao (chiếm 73,4%). Khi hoàn thành chương trình cử nhân báo chí là họ đã phải học các học phần liên quan đến đạo đức báo chí, kỹ năng tác nghiệp, đặc biệt kỹ năng tác nghiệp trong các tình huống nhiều rủi ro. Bên cạnh đó, cũng có đến 22% tổng số NTL cho biết họ đã có bằng thạc sỹ/tiến sỹ báo chí, truyền thông với trình độ đào tạo ở mức nâng cao và chuyên sâu cả về kỹ năng và kiến thức. Gần 70% có chứng chỉ/ chứng nhận tham gia đào tạo ngắn hạn báo chí (nghiệp vụ báo chí/ nghiệp vụ quản lý báo chí...) và cũng 70% NTL cho biết họ đã tham gia lớp học/ bồi dưỡng đạo đức nghề báo. Đây là những dữ liệu khá tích cực, thể hiện chất lượng tốt của đội ngũ nhà báo cả về bằng cấp, kỹ năng, đạo đức, cho thấy họ đã nhận được quan tâm tích cực từ các cấp, ban ngành cơ quan quản lý. Tuy nhiên, tỉ lệ 43,6% cho biết họ đã từng tham gia các lớp học/ tập huấn an toàn tác nghiệp và cách đưa tin trong tình huống nguy hiểm cũng cho thấy đây còn hơn 56% NTL chưa được đào tạo, tập huấn một cách bài bản chủ đề này và đây là vấn đề vẫn cần tiếp tục được cải thiện, nâng cao trong giai đoạn tiếp theo.

Tính trong 5 năm trở lại đây (từ 2020 cho đến nay), đối với việc cung cấp thông tin, được đào tạo các kỹ năng tác nghiệp báo chí trong các tình huống nguy hiểm, kết quả dữ liệu được trình bày ở bảng “*Thực trạng tham gia các hoạt động đào tạo, tập huấn, cập nhật thông tin liên quan đến bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo từ năm 2020 đến nay*” (Chi tiết tại Phụ lục 1 - Bảng A8)

Bảng dữ liệu trên cho thấy các cấp ban ngành có liên quan đã rất nỗ lực và tích cực tổ chức nhiều hình thức, cách thức khác nhau để nhà báo có thể cập nhật các văn bản pháp luật, kiến thức thực tiễn, tham gia đào tạo ngắn hạn, hội thảo/ hội nghị chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng bảo vệ an toàn cho bản thân và bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, đồng thời giữ vững đạo đức nhà báo. Đối với mỗi hoạt động trên đều có trên 56% NTL cho biết họ đã từng được tham gia. Phân tích dữ liệu cho thấy trung bình mỗi người được hỏi được cập nhật thông tin, kiến thức, kỹ năng liên quan thông qua 4,8/ tổng số 8 hoạt động đề cập đến ở bảng trên. Trong số đó, phải thấy tự thân nhà báo cũng đã rất có trách nhiệm, có đến 77,6% NTL cho biết họ chủ động tự tìm hiểu cập nhật về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, các tình huống và cách ứng xử phù hợp để bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của bản thân. Ngoài ra, luật báo chí và các văn bản hướng dẫn thi hành luật cũng rất cần thiết đối với người làm báo cần nắm được, số liệu cũng rất khả quan khi có đến gần 3/4 NTL trong mẫu nghiên cứu cho biết họ đã được cập nhật thông qua các hình thức khác nhau. Phòng văn sâu lãnh đạo của một cơ quan báo chí trong diện khảo sát, nhưng hoạt động cụ thể giúp đội ngũ của tờ báo nâng cao nhận thức về quyền và nghĩa vụ cũng như trang bị kỹ năng tác nghiệp an toàn khá cụ thể và bước đầu, những kết quả tích cực đã ghi nhận:

“Trong bối cảnh báo chí ngày càng phát triển nhanh về quy mô và phương thức tác nghiệp, việc phổ biến Luật Báo chí và các quy định pháp luật liên quan là hết sức cần thiết. Tại Đài Tiếng nói Việt Nam, chúng tôi thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm, lớp tập huấn với sự tham gia của chuyên gia, luật sư, đại diện cơ quan quản lý nhà nước. Qua đó, đội ngũ phóng viên, biên tập viên không chỉ nắm vững những quy định pháp lý mới nhất, mà còn có điều kiện trao đổi, học hỏi về

ng nghiệp vụ báo chí và cách thức bảo vệ an toàn cho bản thân trong quá trình tác nghiệp. Nhờ đẩy mạnh phổ biến luật, nâng cao ý thức và kỹ năng, đội ngũ nhà báo của VOV ngày càng vững vàng hơn trong quá trình thu thập và phản ánh thông tin. Các tình huống cản trở hay đe dọa khi tác nghiệp, nếu có xảy ra, đều được báo cáo kịp thời và nhận được sự hỗ trợ nhanh chóng từ lãnh đạo Đài cũng như các cơ quan hữu quan. Mặt khác, việc duy trì các nguyên tắc đạo đức nghề báo giúp chúng tôi xây dựng lòng tin với công chúng, giữ gìn uy tín của VOV nói riêng và giới báo chí Việt Nam nói chung” - (PVS -L2, Phụ lục 5b)

Với những hình thức tổ chức đa dạng phong phú việc phổ biến thông tin pháp luật, thực tiễn, vai trò của các cấp ban ngành tham gia bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, được tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ, kết hợp với sự chủ động tìm hiểu của nhà báo vừa là thành tựu trong giai đoạn vừa qua đồng thời sẽ tiếp tục là giải pháp triển khai trong giai đoạn tiếp theo nhằm cải thiện tốt hơn nữa nhiệm vụ này.

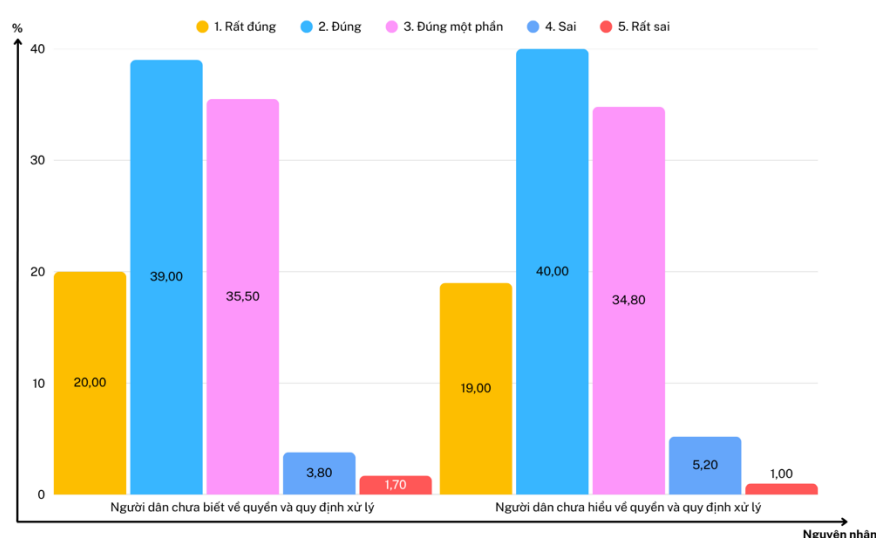
3.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế

Thực tế các kết quả phân tích ở trên cũng cho thấy môi trường tác nghiệp báo chí Việt Nam đã có rất nhiều tiến bộ, chuyển đổi trong giai đoạn qua, được chính các nhà báo và lãnh đạo các cơ quan báo chí. Tuy nhiên, kết quả đánh giá mức độ an toàn của môi trường tác nghiệp báo chí hiện nay vẫn còn một số hạn chế, rất cần có những giải pháp cải thiện trong thời gian tới. Thực tế, điểm đánh giá mức độ an toàn của môi trường báo chí phân tích theo điểm trung bình chung toàn mẫu đạt 6,86 điểm/10 điểm và đây cũng là mức điểm rất cần tiếp tục cần phải được cải thiện trong giai đoạn tới. Dưới đây là một số phân tích về những nguyên nhân và hạn chế trong bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo.

3.3.2.1. Hạn chế trong trình độ nhận thức xã hội về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

Thứ nhất, khi tìm hiểu đánh giá của của NTL là nhà báo và lãnh đạo các cấp cơ quan báo chí cho thấy, nguyên nhân được đánh giá “đúng” với điểm trung bình cao nhất thuộc về nhóm nguyên nhân từ nhận thức của người dân còn hạn chế về quyền hoạt động hợp pháp của nhà báo. Kết quả đánh giá mức độ biết đến và mức độ

hiểu về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, các quy định xử lý đối với hành vi cản trở tác nghiệp báo chí, còn chưa tôn trọng pháp luật. Tỷ lệ NTL cho rằng người dân chưa biết về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo cũng như các quy định xử lý đối với hành vi cản trở tác nghiệp báo chí, coi thường pháp luật: có gần 60% tỷ lệ NTL cho rằng người dân nhận thức là “đúng”, tỷ lệ trả lời “đúng một phần” là 35,5%, tỷ lệ đánh giá là “sai” rất thấp (5,5%). Điểm trung bình đánh giá mức độ đúng của nhận định này đạt mức điểm 3,72/5 điểm.



Biểu đồ 3.5: Nguyên nhân hạn chế từ nhận thức của người dân (5 = rất đúng, 4 = đúng; 3 = đúng một phần; 2 = sai; 1=rất sai)

Về mức độ hiểu biết của người dân về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo cũng như các quy định xử lý đối với hành vi cản trở tác nghiệp báo chí, điểm trung bình đánh giá đạt mức tương đồng với mức độ tiếp nhận thông tin về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo (3,71/5 điểm). Gần 60% đánh giá người dân chưa hiểu rõ về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo cũng như các quy định xử lý đối với hành vi cản trở tác nghiệp báo chí, tỷ lệ đánh giá đúng một phần là 34,8%. Trong thảo luận nhóm, cả nhà báo và nhà nghiên cứu đều nhận định nhiều người dân chưa có cái nhìn thiện cảm đối với nghề báo và các nhà báo. Lý do chính là do người dân chưa hiểu rõ về vai trò giám sát của báo chí cũng như quyền của nhà báo trong việc tiếp cận thông tin, bảo vệ nguồn tin đúng pháp luật:

“Nhận thức của người dân chịu ảnh hưởng lớn từ báo chí, bởi báo chí không chỉ là nguồn thông tin mà còn là kênh định hướng dư luận. Tuy nhiên, không phải lúc nào báo chí cũng được nhìn nhận một cách tích cực. Một số ít người có thể cho rằng báo chí “soi mói” quá mức, nhưng bộ phận này thực sự rất nhỏ so với số đông công chúng”. (Thảo luận nhóm - Phụ lục 4)

“Sự thiếu hiểu biết và nhận thức phiến diện về nghề báo xuất phát từ một thực tế phức tạp của đời sống xã hội, một bộ phận không nhỏ công chúng vẫn chưa hiểu thấu đáo vai trò giám sát, phản biện xã hội và sứ mệnh của báo chí. Văn hóa “che đậy” cùng tâm lý e ngại trước những thông tin phê phán vẫn còn khá phổ biến, khiến nhiều người có cái nhìn không thiện cảm với những nhà báo. Nguyên nhân sâu xa dẫn đến điều này có thể từ trình độ dân trí và hệ thống pháp lý chưa đủ mạnh để bảo vệ hoạt động báo chí. Chưa có những cơ chế đủ rõ ràng về quyền tiếp cận thông tin, quyền bảo vệ nguồn tin, khiến cho nhiều người vẫn cho rằng nhà báo chỉ đơn thuần là những người “soi mói”, “đào bới” thông tin tiêu cực. Thực tế này được nuôi dưỡng bởi văn hóa ứng xử thiếu cởi mở, tâm lý né tránh sự thật và sự ngại va chạm với các vấn đề nhạy cảm” - (Thảo luận nhóm - Phụ lục 4)

3.3.2.2. Hạn chế đối với môi trường pháp lý và thực thi pháp luật về vi phạm quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo

Mặc dù trong 5 năm vừa qua là giai đoạn có rất nhiều nỗ lực của các cấp ban ngành, sự lãnh đạo của Đảng đối với cải thiện môi trường pháp lý báo chí. Các cải thiện và bổ sung pháp luật trong những năm gần đây đã tạo nền tảng pháp lý vững mạnh, góp phần hạn chế những vi phạm quyền tác nghiệp của nhà báo. Điều này không chỉ nâng cao uy tín của báo chí Việt Nam mà còn khẳng định vai trò quan trọng của báo chí trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, góp phần thúc đẩy tính minh bạch, khách quan và trách nhiệm trong xã hội hiện đại. Tuy nhiên thực tế ghi nhận vẫn còn những khoảng trống trong môi trường pháp lý và những hạn chế trong quá trình thực thi pháp luật.

Mặc dù nhận được đánh giá tích cực về môi trường pháp lý bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, tuy nhiên đây vẫn là vấn đề nhận được sự quan

tâm rất lớn của NTL là nhà báo và lãnh đạo các cơ quan báo chí. Theo nhận định từ phía NTL trong mẫu nghiên cứu, môi trường pháp lý vẫn còn một số vấn đề hạn chế là nguyên nhân khiến môi trường pháp lý vẫn còn những hạn chế, cụ thể một số hạn chế được đề cập đến trong bảng dữ liệu “*Khoảng trống trong môi trường pháp lý và những hạn chế trong quá trình thực thi pháp luật*”. (Chi tiết tại Phụ lục 1 - Bảng C3.3)

Bảng trên cho thấy một số hạn chế về luật, môi trường tác nghiệp báo chí còn một số hạn chế nêu trên. Trong những vấn đề được đề cập trên, vấn đề hạn chế nhất thể hiện ở điểm trung bình đánh giá ở mức cao nhất:

- Khó khăn trong việc thu thập chứng cứ vi phạm quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo (đạt mức điểm trung bình đánh giá: 3,59 điểm/ 5 điểm): với tỉ lệ 53,7% ý kiến đồng ý, 34,8% ý kiến đánh giá “đồng ý một phần”, tỉ lệ đánh giá “sai”: 11,5%.

- Mức xử phạt/ điều khoản áp dụng chưa phản ánh đúng tính chất nghiêm trọng của hành vi cản trở hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo: (đạt mức điểm trung bình đánh giá: 3,58 điểm/ 5 điểm): với tỉ lệ 53,3% ý kiến đồng ý, 36,2% ý kiến đánh giá “đồng ý một phần”, tỉ lệ đánh giá “sai”: 10,5%.

Giải thích về hai vấn đề hạn chế trên, PVS các nhà báo và lãnh đạo cơ quan báo chí chỉ ra những nguyên nhân cốt lõi: chế tài xử phạt hành chính còn “mềm”, chưa đủ tính răn đe; các vụ việc thường không được xem xét theo hướng hình sự hoá:

“Một trong những lý do quan trọng nhất để cơ quan chức năng có thể xử lý các hành vi cản trở nhà báo là phải có bằng chứng rõ ràng. Không thể chỉ nói suông mà cần có hình ảnh hoặc tư liệu cụ thể. Trong nhiều vụ việc, do không có hình ảnh hoặc bằng chứng rõ ràng, cơ quan chức năng gặp khó khăn trong việc xác minh và xử lý. Nếu không có đủ căn cứ pháp lý, việc vào cuộc của các cơ quan chức năng sẽ rất hạn chế.” - (PVS -N2, Phụ lục 5a)

“Thẳng thắn mà nói, các quy định hiện hành đã đưa ra nhiều nội dung bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo, nhưng trên thực tế vẫn chưa đủ, hoặc vẫn còn những khoảng trống nhất định. Luật Báo chí có quy định về quyền và nghĩa vụ của nhà báo, về hành vi nghiêm cấm cản trở hoạt động tác nghiệp, song chế tài đi kèm để xử lý các vi phạm này thường chưa rõ hoặc chưa tương xứng với mức độ nguy

hiếm. Thực tế, không phải vụ cản trở nào cũng có thể được xử lý hình sự, vì thiếu căn cứ cấu thành tội phạm. Ngược lại, chế tài hành chính còn khá “mềm” và không đủ tính răn đe.” - (PVS -N2, Phụ lục 5a)

Bên cạnh những hạn chế được thống nhất với tỉ lệ cao như ở trên, còn một số khó khăn, hạn chế khác đề cập ở bảng trên và đều với mức điểm trung bình đánh giá đạt từ 3,5 điểm/ 5 điểm trở lên và đều là những hạn chế đáng quan tâm, rất cần sự cải thiện trong thời gian tiếp theo.

3.3.2.3. Hạn chế trong việc tham gia bảo vệ hiệu quả quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của các cơ quan ban ngành có liên quan

Các phân tích ở trên cho thấy vai trò và sự tham gia bảo vệ mạnh mẽ, hiệu quả của các cơ quan, ban ngành, tổ chức có liên quan (Bộ Thông tin - Truyền thông, Vụ Báo chí - Xuất bản, Hội Nhà báo...) là những đóng góp rất đáng ghi nhận. Bên cạnh đó, vẫn còn những hạn chế trong nhận thức, hiểu biết của các cơ quan ban ngành này về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, đồng thời cũng còn một số hạn chế trong việc tham gia mạnh mẽ, quyết liệt nhằm bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo. *(Chi tiết tại Phụ lục 1- Bảng C3.2)*

Trong những hạn chế đề cập đến ở bảng trên, hạn chế nhận được sự đồng tình nhiều nhất từ phía NTL đó là: sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng chưa đủ chặt chẽ (điểm trung bình đạt mức: 3,45 điểm/5 điểm, tỉ lệ đồng ý hoàn toàn là 46,7% và tỉ lệ cho rằng đúng một phần là 40,1%).

Hai nguyên nhân tiếp theo cũng nhận được sự đánh giá với điểm trung bình cao về mức độ đúng đắn từ phía NTL, gồm:

- Chính quyền địa phương chưa phát huy hết vai trò, chưa chú trọng bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo (điểm TB đạt 3,36/5 điểm và có 43,9% đồng ý, 39,4% đồng ý một phần với nhận định trên)

- Cơ quan thực thi pháp luật chưa phản ứng đủ mạnh và kịp thời (điểm TB đạt 3,35/5 điểm và có 44,2% đồng ý, 38,7% đồng ý một phần với nhận định trên)

Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy việc pháp luật, quy định có nhưng việc triển khai không đồng bộ dẫn đến nhiều địa phương vẫn chưa hiểu hết vai trò, quyền hạn

và quy trình tác nghiệp của nhà báo theo, sự phối hợp giữa ba bên còn lỏng lẻo: “*Mặc dù quy định về bảo vệ nhà báo được ban hành, nhưng không phải lúc nào cũng được triển khai một cách đồng bộ, triệt để ở các cấp. Vẫn còn tình trạng chậm trễ hoặc thiếu kiên quyết khi xử lý những vụ việc cản trở, hành hung nhà báo, dẫn đến hiệu ứng răn đe chưa cao. Ở một số địa phương, cá nhân và tổ chức vẫn chưa hiểu hết vai trò, quyền hạn cũng như quy trình tác nghiệp hợp pháp của nhà báo. Vì vậy, việc cản trở hoặc từ chối cung cấp thông tin cần thiết vẫn xảy ra, bất chấp nhà báo đã thực hiện đúng thủ tục hành chính, xuất trình đầy đủ giấy tờ. Trong nhiều trường hợp, dù có thông báo hoặc yêu cầu hỗ trợ từ nhà báo và cơ quan báo chí, song sự phối hợp giữa các đơn vị thực thi pháp luật, chính quyền địa phương, tổ chức nghề nghiệp... còn chưa nhanh chóng, nhất quán. Điều này khiến vụ việc có thể bị kéo dài hoặc xử lý chưa đến nơi đến chốn*” - (PVS -N2, Phụ lục 5a)

3.3.2.4. Hạn chế trong năng lực tự bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo

Ở dữ liệu đã trình bày bên trên, khi được hỏi về hiệu quả bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, đánh giá từ NTL trong mẫu nghiên cứu đều cho thấy hiệu quả từ khả năng tự bảo vệ của bản thân nhà báo đem lại hiệu quả cao nhất và tương đồng với hiệu quả bảo vệ của lãnh đạo cơ quan báo chí (4,18/4 điểm). Nhưng để khả năng tự bảo vệ của nhà báo đạt hiệu quả cao thì bản thân nhà báo phải có năng lực, kiến thức, kỹ năng và thường xuyên được trang bị, cập nhật. Dưới đây là 5 nguyên nhân là những hạn chế về nhận thức, kỹ năng, hiểu biết của bản thân nhà báo được người trả lời nhận định theo mức độ đúng đắn (điểm từ 1 đến 5) và điểm trung bình càng cao thể hiện mức độ đồng tình với các nhận định về hạn chế trong năng lực, nhận thức, kỹ năng làm việc của nhà báo. (Chi tiết dữ liệu tại Phụ lục 1 - Bảng C3.4)

Bảng dữ liệu trên cho thấy cả 5 nội dung đánh giá thể hiện sự thiếu hụt nhận thức, thiếu hụt kỹ năng, thiếu tuân thủ yêu cầu thủ tục trong quá trình tác nghiệp đều là những nguyên nhân đáng chú ý, góp phần làm giảm khả năng tự bảo vệ quyền hoạt động nghề nghiệp hợp pháp của nhà báo (điểm trung bình đánh giá mức độ đúng đắn

đạt 3,29 đến 3,41 điểm/ 5 điểm). Trong đó những yếu tố nhận được điểm trung bình đánh giá cao bên cạnh là thiếu hụt trong nhận thức về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp, các điều luật bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp thì yếu tố có tỉ lệ NTL đồng tình cao nhất là sự thiếu kỹ năng trong quá trình tác nghiệp các vấn đề nhạy cảm/ vấn đề nóng/ nhiều nguy cơ của nhà báo (điểm trung bình đạt 3,41/5 điểm, với 44,1% NTL đồng ý và 41,7% NTL đồng ý một phần) và đây là yếu tố rất cần được ưu tiên tăng cường giải pháp phù hợp trong thời gian tới.

Kết quả khảo sát cho thấy khả năng tự bảo vệ của nhà báo, mặc dù được đánh giá tương đương với hiệu quả bảo vệ từ lãnh đạo cơ quan báo chí, vẫn chịu ảnh hưởng lớn từ những hạn chế nội tại về nhận thức, kỹ năng và kiến thức pháp lý. Vấn đề đặt ra là cần xây dựng chương trình đào tạo chuyên sâu, liên tục và thực tiễn, kết hợp hướng dẫn pháp luật với các mô phỏng tình huống cụ thể. Đồng thời, cơ quan chủ quản và hội nghề nghiệp phải thiết lập tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp rõ ràng, quy trình hỗ trợ khẩn cấp và cơ chế giám sát hiệu quả khi nhà báo gặp cản trở. Chỉ khi tự bảo vệ trở thành năng lực thực chất, được hỗ trợ bởi môi trường pháp lý tổ chức đồng bộ và văn hóa nghề nghiệp vững chắc quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo mới thực sự được bảo đảm và phát huy tối đa giá trị trong hoạt động báo chí.

Tiểu kết chương 3

Phân tích trong Chương 3 cho thấy môi trường tác nghiệp báo chí tại Việt Nam hiện nay đã có những cải thiện rõ rệt so với giai đoạn 5 năm trước. Nhiều nhà báo cho biết họ được tiếp cận đầy đủ hơn với các quy định pháp luật và nhận được sự quan tâm từ cơ quan báo chí, chủ quản và Hội Nhà báo. Các văn bản pháp lý quan trọng như Luật Báo chí Luật Tiếp cận thông tin cùng các nghị định, thông tư liên quan đã góp phần thiết lập hành lang pháp lý bảo vệ hoạt động nghiệp vụ của nhà báo, giúp họ thực hiện tốt vai trò phản ánh, giám sát và định hướng dư luận.

Tuy nhiên, việc bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp vẫn còn nhiều bất cập trong thực tiễn. Một bộ phận không nhỏ nhà báo vẫn đối diện với tình trạng bị từ chối cung cấp thông tin, gây khó dễ, mua chuộc, đe dọa, thậm chí hành hung hoặc cản trở tiếp cận hiện trường. Dù chưa phổ biến trên diện rộng, nhưng những hành vi này vẫn ảnh

hưởng nghiêm trọng đến tinh thần, sức khỏe và sự an toàn nghề nghiệp của phóng viên, đồng thời làm suy giảm uy tín và tính độc lập của báo chí. Bốn nhóm nguyên nhân chính được xác định. Thứ nhất, nhận thức xã hội về quyền tác nghiệp của nhà báo còn hạn chế, khiến một số cá nhân, tổ chức có hành vi xâm phạm mà không nhận thức đầy đủ hậu quả. Thứ hai, một số quy định pháp luật chưa cụ thể hoặc thiếu chế tài mạnh, làm giảm hiệu lực bảo vệ. Thứ ba, sự phối hợp giữa cơ quan chức năng và chính quyền địa phương chưa đồng bộ, làm chậm quá trình xử lý các vụ vi phạm. Thứ tư, bản thân một bộ phận nhà báo còn thiếu kỹ năng tác nghiệp trong môi trường rủi ro, chưa được đào tạo đầy đủ về pháp luật và quy trình bảo vệ mình. Mặc dù vậy, những nỗ lực từ Hội Nhà báo, các cơ quan báo chí và chủ quản đã bước đầu phát huy hiệu quả trong nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực bảo vệ. Nhiều khóa đào tạo, tập huấn về đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng pháp lý và an toàn tác nghiệp đã được triển khai. Tóm lại, bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam vẫn là thách thức lớn, đòi hỏi tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực thực thi và phát huy vai trò chủ động của chính đội ngũ nhà báo trong bảo vệ quyền nghề nghiệp của mình.

CHƯƠNG 4

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ QUYỀN HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ HỢP PHÁP CỦA NHÀ BÁO Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1. Những vấn đề đặt ra trong bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay và cơ sở đề xuất giải pháp

4.1.1. Những vấn đề đặt ra trong bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam

4.1.1.1. Vấn đề đặt ra với cơ quan quản lý Nhà nước

Thứ nhất, hệ thống pháp luật còn có một vài điểm chưa thực sự thống nhất, đồng bộ trong quy định liên quan đến hoạt động tác nghiệp, nhất là trong hoạt động tác nghiệp ở lĩnh vực điều tra, chống tham nhũng.... Những nhà báo này được coi như một lực lượng “chiến đấu” trên mặt trận thông tin, được pháp luật trao quyền thông tin về các vụ việc tiêu cực, tham nhũng, đồng thời thông tin trên báo chí được coi là nội dung tố cáo hành vi vi phạm pháp luật. Luật phòng chống tham nhũng khuyến khích báo chí tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm, tiêu cực, tham nhũng nhưng pháp luật chưa có chế tài hữu hiệu để bảo vệ cơ quan báo chí và nhà báo với tư cách là người tố cáo tham nhũng [11, tr. 59]. Bên cạnh đó, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính và Luật Báo chí đều cho phép nhà báo được tham dự đưa tin “diễn biến”, “được tác nghiệp” tại các phiên tòa xét xử công khai nhưng Luật Tổ chức Tòa án 2024 (sửa đổi) hạn chế nhà báo ghi âm, ghi hình. Trong bối cảnh xã hội dân chủ, minh bạch hiện nay thì hạn chế báo chí ghi âm, ghi hình diễn biến phiên tòa là hạn chế quyền được thông tin, quyền giám sát của người dân, thông qua báo chí. “Việc thắt chặt ghi âm, ghi hình tại các phiên tòa xét xử công khai khiến phóng viên tác nghiệp khó khăn hơn và ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm báo chí. Một phiên tòa diễn ra với các trình tự kéo dài, nhiều nội dung khác nhau, những lời khai trước tòa, các phần trao đổi tại phiên tòa giữa các bên... cần được lưu lại, vừa để nhà báo có thể truyền tải thông tin đầy đủ, vừa giúp nhà báo kiểm chứng thông tin và tránh rủi ro pháp lý”- (PVS -N3, Phụ lục 5a)

Hệ thống luật hiện hành đã đưa ra những điều khoản bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo, song nhiều quy định tập trung “*quản lý*” hơn là “*hỗ trợ*”. Nghị định 14/2020/NĐ-CP liên quan đến xử phạt vi phạm trong lĩnh vực báo chí, dù có đến 17 điều quy định trong Chương 2 về “*Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả*”, thì chỉ có duy nhất Điều 7 mang mục đích và tính chất bảo vệ nhà báo; trong khi phần lớn các điều còn lại tập trung vào việc xử lý vi phạm của báo chí.

Các văn bản hướng dẫn chi tiết và chế tài xử lý hành vi cản trở nhà báo vẫn còn dừng ở mức độ chung chung, dẫn đến tình trạng thiếu cơ sở pháp lý mạnh mẽ để xử lý kịp thời và nghiêm minh những vụ việc xâm phạm. Đa phần trong các vụ việc khảo sát, đối tượng cản trở, hành hung đều biết thân phận nhà báo, phóng viên, thậm chí biết pháp luật có quy định xử phạt đối với hành vi tấn công nhà báo trong quá trình tác nghiệp hợp pháp, nhưng vẫn cố tình vi phạm. Lý do chính là so lợi ích kinh tế từ hoạt động sai trái mang lại cũng như tác hại gây ảnh hưởng lớn đến xã hội thì các mức xử phạt theo quy định hiện hành không đủ sức răn đe đối tượng cản trở, dẫn đến tình trạng lặp lại hành vi vi phạm. “*Nhiều đối tượng sẵn sàng nộp phạt hành chính để che giấu hành vi vi phạm, gây tác hại lớn đến xã hội và ảnh hưởng đến danh dự của nhà báo*” (PVS - L1, Phụ lục 5b).

Các vụ việc đa phần được đánh giá mức độ vi phạm dân sự, xử phạt hành chính, ít hình sự hoá. Trong Bộ luật Hình sự, ba điều luật thường được viện dẫn để xử lý hình sự đối với những vụ việc có tính chất nghiêm trọng liên quan đến cản trở hoạt động của nhà báo gồm: Điều 134 (Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác), Điều 318 (Tội gây rối trật tự công cộng) và Điều 330 (Tội chống người thi hành công vụ). Vụ việc điển hình do Hội Nhà báo cung cấp: Ngày 01/7/2021, Nhà báo N.N.H (báo Tạp chí Kinh tế và Đồ uống) khi đang tác nghiệp tại xã An Dũng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh đã bị một số đối tượng dùng cuộc sắt tấn công liên tiếp vào đầu, cổ, thân người, tay, gây thương tích, đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe. Theo Kết luận giám định thương tích số 88/Tg ngày 8- 7- 2021 của Trung tâm Pháp y và giám định y khoa Sở Y tế Hà Tĩnh, tỷ lệ thương tích của

anh Hào là 5%. Sau khi củng cố tài liệu chứng cứ, nhận thấy hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm tấn công có chủ đích nạn nhân gây thương tích, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Thọ đã ra quyết định khởi tố bị can về tội “Cố ý gây thương tích”. Tuy nhiên, bị cáo chỉ bị phạt cải tạo không giam giữ. Cách xử phạt như trên dễ làm nhụt ý chí đấu tranh chống tiêu cực của nhà báo, đồng thời chưa thể hiện được tính chính xác, nghiêm khắc của pháp luật..

Thứ hai, trong nhiều trường hợp, những hành vi cản trở nhà báo hoặc phóng viên, đặc biệt dưới dạng “*cản trở mềm*”, lại thường không được xem xét xử lý. Từ góc độ nhà báo, việc thu thập chứng cứ trong các vụ việc “*cản trở mềm*” cũng gặp nhiều khó khăn, trong khi mức độ thiệt hại không được xác định rõ ràng, mức độ vi phạm không quá nghiêm trọng, nhưng quy trình xử lý kéo dài có thể ảnh hưởng đến thời gian, vật chất, tạo áp lực công việc và cuộc sống của nhà báo, những người bị hành hung và những người giải quyết. Kết quả là, nhà báo, phóng viên hoặc cơ quan báo chí không đủ tự tin để trình báo sự việc lên cơ quan có thẩm quyền. Chẳng hạn, một phóng viên muốn thu thập thông tin về sai phạm trong hoạt động khai thác khoáng sản tại địa phương. Thay vì công khai ngăn cản hoặc đe dọa trực tiếp, đại diện doanh nghiệp và một số cán bộ chức năng địa phương lại áp dụng các biện pháp “*cản trở mềm*” như yêu cầu phóng viên chờ đợi vô thời hạn để “*hoàn tất thủ tục giấy tờ*”, liên tục đưa ra lý do “*thiếu người có trách nhiệm*” hoặc “*chưa có lịch làm việc,*” thậm chí khéo léo trì hoãn việc cung cấp hồ sơ liên quan. Dưới góc độ pháp lý, những hành vi này chưa tạo ra chứng cứ rõ rệt về việc cản trở tác nghiệp; thiệt hại cũng không dễ định lượng. Kết quả là, phóng viên khó chứng minh mình đã bị can thiệp hoặc từ chối hợp tác một cách bất hợp pháp, dẫn đến việc không có cơ sở vững chắc để trình báo lên cơ quan chức năng. Bên cạnh đó, thực tiễn có nhiều đơn vị, địa phương thiếu kết nối chặt chẽ với báo chí để hợp tác trong công tác thông tin tuyên truyền; ngại tiếp xúc với báo chí; thậm chí coi nhà báo “*tọc mạch*”, không muốn dây dưa. Do đó, những quy định trong Luật Báo chí, cũng như Chỉ thị của Chính phủ về việc cung cấp tin cho báo chí, cử người phát ngôn cho đơn vị không được thực hiện. Từ góc độ người gây “*cản trở mềm*”, một số cơ quan, đơn vị, cũng như người phát ngôn chưa

nắm vững quy định pháp luật về báo chí, dẫn đến việc phát ngôn, cung cấp và phản hồi thông tin cho báo chí chưa được thực hiện đúng quy chuẩn. Tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, ngại tiếp xúc với báo chí diễn ra phổ biến tại nhiều cơ quan hành chính Nhà nước, đặc biệt là ở cấp sở, ngành thuộc tỉnh. Kết quả là các cơ quan báo chí gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin chính thống, kịp thời, gây ảnh hưởng đến hiệu quả chung của công tác tuyên truyền tại địa phương. Nghị định 09/2017/NĐ-CP chưa phân định rõ giữa phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí. Điều này dẫn đến việc các hoạt động tiếp nhận, cung cấp thông tin thường chỉ tập trung vào người phát ngôn. Thêm vào đó, thủ tục ủy quyền phát ngôn khá rườm rà (yêu cầu văn bản xác nhận, áp dụng theo từng vụ việc cụ thể, công khai thông tin cá nhân của người được ủy quyền trên trang thông tin điện tử...) khiến cho các đơn vị hành chính cấp huyện gặp nhiều khó khăn trong triển khai.

Thứ ba, ngoài một số lượng nhà báo hơn 25.000 người theo thống kê năm 4/2024, các cơ quan báo chí còn có một tỷ lệ không nhỏ người làm báo chưa được cấp thẻ nhà báo, phải dùng giấy giới thiệu của cơ quan khi liên hệ công tác, phỏng vấn với các cơ quan, đơn vị. Tại khoản 12 Điều 9, Điều 22, Điều 26 nêu Luật Báo chí hiện hành quy định nhà báo là người hoạt động báo chí được cấp thẻ nhà báo và một số quy định có đề cập đến chức danh phóng viên, song chỉ quy định quyền và nghĩa vụ của nhà báo. Để có được thẻ nhà báo, người hoạt động báo chí phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn cụ thể. Thực tế cho thấy có nhiều người đang làm nhiệm vụ phóng viên, biên tập viên tại các cơ quan báo chí, thực hiện hoạt động báo chí, nhưng lại chưa được cấp thẻ nhà báo. Điều này tạo ra một khoảng trống pháp lý, khi Luật Báo chí không quy định rõ ràng về quyền, nghĩa vụ cũng như cách thức tác nghiệp của những đối tượng này. Hậu quả là, các cơ quan và tổ chức đưa ra những yêu cầu khác nhau đối với người làm báo chưa có thẻ, gây khó khăn cho họ trong quá trình tác nghiệp. Thậm chí, một số cơ quan và tổ chức còn cho rằng phóng viên không có thẻ nhà báo thì không đủ điều kiện tác nghiệp, từ chối cung cấp thông tin. Nhìn từ góc độ hạn chế trong hoạt động tác nghiệp, tình trạng này khiến khâu tiếp cận nguồn tin bị ảnh hưởng rõ rệt. Mặc dù giấy giới thiệu do cơ quan báo chí cấp thường là điều

kiện pháp lý cơ bản để xác minh vai trò phóng viên, song việc một số đơn vị yêu cầu thêm thẻ nhà báo khiến cho những cá nhân chưa có thẻ không thể tiếp cận thông tin hoặc gặp trở ngại khi phỏng vấn, tra cứu tài liệu dẫn đến nguy cơ bỏ lỡ các câu chuyện nóng và hạn chế chất lượng, tính thời sự của thông tin. Bên cạnh đó, tính bình đẳng trong bảo vệ hoạt động tác nghiệp báo chí giữa nhà báo và phóng viên có sự chênh lệch. Khi phóng viên bị đe dọa, hành hung... thì việc áp dụng luật sẽ khó khăn hơn do Luật Báo chí cũng chưa quy định quyền, nghĩa vụ cũng như cách thức tác nghiệp báo chí của những người này. Sự bất cập này không chỉ cản trở quyền lợi nghề nghiệp của người làm báo, mà về lâu dài còn ảnh hưởng đến sự phong phú và chất lượng chung của báo chí.

Thứ tư, khoảng trống pháp lý và thiếu cơ chế bảo vệ trong môi trường trực tuyến. Nhiều quy định pháp luật về an ninh mạng, chống quấy rối hay bảo vệ nhà báo chưa thực sự bao quát các trường hợp tấn công trên không gian mạng. Mặc dù một số mạng xã hội như Meta đã triển khai tính năng bảo vệ nhà báo, biện pháp này chỉ áp dụng cho những người làm báo đang sinh sống tại một số quốc gia như Mỹ, Mexico hay Brazil. Điều này đồng nghĩa với việc phần lớn các nhà báo trên thế giới vẫn phải tự đối phó với các hành vi quấy rối, xâm phạm, hay truy cập trái phép tài khoản cá nhân, trong khi không thể trông cậy vào sự hỗ trợ hay cơ chế bảo vệ chính thức từ phía nền tảng mạng xã hội hay quy định xử phạt cụ thể về tấn công nhà báo trong môi trường trực tuyến.

4.1.1.2. Vấn đề đặt ra với cơ quan báo chí và Hội nhà báo

Thứ nhất, cơ quan báo chí cần có chiến lược và sự hỗ trợ đầy đủ, chặt chẽ hơn cho phóng viên trong các phóng sự điều tra hoặc nhạy cảm. Các phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm chỉ ra rằng khi phóng viên, nhà báo tham gia hoạt động chống tiêu cực, đặc biệt là tham nhũng liên quan đến cơ quan chức năng, họ thường xuyên bị cản trở. “*Khi tác nghiệp các tuyến bài đấu tranh chống tham nhũng, tôi thường xuyên bị cản trở. Điển hình là bị từ chối thông tin, bôi nhọ, đùn đẩy trách nhiệm, gây khó dễ...*” (PVS - N7, Phụ lục 5a). Cần có những giải pháp cụ thể, và một trong số đó là cơ quan báo chí khi cử nhà báo, phóng viên thực hiện các phóng sự chống tiêu cực cần xây dựng phương

án cụ thể, theo dõi sát sao để can thiệp kịp thời, hạn chế tình trạng nhà báo tác nghiệp đơn lẻ. 4 cơ quan báo chí trong diện khảo sát đều đã xây dựng Bộ Quy tắc tác nghiệp cũng như Quy chế tác nghiệp từ khâu chuẩn bị, thu thập thông tin đến khâu triển khai, xử lý sự việc xảy ra *“Chúng tôi có quy trình hướng dẫn rất cụ thể và chặt chẽ đối với phóng viên khi tác nghiệp tại các điểm nóng, nhạy cảm hoặc khi xử lý các đề tài điều tra có yếu tố phức tạp, tiềm ẩn rủi ro. Trước tiên, mọi đề tài điều tra đều phải trải qua quy trình đề xuất và phê duyệt nghiêm ngặt. Phóng viên cần báo cáo ý tưởng, xây dựng đề cương, phân tích bối cảnh, nhận diện rủi ro và xác định phương án tiếp cận. Ban Biên tập sẽ xem xét kỹ lưỡng tính pháp lý, tính khả thi và đặc biệt là yếu tố an toàn cho người làm báo.”* (PVS - L3, Phụ lục 5a). Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tờ báo vẫn chưa xây dựng Quy chế tác nghiệp hoặc có nhưng nội dung còn chung chung, thiếu cập nhật hoặc phóng viên cũng không được tiếp cận chính thống. Bên cạnh đó, trước các áp lực bên ngoài, nhiều toà soạn còn lúng túng trong việc bảo vệ phóng viên khi thực hiện tác nghiệp đúng pháp luật và hướng dẫn của toà soạn. Phóng viên có thể bị cản trở bởi đối tượng tác động đến lãnh đạo tòa soạn để gác bài hoặc cản trở tác nghiệp. Đối tượng cản trở, đặc biệt là các cơ quan nhà nước hoặc doanh nghiệp khi bị phản ánh tiêu cực, có thể tìm cách can thiệp qua đồng nghiệp hoặc bạn bè để tác động, hoặc thậm chí từ chối cung cấp thông tin một cách có hệ thống. Việc tòa soạn không đủ *“hầm trú ẩn”* mà ngược lại, có thể *“cản bước chính người của mình”* trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực là một vấn đề nghiêm trọng.

Thứ hai, các cơ quan báo chí chưa có sự đầu tư đúng mức trong đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ, pháp luật và đạo đức cho nhà báo. Một trong những nguyên nhân khiến nhà báo bị cản trở là do thiếu kỹ năng ứng xử, không linh hoạt, không khéo léo trong các tình huống. Ngoài ra, việc nhận thức chưa đầy đủ về pháp luật, vị thế của bản thân thì tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng điều tra, kỹ năng xử lý tình huống là nội dung cần được bồi dưỡng thường xuyên.

Thứ ba, các cơ quan báo chí hiện thiếu sự theo dõi và phản ánh về quá trình xử lý các vụ việc cản trở. Các cơ quan báo chí thường chỉ phản ánh sự việc cản trở ban đầu, nhưng ít khi theo đuổi diễn tiến quá trình giải quyết, xử lý hành vi cản trở

đó. Việc này làm giảm tính răn đe và không thể hiện sự kiên quyết trong việc bảo vệ quyền lợi của nhà báo. *“Thực tế cho thấy rất nhiều phóng viên, nhà báo bị hành hung trong quá trình tác nghiệp. Những vụ việc được báo chí đưa tin rầm rộ đều ở những tình huống nghiêm trọng đòi hỏi cơ quan chức năng vào cuộc. Nhưng nhiều báo đã phản dè dặt ở diễn biến sự việc chứ đưa tin về kết quả xử lý vụ việc, thậm chí có những tờ chỉ đăng một mẩu tin nhỏ thông báo ban đầu và để mọi chuyện cũng trôi vào im lặng”* (PVS -N7, Phụ lục 5a).

Thứ tư, thẩm quyền và cơ chế can thiệp của hiệp hội nghề nghiệp chưa đủ mạnh. Luật Báo chí tuy đã có quy định Hội Nhà báo Việt Nam *“tham gia giám sát việc tuân theo pháp luật về báo chí”*, tuy nhiên nhiệm vụ theo dõi, giám sát, kiểm tra và phối hợp với cơ quan chức năng (cơ quan chỉ đạo, cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, cơ quan chủ quản...) để xác minh, kết luận và xử lý vi phạm chưa được quy định. Hội được giao nhiệm vụ bảo vệ *“quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên”* nhưng lại không được trao quyền đủ lớn để can thiệp sâu vào các vụ việc xâm phạm quyền tác nghiệp của nhà báo. Thông thường, Hội chỉ có thể gửi văn bản kiến nghị đến cơ quan chức năng hoặc kêu gọi sự vào cuộc của truyền thông; còn việc xem xét, phản hồi và xử lý rất rườ rẻ phụ thuộc nhiều vào thiện chí và sự phối hợp của các bên liên quan. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các cơ quan, nhất là cơ quan báo chí có nhà báo bị hành hung với các cơ quan chức năng và Hội Nhà Báo chưa được hiệu quả. Trong nhiều trường hợp, khi xảy ra sự cố hành hung, cơ quan chủ quản thường chỉ báo cáo sự việc ở mức độ nội bộ, hoặc không cung cấp đầy đủ thông tin cũng như chứng cứ liên quan cho Hội Nhà báo. Ngược lại, Hội Nhà báo, với vai trò bảo vệ quyền lợi cho hội viên, nếu không nhận được các thông tin xác thực thì khó có thể đưa ra phương án can thiệp hiệu quả. Phòng vấn lãnh đạo phụ trách Ban Kiểm tra của Hội cũng đã thừa nhận khó khăn lớn nhất hiện nay là sự phối hợp thiếu hiệu quả giữa các bên khi xử lý các vụ việc phóng viên bị gây cản trở. *“Hội Nhà báo đã nhiều lần đề nghị các cơ quan báo chí có thái độ quyết liệt hơn trong việc bảo vệ hội viên, nhưng không phải lúc nào cũng nhận được sự hợp tác tích cực. Điều này góp phần khiến tình trạng cản trở, đe dọa nhà báo tiếp tục tái diễn... Sự phối hợp giữa các cơ quan báo chí có*

nhà báo bị hành hung và Hội Nhà Báo chưa được hiệu quả. Đã có những trường hợp nhà báo bị hành hung, nhưng sự phối hợp để bảo vệ nhà báo từ phía Hội Nhà báo và các cơ quan tổ tụng vẫn chưa quyết liệt. Sự hợp tác chưa tích cực, không triệt để dẫn đến khó khăn trong công tác điều tra, đồng thời làm gia tăng thách thức trong việc đảm bảo trách nhiệm bảo vệ nhà báo” - (PVS - L2, Phụ lục 7)

4.1.1.3. Vấn đề đặt ra đối với nhà báo

Một trong những nguyên nhân đáng lưu ý khiến nhà báo gặp phải sự cản trở trong quá trình hành nghề xuất phát từ chính hạn chế về kỹ năng ứng xử và năng lực linh hoạt trong môi trường phức tạp. Việc thiếu bản lĩnh giao tiếp, không đủ tinh tế để xử lý các tình huống nhạy cảm với cơ quan chức năng, người dân hoặc đối tượng điều tra dễ dẫn đến va chạm không đáng có, làm trầm trọng thêm xung đột tại hiện trường.

Bên cạnh đó, không ít nhà báo chưa nhận thức đầy đủ về hệ thống pháp luật báo chí hiện hành, vị thế nghề nghiệp đặc thù của mình trong mối tương quan với hệ thống chính trị - hành chính Nhà nước cũng như nhận thức rõ ràng về các hành vi cản trở hoạt động báo chí. Sự mơ hồ này dễ dẫn đến việc hiểu sai quyền hạn, dẫn đến hành xử vượt giới hạn, hoặc ngược lại là không biết cách bảo vệ quyền tác nghiệp chính đáng của bản thân. Việc chưa có sự phân tách rạch ròi giữa “*tính độc lập nghề nghiệp*” và “*trách nhiệm tuân thủ quản lý Nhà nước*” cũng khiến một bộ phận phóng viên rơi vào thế bị động hoặc hiểu lầm vai trò xã hội của báo chí.

Một vấn đề nghiêm trọng khác là hiện tượng lợi dụng danh nghĩa nhà báo để vụ lợi cá nhân. Một số cá nhân mang danh phóng viên đã có hành vi dọa dẫm, sách nhiễu, hoặc tác nghiệp trái quy định nhằm trục lợi từ doanh nghiệp, tổ chức hoặc cá nhân. Những hành vi này không chỉ vi phạm pháp luật mà còn làm tổn hại uy tín chung của đội ngũ báo chí và tạo ra phản ứng tiêu cực từ cộng đồng.

Cuối cùng, việc thiếu kỹ năng tự bảo vệ bản thân sau khi bị cản trở hoặc đe dọa, bao gồm kỹ năng pháp lý, xử lý khủng hoảng cá nhân và giữ gìn an toàn trên không gian mạng, cũng đang là một điểm yếu cần được bổ sung khẩn thiết trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng nhà báo hiện nay.

4.1.1.4. Vấn đề đặt ra đối với công chúng

Một bộ phận công chúng chưa hiểu rõ về vai trò giám sát xã hội của báo chí, không phân biệt được sự khác nhau giữa nội dung “*tuyên truyền*” và nội dung “*điều tra - phản biện*” mang tính độc lập. Hệ quả là, họ dễ có quan điểm phiến diện, coi báo chí chỉ như phương tiện cung cấp thông tin một chiều. Bên cạnh đó, hoạt động truyền thông của báo chí về vấn đề bảo vệ nhà báo trong hoạt động nghiệp vụ hợp pháp chưa đến nơi đến chốn, chưa chỉ rõ hậu quả của việc nhà báo bị hành hung. Do đó, người dân không hiểu rằng nhà báo bị cản trở đồng nghĩa với việc thông tin không được công khai, nhiều góc tối, tiêu cực đã bị che lấp. Thêm nữa, báo chí chưa công khai, minh bạch về những trường hợp một số nhà báo bị hành hung khi tác nghiệp có động cơ, mục đích không trong sáng. Điều này là nguyên nhân đáng kể khiến công chúng chưa hiểu về nghề báo và những người làm báo, dẫn đến tâm lý coi thường. Không khó để bắt gặp các cụm từ miệt thị nghề báo xuất hiện tràn lan trên mạng xã hội hoặc các diễn đàn. Một số cá nhân còn chi tiền chạy quảng cáo trên các nền tảng như Meta (trước đây là Facebook) hay YouTube để vu khống và bôi nhọ uy tín của những người làm báo. Đáng lo ngại hơn, họ tụ tập thành nhóm để tấn công tài khoản mạng xã hội của các cơ quan báo chí, hoặc các phóng viên, biên tập viên. Minh chứng điển hình diễn ra vào tháng 4/2025, fanpage của VTV24 và 2 biên tập viên của VTV bị một nhóm fan cuồng của một KOL trên MXH tấn công bằng cách lăng mạ, liên tục spam (gửi tin nhắn rác), đe dọa... [3].

4.1.2. Cơ sở đề xuất giải pháp

Để giải pháp đưa ra thực sự khách quan, chúng tôi tiến hành lắng nghe từ những đề xuất từ phía NTL và tham khảo kinh nghiệm từ các quốc gia trên thế giới. Từ đó, đưa ra những giải pháp phù hợp với tình hình phát triển báo chí và bối cảnh chính trị - xã hội ở Việt Nam.

4.1.2.1. Giải pháp đề xuất từ người trả lời

a. Giải pháp đề xuất đối với cải thiện môi trường pháp lý và thực thi quyền bảo vệ quyền hoạt động nghề nghiệp hợp pháp của nhà báo

Như đã trình bày ở trên, môi trường pháp lý bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo những năm qua được đánh giá rất tích cực. Tuy nhiên đây vẫn là vấn đề nhận được quan tâm lớn của nhà báo và cơ quan quản lý báo chí và là vấn đề được đánh giá cần được ưu tiên cải thiện trong giai đoạn tới.

Bảng 4.1: Đề xuất giải pháp từ phía nhà báo đối với cải thiện môi trường pháp lý

Giải pháp	Mức độ đánh giá quan trọng của giải pháp					Điểm Trung bình
	5. Rất quan trọng	4. Quan trọng	3. Trung bình	2. Ít quan trọng	1. Không quan trọng	
1. Tăng cường việc thực thi pháp luật đối với vi phạm/ xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	43,7	45,1	9,9	1,0	0,3	4,31
2. Tăng nặng chế tài xử phạt hành vi cản trở, xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	45,7	43,3	8,9	2,0	0	4,33

Hiện nay đã có Luật báo chí và Nghị định có các quy định xử lý các hành vi có liên quan đến vi phạm quyền hoạt động nghề nghiệp hợp pháp của nhà báo. Các vụ việc vi phạm quyền hoạt động nghề nghiệp hợp pháp của nhà báo theo như dữ liệu cung cấp từ hội nhà báo cũng có xu hướng giảm, tuy nhiên để cải thiện tích cực hơn nữa tình trạng này, đánh giá từ NTL trong mẫu nghiên cứu cho thấy vẫn cần phải tập trung giải pháp tăng cường việc thực thi pháp luật đối với các vi phạm và tăng nặng chế tài xử phạt hành vi cản trở, xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, với các kiến nghị đều đạt điểm trung bình mức độ đánh giá quan trọng ở mức trên 4,3/5 điểm (tương đương với đánh giá trên mức điểm quan trọng (4/5 điểm) và với tỉ lệ đánh giá “quan trọng” và “rất quan trọng” đều đạt mức gần 90% tổng số NTL. Như vậy, đây là nhóm giải pháp rất cần được chú trọng ưu tiên trong tương lai.

Dưới đây là một số khuyến nghị chi tiết về cải thiện môi trường pháp lý mà NTL là nhà báo, cán bộ quản lý báo chí đã đề xuất (nguồn: trích từ đề xuất NTL trong mẫu nghiên cứu):

- *Cần nghiêm minh, xử phạt nặng (như nghị định 14/2022: tăng mức phạt) đối với người vi phạm quyền tác nghiệp nhà báo.*

- *Sửa đổi, bổ sung Luật Báo chí: Cần có các quy định cụ thể hơn về bảo vệ nhà báo khi tác nghiệp, xử lý nghiêm các hành vi cản trở, đe dọa, tấn công nhà báo.*

- *Xây dựng nghị định hướng dẫn chi tiết về bảo vệ nhà báo: Trong đó quy định rõ trách nhiệm của cơ quan chức năng khi có hành vi xâm phạm quyền tác nghiệp của nhà báo.*

- *Thiết lập cơ chế bắt buộc các cơ quan chức năng phản hồi báo chí trong thời gian quy định: Tránh tình trạng phóng viên gửi câu hỏi nhưng bị trì hoãn, gây khó khăn trong việc đưa tin kịp thời.*

- *Xây dựng cơ chế bảo vệ nhà báo trên không gian mạng: Các cơ quan chức năng cần theo dõi, xử lý nhanh chóng những trường hợp bôi nhọ, đe dọa nhà báo trên mạng xã hội.*

- *Tăng chế tài xử phạt đối với các hành vi tấn công, hành hung, cản trở nhà báo tác nghiệp đúng luật.*

- *Ban hành thông tư, nghị định hướng dẫn cụ thể: Bộ Thông tin & Truyền thông, Bộ Công an, Hội Nhà báo Việt Nam cần phối hợp xây dựng các quy định chi tiết hơn về quyền và nghĩa vụ của nhà báo khi tác nghiệp, cũng như trách nhiệm của các bên liên quan trong việc hỗ trợ, bảo vệ họ.*

- *Khi tác nghiệp tại các tổ chức, cơ quan nhà nước, phiên tòa công khai...vẫn còn hạn chế rất nhiều quyền tác nghiệp của nhà báo khi có thể nhà báo theo Luật Báo chí thì vẫn yêu cầu phải có giấy giới thiệu, cấm ghi âm, ghi hình...tại những nơi được phép ghi âm ghi hình. Điều này là làm trái với luật báo chí.*

- *Xét xử công khai 1 số vụ án nghiêm trọng liên quan đến phóng viên, nhà báo bị hại. Từ đó răn đe các đối tượng có ý định làm tổn hại các phóng viên, nhà báo...*

- *Cần đảm bảo quyền tiếp cận thông tin: Nên có quy định rõ ràng hơn về quyền tiếp cận thông tin của nhà báo từ các cơ quan nhà nước và tổ chức tư nhân. Các cơ quan, tổ chức cần tạo điều kiện cho nhà báo tiếp cận thông tin mà không bị cản trở hoặc phân biệt.*

- Tăng quyền năng cho nhà báo, cần có chế tài xử lý trong trường hợp từ chối cung cấp thông tin cho báo chí

- Một trong những rào cản lớn đối với nhà báo khi tác nghiệp tại Việt Nam là sự hạn chế trong việc tiếp cận thông tin từ cơ quan công quyền. Dù Luật Tiếp cận Thông tin đã có hiệu lực từ năm 2018, nhưng trên thực tế, nhiều cơ quan vẫn né tránh cung cấp thông tin hoặc gây khó dễ cho phóng viên. Vì vậy, cần: Tăng cường thực thi Luật

- Tiếp cận Thông tin: Các cơ quan nhà nước cần chủ động cung cấp thông tin chính thống, kịp thời, minh bạch để báo chí phản ánh khách quan, tránh tình trạng suy diễn, thông tin sai lệch do thiếu nguồn chính thống.

- Thiết lập cơ chế bắt buộc các cơ quan chức năng phản hồi báo chí trong thời gian quy định: Tránh tình trạng phóng viên gửi câu hỏi nhưng bị trì hoãn, gây khó khăn trong việc đưa tin kịp thời

- Tăng quyền năng cho nhà báo, cần có chế tài xử lý trong trường hợp từ chối cung cấp thông tin cho báo chí

Tăng nặng chế tài xử lý các hành vi cản trở nhà báo tác nghiệp: Cần có các mức xử phạt nghiêm khắc đối với những cá nhân, tổ chức cố tình ngăn cản, đe dọa, tấn công phóng viên, thậm chí cần truy cứu trách nhiệm hình sự trong những trường hợp nghiêm trọng.

- Tăng nặng chế tài xử lý các hành vi cản trở nhà báo tác nghiệp: Cần có các mức xử phạt nghiêm khắc đối với những cá nhân, tổ chức cố tình ngăn cản, đe dọa, tấn công phóng viên, thậm chí cần truy cứu trách nhiệm hình sự trong những trường hợp nghiêm trọng.

- Bổ sung, sửa đổi các quy định pháp luật về báo chí theo hướng cụ thể hóa các quyền và cơ chế bảo vệ nhà báo khi tác nghiệp, đặc biệt trong điều kiện nguy hiểm.

- Tăng cường chế tài xử lý các hành vi cản trở nhà báo tác nghiệp hợp pháp, đe dọa, hành hung nhà báo hoặc xâm phạm quyền tự do báo chí.

- Thiết lập cơ chế bảo vệ khẩn cấp cho nhà báo trong các trường hợp bị đe dọa hoặc gặp nguy hiểm khi điều tra các vụ việc nhạy cảm.

b. Giải pháp về tăng cường vai trò, chức năng của các cơ quan quản lý báo chí, các cơ quan chức năng có liên quan và sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng

Hội Nhà báo là hội nghề nghiệp liên quan trực tiếp đến bảo vệ quyền hoạt động nghề nghiệp hợp pháp của nhà báo. Những năm qua, hội nhà báo cũng đã có những quan tâm và trách nhiệm đáng chú ý đến mảng này. Tuy nhiên, vẫn rất nhiều đề xuất từ phía NTL mong muốn đề xuất đối với trách nhiệm Hội nhà báo.

Bảng 4.2: Đề xuất giải pháp từ phía hội nhà báo, các cơ quan chức năng có liên quan (điểm đánh giá từ 1 đến 5, trong đó: 5 = rất quan trọng, 4 = Quan trọng; 3 = bình thường; 2= ít quan trọng; 1 = không quan trọng)

Giải pháp	Mức độ đánh giá quan trọng của giải pháp					Điểm Trung bình
	5	4	3	2	1	
1. Nâng cao vị thế của Hội Nhà báo	38,0	42,1	17,5	2,1	0,3	4,15
2. Tăng cường đoàn kết nghề nghiệp, xây dựng mạng lưới báo chí toàn quốc đoàn kết, bảo vệ, hỗ trợ lẫn nhau	41,3	44,4	12,3	2,0	0	4,25
3. Phối kết hợp chặt chẽ, ăn ý của các cơ quan ban ngành địa phương, chính quyền địa phương nhằm tăng cường bảo vệ quyền hoạt động nghề nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay	41,1	45,5	11	2,4	0	4,25

Bên cạnh ý kiến đồng tình với tỉ lệ rất cao đánh giá tầm quan trọng của việc nâng cao vị thế của Hội Nhà báo góp phần bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo: ý kiến đánh giá quan trọng trên và rất quan trọng 80%, điểm trung bình đánh giá mức độ quan trọng của giải pháp này đạt 4,15/5 điểm. Đi kèm với việc nâng cao vị thế của Hội, NTL cũng cho rằng cần tăng cường đoàn kết nghề nghiệp, xây dựng mạng lưới báo chí toàn quốc đoàn kết, bảo vệ, hỗ trợ lẫn nhau và đây cũng là giải pháp nhận được điểm đánh giá mức độ quan trọng cao: điểm trung bình đánh giá đạt 4,25/5 điểm; gần 86% tổng số NTL đánh giá giải pháp này là “quan trọng” hoặc “rất quan trọng”. Bên cạnh đó NTL trong mẫu nghiên cứu có rất nhiều kiến nghị với hội nhà báo trong việc tích cực hơn nữa triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ bảo vệ

hiệu quả quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo, trong đó bao gồm các nhóm giải pháp như: tăng cường tập huấn, đào tạo cho nhà báo về kỹ năng bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp; tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức xã hội về quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo; xây dựng cơ chế bảo vệ hiệu quả quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo; hợp tác quốc tế, học học kinh nghiệm các quốc gia trên thế giới, cụ thể các đề xuất được trích dẫn từ ý kiến NTL trong mẫu nghiên cứu như sau:

Giải pháp tăng cường đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức, kỹ năng, thực hành bảo vệ an toàn bản thân trong quá trình tác nghiệp:

- Theo tôi, đó là việc các cơ quan báo chí, tổ chức Hội phải tuyên truyền về pháp luật làm nghề cho nhà báo, cập nhật những thay đổi...Phải thường xuyên có những chương trình ngắn hạn khoảng 1 ngày để các nhà báo hiểu biết về công cụ pháp luật trong làm nghề; Bên cạnh đó, phía chính quyền địa phương cũng cần được phổ biến ban hành pháp luật về hoạt động của báo chí...để tránh trường hợp nơi biết, nơi không

- Tổ chức tập huấn về an toàn tác nghiệp: Đào tạo kỹ năng xử lý tình huống nguy hiểm, quyền lợi và trách nhiệm pháp lý của nhà báo

Đề xuất giải pháp về xây dựng cơ chế bảo vệ nhà báo

- Thành lập cơ chế bảo vệ nhà báo trong các hội nghề nghiệp

- Hợp tác với các tổ chức bảo vệ quyền tự do báo chí quốc tế: Để nâng cao nhận thức và áp dụng các mô hình bảo vệ nhà báo hiệu quả...

- Hội Nhà báo Việt Nam cần đóng vai trò mạnh mẽ hơn: Hội cần tích cực bảo vệ quyền lợi hợp pháp của hội viên, có đường dây nóng để tiếp nhận và xử lý các trường hợp nhà báo bị đe dọa, hành hung.

- củng cố vai trò của Hội Nhà báo Việt Nam: Cần có những cơ chế bảo vệ mạnh mẽ hơn cho hội viên, hỗ trợ pháp lý khi gặp khó khăn trong quá trình tác nghiệp.

- Xây dựng Quỹ hỗ trợ pháp lý cho nhà báo: Cung cấp sự hỗ trợ khi phóng viên bị kiện tụng hoặc gặp rủi ro khi tác nghiệp.

- Tăng cường tiếng nói bảo vệ nhà báo: Khi có vụ việc phóng viên bị hành hung, Hội Nhà báo cần có động thái lên tiếng mạnh mẽ, yêu cầu xử lý nghiêm thay vì im lặng hoặc phản ứng chậm trễ.

- Nghiên cứu loại bỏ các tạp chí đang hoạt động hiện nay, vì các cơ quan tạp chí hoạt động đến hiện tại quá nhiều, có những tạp lợi dụng danh nghĩa báo chí để hoạt động nhằm vụ lợi cá nhân, làm mất lòng tin của người dân, chính quyền, doanh nghiệp, từ đó gây ảnh hưởng đến những người làm báo chân chính...

Giải pháp tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức xã hội:

- Nâng cao nhận thức về quyền tác nghiệp của nhà báo: Cần đẩy mạnh truyền thông để công chúng hiểu rõ vai trò của báo chí trong xã hội, từ đó có thái độ tôn trọng hơn đối với hoạt động nghiệp vụ của nhà báo.

- Có các hình thức khuyến khích đối thoại giữa nhà báo, cơ quan chức năng và người dân nhằm giảm thiểu xung đột khi tác nghiệp.

- Đấu tranh với tin giả, tin xấu độc: Xã hội cần chung tay đẩy lùi thông tin sai sự thật, xuyên tạc gây ảnh hưởng đến nhà báo, đồng thời bảo vệ uy tín và tính chính danh của báo chí chính thống.

Giải pháp hợp tác quốc tế:

- Liên kết với các tổ chức quốc tế: Học hỏi kinh nghiệm từ các nước có nền báo chí phát triển để áp dụng các biện pháp bảo vệ nhà báo hiệu quả hơn. Tổ chức đào tạo kỹ năng bảo vệ bản thân: Nhà báo cần được trang bị kiến thức về an toàn tác nghiệp, bao gồm cả việc đối phó với các tình huống nguy hiểm khi đưa tin về các vấn đề nhạy cảm.

- Thúc đẩy hợp tác với các tổ chức quốc tế: Các toà soạn có thể hợp tác với các tổ chức quốc tế về bảo vệ quyền tự do báo chí và bảo vệ nhà báo để xây dựng một hệ thống hỗ trợ, bảo vệ mạnh mẽ hơn.

Bên cạnh đề xuất đối với hội nhà báo, NTL trong mẫu nghiên cứu cũng cho rằng các cơ quan báo chí, đặc biệt là lãnh đạo cơ quan báo chí cũng cần chủ động, mạnh mẽ và tích cực hơn nữa trong bảo vệ quyền hoạt động nghề nghiệp hợp pháp của nhà báo, tạo môi trường làm việc tích cực, hiệu quả, an toàn cho các nhà báo. Một số giải pháp đề xuất được trích dẫn từ tổng hợp kết quả khảo sát như sau:

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan báo chí, Hội Nhà báo Việt Nam và cơ quan chức năng để kịp thời bảo vệ nhà báo khi gặp rủi ro trong quá trình tác nghiệp.

- Cung cấp bảo hiểm nghề nghiệp cho nhà báo: Đảm bảo an toàn tài chính khi gặp rủi ro trong quá trình tác nghiệp.

- Xây dựng quy định nội bộ về tác nghiệp an toàn

- Thành lập bộ phận bảo vệ nhà báo trong các cơ quan báo chí: Các tòa soạn cần có đội ngũ pháp lý chuyên biệt để bảo vệ phóng viên khi bị đe dọa.

- Cải tiến quy trình giới thiệu nhà báo xuống tác nghiệp, hoạt động nghiệp vụ tại cơ sở

- Cung cấp bảo hiểm nghề nghiệp cho nhà báo: Các cơ quan truyền thông nên cân nhắc việc cung cấp bảo hiểm cho nhà báo, đặc biệt trong các tình huống liên quan đến việc bị tấn công hoặc đe dọa khi làm nhiệm vụ

- Các tòa soạn cần hỗ trợ nhà báo đối phó với khủng bố tinh thần trực tuyến: Cung cấp kỹ năng bảo vệ danh tính, bảo mật thông tin cá nhân để tránh bị tấn công.

- Tinh gọn, sắp xếp lại các cơ quan báo chí để nâng cao chất lượng thông tin, để người làm báo tự tin hơn

- Chính báo chí cần dùng chính tờ báo của mình để triển khai các tuyến bài xoay quanh bảo vệ quyền tác nghiệp của báo chí, của nhà báo. Sự lan tỏa này kéo dài sẽ thấm vào các bên liên quan để thúc đẩy chính sách trong thực tiễn

- Đảm bảo quyền lợi và an toàn cho nhà báo: Các cơ quan báo chí cần có chính sách bảo vệ phóng viên, cử luật sư hỗ trợ khi cần thiết, đặc biệt với những người tác nghiệp trong môi trường rủi ro cao.

- Hỗ trợ pháp lý kịp thời: Khi nhà báo gặp rủi ro về pháp lý, cơ quan báo chí cần vào cuộc nhanh chóng, liên hệ với cơ quan chức năng để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của họ.

- Trang bị thiết bị, công nghệ hỗ trợ tác nghiệp: Cung cấp các thiết bị ghi âm, ghi hình, phần mềm bảo mật để đảm bảo nhà báo có bằng chứng khi bị cản trở hoặc đe dọa

Bên cạnh những giải pháp riêng cho hội nhà báo, các cơ quan báo chí như đề cập trên, giải pháp được đánh giá ở mức quan trọng cao và nhận được nhiều đề xuất từ phía NTL đó chính là cần tăng cường sự phối hợp ăn ý, chặt chẽ các cơ quan ban ngành địa phương, chính quyền địa phương nhằm tăng cường bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay. Hiện nay có nhiều tổ chức, cơ quan, chính quyền địa phương cùng tham gia và có trách nhiệm trong việc bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo, tuy nhiên sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức vẫn còn có những hạn chế nhất định. Có 86,5% tổng số NTL cho rằng đây là giải pháp quan trọng góp phần tăng cường quyền hoạt động nghề nghiệp hợp pháp của nhà báo, điểm trung bình đánh giá mức độ quan trọng của giải pháp này là 4,25/5 điểm. Một số các gợi ý chi tiết giải pháp phối kết hợp giữa các cơ quan ban ngành chặt chẽ trong một số tình huống và giải quyết các công việc cụ thể sau:

- Cần quy định rõ trách nhiệm của lực lượng chức năng trong việc bảo vệ nhà báo: Công an, chính quyền địa phương cần có trách nhiệm can thiệp nhanh chóng, kịp thời khi xảy ra các vụ việc đe dọa, tấn công nhà báo. Việc chậm trễ xử lý có thể khiến nhà báo mất niềm tin vào cơ chế bảo vệ pháp lý hiện hành.

- Theo tôi, đó là việc các cơ quan báo chí phối kết hợp với hội nhà báo tổ chức tuyên truyền về pháp luật làm nghề cho nhà báo, cập nhật những thay đổi...Phải thường xuyên có những chương trình ngắn hạn khoảng 1 ngày để các nhà báo hiểu biết về công cụ pháp luật trong làm nghề; Bên cạnh đó, phía chính quyền địa phương cũng cần được phổ biến ban hành pháp luật về hoạt động của báo chí...để tránh trường hợp nơi biết, nơi không.

- Yêu cầu lực lượng công an, chính quyền địa phương tôn trọng quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo, không được tùy tiện ngăn cản hoặc gây khó dễ khi không có căn cứ pháp lý rõ ràng.

- Tăng cường sự phối hợp giữa Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an và các cơ quan liên quan trong việc xử lý các vụ việc xâm phạm quyền tác nghiệp của nhà báo.

- Yêu cầu lực lượng công an, chính quyền địa phương tôn trọng quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo, không được tùy tiện ngăn cản hoặc gây khó dễ khi không có căn cứ pháp lý rõ ràng.

c. Giải pháp thay đổi từ xã hội

Bên cạnh những nỗ lực cải cách môi trường pháp lý, tăng cường thực thi pháp luật, hành động mạnh mẽ của các cơ quan quản lý, phối kết hợp chặt chẽ ăn ý của cơ quan chức năng, việc đảm bảo quyền hoạt động nghề nghiệp hợp pháp của nhà báo còn chịu ảnh hưởng của trình độ nhận thức và ý thức xã hội đối với công việc của nhà báo. Các dữ liệu trình bày ở trên cho thấy vẫn còn nhiều hạn chế trong nhận thức của xã hội về vấn đề này. Kết quả khảo sát từ mẫu nghiên cứu cũng cho thấy giải pháp nâng cao nhận thức cho xã hội cũng như tăng cường truyền thông về Luật Báo chí, chế tài bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo cũng được đánh giá về mức độ quan trọng rất cao và rất cần được ưu tiên triển khai trong thời gian tới, cụ thể như sau:

Bảng 4.3: Đề xuất giải pháp từ phía nhà báo đối với cải thiện môi trường xã hội (điểm đánh giá từ 1 đến 5, trong đó: 5 = rất quan trọng, 4 = Quan trọng; 3 = bình thường; 2= ít quan trọng; 1 = không quan trọng)

Giải pháp	Mức độ đánh giá quan trọng của giải pháp					Điểm Trung bình
	5	4	3	2	1	
1. Nâng cao nhận thức xã hội về vai trò báo chí, sứ mệnh, chức năng, nhiệm vụ của nhà báo, tôn trọng bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo	44,4	44,4	10,6	0,7	0	4,32
2. Tăng cường truyền thông về Luật Báo chí, chế tài bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	44,2	43,5	9,6	2,7	0	4,29
3. Tăng cường sự ổn định môi trường chính trị - xã hội	43,2	43,5	13,0	0,3	0	4,29

Với cả hai giải pháp nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò báo chí, sứ mệnh, chức năng, nhiệm vụ của nhà báo, tôn trọng bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của

nhà báo cũng như tăng cường truyền thông về Luật Báo chí, chế tài bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo đều có tỉ lệ NTL đánh giá “quan trọng” và “rất quan trọng cao (lần lượt đạt mức 88,8% và 87,7%) và với mức điểm trung bình mức độ quan trọng đạt mức trên dưới 4,3/5 điểm. Không một ý kiến nào cho rằng đây là giải pháp không quan trọng. Cụ thể những đề xuất của nhà báo đối với triển khai giải pháp này như sau (trích từ tổng hợp trả lời của nhà báo):

- *Nâng cao nhận thức xã hội về vai trò và trách nhiệm của nhà báo: Cần triển khai các chiến dịch tuyên truyền để nâng cao nhận thức của xã hội về tầm quan trọng của báo chí trong việc bảo vệ quyền lợi công dân, đảm bảo minh bạch và giám sát xã hội.*

- *Cần tăng cường khuyến khích sự tôn trọng đối với nhà báo: Tạo ra môi trường xã hội trong đó nhà báo không bị đe dọa hay gây khó khăn trong quá trình tác nghiệp, đồng thời kêu gọi sự tôn trọng nghề nghiệp từ cộng đồng, nhất là trong các tình huống tranh cãi về thông tin báo chí.*

- *Thúc đẩy sự tham gia của người dân trong việc bảo vệ quyền lợi của nhà báo: Khuyến khích công chúng tham gia vào việc phản ánh những vi phạm quyền lợi của nhà báo và hỗ trợ họ trong các tình huống bị đe dọa hoặc cản trở.*

- *Quy định rõ trách nhiệm của lực lượng chức năng trong việc bảo vệ nhà báo: Công an, chính quyền địa phương cần có trách nhiệm can thiệp nhanh chóng, kịp thời khi xảy ra các vụ việc đe dọa, tấn công nhà báo. Việc chậm trễ xử lý có thể khiến nhà báo mất niềm tin vào cơ chế bảo vệ pháp lý hiện hành.*

- *Xây dựng môi trường tôn trọng tự do ngôn luận và báo chí. Khuyến khích đối thoại giữa nhà báo, cơ quan chức năng và người dân nhằm giảm thiểu xung đột khi tác nghiệp.*

- *Đẩy mạnh truyền thông về quyền và trách nhiệm của nhà báo để xã hội hiểu rõ vai trò giám sát, phản biện của báo chí.*

- *Nâng cao nhận thức của công chúng & chính quyền địa phương: Người dân và các cơ quan nhà nước cần hiểu rõ vai trò của báo chí và trách nhiệm cung cấp thông tin minh bạch, đúng luật.*

d. Giải pháp đề xuất đối với nhà báo

Bên cạnh những giải pháp vĩ mô như cải thiện môi trường pháp lý, cải thiện cơ chế, nâng cao nhận thức của xã hội thì thực tế đánh giá khách quan từ chính nhà báo cho thấy để bảo vệ hiệu quả quyền hoạt động nghề nghiệp hợp pháp của nhà báo cần giải pháp cho chính nhà báo và sự thay đổi từ phía chính nhà báo. Dưới đây là tổng hợp dữ liệu đánh giá về mức độ quan trọng và ưu tiên của các giải pháp đối với nhà báo:

Bảng 4.4: Đề xuất giải pháp từ phía nhà báo nhằm góp phần tăng cường bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo(điểm đánh giá từ 1 đến 5, trong đó: 5 = rất quan trọng, 4 = Quan trọng; 3 = bình thường; 2= ít quan trọng; 1 = không quan trọng)

Giải pháp	Mức độ đánh giá quan trọng của giải pháp					Điểm Trung bình
	5	4	3	2	1	
1. Tăng cường năng lực, nghiệp vụ, chuyên môn xử lý tình huống để nhà báo có thể tự bảo vệ bản thân hiệu quả trong quá trình tác nghiệp, đặc biệt tác nghiệp trong tình huống nguy hiểm	41,8	47,6	9,6	1,0	0	4,30
2. Tăng cường chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của nhà báo	41	46,4	11,9	0,7	0	4,28
3. Tăng cường vị thế, uy tín của nhà báo	46,6	43,5	9,2	0,7	0	4,36

Cả 3 giải pháp về tăng cường năng lực, nghiệp vụ, chuyên môn xử lý tình huống, tăng cường chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, tăng cường vị thế, uy tín của nhà báo đều được đánh giá là những giải pháp rất quan trọng, với mức điểm trung bình đánh giá đạt trên 4,28/5 điểm. Trong 3 giải pháp này, NTL cho rằng giải pháp tăng cường vị thế, uy tín của nhà báo là quan trọng nhất, với trên 90% NTL đánh giá “quan trọng” và “rất quan trọng”, điểm trung bình đánh giá đạt 4,36/5 điểm.

Một số gợi ý về giải pháp đối với nhà báo từ chính gợi ý của NTL là nhà báo và cán bộ quản lý báo chí như sau:

- *Nâng cao nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp, tránh các hành vi tác nghiệp vi phạm đạo đức báo chí gây hiểu lầm hoặc tạo mâu thuẫn với cơ quan, tổ chức.*
- *Học hỏi các kỹ năng tự bảo vệ và xử lý tình huống nguy hiểm khi tác nghiệp.*
- *Tận dụng công nghệ để bảo vệ bản thân: Sử dụng công nghệ ghi hình, livestream khi gặp tình huống bị cản trở trái phép, ghi lại bằng chứng để làm cơ sở pháp lý khi cần thiết.*
- *Chủ động báo cáo khi bị đe dọa: Không im lặng trước những hành vi vi phạm quyền tác nghiệp để bảo vệ bản thân và đồng nghiệp.*
- *Quan trọng nhất là chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng mềm của nhà báo được phát huy đúng trong từng tình huống. Cùng với đó là nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vấn đề này.*
- *Nâng cao nhận thức pháp luật: Mỗi nhà báo cần trang bị kiến thức về luật pháp để biết quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi tác nghiệp.*
- *Giữ vững đạo đức nghề nghiệp: Làm báo phải trung thực, khách quan, tránh đưa tin sai sự thật hoặc bị lợi dụng để phục vụ lợi ích cá nhân.*
- *Chủ động tự bảo vệ mình: Khi đi tác nghiệp tại các điểm nóng, nhà báo cần có biện pháp an toàn, thông báo với cơ quan chủ quản hoặc đi cùng nhóm để giảm rủi ro.*

Như đã đề cập ở trên, giải pháp tăng cường vị thế, uy tín của nhà báo được đánh giá là quan trọng nhất trong nhóm giải pháp dành cho nhà báo. Nhằm làm rõ hơn những nội dung cần ưu tiên tăng cường, củng cố năng lực cho nhà báo góp phần nâng cao vị thế nhà báo. (Chi tiết dữ liệu tại Phụ lục 1 - Bảng C5)

Bảng dữ liệu trên đưa ra 6 gợi ý về những phẩm chất, đức tính, giá trị nhà báo cần có và cần trang bị, cần hướng đến nhằm nâng cao vị thế và uy tín của nhà báo. Cả 6 phẩm chất, đức tính hay giá trị này đều nhận được đánh giá với điểm trung bình đánh giá rất cao (từ 4,38/5 điểm) trở lên, tương ứng với tỉ lệ đánh giá “quan trọng” và “rất quan trọng” đạt trên 89% trở lên. Trong số 6 phẩm chất, giá trị trên, yếu tố

nhận được sự đánh giá về mức độ quan trọng cao nhất đóng góp vào việc nâng cao vị thế của nhà báo là tính trách nhiệm: chịu trách nhiệm trước pháp luật và xã hội về thông tin mình cung cấp. Nhà báo cần nâng cao trách nhiệm đối với thông tin mình cung cấp, vì đây chính là giá trị cốt lõi của báo chí: thông tin cần nhanh, kịp thời nhưng cũng cần khách quan và trung thực và nhà báo dám chịu trách nhiệm với thông tin mình cung cấp. Giá trị này được 91,6% NTL đánh giá ở mức “quan trọng” và “rất quan trọng” và điểm trung bình đánh giá đạt 4,52/5 điểm. Ngoài ra, nhà báo cũng rất cần tôn trọng và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp báo chí để góp phần nâng cao vị thế nghề nghiệp bản thân (91,1% NTL đánh giá ở mức “quan trọng” và “rất quan trọng”, điểm trung bình đánh giá mức độ quan trọng đạt 4,48/5 điểm).

Khi phân tích dữ liệu về điểm trung bình đánh giá tầm quan trọng của các phẩm chất, đức tính, giá trị nhà báo cần có và cần trang bị, cần hướng đến nhằm nâng cao vị thế và uy tín của nhà báo theo đặc điểm số năm công tác của NTL, kết quả được tổng hợp lại ở bảng sau:

Bảng 4.5: Điểm trung bình đánh giá phẩm chất, giá trị nhà báo cần có và cần hướng đến nhằm nâng cao vị thế nhà báo phân tích theo thâm niên công tác (điểm đánh giá từ 1 đến 5, trong đó: 5 = rất quan trọng, 4 = Quan trọng; 3 = bình thường; 2 = ít quan trọng; 1 = không quan trọng)

Mức độ đánh giá quan trọng của các phẩm chất, giá trị	Số năm công tác			
	1. Dưới 5 năm	2. Từ 5 đến dưới 10 năm	3. Từ 10 đến dưới 15 năm	4. Trên 15 năm
1. Tính độc lập, không chịu tác động từ nhóm lợi ích	4,31	4,49	4,41	4,45
2. Tính chuyên nghiệp: đưa thông tin kịp thời, khách quan	4,26	4,58	4,46	4,51
3. Tính trách nhiệm: chịu trách nhiệm trước pháp luật và xã hội về thông tin mình cung cấp	4,3	4,62	4,52	4,56
4. Tính nhân văn: đề cao giá trị con người, vì con người	4,3	4,5	4,39	4,46
5. Cam kết phục vụ lợi ích cộng đồng	4,22	4,43	4,41	4,39
6. Tôn trọng và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp báo chí	4,37	4,54	4,49	4,48

Bảng dữ liệu trên cho thấy rất rõ, nhóm nhà báo có thâm niên làm việc từ 5 năm trở lên đánh giá tầm quan trọng của các phẩm chất, giá trị nghề nghiệp của nhà báo góp phần nâng cao vị thế nhà báo thông qua điểm trung bình đánh giá mức độ quan trọng cao hơn đáng kể so với nhóm NTL có thâm niên làm việc dưới 5 năm. Những người có thâm niên làm việc nhiều năm là những người có nhiều trải nghiệm, đánh giá của họ rất đáng quan tâm, do vậy những dữ liệu trên một lần nữa khẳng định mức độ tin cậy của những giá trị, phẩm chất nhà báo rất cần được củng cố, rèn luyện và nâng cao nhằm góp phần nâng cao vị thế nhà báo, từ đó góp phần quan trọng vào bảo vệ quyền hoạt động nghề nghiệp hợp pháp của nhà báo.

4.1.2.2. Một số giải pháp từ các nước trên thế giới

a. Luật riêng và bổ sung chế tài vào Luật hình sự để bảo vệ nhà báo

Pakistan: Đạo luật Bảo vệ nhà báo và chuyên gia Truyền thông năm 2021 của Pakistan ra đời xuất phát từ sự cấp thiết phải bảo vệ quyền tự do ngôn luận trong bối cảnh các nhà báo và chuyên gia truyền thông phải đối mặt với nhiều thách thức và nguy hiểm. Trước đó, Pakistan chưa có đạo luật nào để bảo vệ nhà báo. Đạo luật Bảo vệ Nhà báo và Chuyên gia Truyền thông năm 2021 không chỉ cụ thể hóa các quyền cơ bản của nhà báo, như quyền sống và an toàn cá nhân, quyền riêng tư và bảo mật nguồn tin, mà còn quy định cơ chế điều tra, truy tố và xử phạt các hành vi đe dọa, cưỡng ép, bạo lực và ngược đãi đối với họ.

Cùng với sự ra đời của Đạo luật, nước này thành lập Ủy ban Độc lập Bảo vệ Nhà báo và Chuyên gia Truyền thông như một bước tiến quan trọng trong việc giám sát và thực thi các biện pháp bảo vệ. Có thể nói, từ khi trình dự luật bảo vệ nhà báo lên Quốc hội tháng 7/2011 cho đến khi Đạo luật được chính thức thông qua, Pakistan là quốc gia tiên phong biến các biện pháp bảo vệ thành luật. Đây là một bước đi cần thiết và có ý nghĩa để tăng cường hiệu quả bảo vệ và chấm dứt tình trạng đe dọa, cưỡng ép, lạm dụng hoặc bạo lực nào chống lại nhà báo hoặc chuyên gia truyền thông được miễn trừ khỏi việc điều tra và truy tố ngay lập tức và hiệu quả [42].

Canada: Tuy không ban hành luật riêng để bảo vệ nhà báo song Đạo luật Bảo vệ Nguồn tin Báo chí (*Journalistic Sources Protection Act - JSPA*) năm 2017 cung

cấp nhiều biện pháp bảo vệ theo luật định hơn cho các nhà báo. Luật này đã sửa đổi Luật Bằng chứng Canada và Bộ luật Hình sự, tạo ra một khuôn khổ pháp lý vững chắc để bảo vệ tính bí mật của nguồn tin báo chí. Luật cho phép các nhà báo không tiết lộ thông tin hoặc tài liệu có thể xác định nguồn tin, trừ khi việc tiết lộ là cần thiết vì lợi ích công cộng và không thể thu thập thông tin bằng bất kỳ phương tiện hợp lý nào khác. Luật cũng quy định rằng chỉ có thẩm phán của Tòa án tối cao mới có thẩm quyền ra lệnh khám xét liên quan đến nhà báo. Lệnh khám xét chỉ được ban hành khi thẩm phán xác định rằng không có cách nào khác để thu thập thông tin và lợi ích công cộng trong việc điều tra tội phạm lớn hơn quyền riêng tư của nhà báo. Thẩm phán cũng phải đồng ý rằng các điều kiện tương tự được áp dụng trước khi các nhân viên điều tra có thể kiểm tra, sao chép tài liệu thu được theo lệnh khám xét liên quan đến nhà báo. Luật thiết lập một sự cân bằng giữa việc bảo vệ tính bí mật của nguồn tin và việc đảm bảo lợi ích công cộng trong việc quản lý tư pháp và điều tra tội phạm. Điều này đảm bảo rằng quyền tự do báo chí không bị lạm dụng, đồng thời bảo vệ các nguồn tin khỏi bị tiết lộ một cách không cần thiết. Luật Bảo vệ nguồn tin báo chí của Canada là một bước tiến quan trọng trong việc bảo vệ quyền tự do báo chí và quyền tiếp cận thông tin của người dân. Luật này tạo ra một môi trường an toàn cho các nhà báo và nguồn tin, từ đó khuyến khích việc đưa tin về các vấn đề quan trọng của xã hội [43].

Armenia: Nước này đã hình sự hóa hành vi cản trở hoạt động nghề nghiệp hợp pháp của các nhà báo. Năm 2009, Quốc hội nước này đã phê chuẩn bổ sung Điều 164 trong Bộ Luật Hình sự của Armenia về tội “*Cản trở các hoạt động nghề nghiệp hợp pháp của nhà báo*”. Năm 2021, Luật Hình sự sửa đổi của Armenia đã đưa ra mức hình phạt nghiêm khắc hơn đối với hành vi cản trở hoạt động nghề nghiệp hợp pháp của nhà báo. Các sửa đổi cũng quy định về trách nhiệm hình sự đối với cùng một hành vi phạm tội do một quan chức chính phủ thực hiện. Theo đó, Điều 164 của Luật Hình sự có hai nội dung: 1) Hành vi cản trở hoạt động nghề nghiệp hợp pháp của nhà báo, hoặc ép buộc nhà báo phổ biến thông tin hoặc không phổ biến thông tin, bị phạt tiền từ 50 đến 150 mức lương tối thiểu, hoặc cải tạo lao động đến 1 năm; 2) Các hành vi tương tự do một công chức thực hiện, lợi dụng chức vụ, quyền hạn, bị phạt cải tạo

lao động đến 2 năm, hoặc phạt tù đến 3 năm, đồng thời có thể bị tước quyền đảm nhiệm chức vụ hoặc hành nghề nhất định đến 3 năm, hoặc không bị tước [55].

b. Xây dựng kế hoạch hành động quốc gia, Ủy ban quốc gia về An toàn nhà báo và nhóm An toàn cho nhà báo

Đây là một chiến lược do UNESCO (cơ quan phụ trách báo chí của Liên hợp quốc) khởi xướng toàn diện nhằm bảo vệ sự an toàn của các nhà báo, đồng thời giải quyết vấn đề tội phạm chống lại nhà báo không bị trừng phạt. Kế hoạch này là sự hợp tác giữa các cơ quan Liên hợp quốc, chính phủ các nước, giới truyền thông và các tổ chức xã hội dân sự. Theo đó, các quốc gia thành viên xây dựng Kế hoạch riêng nhằm bảo vệ các nhà báo và những người làm việc trong lĩnh vực truyền thông khỏi các mối đe dọa, bạo lực và hành vi quấy rối liên quan đến công việc của họ. Một số nước tiêu biểu tham gia vào chiến lược này: Đan Mạch, Vương quốc Anh và Bắc Ireland, Thụy Sĩ, Somalia, Philippines...

Đan Mạch: Trong bối cảnh toàn cầu, ngành báo chí đã trải qua những biến đổi sâu sắc, đặc biệt với sự trỗi dậy của các nền tảng trực tuyến, làm gia tăng các thách thức, tạo điều kiện cho sự lan tràn của lời lẽ thù hận và các mối đe dọa. Song song với đó, tính chất xuyên biên giới và điều tra của báo chí hiện đại đã khiến các nhà báo, đặc biệt ở châu Âu, trở thành mục tiêu của các hành vi đe dọa và xâm hại nghiêm trọng. Tình hình chiến sự gần đây ở Ukraine càng làm nổi bật sự mong manh và dễ bị tổn thương của các nhà báo khi tác nghiệp trong môi trường nguy hiểm. Các tổ chức quốc tế như Hội đồng châu Âu và Liên Hợp Quốc đã đưa ra những khuyến nghị và kế hoạch hành động nhằm tăng cường an toàn cho nhà báo và chống lại tình trạng impunity (không bị trừng phạt). Kế hoạch Hành động Quốc gia của Đan Mạch năm 2022 là sự cụ thể hóa những nỗ lực này, nhằm tạo môi trường an toàn hơn cho nhà báo tại Đan Mạch và lan tỏa thông điệp này đến các quốc gia khác. Kế hoạch hành động tập trung vào giám sát các hành vi xâm hại nhà báo. Một địa chỉ email chuyên dụng được thiết lập để nhà báo báo cáo các vụ việc. Liên đoàn nhà báo Đan Mạch (DJ) và Phương tiện truyền thông Đan Mạch (DM) sẽ phối hợp phân loại các báo cáo,

đánh giá mức độ nghiêm trọng và khả năng cần báo cáo cảnh sát. Định kỳ 6 tháng, DJ và DM sẽ tổng hợp báo cáo về các trường hợp đã xử lý [99].

Vương quốc Anh và Bắc Ireland: Vương quốc Anh và Bắc Ireland đã thể hiện cam kết bảo vệ nhà báo thông qua việc thành lập các cơ chế cụ thể và ban hành các kế hoạch hành động chi tiết. Những sáng kiến này bao gồm Ủy ban Quốc gia về An toàn cho Nhà báo, Kế hoạch Hành động Quốc gia về An toàn cho Nhà báo, và Nhóm An toàn Nhà báo. Đây là một hệ thống bảo vệ đa tầng, được thiết kế để giám sát, điều phối và phản ứng nhanh chóng trong các tình huống nguy hiểm đối với nhà báo. Ủy ban Quốc gia về An toàn cho Nhà báo được thành lập vào năm 2020 có nhiệm vụ chính là đánh giá các biện pháp bảo vệ nhà báo tại Vương quốc Anh và giám sát việc thực hiện Kế hoạch Hành động Quốc gia về An toàn cho Nhà báo. Ủy ban tổ chức họp định kỳ hai năm một lần, với sự tham gia của đại diện từ các tổ chức xã hội dân sự, cơ quan chính phủ, công ty truyền thông, hiệp hội báo chí và các tổ chức liên chính phủ.

Kế hoạch Hành động Quốc gia về An toàn cho Nhà báo có hiệu lực từ năm 2021, với năm mục tiêu cốt lõi: nâng cao nhận thức về các mối đe dọa và rủi ro đối với nhà báo; tăng cường phản ứng của hệ thống tư pháp hình sự đối với các hành vi xâm phạm nhà báo; hỗ trợ nhà báo và các tổ chức báo chí trong việc xây dựng các biện pháp bảo vệ an toàn cá nhân; giải quyết vấn đề lạm dụng trên các nền tảng trực tuyến nhằm ngăn chặn quấy rối và bạo lực mạng; và nâng cao sự công nhận của công chúng về tầm quan trọng của báo chí trong xã hội. Kế hoạch này được thực hiện thông qua sự phối hợp của cảnh sát, các nhà tuyển dụng trong ngành báo chí, các tổ chức truyền thông, các cơ quan chính phủ, đặc biệt là Bộ Kỹ thuật số, Văn hóa, Truyền thông & Thể thao, Liên đoàn Nhà báo Quốc gia và các tổ chức xã hội dân sự.

Nhóm An toàn Nhà báo được thành lập vào năm 2021 nhằm cung cấp phản ứng nhanh và hỗ trợ khẩn cấp cho các nhà báo trong trường hợp gặp nguy hiểm. Nhóm vận hành đường dây nóng hoạt động 24/7 để tiếp nhận và xử lý các vụ việc khẩn cấp. Nhóm bao gồm chuyên gia an ninh, sĩ quan phòng chống tội phạm, các thám tử chuyên về tình báo và điều tra, và sĩ quan an toàn nhà báo. Nhóm họp ít nhất

mỗi quý một lần nhưng có thể triệu tập khẩn cấp khi cần thiết, và Sở Cảnh sát Bắc Ireland chịu trách nhiệm thực thi các biện pháp bảo vệ do nhóm đề xuất [101].

c. Tăng cường hợp tác trong nước giữa các bên liên quan

Việc tăng cường hợp tác giữa các bên liên quan trong nội bộ mỗi quốc gia tập trung vào đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan thực thi pháp luật và các tổ chức báo chí để phản ứng kịp thời và hiệu quả trước các mối đe dọa, hành vi quấy rối hoặc tấn công nhà báo. Thỏa thuận giữa các bên liên quan trong Latvia là một điển hình cho việc tạo ra một mạng lưới bảo vệ chính thức trong nội bộ quốc gia, giúp các nhà báo hoạt động trong môi trường an toàn hơn.

Hợp tác về an toàn của nhà báo tại Latvia là một thỏa thuận được ký kết giữa Hiệp hội Nhà báo Latvia, Liên minh Nhà báo Latvia và Cảnh sát Nhà nước. Mục tiêu của thỏa thuận này là đảm bảo sự hợp tác hiệu quả trong việc bảo vệ các nhà báo, đặc biệt trong bối cảnh họ phải đối mặt với các mối đe dọa và tấn công. Bản ghi nhớ thực hiện một số biện pháp để ngăn ngừa và bảo vệ các cuộc tấn công chống lại các nhà báo. Một đường dây nóng điện thoại đã được triển khai để các nhà báo và hiệp hội nhà báo có thể liên lạc trực tiếp để báo cáo các mối đe dọa. Một người liên lạc đã được thiết lập trong Cảnh sát Nhà nước dành riêng cho các nhà báo cần phản ứng bảo vệ ngay lập tức từ cảnh sát trong trường hợp có mối đe dọa sắp xảy ra. Bản ghi nhớ hoạt động ở cấp quốc gia và tìm cách thiết lập một hệ thống thường trực cho các cơ quan thực thi pháp luật để điều tra khiếu nại của các nhà báo. Các hoạt động chủ yếu được thực hiện bởi Cảnh sát Nhà nước [102].

4.2. Một số giải pháp tăng cường bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam trong thời gian tới

4.2.1. Hoàn thiện khung pháp lý và chế tài bảo vệ nhà báo

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung luật Báo chí 2016. Dữ liệu khảo sát cho thấy gần 90 % nhà báo đánh giá “*tăng cường thực thi pháp luật và nâng khung chế tài*” là rất quan trọng, điểm trung bình 4,31-4,33/5 điểm. Luật Báo chí đã nằm trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 nên việc đề xuất mở rộng phạm vi sửa đổi là hoàn toàn khả thi. Theo đó, một giải pháp mang tính chiến lược và thể hiện

sự coi trọng và cam kết mạnh mẽ của Nhà nước đối với việc bảo vệ nhà báo là nghiên cứu xây dựng một Bộ quy tắc về bảo vệ nhà báo trong quá trình tác nghiệp (*Xem đề xuất Bộ Quy tắc bảo vệ nhà báo trong quá trình tác nghiệp- Phụ lục 10*), hoặc bổ sung một chương riêng trong Luật Báo chí về vấn đề này. Văn bản pháp lý này có thể tập trung quy định về các biện pháp bảo vệ cụ thể đối với nhà báo trong quá trình tác nghiệp, đặc biệt là khi họ phải đối mặt với các nguy cơ, đe dọa. Nội dung của văn bản này có thể bao gồm các quy định về bảo vệ an toàn cá nhân, bảo vệ thông tin cá nhân, hỗ trợ pháp lý, cơ chế giải quyết khiếu nại và tố cáo liên quan đến hành vi cản trở, xâm phạm quyền tác nghiệp của nhà báo... Luật Báo chí hiện hành cần được rà soát để quy định cụ thể hơn về các quyền và nghĩa vụ của nhà báo trong bối cảnh mới. Quyền tiếp cận thông tin, quyền thu thập, xử lý và truyền tải thông tin, quyền bảo vệ nguồn tin cần được pháp luật bảo đảm một cách rõ ràng và hiệu quả. Bên cạnh đó, Luật Báo chí cần bổ sung quy định quyền và nghĩa vụ, cách thức tác nghiệp của những người hoạt động báo chí nhưng chưa được cấp thẻ, đồng thời quy định rõ những người này tác nghiệp bằng giấy giới thiệu của cơ quan báo chí, yêu cầu đối với giấy giới thiệu để thống nhất áp dụng thực hiện.

Thứ hai, cần có sự đồng bộ giữa Luật Báo chí với các luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Báo chí, Luật Tổ tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính với Luật Tổ chức Tòa án, Luật Phòng, chống tham nhũng theo hướng quy định rõ hơn về phạm vi và điều kiện tác nghiệp của nhà báo đảm bảo quá vai trò giám sát của báo chí đối với hoạt động tư pháp. Cần bổ sung các điều khoản cụ thể trong Luật Phòng, chống tham nhũng hoặc Luật Báo chí về việc bảo vệ nhà báo là với vai trò là người tố cáo, đồng thời xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan báo chí, cơ quan điều tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật để đảm bảo an toàn cho nhà báo trong quá trình tác nghiệp và sau khi công bố thông tin.

Thứ ba, một trong những rào cản lớn hiện nay là sự hạn chế trong việc tiếp cận thông tin từ các cơ quan công quyền. Mặc dù Luật Tiếp cận Thông tin đã có hiệu lực từ năm 2018, việc thực thi còn hình thức, nhiều cơ quan vẫn né tránh hoặc trì hoãn việc cung cấp thông tin. Do đó, cần có các cơ chế ràng buộc pháp lý bắt buộc các cơ

quan chức năng phản hồi báo chí trong một thời hạn cụ thể. Đồng thời, phải xử lý nghiêm các hành vi từ chối cung cấp thông tin một cách vô lý, phân biệt hoặc trái quy định pháp luật. Ngoài ra, các cơ quan nhà nước cần chủ động công khai, minh bạch thông tin chính thống để giảm thiểu tình trạng lan truyền tin sai sự thật do thiếu nguồn xác thực. Đây cũng là một phần trong trách nhiệm giải trình của cơ quan công quyền trước công luận.

Thứ tư, tăng chế tài xử phạt nặng đối với những hành vi bạo lực, gây thương tích nghiêm trọng đối với nhà báo khi đang thực hiện tác nghiệp hợp pháp. Nghị định 14/2022 đã nâng mức phạt hành chính đối với hành vi cản trở tác nghiệp, cho thấy Chính phủ sẵn sàng sử dụng công cụ điều hành để bảo vệ báo chí. Tuy nhiên, thực tế vẫn diễn ra những vụ việc cản trở có tính chất có tổ chức, sử dụng hung khí và tấn công gây thương tích. Kinh nghiệm của Armenia chứng minh, hình sự hóa hành vi cản trở phóng viên làm giảm đáng kể tái phạm, đặc biệt khi hành vi đó nếu do công chức thực hiện phải bị tăng nặng. Ở Việt Nam, tuy số vụ vi phạm có xu hướng giảm, khảo sát vẫn chỉ ra nhu cầu “*tăng nặng chế tài*” trên 90 % số ý kiến. Việc bổ sung một điều khoản vào Chương XXII BLHS (tội xâm phạm hoạt động tư pháp) tạo hàng rào tâm lý rắn đẽ, đồng thời không làm xáo trộn cấu trúc luật.

Thứ năm, khác với môi trường truyền thông, không gian mạng tiềm ẩn vô số nguy cơ khó lường như tấn công mạng, quấy rối, đe dọa, vu khống, xâm phạm quyền riêng tư và nhiều hình thức gây cản trở khác. Việc chậm trễ trong việc hoàn thiện khung pháp lý để điều chỉnh các hoạt động này đang tạo ra những rào cản không nhỏ cho sự phát triển lành mạnh của báo chí trực tuyến và gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự an toàn của nhà báo. Do đó, việc nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp luật trong môi trường trực tuyến trở thành một nhiệm vụ cấp bách, đòi hỏi sự vào cuộc của các cơ quan quản lý nhà nước và sự chung tay của toàn xã hội. Luật An ninh mạng cần được rà soát và bổ sung để bao quát đầy đủ các hành vi tấn công mạng nhằm vào cơ quan báo chí và nhà báo, đồng thời có những chế tài đủ mạnh để xử lý các hành vi vi phạm. Bên cạnh đó, cần xây dựng các quy định cụ thể về phòng chống quấy rối trực tuyến, định nghĩa rõ ràng các hành vi bị coi là quấy rối và quy định các

biện pháp xử lý hành chính, thậm chí là hình sự đối với những hành vi này, tùy theo mức độ nghiêm trọng. Một yếu tố quan trọng khác trong việc bảo vệ nhà báo trong môi trường trực tuyến là xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả với các nền tảng mạng xã hội. Các nền tảng này ngày càng đóng vai trò trung tâm trong việc lan tỏa thông tin, nhưng đồng thời cũng là nơi các hành vi xâm phạm quyền của nhà báo dễ dàng xảy ra. Do sự khác biệt về luật pháp và cơ chế quản lý giữa các quốc gia, việc xử lý các hành vi vi phạm trên các nền tảng này thường gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, việc thiết lập kênh liên lạc trực tiếp và thường xuyên giữa các cơ quan chức năng của Việt Nam với các nền tảng mạng xã hội là vô cùng cần thiết. Đồng thời, cần có các quy định pháp lý yêu cầu các nền tảng mạng xã hội hoạt động tại Việt Nam phải có trách nhiệm hơn trong việc ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm quyền của nhà báo, xây dựng cơ chế báo cáo và xử lý khiếu nại hiệu quả, nhanh chóng.

4.2.2. Thiết lập cơ chế bảo vệ thực chất và hiệu quả

Đối với các tình huống nhà báo bị đe dọa trong quá trình điều tra các vụ việc nhạy cảm, cần thiết lập cơ chế bảo vệ khẩn cấp. Cơ chế này bao gồm đường dây nóng tiếp nhận thông tin, cơ chế xử lý nhanh của công an địa phương, và sự can thiệp kịp thời từ các tổ chức báo chí nghề nghiệp. Song song đó, bảo vệ nhà báo trên không gian mạng cũng là một ưu tiên mới trong bối cảnh số hóa. Các cơ quan chức năng cần chủ động giám sát và xử lý những hành vi bôi nhọ, đe dọa nhà báo trên mạng xã hội, đồng thời phối hợp với các nền tảng công nghệ để gỡ bỏ nội dung độc hại. Một hình thức bảo vệ khác mang tính biểu tượng và răn đe là xét xử công khai các vụ án liên quan đến hành vi tấn công nhà báo. Việc này không chỉ góp phần bảo vệ quyền lợi cho người bị hại mà còn tạo thông điệp rõ ràng về cam kết bảo vệ tự do báo chí của nhà nước.

Luận án đề xuất một giải pháp tích hợp “ba lớp” bảo vệ dành cho nhà báo khi rơi vào tình huống khẩn cấp hoặc đặc biệt nguy hiểm, cần có sự can thiệp kịp thời - đồng thời đảm bảo chứng cứ được bảo toàn - trách nhiệm được xác định rõ ràng.

Thứ nhất, lớp phản ứng khẩn cấp là đường dây nóng/ ứng dụng khẩn cấp hoạt động 24/7. Khi phóng viên gặp cản trở, họ chỉ cần gọi hotline hoặc bấm nút SOS trên

ứng dụng di động; tín hiệu lập tức đi tới ba trung tâm: (i) Trung tâm điều hành của Hội Nhà báo Việt Nam (VJA) để xác minh thể nghề; (ii) Trục ban Cảnh sát 113 tại địa phương gần nhất để điều lực lượng bảo vệ; (iii) Văn phòng UBND tỉnh/thành phố để kích hoạt cơ chế hỗ trợ hành chính (cấp thẻ tạm, giấy giới thiệu số). Quy trình này tận dụng hạ tầng tổng đài sẵn có, nên chi phí đầu tư thêm chủ yếu là phần mềm định tuyến cuộc gọi và tập huấn nhân sự - khả thi trong vòng 6 tháng nếu Bộ TT&TT cấp kinh phí từ Quỹ dịch vụ viễn thông công ích.

Thứ hai, lớp ghi nhận và lưu trữ chứng cứ được thiết kế dưới dạng công dữ liệu “Báo cáo sự cố tác nghiệp”. Ngay khi cuộc gọi SOS khởi tạo, ứng dụng “Press Evidence” trên điện thoại phóng viên tự động đồng bộ video, ảnh và tọa độ GPS lên máy chủ đặt tại VJA; đồng thời khóa file cục bộ bằng mã hóa đầu cuối để tránh phá hoại. Cơ sở dữ liệu này phục vụ ba mục đích: (1) bằng chứng điều tra, (2) thống kê làm cơ sở chính sách và (3) nghiên cứu xu hướng rủi ro nghề nghiệp. Để bảo vệ dữ liệu cá nhân, công áp dụng tiêu chuẩn quốc tế về thông tin và quản lý an toàn thông tin ISO/IEC 27001, tách riêng bảng danh tính và nội dung, chỉ mở quyền truy cập có thời hạn cho cơ quan tổ tụng.

Thứ ba, lớp điều tiết trách nhiệm dựa trên Quy chế phối hợp liên ngành ký giữa Bộ Công an, Bộ TT&TT và VJA. Quy chế quy định rõ: cảnh sát có mặt trong ≤ 15 phút tại khu vực nội thành và ≤ 35 phút tại khu vực nông thôn; trường hợp chậm quá thời hạn, Công an cấp tỉnh phải gửi báo cáo giải trình cho Bộ Công an trong 48 giờ. VJA chịu trách nhiệm đánh giá sơ bộ tính hợp pháp của hoạt động tác nghiệp, còn Sở TT&TT thu thập phản hồi của chính quyền sở tại để điều chỉnh quy trình. Cơ chế này phù hợp đặc thù quản lý Việt Nam, vì giữ được “một đầu mối” Nhà nước (Bộ Công an) song vẫn phát huy vai trò tổ chức xã hội - nghề nghiệp (VJA).

Cơ chế “ba lớp” này không chỉ đáp ứng nhu cầu an toàn nghề nghiệp đang gia tăng, mà còn phù hợp bối cảnh Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi sang chính phủ số: tận dụng hạ tầng hiện hữu, tối ưu chi phí, giảm thủ tục, song vẫn đảm bảo tính rắn đẽ và trách nhiệm giải trình minh bạch.

4.2.3. Nhà báo thường xuyên trau dồi năng lực chuyên môn và đạo đức báo chí

Khảo sát cho thấy 89 % nhà báo coi “*tăng cường kỹ năng tự bảo vệ*” là rất quan trọng, điểm trung bình 4,30/5 điểm. Do đó nên áp dụng chuẩn *Hostile Environment & First-Aid Training* (HEFAT) là một chương trình đào tạo chuyên biệt được thiết kế cho cá nhân làm việc trong môi trường có rủi ro cao hoặc nguy hiểm. Nó kết hợp các yếu tố nhận thức rủi ro, giao thức an ninh và các kỹ năng sơ cứu nâng cao, đặc biệt là đối với các tình huống liên quan đến chấn thương và bạo lực. Chương trình này được áp dụng cho các nhà báo điều tra và tác nghiệp hiện trường.

Để bảo đảm quyền tác nghiệp hợp pháp, nhà báo trước hết cần thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 25 Luật Báo chí và Điều 86 Luật Phòng, chống tham nhũng. Việc hành nghề đúng pháp luật là cơ sở để yêu cầu các cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin không thuộc danh mục bí mật nhà nước, bí mật đời tư hoặc các loại bí mật khác theo quy định hiện hành; đồng thời giúp phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi cản trở, đe dọa hoặc xâm hại nhà báo. Bên cạnh đó, mỗi nhà báo cần nắm chắc các quy định pháp luật liên quan như: Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, danh mục bí mật do Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng và Ban Nội chính Trung ương ban hành theo Quyết định 81/2013/QĐ-TTg, cũng như các quy định về bảo vệ đời tư và quyền cá nhân trong Bộ luật Dân sự 2015. Việc hiểu rõ giới hạn pháp lý không chỉ giúp nhà báo tránh rủi ro pháp lý mà còn nâng cao tính chuyên nghiệp và trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp. “*Việc nắm vững pháp luật không chỉ giúp bảo vệ bản thân mà còn giúp đảm bảo các tác phẩm báo chí có cơ sở pháp lý vững chắc, tránh bị kiện tụng hoặc lợi dụng để gây sức ép. Việc tự bảo vệ bản thân là điều vô cùng cần thiết. Như đã nói, nhà báo cần trang bị kiến thức pháp luật, có số điện thoại liên hệ khẩn cấp, và sử dụng các biện pháp bảo vệ như mang theo giấy tờ cần thiết*”. (PVS-L1, Phụ lục 5b). Một điểm cần hết sức lưu ý là trong trường hợp cần đóng giả vai để thâm nhập hiện trường, nắm giữ bằng chứng sai phạm, sử dụng các biện pháp nghiệp vụ điều tra báo chí (ghi âm, chụp ảnh...), các phóng viên cần báo cáo Ban Biên tập đồng ý về mục tiêu, kế hoạch và phương pháp tiến hành.

Các phẩm chất “*trách nhiệm - chuyên nghiệp - độc lập*” được nhóm nhà báo kỳ cựu chấm tới 4,52/5 điểm. Hội Nhà báo cần cập nhật Bộ Quy tắc đạo đức (2025) và buộc tòa soạn tổ chức workshop ½ ngày/năm cùng bài kiểm tra trực tuyến. Mỗi vi phạm đạo đức phải công bố công khai trên cổng thông tin Hội. Một trong những nguyên nhân gia tăng các vụ cản trở, hành hung nhà báo là do không ít nhà báo tự cho mình đặc quyền đặc lợi, lạm dụng nghề nghiệp của mình để trục lợi cá nhân, gây khó dễ, vùi vĩnh, hù dọa doanh nghiệp. Hình ảnh nhà báo cũng bị ảnh hưởng theo chiều hướng tích cực, dẫn đến thái độ của người dân, đặc biệt các doanh nghiệp đối với báo chí trở nên tiêu cực. Chúng ta đã có Bộ Quy tắc đạo đức người làm báo, nhiều tòa soạn cũng có bộ quy tắc riêng, nhưng nếu nhà báo không thực sự làm nghề bằng cái tâm, bằng tinh thần trách nhiệm thì quy tắc đạo đức nghề nghiệp cũng chỉ là lý thuyết suông. Bản thân các nhà báo, phóng viên cần tự ý thức xây dựng và củng cố phẩm chất nhà báo: độc lập, không chịu tác động từ các nhóm lợi ích; đưa thông tin trung thực, khách quan, kịp thời; bản lĩnh chịu trách nhiệm về thông tin mình cung cấp; đề cao giá trị con người, vì con người; vì lợi ích cộng đồng; tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp...

4.2.4. Các cơ quan báo chí chủ động, tích cực và nêu cao trách nhiệm trong thường xuyên kiểm tra, giám sát, hỗ trợ phóng viên

Thứ nhất, cơ quan báo chí phải xây dựng và đào tạo được đội ngũ phóng viên có bản lĩnh, máu nghề, am hiểu pháp luật và thực hiện chuẩn mực 10 điều Quy định đạo đức nghề nghiệp người làm báo. Muốn vậy, cơ quan báo chí phải trang bị, cập nhật kiến thức pháp lý cho phóng viên (bao gồm: thông tin về Luật Báo chí và các văn bản hướng dẫn thi hành, thực tiễn bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo...); Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về kỹ năng tác nghiệp an toàn cho nhà báo, bao gồm phổ biến kỹ năng phòng tránh rủi ro khi tác nghiệp tại các điểm nóng, kỹ năng ứng phó với các tình huống khẩn cấp, kỹ năng bảo vệ thông tin cá nhân và nguồn tin; Cung cấp cho nhà báo những kiến thức và kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin và an ninh mạng để họ có thể tự bảo vệ mình trước các nguy cơ tấn công mạng, đánh cắp thông tin hoặc quấy rối trực tuyến; Xây dựng và phổ biến các quy trình tác nghiệp an toàn cho nhà báo, đặc biệt là khi tác nghiệp ở những môi trường có nguy cơ cao.

Thứ hai, các cơ quan báo chí từ trung ương đến địa phương cần xây dựng quy trình tự bảo vệ phóng viên của mình chặt chẽ hơn. Để thực hiện được quy trình này, lãnh đạo cơ quan báo chí phải bản lĩnh, trí tuệ, đoàn kết, thống nhất trong hành động, định hướng đề tài và cũng tham gia với phóng viên trong quá trình điều tra; cùng tham gia tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện đề tài. Cơ quan báo chí nếu chọn tuyển bài điều tra để thực hiện phải đi đồng hành với phóng viên, đi đến cùng sự việc. Trước hết, phải đảm bảo kiểm soát được các hành động của các phóng viên tại hiện trường tránh trường hợp phóng viên vi phạm pháp luật khi tác nghiệp mà toà soạn không hay. Khi phóng viên gặp sự cố, bị hành hung trong quá trình hành nghề hợp pháp, hơn ai hết, Ban biên tập phải kịp thời tìm hiểu vụ việc, triển khai quy trình xử lý tình huống trong thời gian ngắn nhất để bảo vệ phóng viên. Có như vậy mới đảm bảo được an toàn cho phóng viên và bảo vệ uy tín của tờ báo.

Thứ ba, cơ quan báo chí nói chung, nhất là cơ quan báo chí ở địa phương cần xây dựng cho mình một đội ngũ tư vấn pháp luật gồm luật sư, những người công tác tại các cơ quan bảo vệ và thi hành pháp luật để đưa ra những lời khuyên pháp lý cho Ban Biên tập cũng như phóng viên về những tính huống có thể vi phạm luật trong quá trình tác nghiệp, tư vấn về phóng tránh bị hành hung... *“Báo chí tiếp xúc với rất nhiều đề tài, và mỗi công việc của nhà báo đều sẽ va chạm với các hành lang pháp lý khác nhau. Mối quan hệ giữa nhà báo với luật sư là rất hữu ích, bởi vì một nhà báo không thể giỏi mọi lĩnh vực”* - (Thảo luận nhóm - Phụ lục 4). Có thể xem xét thành lập Tổ An toàn Nhà báo nội bộ (có sự tư vấn của luật sư + chuyên viên CNTT). Theo đó, mọi nội dung có nguy cơ vi phạm luật phải có sự tư vấn từ Tổ An toàn nhà báo nội bộ trước khi phát sóng/đăng tải để đánh giá rủi ro pháp lý và phản ứng. Ngoài ra, đơn vị này có thể trực tư vấn pháp lý cho nhà báo, hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực và tư duy pháp lý cho nhà báo và cũng lãnh đạo hỗ trợ các thủ tục pháp lý trong trường hợp vụ việc cản trở được đưa ra xử lý.

Thứ tư, lãnh đạo cơ quan báo chí phải xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình phối hợp đồng bộ với cơ quan chức năng (công an, Viện kiểm sát, Toà án, chính quyền các cấp...) để kịp thời chỉ đạo, xử lý khi có tình huống xảy ra. Bên cạnh đó,

phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Nhà nước để thực hiện Quy chế phát ngôn theo quy định của pháp luật, bảo đảm nguồn thông tin chính thống, tạo điều kiện cho báo chí thực hiện nhiệm vụ thuận lợi, an toàn, hiệu quả.

Thứ năm, đối với các vụ việc vi phạm, các cơ quan thông tin đại chúng cần tăng cường thời lượng và chất lượng các chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật về báo chí và bảo vệ nhà báo đến đông đảo người dân. Nội dung cần được thể hiện một cách dễ hiểu, sinh động, thu hút sự quan tâm của công chúng. Thêm nữa, có một số trường hợp hợp báo bị hành hung khi tác nghiệp do động cơ và mục đích không trong sáng. Điều cần thiết là các cơ quan báo chí phải công khai minh bạch về những vụ việc này để công chúng hiểu về nghề báo và những người làm báo

4.2.5. Nâng cao nhận thức xã hội, xây dựng văn hóa tôn trọng và bảo vệ nhà báo trong xã hội

Việc bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo không thể chỉ dựa vào cơ chế pháp lý hay quy định hành chính, mà còn cần một nền tảng nhận thức xã hội sâu sắc, rộng khắp về vai trò, chức năng và trách nhiệm xã hội của báo chí. Trong cuộc khảo sát của chúng tôi về những nguyên nhân được liệt kê ở bảng dưới đây ảnh hưởng đến hiệu quả của việc bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam, kết quả thu nhận được lần lượt là 3,72/5 và 3,71/5 cho nội dung người dân nói chung chưa biết/ hiểu về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo cũng như các quy định xử lý đối với hành vi cản trở tác nghiệp báo chí, coi thường pháp luật. Trong các cuộc trao đổi tìm ra nguyên nhân của tình trạng cản trở nhà báo tác nghiệp, NLT đều chỉ ra nhận thức của người dân là một trong những yếu tố “*Nguyên nhân sâu xa dẫn đến điều này có thể từ trình độ dân trí và hệ thống pháp lý chưa đủ mạnh để bảo vệ hoạt động báo chí. Chưa có những cơ chế đủ rõ ràng về quyền tiếp cận thông tin, quyền bảo vệ nguồn tin, khiến cho nhiều người vẫn cho rằng nhà báo chỉ đơn thuần là những người “soi mói”, “đào bới” thông tin tiêu cực. Thực tế này được nuôi dưỡng bởi văn hóa ứng xử thiếu cởi mở, tâm lý né tránh sự thật và sự ngại va chạm với các vấn đề nhạy cảm. Để thay đổi nhận thức này, cần một quá trình giáo*

dục lâu dài, từ việc nâng cao trình độ pháp luật cho công chúng đến việc cải thiện chất lượng báo chí.” - (Thảo luận nhóm - Phụ lục 4)

Rõ ràng, tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong xã hội là rất quan trọng. Chỉ khi xã hội và bản thân người làm báo hiểu biết các quy định, họ mới biết mình được làm gì và không được làm gì và hình phạt khi vi phạm. Cũng phải nhìn nhận rằng, không phải chúng ta không truyền thông các văn bản quy phạm pháp luật khi xây dựng đều lấy ý kiến nhân dân, đăng trên các phương tiện thông tin đại chúng, thậm chí được xây dựng thành chuyên mục để thông tin sâu hơn, nhiều trang tin điện tử của các cơ quan nhà nước cũng lưu trữ đầy đủ các văn bản quy phạm và cho phép truy cập miễn phí, song hiệu quả không cao. Ở đây đặt ra yêu cầu cần nghiên cứu, xem xét để đổi mới hình thức truyền thông. Chẳng hạn: Thực hiện các chiến dịch truyền thông trên các phương tiện đại chúng nhằm nhấn mạnh vai trò then chốt của báo chí trong bảo vệ lợi ích công, giám sát quyền lực, phản biện chính sách và thúc đẩy minh bạch. Đặc biệt, cần làm rõ rằng việc bảo vệ nhà báo không phải là đặc quyền, mà là một phần thiết yếu để bảo vệ quyền được thông tin của công dân; Xây dựng hình ảnh nhà báo Việt Nam trong các bộ phim với tính cách năng động, đạo đức trong sáng, có tâm và say mê nghề nghiệp, nhanh nhạy trong tiếp cận thông tin... khơi dậy sự đồng cảm và hiểu biết về tính đặc thù, áp lực và nguy cơ mà nhà báo phải đối mặt; Lồng ghép nội dung về quyền tự do báo chí, vai trò của báo chí trong xã hội dân chủ và nguyên tắc tiếp cận thông tin vào chương trình giáo dục phổ thông, đại học và đào tạo cán bộ. Đặc biệt, trong môn học về pháp luật báo chí và đạo đức báo chí, các trường đại học, cao đẳng có chuyên ngành báo chí cần tổ chức các buổi nói chuyện, giao lưu giữa nhà báo với sinh viên, học sinh các vào chương trình đào tạo chính thức, giúp hiểu rõ về vai trò của báo chí và những khó khăn, thách thức mà nhà báo phải đối mặt, từ đó nâng cao sự thấu hiểu và tôn trọng đối với nghề báo.

Bên cạnh đó, đối với công an, chính quyền địa phương - những lực lượng thường trực tiếp tương tác với nhà báo tại hiện trường - cần tổ chức các chương trình tập huấn, hướng dẫn cụ thể về: Quyền và nghĩa vụ của nhà báo theo Luật Báo chí; Trách nhiệm can thiệp, xử lý kịp thời khi có vi phạm; Cách ứng xử phù hợp với nhà báo trong quá

trình làm việc, điều tra, lấy tin. Hiểu biết của lực lượng này này không chỉ giúp giảm thiểu xung đột mà còn củng cố niềm tin của báo chí vào hệ thống công quyền.

Huy động sự tham gia của người dân trong bảo vệ nhà báo là giải pháp không chỉ có ý nghĩa hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động báo chí, mà còn là biểu hiện sinh động của một xã hội dân chủ, trong đó công dân chủ động bảo vệ quyền được thông tin của chính mình. Người dân trở thành chủ thể đồng hành cùng nhà báo thông qua: Phản ánh kịp thời các hành vi vi phạm đối với nhà báo; Lên tiếng bảo vệ nhà báo trong những trường hợp bị vu khống, bôi nhọ hoặc đe dọa; Tham gia cùng báo chí trong công cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực bằng cách cung cấp thông tin trung thực, hỗ trợ tiếp cận thực địa... Khi nhà báo được xã hội hỗ trợ, họ có thể tác nghiệp hiệu quả hơn và giảm nguy cơ bị trả đũa.

Tiểu kết chương 4

Chương 4 đã tập trung phân tích các vấn đề đặt ra và đề xuất giải pháp nhằm bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay. Trong số đó có 4 vấn đề liên quan đến việc hoàn thiện hệ thống luật bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, các vấn đề còn lại liên quan đến sự phối hợp giữa các cơ quan, thẩm quyền và cơ chế can thiệp của các tổ chức báo chí chưa đủ mạnh và vấn đề nhận thức của xã hội đối với

Để khắc phục những bất cập trên, Chương 4 đã đề xuất nhiều nhóm giải pháp cụ thể, bao gồm: (1) Hoàn thiện khung pháp lý, tăng cường chế tài xử lý vi phạm đối với các hành vi cản trở tác nghiệp của nhà báo; (2) Thiết lập cơ chế bảo vệ thực chất và hiệu quả; (3) ***Nhà báo thường xuyên trau dồi năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và đạo đức báo chí***; (4) Các cơ quan báo chí chủ động, tích cực và nêu cao trách nhiệm trong thường xuyên kiểm tra, giám sát, hỗ trợ phóng viên; và (5) Nâng cao nhận thức xã hội, xây dựng văn hóa tôn trọng và bảo vệ nhà báo trong xã hội. Ngoài ra, luận án cũng đề xuất Bộ quy tắc bảo vệ nhà báo trong quá trình tác nghiệp với nội dung cụ thể.

Những phân tích và giải pháp nêu trên cho thấy việc bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam là vấn đề phức tạp, đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan báo chí và toàn xã hội. Việc xây dựng một hành lang pháp lý đầy đủ, cơ chế bảo vệ hiệu quả, cùng với nhận thức đúng đắn của công chúng sẽ tạo tiền đề cho môi trường báo chí lành mạnh, minh bạch và bảo vệ tốt hơn quyền tác nghiệp của nhà báo.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở phân tích lý luận và khảo sát thực tiễn, luận án “Bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay” đã làm rõ nhiều nội dung quan trọng liên quan đến việc bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo trong bối cảnh chính trị, kinh tế, pháp lý và xã hội của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã khẳng định tính đúng đắn của các giả thuyết và giải đáp thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu được đặt ra.

Thứ nhất, luận án đã chứng minh được sự nhất quán của các chính sách và mức độ đồng bộ, rõ ràng của các văn bản luật và nghị định liên quan đến báo chí có mối quan hệ tỷ lệ thuận với hiệu quả bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo. Hệ thống pháp luật về báo chí ở Việt Nam đã có sự hoàn thiện đáng kể, đặc biệt là từ khi Luật Báo chí năm 2016 có hiệu lực, tạo hành lang pháp lý vững chắc để nhà báo thực hiện quyền và nghĩa vụ nghề nghiệp của mình. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy sự đồng bộ và nhất quán trong thực thi pháp luật vẫn chưa cao. Một số quy định trong Luật Báo chí, Nghị định 14/2022/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí vẫn còn chồng chéo, chưa rõ ràng, dẫn đến tình trạng các cơ quan thực thi pháp luật lúng túng trong quá trình xử lý các vụ việc cản trở nhà báo tác nghiệp. Việc thực thi pháp luật ở nhiều địa phương còn chậm chạp, thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng, khiến một số vụ việc nhà báo bị cản trở, hành hung chưa được xử lý nghiêm minh và kịp thời. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khi các quy định pháp luật được thực thi đồng bộ và nhất quán, quyền tác nghiệp của nhà báo được bảo vệ tốt hơn và niềm tin của công chúng đối với báo chí cũng được củng cố.

Thứ hai, luận án khẳng định rằng nhận thức của cộng đồng về vai trò độc lập của báo chí có ảnh hưởng trực tiếp đến tình trạng cản trở hoặc xâm phạm quyền của nhà báo. Kết quả khảo sát cho thấy, khi công chúng có thái độ tích cực và tin tưởng vào sự trung thực, khách quan của báo chí, có xu hướng bảo vệ nhà báo tốt hơn. Luận án đã làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa nhận thức của công chúng và môi trường pháp lý đối với quyền tác nghiệp của nhà báo, qua đó khẳng định tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức xã hội về tự do báo chí và quyền của nhà báo.

Thứ ba, kết quả nghiên cứu đã cho thấy rằng nhà báo sở hữu kiến thức pháp lý vững chắc và phẩm chất nghề nghiệp tốt sẽ ít có nguy cơ bị cản trở khi tác nghiệp, đồng thời có khả năng tự bảo vệ bản thân và nguồn tin hiệu quả hơn, từ đó gây dựng được uy tín tốt hơn. Những nhà báo am hiểu luật pháp, có bản lĩnh nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp thường chủ động hơn trong việc xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình tác nghiệp. Họ biết cách vận dụng các quy định của Luật Báo chí và các văn bản pháp luật liên quan để bảo vệ quyền lợi của mình khi bị cản trở hoặc đe dọa. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy không phải nhà báo nào cũng được trang bị đầy đủ kiến thức pháp lý và kỹ năng tự vệ khi xảy ra xung đột tại hiện trường. Việc đào tạo, bồi dưỡng về pháp luật, kỹ năng tác nghiệp và xử lý khủng hoảng là một trong những nội dung quan trọng cần được các cơ quan báo chí và Hội Nhà báo Việt Nam quan tâm và đẩy mạnh hơn trong thời gian tới.

Thứ tư, luận án đã làm rõ vai trò của sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý báo chí, Hội Nhà báo, cơ quan báo chí và các cơ quan chức năng trong việc bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo. Khi các cơ quan này có sự phối hợp chặt chẽ và xử lý nhanh chóng, hiệu quả, các vụ việc nhà báo bị hành hung, cản trở hoặc xâm phạm sẽ được giải quyết triệt để hơn. Thực tiễn cho thấy những vụ việc nhà báo bị cản trở hoặc đe dọa thường được xử lý hiệu quả hơn khi có sự vào cuộc quyết liệt và phối hợp chặt chẽ từ nhiều cơ quan chức năng, bao gồm công an, tòa án, Hội Nhà báo, các cơ quan quản lý báo chí, cơ quan báo chí. Tuy nhiên, sự phối hợp này vẫn chưa đồng bộ và thiếu nhất quán ở nhiều địa phương. Một số vụ việc nghiêm trọng đã không được xử lý kịp thời hoặc chỉ dừng lại ở mức phạt hành chính nhẹ, khiến tính răn đe chưa cao. Do đó, việc hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan thực thi pháp luật là một trong những giải pháp quan trọng để bảo vệ hiệu quả quyền tác nghiệp của nhà báo.

Luận án cũng trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu đặt ra. Trước hết, luận án đã làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, bao gồm các quy định pháp luật, quan điểm của Đảng và các vấn đề phát sinh trong thực tiễn bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo. Tiếp theo, luận án đã phân

tích và đánh giá thực tiễn bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo trong các sự kiện nóng, nhạy cảm tại hiện trường và trên không gian mạng. Kết quả cho thấy, các hành vi cản trở nhà báo khi tác nghiệp vẫn diễn ra phức tạp và chưa được xử lý triệt để. Cuối cùng, luận án đã đưa ra các giải pháp cụ thể để góp phần bảo vệ hiệu quả quyền tác nghiệp của nhà báo, bao gồm hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao năng lực cho nhà báo, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chức năng và nâng cao nhận thức xã hội về quyền tác nghiệp của nhà báo.

Kết quả nghiên cứu đã khẳng định tính đúng đắn của các giả thuyết nghiên cứu, đồng thời cung cấp các căn cứ khoa học và thực tiễn để đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển. Luận án có những đóng góp quan trọng về mặt lý luận và thực tiễn, làm cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo về báo chí và quyền tác nghiệp của nhà báo trong môi trường truyền thông hiện đại. Kết quả của luận án không chỉ có giá trị tham khảo cho các cơ quan quản lý báo chí, Hội Nhà báo và các cơ quan thực thi pháp luật, mà còn là tài liệu quan trọng cho các nhà báo và các tổ chức nghiên cứu về báo chí tại Việt Nam.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1. Trần Thị Phương Lan, (2021), *Chuyển đổi tác nghiệp và quản lý thông tin của toà soạn trong đại dịch Covid 19*, Hội thảo khoa học “Quản trị khủng hoảng thông tin trong bối cảnh đại dịch Covid -19), Koica & Báo Nhân dân;
2. Nguyễn Thị Trường Giang (chủ biên), Đinh Thị Xuân Hoà, Vũ Tuấn Anh, Trương Thị Hoài Trâm, Trần Thị Phương Lan, (2023), *Quản lý toà soạn hội tụ*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông;
3. Trần Thị Phương Lan, (2024), Một số vấn đề về bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo trong thời đại số, *Tạp chí Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chi-tiet-tim-kiem/-/2018/1077702/mot-so-van-%C4%91e-ve-bao-ve-quyen-hoat-%C4%91ong-nghiep-vu-hop-phap-cua-nha-bao-trong-thoi-%C4%91ai-so.aspx>;
4. Trần Thị Phương Lan, (2025), Bảo đảm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp cho nhà báo ở Việt Nam, *Tạp chí Cộng sản*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chi-tiet-tim-kiem/-/2018/1076702/bao-%C4%91am-quyen-hoat-%C4%91ong-nghiep-vu-hop-phap-cho-nha-bao-o-viet-nam.aspx>;
5. Trần Thị Phương Lan, (2025), An toàn của nhà báo trong quá trình tác nghiệp, *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông*, tháng 4/2025.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Phạm Minh Anh, (2016), *Lý thuyết xã hội học trong nghiên cứu tôn giáo*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 6 (103)
2. Ban Kiểm tra, Hội nhà báo Việt Nam, *Phụ lục Kiểm tra năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024*;
3. Dân Trí, (2025), Fanpage VTV24 và BTV Sơn lâm bị tấn công, <https://dantri.com.vn/giai-tri/fanpage-vtv24-va-btv-son-lam-bi-tan-cong-20250316171331406.htm>, truy cập ngày 15/4/2025;
4. Nguyễn Văn Dũng, (2012), *Cơ sở lý luận báo chí*, NXB Lao động;
5. Nguyễn Văn Dũng (2017), *Báo Chí Giám Sát, Phản Biện Xã Hội Ở Việt Nam*. NXB Đại Học Quốc Gia;
6. Trần Tiến Duẩn, (2006), *Nghề báo nghề nguy hiểm*. NXB Thông Tấn;
7. Đại hội đồng Liên hợp quốc, (1948), Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, Điều 19, <https://www.un.org/en/about-us/universal-declaration-of-human-rights>
8. Nguyễn Minh Đoan (2021), *Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật*, Nxb Sự Thật;
9. Nguyễn Ngọc Điệp, (2020), *Từ điển Luật pháp Việt*, NXB Thế giới;
10. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2007), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa X)*, Nxb Chính trị quốc gia;
11. Đỗ Thị Thu Hằng (chủ biên), (2015), *Giáo trình Báo chí điều tra*, NXB Lao động;
12. Nguyễn Thị Trường Giang, (2014), *100 bản quy tắc đạo đức trên thế giới*, NXB Chính trị quốc gia;
13. Đức Hiền (2015); *Nhà Báo Điều Tra*, NXB Trẻ;
14. Nguyễn Thị Trường Giang (2019), *Báo Chí Điều Tra Về Buôn Bán Trái Pháp Luật Động Vật Hoang Dã*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội;
15. Nguyễn Thị Trường Giang (Chủ biên), (2020), *Luật pháp và đạo đức báo chí*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội;

16. Vũ Công Giao, (2021), Chúng ta cần xây dựng “Nhà nước pháp quyền” hay “Xã hội pháp quyền”? Một số phân tích từ lý thuyết về “The Rule of Law”, *Thông tin khoa học xã hội*, số 3.2021;
17. Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Nhà báo Quảng Ngãi, (2017), “*Bảo vệ quyền hành nghề hợp pháp của nhà báo*”, Kỷ yếu hội thảo;
18. Hội thảo Khoa học, (2023), *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Cơ sở Khoa học và Thực tiễn Sửa đổi Luật Báo chí 2016*. Việt Nam: Bộ Thông tin và Truyền thông;
19. Phan Văn Kiên (2015), *Phản Biện Xã Hội Của Báo Chí Việt Nam Qua Một Số Sự Kiện Nổi Bật*, NXB Thông Tin Truyền Thông;
20. Nguyễn Thành Lợi (2019), *Tác Nghiệp Báo Chí Trong Môi Trường Truyền Thông Hiện Đại*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông;
21. Lê Quốc Lý, Ngô Kim Ngân (2011), *Quan Điểm Của C.Mác, PH. Ăngghen, V.I.Lenin, Hồ Chí Minh Và Đảng Cộng Sản Việt Nam Về Báo Chí*, NXB Chính Trị;
22. Lê Thị Nhã (2010), *Lao Động Nhà Báo Lý Thuyết Và Kỹ Năng Cơ Bản*, NXB Chính Trị Hành Chính.
23. Phạm Xuân Mỹ, Nguyễn Vũ Tiến, Đinh Văn Hường (2013), *Đường Lối Chính Sách Của Đảng Và Pháp Luật Của Nhà Nước Về Báo Chí, Xuất Bản; Tập 1*, NXB Thông Tin Truyền Thông;
24. Hồ Chí Minh (1959), Lời Bác Hồ Nói chuyện tại Đại hội lần thứ II HNBNV;
25. Hồ Chí Minh, 2001, *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5*, NXB Chính trị Quốc gia;
26. Hồ Chí Minh, 2001, *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 10*, NXB Chính trị Quốc gia;
27. Đỗ Chí Nghĩa (2014), *Nhà báo và sáng tạo báo chí trong tư tưởng Hồ Chí Minh: Sách chuyên khảo*. Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội;
28. Nhóm nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ về “Tăng cường vai trò của thiết chế truyền thông trong bảo vệ quyền con người và quyền công dân ở Việt Nam”, (2016), Các thiết chế bảo vệ quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam hiện nay và vai trò của thiết chế truyền thông báo chí, *Tạp chí Dân chủ & Pháp luật*, truy cập ngày 17/12/2024, <https://danchuphapluat.vn/cac-thiet-che-bao-ve-quyen-con-nguoi-quyen-cong-dan-o-viet-nam-hien-nay-va-vai-tro-cua-thiet-che-truyen-thong-bao-chi>;

29. Trần Hữu Quang (2015), *Xã hội học báo chí*, NXB Đại Học Quốc Gia
30. Hoàng Phê, (2019), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Hồng Đức;
31. Trường Phong, 2024, Việt Nam có 41.000 người làm việc trong 884 cơ quan báo chí, <https://tienphong.vn/viet-nam-hien-co-41000-nguoi-lam-viec-trong-884-co-quan-bao-chi-post1701140.tpo>, truy cập tháng 1 năm 2025;
32. Phân viện Báo chí & Tuyên truyền, (2007), *80 năm báo chí cách mạng Việt Nam - những bài học lịch sử và định hướng phát triển* (Kỷ yếu hội thảo khoa học), NXB Chính trị Quốc gia;
33. Quốc hội, (2016), *Luật Báo chí*, Mục 4, Điều 24;
34. Dương Xuân Sơn, Đinh Văn Hường, Trần Quang, (2011), *Cơ sở lý luận báo chí*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội;
35. Hồ Xuân Sơn (2003), *Nghề Nhà Báo*, NXB Văn Hóa Thông Tin;
36. Tạ Ngọc Tấn, (2006), *Cơ sở lý luận báo chí*, NXB Lý luận chính trị;
37. Tạp chí Người làm báo, Hội nhà báo Việt Nam và Hội Nhà báo Quảng Ngãi, (2017), Kỷ yếu Hội thảo “*Bảo vệ quyền hành nghề hợp pháp của nhà báo*”;
38. Hữu Thọ (1997), *Nghĩ Về Nghề Báo*, NXB Giáo Dục;
39. Hữu Thọ (2000), *Công Việc Của Người Viết Báo*, NXB Đại Học Quốc Gia;
40. Hữu Thọ (2000), *Công Việc Của Người Viết Báo*, NXB Đại Học Quốc Gia;
41. Nguyễn Vũ Tiến (2015), *Sự lãnh đạo của Đảng đối với Báo chí*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Học viện Báo chí & Tuyên truyền;
42. Toàn văn dự luật https://na.gov.pk/uploads/documents/1636461074_763.pdf, truy cập ngày 13/4/2025;
43. Toàn văn về đạo luật: lois-laws.justice.gc.ca/1cfe.torontomu.ca/1, truy cập ngày 13/4/2025;
44. Trung tâm nghiên cứu truyền thông phát triển RED Communication, (2011), *Báo cáo khảo sát, nghiên cứu về các hành vi cản trở tác nghiệp báo chí*. Hà Nội, Việt Nam: Liên hiệp Các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, tr.11-13;
45. Trung tâm nghiên cứu truyền thông phát triển RED Communication, (2013), *Sổ tay hướng dẫn xử phạt hành chính các hành vi cản trở nhà báo tác nghiệp*. Hà Nội: Bộ Thông tin và Truyền thông;

46. Trung tâm nghiên cứu truyền thông phát triển (RED Communication), (2016), *Báo cáo kết quả nghiên cứu và đóng góp thực hiện khung chính sách bảo vệ nhà báo tác nghiệp*”;
47. Trung tâm nghiên cứu truyền thông phát triển RED Communication, British Embassy Ha Noi, (2021), *Báo cáo khảo sát, nghiên cứu về các hành vi cản trở tác nghiệp báo chí*, Hà Nội, Việt Nam: Liên hiệp Các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam;
48. Nguyễn Văn Vỹ, (2021), Tiếp tục giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác báo chí hiện nay. *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, <https://tcnn.vn/news/detail/51141/Tiep-tuc-giu-vung-va-tang-cuong-su-lanh-dao-cua-Dang-doi-voi-cong-tac-bao-chi-hien-nay.html>, truy cập ngày 13/2/2025;
49. Viện Ngôn ngữ học, (2003), *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng;
50. Nguyễn Như Ý (2001), *Từ điển tiếng Việt thông dụng*, NXB Giáo dục;

Tài liệu tiếng nước ngoài

51. Albertus Makur Ernu Widodo, Mahon Nitin, (2023), *Tạp chí Luật Sharia Oikonomia*, 1 (3), 197-207 <https://doi.org/10.55849/solj.v1i3.498>;
52. Alison Hill, (2023), The writer’s digest guide to Journalism Guide;
53. Al-Moslamani, K. A. M. J, (2017), *The legal protection of journalists and media in conflict zones* (Doctoral dissertation, Brunel University), Brunel Law School.;
54. Amanullah Jawad, 20 Main Factors Which Influence Journalists and Media, https://www.academia.edu/12284600/Main_Factors_Which_Influence_Journalists_and_Media;
55. Arka News Agency, (2011), *Armenia criminalizes obstruction of legitimate professional activity of journalists*, https://arka.am/en/news/society/armenia_criminalizes_obstruction_of_legitimate_professional_activity_of_journalists/?phrase_id=2211750, truy cập ngày 15/4/2025;

56. Basyouni Hamada, (2023), *Understanding the Culture of Impunity: A Macro Perspective*, Presentation at the UNESCO's World Press Freedom Day Organized by University of Sheffield, Liverpool University and UNESCO;
57. Breed, W, (1955), Social control in the newsroom: A functional analysis. *Social Forces*, 33(4), 326-335. <https://doi.org/10.2307/2573002>;
58. Brian Hungwe, (2024), Allen Munoriyarwa, *An analysed the Law on the Protection of Professional Activity of Journalists and Lawyers Under Zimbabwe's Interception of Communications Act*, Statute Law Review, <https://doi.org/10.1093/slr/hmae018>;
59. Christof Heyns & Sharath Srinivasan, (2013), Protecting the Right to Life of Journalists: The Need for a Higher Level of Engagement, *Human Rights Quarterly* 35(2):304-332;
60. UNESCO, (2025), *Journalists killed in 2024; a heavy death toll in conflicts zone in the second year*, truy cập ngày 24/2/2025: <https://www.unesco.org/en/articles/journalists-killed-2024-heavy-death-toll-conflict-zones-second-year-running>;
61. Dale Jacquette (2007), *Journalistic Ethics: Moral Responsibility in the Media*, Pearson Education;
62. E.P. Prokhorop (2004), *Cơ sở lý luận của báo chí - tập 1*, NXB Thông Tấn;
63. Fadnes, I., Krøvel, R., & Larsen, A. G, (2020), *Introduction. In Journalist Safety and Self-Censorship* (pp. 1-12), Routledge. <https://doi.org/10.4324/9780367810139-1>;
64. Gans, H. J, (2004), *Deciding what's news: A study of CBS evening news, NBC nightly news, Newsweek, and Time*. Northwestern University Press, (Original work published 1979);
65. Grøndahl Larsen, A., Fadnes, I., & Krøvel, R, (Eds.), (2020), *Journalist Safety and Self-Censorship*. Routledge. <https://doi.org/10.4324/9780367810139>;
66. Herbert. J. Gans, (2004), *Deciding What's News: A Study of CBS Evening News, NBC Nightly News, Newsweek, and Time (Medill Visions Of The American Press)*, Northwestern University Press;

67. Heyns, C., & Srinivasan, S, (2013), Protecting the right to life of journalists: The need for a higher level of engagement. *Human Rights Quarterly*, 36(2), 304-332. <https://doi.org/10.1353/hrq.2013.0030>;
68. Ibrahim Hamada Basyouni (2022), *Journalism and Corruption: Toward a Hierarchical Universal Theory of Determinants*. IntechOpen, DOI: 10.5772/intechopen.93026;
69. Idås, T., & Backholm, K, (2017), Risk and Resilience among Journalists Covering Potentially Traumatic Events. In U. Carlsson, & R. Pöyhtäri (Eds.), *The Assault on Journalism. Building Knowledge to Protect Freedom of Expression* (pp. 235-240), Nordicom. <http://urn.fi/URN:NBN:fi-fe2020102788551>;
70. James Watson, (2008), *Media Communication: An Introduction to Theory and Process*, 3rd edn. Basingstoke and New York: Palgrave Macmillan, *European Journal of Communication*, 23(4), 44. <https://doi.org/10.1177/02673231080230040712> (Original work published 2008);
71. Joanne M. Lisosky and Jennifer R. Henrichsen. 2011. *War on words: Who should protect Journalists?*. Greenwood Publishing Group, DOI: 10.5040/9798216033806;
72. John Stuart Mill, (2005), *Bàn về tự do*, NXB Tri Thức;
73. Johnathan Peters & Edson Tandoc, (2013), *People who aren't really reporters at all, who have no professional qualifications: Defining a journalist and deciding who may claim the privileges*, https://www.academia.edu/4832619/_people_who_aren_t_really_reporters_at_all_who_have_no_professional_qualifications_defining_a_journalist_and_deciding_who_may_claim_the_privileges;
74. Larsen, A. G., Fadnes, I., & Krøvel, R, (Eds.), (2020), *Journalist safety and self-censorship*. Routledge;
75. Law Enforcement |Oxford Research Encyclopedia of Criminology, truy cập vào tháng 3 24, 2025, <https://oxfordre.com/criminology/display/10.1093/acrefore/9780190264079.001.0001/acrefore-9780190264079-e-760?p=email>

- Am83bjadiSdgU&d=/10.1093/acrefore/9780190264079.001.0001/acrefore-9780190264079-e-760;
76. Lee C. Bollinger Jr.,(1976), *Freedom of the Press and Public Access: Toward a Theory of Partial Regulation of the Mass Media*, 75 MICH. L. REV. 1,,: <https://repository.law.umich.edu/mlr/vol75/iss1/2>;
 77. Lisosky, J. M., & Henrichsen, J. R, (2011), *War on words: Who should protect journalists?*;
 78. Lohner, J., & Banjac, S, (2017), *A story bigger than your life? The safety challenges of journalists reporting on democratization conflicts*. Trong T. Hanitzsch, F. Hanusch, J. Seethaler, & P. G. Mwesige (Eds.), *Threats to journalists' safety: Global perspectives* (pp. 287-301), UNESCO;
 79. Mark Pearson (2019), *The Journalist's Guide to Media Law: A handbook for communicators in a digital world*, Allen & Unwin;
 80. Mathewson, J, (2014), *Law and ethics for today's journalist: A concise guide*. Routledge.,
 81. Milton, J, (1644), *Areopagitica: A speech of Mr. John Milton for the liberty of unlicenced printing to the Parliament of England*. London;
 82. Milton, J, (2014), *Areopagitica*, Createspace Independent Publishing Platform,;
 83. øndahl Larsen, A., Fadnes, I., & Krøvel, R, (Eds.), (2020), *Journalist Safety and Self-Censorship*. Routledge. <https://doi.org/10.4324/9780367810139>;
 84. Pearson, M., & Polden, M, (2019), *The Journalist's Guide to Media Law: A handbook for communicators in a digital world (6th ed.)*, Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781003117995>;
 85. Posetti, J., Shabbir, N., Maynard, D., & Bontcheva, K, (n.d.), (2021),*The Chilling: Global trends in online violence against women journalists Research Discussion Paper*, UNESCO, truy cập ngày 15/9/2024: <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000377223>;
 86. Posetti, J., Shabbir, N., Maynard, D., Bontcheva, K., & Aboulez, N, (2021), *The Chilling: Global Trends in Online Violence Against Women Journalists*. UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000375136>;

87. Price, M., Verhulst, S., & Morgan, L, (Eds.), (2013), *Handbook of Media Law* (1st ed.), Routledge. <https://doi.org/10.4324/9780203074572>;
88. Red Communication, British Embassy Ha Noi, (2021), *Báo cáo khảo sát, nghiên cứu về các hành vi cản trở tác nghiệp*, tr. 21-36;
89. Rowan Cruft, (2021), *Journalism and Press Freedom as Human Rights*, Journal of Applied Philosophy, DOI:10.1111/japp.12566;
90. Sarpong, G, (2022), *Keeping journalists safe online: a guide for newsrooms in West Africa & beyond*. Reuters Institute for the Study of Journalism, University of Oxford.;
91. Sharath Srinivasan, (2013), *Protecting the Right to Life of Journalists: The Need for a Higher Level of Engagement*". Human Rights Quarterly, DOI: 10.1353/hrq.2013.0030;
92. Siebert, F. S., Peterson, T., & Schramm, W, (1956), *Four theories of the press: The authoritarian, libertarian, social responsibility, and Soviet communist concepts of what the press should be and do*. Urbana: University of Illinois Press;
93. Siebert, f. S., Peterson, T., & Schramm, W, (1984), The libertarian theory of the press. In *Four Theories of the Press: The Authoritarian, Libertarian, Social Responsibility, and Soviet Communist Concepts of What the Press Should Be and Do* (pp. 39-72), University of Illinois Press. <https://doi.org/10.5406/j.ctv1nhr0v.5>;
94. Sir Robert Peel's Policing Principles - Law Enforcement Action..., truy cập vào tháng 3 24, 2025, <https://lawenforcementactionpartnership.org/peel-policing-principles/>;
95. Slavtcheva-Petkova, V., Ramaprasad, J., Springer, N., Hughes, S., Hanitzsch, T., Hamada, B., Hoxha, A., & Steindl, N, (2023), *Conceptualizing Journalists' Safety around the Globe*. Digital Journalism, 11(7), 1211-1229. <https://doi.org/10.1080/21670811.2022.2162429>;
96. Syahril. A.,(2019), *Effectiveness of Forms of Legal Protection for Journalists in carrying out their journalistic duties*, *Estudiante Law Journal*, Vol. 1 (3), tr. 754-765;

97. Thomas I. Emerson, (1970), *The system of freedom expression*, Random House;
98. UNESCO, (2015), *Protection of Journalists*, New Communication, Order Series No.4, Paris,1980 <http://www.unesco.org/new/en/communication-and-information/freedom-of-expression/safety-of-journalists/>>accessed 26 March 2015;
99. UNESCO, (2022), *Danish National Plan of Action on the Safety of Journalists and the Issue of Impunity*, <https://www.unesco.org/en/safety-journalists/un-plan-action/national-safety-mechanisms/denmark> truy cập ngày 15/4/2025;
100. UNESCO, (2022), *Knowing the truth is protect the truth*, <https://www.unesco.org/reports/safety-journalists/2022/en>;
101. UNESCO, (2022), *National Safety Mechanisms - United Kingdom of Great Britain and North Ireland*, <https://www.unesco.org/en/safety-journalists/un-plan-action/national-safety-mechanisms/unitedkingdom>, truy cập ngày 11/3/2025;
102. UNESCO, 2020, *Memorandum of Cooperation on Safety of Journalists*, <https://www.unesco.org/en/safety-journalists/un-plan-action/national-safety-mechanisms/latvia>;
103. United Nations Human Rights Office of the High Commissioner, (2023), *Expert seminar on legal and economic threats to the safety of journalists: Report of the United Nations High Commissioner for Human Rights. A/HRC/55/39*. <https://www.ohchr.org/en/events/events/2023/expert-seminar-legal-and-economic-threats-safety-journalists>;
104. Warren Breed, (2005), *Social control in newsroom*, Oxford University Press, tr.327;
105. Weaver, DH, & Willnat, L, (2014), *Nhà báo toàn cầu trong thế kỷ 21 (ấn bản lần thứ 1)*, Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781003070740>;
106. Warbler Classics, (1924), *Public Opinion (Warbler Classics Annotated Edition)*. Lippmann, Walter. Published by Warbler Classics.

Phụ lục số 1
SỐ LIỆU BẢNG HỎI

A. THÔNG TIN CỦA NGƯỜI TRẢ LỜI

Bảng A1: Giới tính

Giới tính	Số lượng	%
1. Nam	138	45,7
2. Nữ	164	54,3
Tổng	302	100

Bảng A2: Cơ quan công tác

Cơ quan công tác	Số lượng	%
1. VTV	48	15,9
2. VOV	52	17,2
3. Báo lao động	51	16,9
4. Báo điện tử Vietnamnet	58	19,2
5. Khác	93	30,8
Tổng	302	100

Bảng A3: Vị trí công việc ông/bà đang đảm nhận

Cơ quan công tác	Số lượng	%
1. Phóng viên	187	62,3
2. Biên tập viên	67	22,4
3. Cán bộ kỹ thuật, hỗ trợ	4	1,3
4. Cán bộ quản lý cấp phòng/ban	32	10,7
5. Cán bộ quản lý cấp toà báo/ đài	4	1,3
6. Khác	6	2,0
Tổng	300	100

Bảng A4: Số năm ông/bà làm việc trong lĩnh vực báo chí?

- Số năm công tác trung bình chung: 11,98

Số năm công tác	Số lượng	%
1. Dưới 5 năm	55	18,8
2. Từ 5 đến dưới 10 năm	77	26,3
3. Từ 10 năm đến dưới 15 năm	61	20,8
4. Từ 15 năm trở lên	100	34,1
Tổng	293	100

Bảng A5: Ông bà hiện có thể nhà báo không?

Có thể nhà báo	Số lượng	%
1. Có	212	70,2
2. Không	90	29,8
Tổng	302	100

Bảng A6: Đánh giá mức độ yêu nghề và đam mê công việc làm báo (điểm đánh giá từ 1 đến 10, trong đó 10 điểm tương ứng với mức độ yêu nghề ở mức cao nhất)?

- Mức độ yêu nghề, điểm trung bình chung: 8,08/ 10 điểm

Mức độ đam mê công việc	Số lượng	%
1. Điểm từ 5 trở xuống	19	6,4
2. 6-7 điểm	79	26,4
3. 8-9 điểm	127	42,5
4. 10 điểm	74	24,7
Tổng	299	100

Bảng A7: Thực trạng bằng cấp/chứng nhận và tham gia khoá học từ trước đến nay của NTL

Bằng cấp	Số lượng	%
1. Bằng thạc sỹ/ tiến sỹ báo chí, truyền thông/ báo in/ phát thanh/ truyền hình/ báo mạng điện tử	59	22
2. Bằng cử nhân báo chí, truyền thông/ báo in/ phát thanh/ truyền hình/ báo mạng điện tử	212	73,4
3. Có một trong các chứng chỉ/ chứng nhận tham gia đào tạo ngắn hạn báo chí (nghề nghiệp vụ báo chí/ nghiệp vụ quản lý báo chí...)	200	69
4. Tham gia lớp học/ bồi dưỡng đạo đức nghề báo/ người làm báo	199	70,3
5. Tham gia lớp học/ tập huấn về an toàn tác nghiệp và cách đưa tin trong tình huống nguy hiểm	120	43,6
Tổng	790	91

Bảng A8: Thực trạng tham gia các hoạt động đào tạo, tập huấn, cập nhật thông tin liên quan đến bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo từ năm 2020 đến nay

- Điểm trung bình số lượng thông tin/ tự tìm hiểu: 4,8

Tham gia	Số lượng	%
1. Được cung cấp thông tin thông qua cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, văn bản trao đổi chi tiết về Luật Báo chí và các văn bản hướng dẫn thi hành	216	73,2
2. Được cung cấp thông tin thông qua cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, văn bản về thực tiễn bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay	192	65,5

Tham gia	Số lượng	%
3. Được cung cấp thông tin cập nhật về vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội Nhà báo trong vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	186	64,1
4. Được cung cấp thông tin cập nhật về vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan quản lý nhà nước về báo chí trong vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	195	67,2
4a. Được tham gia tập huấn/ hội nghị/ hội thảo/ đào tạo ngắn hạn về kỹ năng tác nghiệp trong các tình huống nguy hiểm	80	56,7
5. Được tham gia tập huấn/ hội nghị/ hội thảo/ đào tạo ngắn hạn về đạo đức báo chí trong bối cảnh mới	163	57
6. Được tham gia tập huấn/ hội nghị/ hội thảo/ đào tạo ngắn hạn về công nghệ báo chí trong bối cảnh mới hiện nay	188	65,5
7. Ông/bà chủ động tự tìm hiểu cập nhật về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, các tình huống và cách ứng xử phù hợp để bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của bản thân.	229	77,6
Tổng	1449	

Bảng A9: Đánh giá năng lực của bản thân (%)

Tham gia	5. Rất tốt	4. Tốt	3. Khá	2. Trung bình	1. Không tốt	Điểm Trung bình/ 5
1. Mức độ hiểu biết của bản thân về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	12,7	44,5	31,4	10,4	1	3,58
2. Khả năng tự bảo vệ bản thân trong trường hợp bị cản trở khi hoạt động nghiệp vụ hợp pháp	17,2	37,5	32,4	11,5	1,4	3,58

Bảng A9: Tương quan bảng A9 với các đặc điểm của NTL

Bảng A9a1: tương quan với giới (A1) (điểm trung bình/ 5)

Điểm trung bình đánh giá	Nam	Nữ
1. Mức độ hiểu biết của bản thân về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	3,72	3,46
2. Khả năng tự bảo vệ bản thân trong trường hợp bị cản trở khi hoạt động nghiệp vụ hợp pháp	3,82	3,37

Bảng A9a2: Tương quan với A3 (điểm trung bình)

Bảng A3: Vị trí công việc ông/bà đang đảm nhận

Điểm trung bình đánh giá vị trí công việc ông/bà đang đảm nhận và hiểu biết (điểm/ 5)

Vị trí công tác	1. Mức độ hiểu biết của bản thân về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	2. Khả năng tự bảo vệ bản thân trong trường hợp bị cản trở khi hoạt động nghiệp vụ hợp pháp
1. Phóng viên	3,63	3,67
2. Biên tập viên	3,48	3,42
3. Cán bộ kỹ thuật, hỗ trợ	2,25	2,25
4. Cán bộ quản lý cấp phòng/ban	3,62	3,50
5. Cán bộ quản lý cấp toà báo/ đài	4	4
6. Khác	3,6	3,75
Tổng	3,58	3,58

Bảng A9a: Tương quan với A5

Điểm trung bình có thể nhà báo/ ko có thể nhà báo và hiểu biết (điểm/ 5)

Vị trí công tác	1. Mức độ hiểu biết của bản thân về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	2. Khả năng tự bảo vệ bản thân trong trường hợp bị cản trở khi hoạt động nghiệp vụ hợp pháp
1. Có thể nhà báo	3,68	3,65
2. Không có thể nhà báo	3,33	3,40

Bảng A9a: Tương quan với A4a

Thâm niên công tác	1. Mức độ hiểu biết của bản thân về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	2. Khả năng tự bảo vệ bản thân trong trường hợp bị cản trở khi hoạt động nghiệp vụ hợp pháp
1. Dưới 5 năm	3,36	3,53
2. Từ 5 đến dưới 10 năm	3,61	3,7
3. Từ 10 năm đến dưới 15 năm	3,59	3,47
4. Trên 15 năm	3,66	3,57

B. ĐÁNH GIÁ VỀ THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ BẢO VỆ QUYỀN HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ HỢP PHÁP CỦA NHÀ BÁO VIỆT NAM

Bảng B1: Đánh giá mức độ an toàn của môi trường tác nghiệp báo chí hiện nay trên cơ sở trải nghiệm nghề nghiệp (thang điểm từ 1 đến 10, trong đó 1 điểm = không an toàn và 10 điểm = rất an toàn)

- Điểm trung bình chung: 6,86

- Đánh giá theo mức điểm:

Tham gia	Số lượng	%
Dưới 5 điểm	20	6.7
Từ 5 - 6 điểm	97	32.3
Từ 7 - 8 điểm	138	46.0
Từ 9 - 10 điểm	45	15.0
Tổng	300	100

- B1 tương quan với A1 (giới); A3 (Vị trí); A4 (số năm công tác); A5 (có thẻ nhà báo); A6 Mức độ yêu nghề;

Đặc điểm	Điểm trung bình đánh giá mức độ an toàn của môi trường tác nghiệp báo chí (điểm TB/ 10 điểm)
a. Giới	
1. Nam	6,67*
2. Nữ	7,02*
Vị trí	
1. Phóng viên	6,89*
2. Biên tập viên	6,86*
3. Cán bộ quản lý	6,5*
4. Khác	7,36*
b. Số năm công tác	
1. Dưới 5 năm	6,95*
2. Từ 5 đến dưới 10 năm	6,97*
3. Từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,51*
4. Trên 15 năm	6,81*
Có thẻ nhà báo	
1. Có thẻ nhà báo	6,76*
2. Không có thẻ nhà báo	7,08*
Mức độ yêu nghề	
1. Điểm từ 5 trở xuống	6,11*
2. 6-7 điểm	6,51*
3. 8-9 điểm	6,98*
4. 10 điểm	7,15*

Bảng B2: Đánh giá về các quyền sau của nhà báo được thực thi trên thực tế tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay

Tham gia	5. Rất tốt	4. Tốt	3. Khá	2. Trung bình	1. Không tốt	Điểm Trung bình
1. Hoạt động báo chí trên lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, hoạt động báo chí ở nước ngoài theo quy định của pháp luật và được pháp luật bảo hộ trong hoạt động nghề nghiệp	20,2	50	24,7	4,1	1	3,84
2. Được khai thác, cung cấp và sử dụng thông tin trong hoạt động báo chí theo quy định của pháp luật	18,6	51,5	25,8	3,7	0,3	3,84
3. Được đến các cơ quan, tổ chức để hoạt động nghiệp vụ báo chí. Khi đến làm việc, nhà báo chỉ cần xuất trình thẻ nhà báo. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp cho nhà báo những tư liệu, tài liệu không thuộc phạm vi bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật	17,1	44,5	27,4	8,6	2,4	3,65
4. Được hoạt động nghiệp vụ báo chí tại các phiên tòa xét xử công khai; được bố trí khu vực riêng để tác nghiệp; được liên lạc trực tiếp với người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng để lấy tin, phỏng vấn theo quy định của pháp luật	13,7	44	32	10	0,3	3,61
5. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ báo chí	22,2	49,1	23,9	3,8	1	3,88
6. Khước từ việc tham gia biên soạn hoặc thể hiện tác phẩm báo chí trái với quy định của pháp luật.	28,4	42,5	24,2	4,2	0,7	3,94
7. Bảo vệ nguồn tin và bí mật nghề nghiệp	25,7	43,2	26,7	3,8	0,7	3,89
8. Được bảo vệ khỏi các hành vi đe dọa, uy hiếp tính mạng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; phá hủy, thu giữ phương tiện, tài liệu, cản trở hoạt động nghề nghiệp đúng pháp luật	18,2	42,8	33,2	5,1	0,7	3,73

Bảng B2a: Tương quan đánh giá B2 với A1 (giới); A4 (số năm công tác); A5 (có thể nhà báo)

Điểm trung bình/ 5 điểm	Giới tính		Số năm công tác			
	Nam	Nữ	1. Dưới 5 năm	2. Từ 5 đến dưới 10 năm	3. Từ 10 đến dưới 15 năm	4. Trên 15 năm
1. Hoạt động báo chí trên lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, hoạt động báo chí ở nước ngoài theo quy định của pháp luật và được pháp luật bảo hộ trong hoạt động nghề nghiệp	3,93*	3,77*	3,93	3,77	3,93	3,77
2. Được khai thác, cung cấp và sử dụng thông tin trong hoạt động báo chí theo quy định của pháp luật	3,86	3,83	3,86	3,83	3,86	3,83
3. Được đến các cơ quan, tổ chức để hoạt động nghiệp vụ báo chí. Khi đến làm việc, nhà báo chỉ cần xuất trình thẻ nhà báo. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp cho nhà báo những tư liệu, tài liệu không thuộc phạm vi bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật	3,76*	3,56*	3,76	3,56	3,76	3,56
4. Được hoạt động nghiệp vụ báo chí tại các phiên tòa xét xử công khai; được bố trí khu vực riêng để tác nghiệp; được liên lạc trực tiếp với người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng để lấy tin, phỏng vấn theo quy định của pháp luật	3,59	3,62	3,59	3,62	3,59	3,62
5. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ báo chí	3,96*	3,81*	3,96	3,81	3,96	3,81
6. Khước từ việc tham gia biên soạn hoặc thể hiện tác phẩm báo chí trái với quy định của pháp luật.	3,98	3,90	3,98	3,90	3,98	3,90
7. Bảo vệ nguồn tin và bí mật nghề nghiệp	3,94*	3,85*	3,94	3,85	3,94	3,85
8. Được bảo vệ khỏi các hành vi đe dọa, uy hiếp tính mạng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; phá hủy, thu giữ phương tiện, tài liệu, cản trở hoạt động nghề nghiệp đúng pháp luật	3,76*	3,69*	3,76	3,69	3,76	3,69

Bảng B2b: Tương quan đánh giá B2 với A1 (giới); A4 (số năm công tác); A5 (có thể nhà báo)

Điểm trung bình/ 5 điểm	Có thể nhà báo (A5)	
	1. Có	2. Không
1. Hoạt động báo chí trên lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, hoạt động báo chí ở nước ngoài theo quy định của pháp luật và được pháp luật bảo hộ trong hoạt động nghề nghiệp	3,86	3,79
2. Được khai thác, cung cấp và sử dụng thông tin trong hoạt động báo chí theo quy định của pháp luật	3,87	3,79
3. Được đến các cơ quan, tổ chức để hoạt động nghiệp vụ báo chí. Khi đến làm việc, nhà báo chỉ cần xuất trình thẻ nhà báo. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp cho nhà báo những tư liệu, tài liệu không thuộc phạm vi bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật	3,67	3,62
4. Được hoạt động nghiệp vụ báo chí tại các phiên tòa xét xử công khai; được bố trí khu vực riêng để tác nghiệp; được liên lạc trực tiếp với người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng để lấy tin, phỏng vấn theo quy định của pháp luật	3,60	3,64
5. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ báo chí	3,90	3,82
6. Khước từ việc tham gia biên soạn hoặc thể hiện tác phẩm báo chí trái với quy định của pháp luật.	3,94	3,93
7. Bảo vệ nguồn tin và bí mật nghề nghiệp	3,90	3,88
8. Được bảo vệ khỏi các hành vi đe dọa, uy hiếp tính mạng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; phá hủy, thu giữ phương tiện, tài liệu, cản trở hoạt động nghề nghiệp đúng pháp luật	3,72	3,74

Bảng B3: Đánh giá tầm quan trọng và vai trò của việc đảm bảo thực thi tốt quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo đối với phát triển báo chí và phát triển xã hội

Vai trò	5. Rất quan trọng	4. Quan trọng	3. Trung bình	2. Ít quan trọng	1. Không đóng góp	Trung bình
1. Giúp nhà báo tự tin khi khi tác nghiệp	53,7	39,3	6	0,3	0,7	4,45
2. Tăng cường uy tín và vị thế của nhà báo	55,2	37	7,1	0	0,7	4,46

Vai trò	5. Rất quan trọng	4. Quan trọng	3. Trung bình	2. Ít quan trọng	1. Không đóng góp	Trung bình
3. Giúp giảm tình trạng miễn trừ trừng phạt (impunity) đối với các vụ tấn công nhà báo	44,6	44,6	9,8	0,3	0,7	4,32
4. Tăng cường uy tín và vị thế của cơ quan báo chí	53,7	38,4	6,5	1,0	0,3	4,44
5. Tăng cường uy tín và vị thế của báo chí nói chung với xã hội	54,6	36,9	7,8	0,3	0,3	4,45
6. Tăng cường tính công khai, minh bạch, khách quan, đa chiều của báo chí, hướng đến nền báo chí tự do và độc lập, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước	53,2	38,7	7,1	0,7	0,3	4,44
7. Góp phần làm trong sạch xã hội	49,5	40,7	9,2	0,3	0,3	4,39
8. Góp phần đưa ra các quyết sách quan trọng của xã hội	47,6	39,5	10,5	0,3	0,3	4,33
9. Góp phần thúc đẩy xã hội dân chủ, minh bạch, phát triển, tiến bộ	49,3	39,5	10,5	0,3	0,3	4,37

Bảng B3a: Tương quan điểm trung bình đánh giá B3 với A1 (giới); A4 (số năm công tác); A5 (có thể nhà báo); (điểm trung bình)

Tham gia	Giới tính (A1)		Số năm công tác (A4)			
	1. Nam	2. Nữ	1. Dưới 5 năm	2. Từ 5 đến dưới 10 năm	3. Từ 10 đến dưới 15 năm	4. Trên 15 năm
1. Giúp nhà báo tự tin khi khi tác nghiệp	4,51*	4,39*	4,24*	4,52*	4,53*	4,46*
2. Tăng cường uy tín và vị thế của nhà báo	4,46	4,46	4,33*	4,55*	4,48*	4,46*

3. Giúp giảm tình trạng miễn trừ trừng phạt (impunity) đối với các vụ tấn công nhà báo	4,34	4,31	4,24*	4,29*	4,4*	4,35*
4. Tăng cường uy tín và vị thế của cơ quan báo chí	4,49	4,4	4,22*	4,48*	4,54*	4,47*
5. Tăng cường uy tín và vị thế của báo chí nói chung với xã hội	4,49	4,42	4,24*	4,53*	4,53*	4,44*
6. Tăng cường tính công khai, minh bạch, khách quan, đa chiều của báo chí, hướng đến nền báo chí tự do và độc lập, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước	4,45	4,43	4,2*	4,47*	4,53*	4,47*
7. Góp phần làm trong sạch xã hội	4,47	4,32	4,28*	4,44*	4,45*	4,37*
8. Góp phần đưa ra các quyết sách quan trọng của xã hội	4,34	4,32	4,13*	4,40*	4,45*	4,43*
9. Góp phần thúc đẩy xã hội dân chủ, minh bạch, phát triển, tiến bộ	4,42	4,33	4,26*	4,49*	4,43*	4,30*

Bảng B3b: Tương quan điểm trung bình đánh giá B3 với A1 (giới); A4 (số năm công tác); A5 (có thẻ nhà báo); (điểm trung bình)

Điểm trung bình	Có thẻ nhà báo	
	1. Có	2. Không
1. Giúp nhà báo tự tin khi tác nghiệp	4,50	4,33
2. Tăng cường uy tín và vị thế của nhà báo	4,48	4,41
3. Giúp giảm tình trạng miễn trừ trừng phạt (impunity) đối với các vụ tấn công nhà báo	4,34	4,26
4. Tăng cường uy tín và vị thế của cơ quan báo chí	4,48	4,34
5. Tăng cường uy tín và vị thế của báo chí nói chung với xã hội	4,49	4,36
6. Tăng cường tính công khai, minh bạch, khách quan, đa chiều của báo chí, hướng đến nền báo chí tự do và độc lập, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước	4,46	4,38
7. Góp phần làm trong sạch xã hội	4,39	4,37
8. Góp phần đưa ra các quyết sách quan trọng của xã hội	4,36	4,26
9. Góp phần thúc đẩy xã hội dân chủ, minh bạch, phát triển, tiến bộ	4,38	4,36

Bảng B4a: Đánh giá về tầm quan trọng của Nghị quyết Đảng, Luật Báo chí, các Thông tư, Nghị định liên quan đóng góp vào bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam hiện nay

Tham gia	5. Rất quan trọng	4. Quan trọng	3. Trung bình	2. Ít quan trọng	1. Không đóng góp	Điểm Trung bình
1. Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIII về Xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại	55,4	37,2	6,7	0,3	0,3	4,47
2. Chỉ thị số 43-CT/TW ngày 08/4/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong tình hình mới	51,9	40,6	6,5	0,7	0,3	4,43
3. Luật Báo chí	62	32	5,7	0,3	0	4,56
4. Luật Tiếp cận thông tin	51,2	38,6	9,5	0,3	0,3	4,4
5. Luật Phòng chống tham nhũng (Các điều luật liên quan đến quyền yêu cầu cũng như những quy định cung cấp thông tin liên quan đến hành vi tham nhũng cho cơ quan báo chí và nhà báo như điều 75, điều 14, điều 15)	50,7	39,8	8,5	0,7	0,3	4,4
6. Luật Dân sự (Các điều luật liên quan đến bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín và tài sản của công dân như điều 34, điều 38, điều 589, điều 590, điều 591, điều 592)	49,8	40,7	8,1	0,7	0,7	4,38
7. Luật An ninh mạng (Các điều luật liên quan đến việc sử dụng không gian mạng đăng tải thông tin có nội dung làm nhục, vu khống cá nhân gồm mục 3 - điều 16, điều 17...)	52,5	35,9	9,5	1,4	0,7	4,38
8. Luật Hình sự (Các điều luật liên quan đến xử phạt hành vi dọa giết người, cố ý gây thương tích, làm nhục, bắt giữ hoặc giam người trái phép, huỷ hoại tài sản, xâm phạm tự do báo chí, tiếp cận thông tin báo chí như điều 123,	51,5	37,6	9,2	0,7	1	4,38

Tham gia	5. Rất quan trọng	4. Quan trọng	3. Trung bình	2. Ít quan trọng	1. Không đóng góp	Điểm Trung bình
điều 133, điều 134, điều 155, điều 157, điều 167, điều 178)						
9. Nghị định 119/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản	51	37,4	10,2	0,7	0,7	4,37
10. Nghị định 09/2017/NĐ-CP quy định phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước	51,4	39,1	7,1	1,7	0,7	4,39

Bảng B4b: Tầm quan trọng của Nghị quyết Đảng, Luật Báo chí, các Thông tư, Nghị định liên quan đóng góp vào bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam hiện nay

Tương quan điểm trung bình đánh giá B4 với A1 (giới); A4 (số năm công tác); A5 (có thẻ nhà báo); (điểm trung bình)

Tham gia	Giới tính		Số năm công tác			
	1. Nam	2. Nữ	1. Dưới 5 năm	2. Từ 5 đến dưới 10 năm	3. Từ 10 đến dưới 15 năm	4. Trên 15 năm
1. Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIII về Xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại	4,55*	4,4*	4,29*	4,51*	4,51*	4,5*
2. Chỉ thị số 43-CT/TW ngày 08/4/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong tình hình mới	4,49*	4,38*	4,33*	4,47*	4,42*	4,45*
3. Luật Báo chí	4,57*	4,54*	4,4*	4,6*	4,63*	4,54*
4. Luật Tiếp cận thông tin	4,36*	4,43*	4,36*	4,31*	4,54*	4,37*
5. Luật Phòng chống tham nhũng (Các điều luật liên quan đến quyền yêu cầu cũng như những quy định cung cấp thông tin liên quan đến hành vi tham nhũng cho cơ quan báo	4,44*	4,36*	4,33*	4,32*	4,51*	4,4*

Tham gia	Giới tính		Số năm công tác			
	1. Nam	2. Nữ	1. Dưới 5 năm	2. Từ 5 đến dưới 10 năm	3. Từ 10 đến dưới 15 năm	4. Trên 15 năm
chí và nhà báo như điều 75, điều 14, điều 15)						
6. Luật Dân sự (Các điều luật liên quan đến bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín và tài sản của công dân như điều 34, điều 38, điều 589, điều 590, điều 591, điều 592)	4,38	4,38	4,35*	4,27*	4,46*	4,43*
7. Luật An ninh mạng (Các điều luật liên quan đến việc sử dụng không gian mạng đăng tải thông tin có nội dung làm nhục, vu khống cá nhân gồm mục 3 - điều 16, điều 17...)	4,39	4,38	4,24*	4,42*	4,39*	4,41*
8. Luật Hình sự (Các điều luật liên quan đến xử phạt hành vi doạ giết người, cố ý gây thương tích, làm nhục, bắt giữ hoặc giam người trái phép, huỷ hoại tài sản, xâm phạm tự do báo chí, tiếp cận thông tin báo chí như điều 123, điều 133, điều 134, điều 155, điều 157, điều 167, điều 178)	4,4*	4,36*	4,27*	4,38*	4,37*	4,43*
9. Nghị định 119/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản	4,36	4,39	4,27*	4,4*	4,41*	4,37*
10. Nghị định 09/2017/NĐ-CP quy định phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước	4,39	4,39	4,38	4,4	4,36	4,37

Điểm trung bình	Có thể nhà báo	
	1. Có	2. Không
1. Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIII về Xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại	4,53*	4,33*
2. Chỉ thị số 43-CT/TW ngày 08/4/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong tình hình mới	4,47*	4,34*
3. Luật Báo chí	4,61*	4,44*
4. Luật Tiếp cận thông tin	4,43*	4,33*
5. Luật Phòng chống tham nhũng (Các điều luật liên quan đến quyền yêu cầu cũng như những quy định cung cấp thông tin liên quan đến hành vi tham nhũng cho cơ quan báo chí và nhà báo như điều 75, điều 14, điều 15)	4,46*	4,26*
6. Luật Dân sự (Các điều luật liên quan đến bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín và tài sản của công dân như điều 34, điều 38, điều 589, điều 590, điều 591, điều 592)	4,43*	4,28*
7. Luật An ninh mạng (Các điều luật liên quan đến việc sử dụng không gian mạng đăng tải thông tin có nội dung làm nhục, vu khống cá nhân gồm mục 3 - điều 16, điều 17...)	4,43*	4,27*
8. Luật Hình sự (Các điều luật liên quan đến xử phạt hành vi doạ giết người, cố ý gây thương tích, làm nhục, bắt giữ hoặc giam người trái phép, huỷ hoại tài sản, xâm phạm tự do báo chí, tiếp cận thông tin báo chí như điều 123, điều 133, điều 134, điều 155, điều 157, điều 167, điều 178)	4,43*	4,25*
9. Nghị định 119/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản	4,41*	4,3*
10. Nghị định 09/2017/NĐ-CP quy định phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước	4,41*	4,33*

Bảng B5: Đánh giá về mức độ sẵn sàng phát huy vai trò của các cơ quan/cá nhân tham gia bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam hiện nay

Tham gia	5. Rất sẵn sàng	4. Sẵn sàng	3. Trung bình	2. Hiếm khi	1. Không sẵn sàng	Điểm Trung bình
1. Lãnh đạo cơ quan báo chí	43,2	46,3	9,9	0,7	0	4,32
2. Cơ quan báo chí	43,1	45,4	10,8	0,3	0,3	4,31

Tham gia	5. Rất sẵn sàng	4. Sẵn sàng	3. Trung bình	2. Hiếm khi	1. Không sẵn sàng	Điểm Trung bình
3. Cơ quan chủ quản	36,1	46,9	15	1,7	0,3	4,17
4. Hội nhà báo	34,8	45,5	14,8	3,4	1,4	4,09
5. Cơ quan quản lý báo chí (Vụ Báo chí - Xuất bản, Bộ Thông tin - Truyền thông...)	29,2	49,1	18,2	2,4	1	4,03
6. Cơ quan công an/ cảnh sát khu vực/ địa phương	24,4	43,2	27,9	3,5	1	3,86
7. Luật sư	23,5	44,9	28,1	3,2	0,4	3,88
8. Đồng nghiệp	34,4	47,9	15,6	1,4	0,7	4,14
9. UNESCO	21,2	31,4	30,7	13,5	3,3	3,54
10. Khác	20,7	38,3	28,7	10,1	2,1	3,65

Bảng B5a. Tương quan với số năm công tác (A4) (điểm trung bình)

Điểm trung bình	Số năm công tác			
	1. Dưới 5 năm	2. Từ 5 đến dưới 10 năm	3. Từ 10 đến dưới 15 năm	4. Trên 15 năm
1. Lãnh đạo cơ quan báo chí	4,24	4,4	4,36	4,26
2. Cơ quan báo chí	4,24	4,36	4,34	4,25
3. Cơ quan chủ quản	4,09	4,29	4,17	4,09
4. Hội nhà báo	4,15	4,17	4,09	3,97
5. Cơ quan quản lý báo chí (Vụ Báo chí - Xuất bản, Bộ Thông tin - Truyền thông...)	4,09	4,1	4,07	3,9
6. Cơ quan công an/ cảnh sát khu vực/ địa phương	3,93	3,95	3,91	3,7
7. Luật sư	4	4	3,91	3,7
8. Đồng nghiệp	4,07	4,13	4,21	4,16
9. UNESCO	3,93	3,35	3,62	3,42
10. Khác	4,05	3,62	3,69	3,37

Bảng B6: Đánh giá về mức độ hiệu quả của các cơ quan/cá nhân tham gia bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam hiện nay

Tham gia	5. Rất hiệu quả	4. Hiệu quả	3. Trung bình	2. Ít hiệu quả	1. Không hiệu quả	Điểm Trung bình
1. Lãnh đạo cơ quan báo chí	36,1	47,4	15,1	1,0	0,3	4,18
2. Cơ quan báo chí	37	46,2	15,4	1,0	0,3	4,18
3. Cơ quan chủ quản	33,1	46,6	18,3	1,4	0,7	4,10
4. Hội Nhà báo	26,6	47,9	20,0	4,8	0,7	3,95
5. Cơ quan quản lý báo chí (Vụ Báo chí - Xuất bản, Bộ Thông tin - Truyền thông...)	21,7	47,6	26,2	2,8	1,7	3,85
6. Cơ quan công an/ cảnh sát khu vực/ địa phương	20,4	44,7	28,9	4,9	1,1	3,79
7. Luật sư	19,7	46,8	28,9	4,6	0	3,82
8. Đồng nghiệp	27,4	50,9	19,6	1,8	0,4	4,03
9. Bản thân nhà báo	34,8	48,8	15,3	1,0	0	4,17
10. UNESCO	16,4	34,6	36,8	8,9	3,3	3,52
11. Khác	14,9	41	31,8	9,2	3,1	3,55

Bảng B6a: Tương quan với số năm công tác (A4_điểm trung bình)

Điểm trung bình	Số năm công tác			
	1. Dưới 5 năm	2. Từ 5 đến dưới 10 năm	3. Từ 10 đến dưới 15 năm	4. Trên 15 năm
1. Lãnh đạo cơ quan báo chí	4,17	4,32	4,09	4,10
2. Cơ quan báo chí	4,2	4,36	4,05	4,08
3. Cơ quan chủ quản	4,13	4,25	3,97	4,03
4. Hội Nhà báo	4,11	4,13	3,84	3,75
5. Cơ quan quản lý báo chí (Vụ Báo chí - Xuất bản, Bộ Thông tin - Truyền thông...)	3,89	3,9	3,84	3,77
6. Cơ quan công an/ cảnh sát khu vực/ địa phương	3,96	3,93	3,77	3,56
7. Luật sư	3,91	3,88	3,93	3,62
8. Đồng nghiệp	4,04	4,05	4	4,01
9. Bản thân nhà báo	4,15	4,21	4,19	4,14
10. UNESCO	3,98	3,34	3,57	3,32
11. Khác	3,98	3,45	3,56	3,33

Bảng B7: Đánh giá môi trường tác nghiệp báo chí hiện nay so với 5 năm trước đây (so với năm 2020)

Tham gia	5. Cải thiện tốt hơn đáng kể	4. Cải thiện tốt hơn	3. Như cũ	2. Kém hơn một phần	1. Kém hơn nhiều	Điểm Trung bình
1. Về mức độ an toàn cho phóng viên, nhà báo	19,3	62,4	12,9	4,7	0,7	3,95
2. Về mức độ nhà báo được sẵn sàng bảo vệ quyền được tác nghiệp hợp pháp	21,3	58,1	17,6	2,4	0,7	3,97
3. Về mức độ được tôn trọng trong quá trình tác nghiệp	15,4	53,6	20,8	9,2	1,0	3,73
4. Về mức độ nhà báo được tự do tác nghiệp (tiếp cận/ thu thập thông tin) trong khuôn khổ luật cho phép	17,3	52,2	21,4	7,8	1,4	3,76
5. Về mức độ đăng, phát tác phẩm theo quy định pháp luật	21,2	52,9	21,2	4,1	0,7	3,90
6. Về mức độ tự do thể hiện tác phẩm báo chí theo quy định pháp luật	20,4	53,1	22,8	3,1	0,7	3,89

Bảng B7b: Đánh giá môi trường tác nghiệp báo chí hiện nay so với 5 năm trước đây (so với năm 2020) như thế nào?

Tương quan điểm trung bình đánh giá B7 với A1 (giới tính); A4 (số năm công tác); (điểm trung bình)

Tham gia	Giới tính		Số năm công tác			
	1. Nam	2. Nữ	1. Dưới 5 năm	2. Từ 5 đến dưới 10 năm	3. Từ 10 đến dưới 15 năm	4. Trên 15 năm
1. Về mức độ an toàn	4,0	3,91	3,98	4,13	3,83	3,84
2. Về mức độ nhà báo được sẵn sàng bảo vệ quyền được tác nghiệp hợp pháp	3,99	3,95	4,06	4,08	3,87	3,86
3. Về mức độ được tôn trọng trong quá trình tác nghiệp	3,76	3,70	3,79	3,95	3,70	3,55
4. Về mức độ nhà báo được tự do tác nghiệp (tiếp cận/ thu thập thông tin) trong khuôn khổ luật cho phép	3,76	3,76	4,02	3,86	3,62	3,65

5. Về mức độ đăng, phát tác phẩm theo quy định pháp luật	3,90	3,89	3,98	3,96	3,82	3,84
6. Về mức độ tự do thể hiện tác phẩm báo chí theo quy định pháp luật	3,93	3,86	3,94	4,01	3,79	3,83

Bảng B8: Thực trạng nhà báo từng gặp phải những vấn đề xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp trong 5 năm trở lại đây (kể từ 2020 trở lại đây)

Bảng B8a: Thực trạng nhà báo đã từng gặp phải những trường hợp bị xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp (hành vi xâm phạm ở mức trung bình và hành vi ít nghiêm trọng) (đv: %)

Các hành vi	Đã từng/ chưa từng		Số lần bị		
	Chưa từng	Đã từng	1 lần	2 lần	Trên 3 lần
B8.1 Bị né tránh/từ chối cung cấp thông tin?					
a. Số lần bị từ chối trả lời:	13,9	86,1	12,2	17,3	56,5
b. Đùn đẩy trách nhiệm trả lời cho người khác, cơ quan khác	15	85	15,4	16,7	52,9
B8.2 Bị mua chuộc (để không đăng hoặc đăng theo ý của đối tượng)?					
a. Bị mua chuộc bằng quan hệ (tác động vào mối quan hệ có ảnh hưởng đến nhà báo)	62,9	27,1	11,0	8,2	17,9
b. Bị mua chuộc bằng lợi ích (tiền, đất đai...)	73,6	26,4	7,5	7,2	11,6
B8.3. Bị trì hoãn/ cản trở/ gây khó dễ?					
a. Liên tục sai hẹn	28,4	71,6	18,5	18,5	34,6
b. Trì hoãn bằng nhiều lý do	25,7	74,3	18,8	19,4	36,1
c. Đòi hỏi thẻ nhà báo/ giấy giới thiệu/ giấy mời	25,8	74,2	16,5	16,5	41,2
d. Chặn liên lạc	56,9	43,1	15,2	9,3	18,6
e. Đòi hỏi được trả công	59,8	40,2	14,7	10,1	15,4
g. Tác động đến gia đình, bạn bè	75,6	24,4	8,7	5,6	10,1
f. Tác động đến lãnh đạo, đồng nghiệp	62,0	38	13,2	5,9	18,8
B8.4 Bị từ chối tiếp cận hiện trường, nhân vật?					

Các hành vi	Đã từng/ chưa từng		Số lần bị		
	Chưa từng	Đã từng	1 lần	2 lần	Trên 3 lần
a. Bị đơn vị chức năng từ chối tiếp cận hiện trường, nhân vật mà không được cung cấp lý do thích đáng	41,9	58,1	21,6	14,4	22
b. Bị đơn vị chức năng từ chối tiếp cận hiện trường, nhân vật nhưng được cung cấp lý do thích đáng	43,1	56,9	22,8	11,7	22,4
B8.5 Bị thu giữ phương tiện tác nghiệp?					
a. Bị thu giữ tài liệu, sổ sách ghi chép	84,3	25,7	7,7	4,5	3,5
b. Bị thu giữ điện thoại, máy ảnh, máy quay phim, thẻ nhớ	81,2	18,8	12,5	3,8	2,4
c. Bị thu thẻ nhà báo, giấy tờ tùy thân (căn cước công dân, bằng lái xe...)	87,4	22,6	6,6	3,8	2,1

Bảng 8b: Thực trạng nhà báo đã từng gặp phải những trường hợp bị xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp (hành vi xâm phạm ở mức nghiêm trọng) (đv: %)

B8.6 Bị phá hoại, phá hủy phương tiện tác nghiệp?					
a. Bị phá hủy tài liệu, sổ sách ghi chép	91,6	8,4	4,2	3,2	1,1
b. Bị phá hủy điện thoại, máy ảnh, máy quay phim, thẻ nhớ	91,3	8,7	4,5	3,1	1,0
c. Bị xóa hủy các dữ liệu (hình ảnh, âm thanh, video...) thu được	90,2	9,8	4,9	2,4	2,4
B8.7 Bị đe dọa, khủng bố tinh thần					
a. Cá nhân bị đe dọa, khủng bố tinh thần trực tiếp	76,5	23,5	12,1	5,9	5,5
b. Cá nhân bị đe dọa, khủng bố tinh thần trực tuyến (trên mạng internet)	81,5	18,5	10,5	2,8	5,2
c. Người thân bị đe dọa, khủng bố tinh thần trực tiếp	88,8	11,2	6,3	2,5	2,5
d. Người thân bị đe dọa, khủng bố tinh thần trực tuyến (trên mạng internet)	90,9	9,1	4,2	1,8	3,2
e. Bị dọa giết	89,1	10,9	6,7	2,5	1,8
B8.8: Bị vu khống, bôi nhọ					

a. Cá nhân bị vu khống/ bôi nhọ trực tiếp	83,2	16,8	10,5	3,5	2,8
b. Cá nhân bị vu khống/ bôi nhọ trực tuyến (trên mạng internet)	85,6	14,4	8,8	2,5	3,2

Bảng 8c: Thực trạng nhà báo đã từng gặp phải những trường hợp bị xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp (hành vi xâm phạm ở mức rất nghiêm trọng) (đv: %)

B8.9 Bị quấy rối tình dục (để không tác nghiệp được)

Các hành vi	Đã từng/ chưa từng		Số lần bị		
	Chưa từng	Đã từng	1 lần	2 lần	Trên 3 lần
a. Bị quấy rối tình dục trực tiếp	94,1	5,9	1,7	2,4	1,7
b. Bị quấy rối tình dục trực tuyến (trên mạng internet)	93,4	6,6	2,1	2,8	1,7

B8.10 Bị tấn công/hành hung gây thương tích

a. Bị đẩy/ tát/ đâm	90,6	9,4	4,9	2,8	1,7
b. Hành hung gây ra thương tích cho cơ thể mà không sử dụng vũ khí	95,1	4,9	2,1	1,7	1,0
c. Hành hung gây thương tích cho cơ thể bằng vũ khí	95,1	4,9	3,1	0,3	1,4

B8.11 Bị giam/ giữ trái phép

a. Giữ (ví dụ: giữ lại không cho di chuyển đến địa điểm tác nghiệp)	92,3	7,7	4,2	2,1	1,4
b. Bắt	95,8	4,2	2,8	0,7	0,7
c. Giam giữ	95,4	4,6	3,2	0,7	0,7
d. Trói	97,2	2,8	0,7	1,4	0,7
e. Còng tay	96,8	3,2	0,7	1,8	0,7

B8.12. Bị gây sức ép (sau khi sản phẩm được công bố)

a. Gây sức ép tiết lộ danh tính của nguồn tin	81,3	18,7	9,5	4,9	4,2
b. Gây sức ép can thiệp vào nội dung công bố (sửa nội	74,4	25,6	15,4	4,2	6,0

Các hành vi	Đã từng/ chưa từng		Số lần bị		
	Chưa từng	Đã từng	1 lần	2 lần	Trên 3 lần
dung, bỏ một phần nội dung, che đậy nội dung)					
c. Gây sức ép gỡ bỏ nội dung công bố	74,6	25,4	13,4	5,3	6,7
d. Gây sức ép dừng hoặc hạn chế việc đưa tin về vấn đề/ sự việc nhạy cảm, tiêu cực có ảnh hưởng đến xã hội	73,7	26,3	15,4	3,2	7,7
e. Bị kiện	88,3	11,7	6,4	2,8	2,5
B8.13 Bị trả thù (sau khi sản phẩm được công bố)					
a. Bị trả thù	92,6	7,4	4,3	1,4	1,8

Tương quan B8 với A5; tương quan B8 với A7.5

Số lần	Có thể nhà báo		A7.5(tham gia đào tạo)	
	1. Có thể nhà báo	2. Không có thể nhà báo	1. Có	2. Không
B8.1 Bị né tránh/từ chối cung cấp thông tin?:				
a. Số lần bị từ chối trả lời:	3,23	3,01	3.18	3.09
b. Đùn đẩy trách nhiệm trả lời cho người khác, cơ quan khác	3,18	2,81	3.08	3.03
B8.2 Bị mua chuộc (để không đăng hoặc đăng theo ý của đối tượng)?				
a. Bị mua chuộc bằng quan hệ (tác động vào mối quan hệ có ảnh hưởng đến nhà báo)	1,89	1,61	1,92	1,73
b. Bị mua chuộc bằng lợi ích (tiền, đất đai..)	1,62	1,45	1,64	1,50
B8.3. Bị trì hoãn/ cản trở/ gây khó dễ?				
a. Liên tục sai hẹn	2,68	2,38	2,75	2,43
b. Trì hoãn bằng nhiều lý do	2,74	2,47	2,78	2,51
c. Đòi hỏi thẻ nhà báo/ giấy giới thiệu/ giấy mời	2,76	2,66	2,81	2,59
d. Chặn liên lạc	1,98	1,70	1,94	1,84
e. Đòi hỏi được trả công	1,79	1,87	1,91	1,67
g. Tác động đến gia đình, bạn bè	1,56	1,37	1,62	1,37

Số lần	Có thể nhà báo		A7.5(tham gia đào tạo)	
	1. Có thể nhà báo	2. Không có thể nhà báo	1. Có	2. Không
f. Tác động đến lãnh đạo, đồng nghiệp	1,87	1,69	1,93	1,68
B8.4 Bị từ chối tiếp cận hiện trường, nhân vật?				
a. Bị đơn vị chức năng từ chối tiếp cận hiện trường, nhân vật mà không được cung cấp lý do thích đáng	2,19	2,09	2,27	2,05
b. Bị đơn vị chức năng từ chối tiếp cận hiện trường, nhân vật nhưng được cung cấp lý do thích đáng	2,14	2,13	2,25	2,03
B8.5 Bị thu giữ phương tiện tác nghiệp?				
a. Bị thu giữ tài liệu, sổ sách ghi chép	1,26	1,31	1,27	1,30
b. Bị thu giữ điện thoại, máy ảnh, máy quay phim, thẻ nhớ	1,28	1,27	1,28	1,28
c. Bị thu thẻ nhà báo, giấy tờ tùy thân (căn cước công dân, bằng lái xe...)	1,17	1,29	1,22	1,21
B8.6 Bị phá hoại, phá huỷ phương tiện tác nghiệp?				
a. Bị phá huỷ tài liệu, sổ sách ghi chép	1,14	1,12	1,19	1,10
b. Bị phá huỷ điện thoại, máy ảnh, máy quay phim, thẻ nhớ	1,14	1,13	1,16	1,13
c. Bị xoá huỷ các dữ liệu (hình ảnh, âm thanh, video...) thu được	1,16	1,21	1,23	1,13
B8.7 Bị đe dọa, khủng bố tinh thần				
a. Cá nhân bị đe dọa, khủng bố tinh thần trực tiếp	1,44	1,32	1,50	1,34
b. Cá nhân bị đe dọa, khủng bố tinh thần trực tuyến (trên mạng internet)	1,35	1,24	1,38	1,30
c. Người thân bị đe dọa, khủng bố tinh thần trực tiếp	1,21	1,12	1,23	1,18
d. Người thân bị đe dọa, khủng bố tinh thần trực tuyến (trên mạng internet)	1,18	1,16	1,22	1,16
e. Bị dọa giết	1,18	1,14	1,22	1,14
B8.8 Bị vu khống, bôi nhọ				
a. Cá nhân bị vu khống/ bôi nhọ trực tiếp	1,24	1,30	1,32	1,26
b. Cá nhân bị vu khống/ bôi nhọ trực tuyến (trên mạng internet)	1,22	1,27	1,32	1,19

Số lần	Có thể nhà báo		A7.5(tham gia đào tạo)	
	1. Có thể nhà báo	2. Không có thể nhà báo	1. Có	2. Không
B8.9 Bị quấy rối tình dục (để không tác nghiệp được)				
a. Bị quấy rối tình dục trực tiếp	1,11	1,13	1,18	1,09
b. Bị quấy rối tình dục trực tuyến (trên mạng internet)	1,12	1,16	1,15	1,14
B8.10 Bị tấn công/hành hung gây thương tích				
a. Bị đẩy/ tát/ đâm	1,13	1,23	1,22	1,12
b. Hành hung gây ra thương tích cho cơ thể mà không sử dụng vũ khí	1,08	1,11	1,14	1,06
c. Hành hung gây thương tích cho cơ thể bằng vũ khí	1,06	1,13	1,12	1,06
B8.11 Bị giam/ giữ trái phép				
a. Giữ (ví dụ: giữ lại không cho di chuyển đến địa điểm tác nghiệp)	1,11	1,16	1,19	1,09
b. Bắt	1,05	1,08	1,09	1,05
c. Giam giữ	1,05	1,11	1,09	1,06
d. Trói	1,05	1,07	1,09	1,04
e. Còng tay	1,05	1,10	1,08	1,06
B8.12. Bị gây sức ép (sau khi sản phẩm được công bố)				
a. Gây sức ép tiết lộ danh tính của nguồn tin	1,35	1,24	1,35	1,30
b. Gây sức ép can thiệp vào nội dung công bố (sửa nội dung, bỏ một phần nội dung, che đậy nội dung)	1,43	1,39	1,47	1,37
c. Gây sức ép gỡ bỏ nội dung công bố	1,46	1,39	1,50	1,39
d. Gây sức ép dừng hoặc hạn chế việc đưa tin về vấn đề/ sự việc nhạy cảm, tiêu cực có ảnh hưởng đến xã hội	1,48	1,37	1,48	1,43
e. Bị kiện	1,21	1,16	1,17	1,22
B8.13 Bị trả thù (sau khi sản phẩm được công bố)				
a. Bị trả thù	1,15	1,07	1,15	1,11

C. NGUYÊN NHÂN, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ QUYỀN HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ HỢP PHÁP CỦA NHÀ BÁO Ở VIỆT NAM

Bảng C1: Tình trạng ông/bà đã từng nhờ toà báo/ cơ quan chức năng can thiệp khi bị cản trở, gây khó khăn hoặc bị đe dọa trong quá trình tác nghiệp trong 5 năm vừa qua (từ đầu năm 2020 đến nay),

Số lần	N	0 lần	1 lần	2 lần	Trên 3 lần	Trung bình
1. Báo cáo với người đứng đầu và Ban biên tập cơ quan báo chí nơi mình làm việc nhờ hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	289	57,4	20,8	8,3	13,5	1,78
2. Báo cáo với Hội Nhà báo nhờ hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	287	88,5	5,6	2,1	3,8	1,21
3. Gọi cảnh sát/ công an địa phương/ khu vực nhờ hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	287	81,5	12,2	2,8	3,5	1,28
4. Nhờ chính quyền địa phương can thiệp/ hỗ trợ/ bảo vệ	287	82,6	8,7	2,8	5,9	1,32
5. Nhờ người dân hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	288	84,4	7,6	2,8	5,2	1,29
6. Nhờ luật sư/ toà án bảo vệ quyền lợi	287	89,5	4,5	3,1	2,8	1,19
7. Nhờ mạng lưới nhà báo/ đồng nghiệp hỗ trợ	287	80,5	9,1	4,9	5,6	1,36
8. Nhờ cá nhân/ cơ quan/ tổ chức khác	277	88,8	5,1	1,4	4,7	1,22

Tương quan giữa A1 C1 (có ít nhất 1 lần)

Có ít nhất 1 lần	Giới tính (A1)		Có thể nhà báo (A5)		A7.5 (tham gia đào tạo)	
	1. Nam	2. Nữ	1. Có	2. Không	1. Có	1. Không
1. Báo cáo với người đứng đầu và Ban biên tập cơ quan báo chí nơi mình làm việc nhờ hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	0,45	0,4	0,41	0,45	0,4	0,41
2. Báo cáo với Hội Nhà báo nhờ hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	0,14	0,1	0,12	0,14	0,1	0,12
3. Gọi cảnh sát/ công an địa phương/ khu vực nhờ hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	0,22	0,16	0,19	0,22	0,16	0,19
4. Nhờ chính quyền địa phương can thiệp/ hỗ trợ/ bảo vệ	0,23*	0,13*	0,18	0,23*	0,13*	0,18
5. Nhờ người dân hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	0,2	0,12	0,14	0,2	0,12	0,14

6. Nhờ luật sư/ toà án bảo vệ quyền lợi	0,12	0,09	0,11	0,12	0,09	0,11
7. Nhờ mạng lưới nhà báo/ đồng nghiệp hỗ trợ	0,2	0,19	0,2	0,2	0,19	0,2
8. Nhờ cá nhân/ cơ quan/ tổ chức khác	0,8	0,13	0,12	0,8	0,13	0,12

Hành vi	Nam	Nữ
1. Báo cáo với người đứng đầu và Ban biên tập cơ quan báo chí nơi mình làm việc nhờ hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	54,9*	59,6*
2. Báo cáo với Hội Nhà báo nhờ hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	86,5*	90,3*
3. Gọi cảnh sát/ công an địa phương/ khu vực nhờ hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	78,2	84,4
4. Nhờ chính quyền địa phương can thiệp/ hỗ trợ/ bảo vệ	77,4*	87,0*
5. Nhờ người dân hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	80,5*	87,7*
6. Nhờ luật sư/ toà án bảo vệ quyền lợi	88,0*	90,9*
7. Nhờ mạng lưới nhà báo/ đồng nghiệp hỗ trợ	80,5	80,5
8. Nhờ cá nhân/ cơ quan/ tổ chức khác	91,2*	86,8*

Hành vi	Có thể nhà báo	Không có thể
1. Báo cáo với người đứng đầu và Ban biên tập cơ quan báo chí nơi mình làm việc nhờ hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	59,3	52,9
2. Báo cáo với Hội Nhà báo nhờ hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	87,7	90,5
3. Gọi cảnh sát/ công an địa phương/ khu vực nhờ hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	81,3	82,1
4. Nhờ chính quyền địa phương can thiệp/ hỗ trợ/ bảo vệ	82,3	83,3
5. Nhờ người dân hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	85,7	81,2
6. Nhờ luật sư/ toà án bảo vệ quyền lợi	89,2	90,5
7. Nhờ mạng lưới nhà báo/ đồng nghiệp hỗ trợ	80,3	81,0
8. Nhờ cá nhân/ cơ quan/ tổ chức khác	87,8	91,4

Bảng C2: Lý do không báo cáo vấn đề gặp phải (câu B8) cho cơ quan chức năng?

Số lần	3. Đúng	2. Đúng một phần	1. Sai
1. Có thể tự bảo vệ bản thân/giải quyết	41,5	46,1	12,4
2. Không tin tưởng vào việc can thiệp hiệu quả của toà báo/cơ quan nơi mình công tác	10,4	30,8	58,8
3. Không tin tưởng vào tổ chức nghề nghiệp, mạng lưới nghề báo	9,7	29,7	60,6
4. Không tin tưởng vào các cơ quan chức năng khác (công an/ cảnh sát/ chính quyền địa phương)	11,5	27,2	11,5

Tương quan C2 (chọn P/a trả lời là đúng) với giới tính (A1); số năm công tác (A4); có thể nhà báo (A5); A7.5 (được tham gia đào tạo)

Điểm trung bình	Số năm công tác (A4)				Giới tính (A1)	
	1. Dưới 5 năm	2. Từ 5 đến dưới 10 năm	3. Từ 10 đến dưới 15 năm	4. Trên 15 năm	1. Nam	2. Nữ
1. Có thể tự bảo vệ bản thân/giải quyết	2,37	2,18	2,35	2,27	2,31	2,28
2. Không tin tưởng vào việc can thiệp hiệu quả của toà báo/cơ quan nơi mình công tác	1,75*	1,51*	1,39*	1,4*	1,56	1,48
3. Không tin tưởng vào tổ chức nghề nghiệp, mạng lưới nghề báo	1,71	1,46	1,41	1,43	1,55	1,44
4. Không tin tưởng vào các cơ quan chức năng khác (công an/ cảnh sát/ chính quyền địa phương)	1,73	1,42	1,47	1,44	1,58	1,43

.....

Số lần	Có thể nhà báo		A7.5 (tham gia đào tạo)	
	1. Có thể nhà báo	2. Không có thể nhà báo	1. Có	2. Không
1. Có thể tự bảo vệ bản thân/giải quyết	2,3	2,28	2,34	2,23
2. Không tin tưởng vào việc can thiệp hiệu quả của toà báo/cơ quan nơi mình công tác	1,44*	1,7*	1,56	1,48

3. Không tin tưởng vào tổ chức nghề nghiệp, mạng lưới nghề báo	1,42*	1,65*	1,53	1,45
4. Không tin tưởng vào các cơ quan chức năng khác (công an/ cảnh sát/ chính quyền địa phương)	1,44*	1,65*	1,55	1,43

Bảng C3: Đánh giá mức độ đúng đắn của những nguyên nhân được liệt kê ở bảng dưới đây ảnh hưởng đến hiệu quả của việc bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam?

Bảng C3.1: Nhóm nguyên nhân từ phía người dân

Nguyên nhân	5. Rất đúng	4. Đúng	3. Đúng một phần	2. Sai	1. Rất sai	Điểm Trung bình/ 5 điểm
1. Người dân nói chung chưa biết về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo cũng như các quy định xử lý đối với hành vi cản trở tác nghiệp báo chí, coi thường pháp luật	20	39	35,5	3,8	1,7	3,72
2. Người dân nói chung chưa hiểu về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo cũng như các quy định xử lý đối với hành vi cản trở tác nghiệp báo chí, coi thường pháp luật	19	40	34,8	5,2	1	3,71

Bảng C3.2: Nhóm nguyên nhân từ phía các cơ quan, tổ chức có liên quan (Hạn chế trong việc tham gia bảo vệ hiệu quả quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của các cơ quan ban ngành có liên quan)

Nguyên nhân	5. Rất đúng	4. Đúng	3. Đúng một phần	2. Sai	1. Rất sai	Điểm Trung bình
3. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến vụ việc chưa biết về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	12,8	23,5	46,7	13,8	3,1	3,29
4. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến vụ việc chưa hiểu về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	10,8	28,8	45,8	11,1	3,5	3,32

Nguyên nhân	5. Rất đúng	4. Đúng	3. Đúng một phần	2. Sai	1. Rất sai	Điểm Trung bình
5. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm liên quan đến bảo vệ quyền hoạt động hợp pháp của nhà báo (Bộ Thông tin - Truyền thông, Vụ Báo chí - Xuất bản, Hội Nhà báo...) chưa thể hiện thái độ và hành động đủ mạnh trong việc bảo vệ nhà báo	12,2	28	39,8	13,8	6,2	3,26
6. Cơ quan thực thi pháp luật chưa phản ứng đủ mạnh và kịp thời	12,8	31,4	38,7	12,2	4,9	3,35
7. Chính quyền địa phương chưa phát huy hết vai trò, chưa chú trọng bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	14,3	29,6	39,4	11,5	5,2	3,36
8. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng chưa đủ chặt chẽ	16,4	30,3	40,1	8,7	4,5	3,45

C3.3 Nhóm nguyên nhân từ môi trường pháp lý
(Khoảng trống trong môi trường pháp lý và những hạn chế trong quá trình thực thi pháp luật)

Nguyên nhân	5. Rất đúng	4. Đúng	3. Đúng một phần	2. Sai	1. Rất sai	Điểm Trung bình
9. Thiếu các quy định cụ thể trong luật và chế tài xử lý chưa nghiêm minh	17,2	31,4	37,9	9,7	3,8	3,49
10. Các quy định về hành vi xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo còn chưa rõ ràng, khó quy kết tội	17	31,9	38,2	10,1	2,8	3,5
11. Mức xử phạt/ điều khoản áp dụng chưa phản ánh đúng tính chất nghiêm trọng của hành vi cản trở hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo 12. Đối tượng vi phạm chưa bị xử đúng người, đúng tội	18,8	34,5	36,2	7	3,5	3,58
13. Khó khăn trong việc thu thập chứng cứ vi phạm quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo	19,6	32,9	33,6	10,8	3,1	3,55

Bảng C3.4: Nhóm nguyên nhân từ phía nhà báo
(Đánh giá hạn chế trong năng lực, nhận thức, kỹ năng làm việc của nhà báo trong quá trình tác nghiệp góp phần hạn chế trong khả năng tự bảo vệ bản thân của nhà báo)

Nguyên nhân	5. Rất đúng	4. Đúng	3. Đúng một phần	2. Sai	1. Rất sai	Điểm Trung bình
14. Bản thân các nhà báo nhận thức còn hạn chế: về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp để tự bảo vệ bản thân	14,5	27,9	44,3	8,4	4,9	3,39
15. Nhà báo thiếu kỹ năng trong quá trình tác nghiệp các vấn đề nhạy cảm/ vấn đề nóng	16	28,1	41,7	9,7	4,5	3,41
16. Nhà báo chưa am hiểu kỹ pháp luật để tự bảo vệ	15,2	26,5	44,3	9,8	4,2	3,39
17. Nhà báo thiếu thẻ, giấy tờ, thủ tục cần thiết trong quá trình tác nghiệp	16,7	25,1	41,5	11,8	4,9	3,37
18. Nhà báo thiếu tuân thủ trách nhiệm và đạo đức nghề báo (chưa khách quan, hoạt động vì lợi ích cá nhân....)	15,3	21,3	46,3	11,1	5,9	3,29

Bảng C4: Đánh giá về mức độ quan trọng của các giải pháp sau đây góp phần tăng cường hiệu quả bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay?

Giải pháp	5. Rất quan trọng	4. Quan trọng	3. Bình thường	2. Ít quan trọng	1. Không quan trọng	Điểm Trung bình
1. Tăng cường việc thực thi pháp luật đối với vi phạm/ xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	43,7	45,1	9,9	1,0	0,3	4,31
2. Tăng nặng chế tài xử phạt hành vi cản trở, xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	45,7	43,3	8,9	2,0	0	4,33
3. Nâng cao vị thế của Hội Nhà báo	38,0	42,1	17,5	2,1	0,3	4,15
4. Tăng cường đoàn kết nghề nghiệp, xây dựng mạng lưới	41,3	44,4	12,3	2,0	0	4,25

Giải pháp	5. Rất quan trọng	4. Quan trọng	3. Bình thường	2. Ít quan trọng	1. Không quan trọng	Điểm Trung bình
báo chí toàn quốc đoàn kết, bảo vệ, hỗ trợ lẫn nhau						
5. Nâng cao nhận thức xã hội về vai trò báo chí, sứ mệnh, chức năng, nhiệm vụ của nhà báo, tôn trọng bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo	44,4	44,4	10,6	0,7	0	4,32
6. Tăng cường truyền thông về Luật Báo chí, chế tài bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	44,2	43,5	9,6	2,7	0	4,29
7. Tăng cường sự ổn định môi trường chính trị - xã hội	43,2	43,5	13,0	0,3	0	4,29
8. Phối kết hợp chặt chẽ, ăn ý của các cơ quan ban ngành địa phương, chính quyền địa phương nhằm tăng cường bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay	41,1	45,5	11	2,4	0	4,25
9. Cải tiến quy trình giới thiệu nhà báo xuống tác nghiệp, hoạt động nghiệp vụ tại cơ sở/ địa phương	37,8	47,3	13,3	1,7	0	4,21
10. Tăng cường năng lực, nghiệp vụ, chuyên môn xử lý tình huống để nhà báo có thể tự bảo vệ bản thân hiệu quả trong quá trình tác nghiệp, đặc biệt tác nghiệp trong tình huống nguy hiểm	41,8	47,6	9,6	1,0	0	4,30
11. Tăng cường chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của nhà báo	41	46,4	11,9	0,7	0	4,28
12. Tăng cường vị thế, uy tín của nhà báo	46,6	43,5	9,2	0,7	0	4,36

- Tương quan C4 - số năm công tác, giới tính

Điểm trung bình	Số năm công tác (A4)				Giới tính (A1)	
	1. Dưới 5 năm	2. Từ 5 đến dưới 10 năm	3. Từ 10 đến dưới 15 năm	4. Trên 15 năm	1. Nam	2. Nữ
1. Tăng cường việc thực thi pháp luật đối với vi phạm/ xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	4,21	4,38	4,3	4,33	4,34	4,28
2. Tăng nặng chế tài xử phạt hành vi cản trở, xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	4,21	4,46	4,26	4,33	4,35	4,31
3. Nâng cao vị thế của Hội Nhà báo	4,08	4,33	3,98	4,18	4,19	4,13
4. Tăng cường đoàn kết nghề nghiệp, xây dựng mạng lưới báo chí toàn quốc đoàn kết, bảo vệ, hỗ trợ lẫn nhau	4,25	4,36	4,21	4,22	4,27	4,23
5. Nâng cao nhận thức xã hội về vai trò báo chí, sứ mệnh, chức năng, nhiệm vụ của nhà báo, tôn trọng bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo	4,21	4,46	4,23	4,36	4,34	4,31
6. Tăng cường truyền thông về Luật Báo chí, chế tài bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	4,19	4,37	4,26	4,33	4,31	4,28
7. Tăng cường sự ổn định môi trường chính trị - xã hội	4,15	4,41	4,33	4,31	4,33	4,26
8. Phối kết hợp chặt chẽ, ăn ý của các cơ quan ban ngành địa phương, chính quyền địa phương nhằm tăng cường bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay	4,25	4,3	4,26	4,23	4,23	4,27
9. Cải tiến quy trình giới thiệu nhà báo xuống tác nghiệp, hoạt động nghiệp vụ tại cơ sở/ địa phương	4,15	4,32	4,15	4,21	4,19	4,23
10. Tăng cường năng lực, nghiệp vụ, chuyên môn xử lý tình huống để nhà báo có thể tự bảo vệ bản	4,19	4,39	4,26	4,33	4,31	4,30

Điểm trung bình	Số năm công tác (A4)				Giới tính (A1)	
	1. Dưới 5 năm	2. Từ 5 đến dưới 10 năm	3. Từ 10 đến dưới 15 năm	4. Trên 15 năm	1. Nam	2. Nữ
thân hiệu quả trong quá trình tác nghiệp, đặc biệt tác nghiệp trong tình huống nguy hiểm						
11. Tăng cường chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của nhà báo	4,11	4,33	4,33	4,3	4,31	4,25
12. Tăng cường vị thế, uy tín của nhà báo	4,25	4,5	4,33	4,33	4,35	4,36

Bảng C5: Những phẩm chất cần được nhà báo củng cố, tăng cường, nhằm nâng cao vị thế và uy tín của nhà báo tại Việt Nam hiện nay

Phẩm chất	5. Rất quan trọng	4. Quan trọng	3. Bình thường	2. Ít quan trọng	1. Không quan trọng	Điểm Trung bình
1. Tính độc lập, không chịu tác động từ nhóm lợi ích	54,6	35,9	7,8	1,0	0,7	4,43
2. Tính chuyên nghiệp: đưa thông tin kịp thời, khách quan	57,8	32,4	9,1	0,3	0,3	4,47
3. Tính trách nhiệm: chịu trách nhiệm trước pháp luật và xã hội về thông tin mình cung cấp	61,4	30,2	7,8	0,3	0,3	4,52
4. Tính nhân văn: đề cao giá trị con người, vì con người	55,6	33,6	9,5	0,7	0,7	4,43
5. Cam kết phục vụ lợi ích cộng đồng	52	36,8	8,8	1,7	0,7	4,38
6. Tôn trọng và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp báo chí	57,9	33,2	7,8	0,7	0,3	4,48

- Tương quan giữa C5 với giới tính (A1); số năm công tác (A4)

Điểm trung bình	Số năm công tác (A4)				Giới tính (A1)	
	1. Dưới 5 năm	2. Từ 5 đến dưới 10 năm	3. Từ 10 đến dưới 15 năm	4. Trên 15 năm	1. Nam	2. Nữ
1. Tính độc lập, không chịu tác động từ nhóm lợi ích	4,31	4,49	4,41	4,45	4,4	4,45
2. Tính chuyên nghiệp: đưa thông tin kịp thời, khách quan	4,26	4,58	4,46	4,51	4,43	4,5
3. Tính trách nhiệm: chịu trách nhiệm trước pháp luật và xã hội về thông tin mình cung cấp	4,3	4,62	4,52	4,56	4,49	4,54
4. Tính nhân văn: đề cao giá trị con người, vì con người	4,3	4,5	4,39	4,46	4,41	4,44
5. Cam kết phục vụ lợi ích cộng đồng	4,22	4,43	4,41	4,39	4,34	4,41
6. Tôn trọng và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp báo chí	4,37	4,54	4,49	4,48	4,48	4,48

C6. Ông/bà hãy đề xuất thêm các giải pháp ông/bà cho là quan trọng góp phần tăng cường bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay (giải pháp từ góc độ pháp lý/ luật/ thông tư/ nghị định; giải pháp thay đổi từ xã hội; giải pháp từ các tổ chức/ cơ quan/ hiệp hội liên quan đến nghề báo; giải pháp từ các toà soạn báo/ đài phát thanh/ truyền hình; giải pháp từ chính nhà báo.

Phụ lục số 2

BẢNG HỎI THÔNG TIN TÌM HIỂU VẤN ĐỀ BẢO VỆ QUYỀN HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ HỢP PHÁP CỦA NHÀ BÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Thân gửi các anh/chị phóng viên, nhà báo!

Tôi tên là Trần Thị Phương Lan, giảng viên tại Học viện Báo chí & Tuyên truyền. Hiện tại, tôi đang thực hiện nghiên cứu về đề tài “Vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo hiện nay”.

Nghiên cứu chỉ có thể đem lại kết quả khách quan, khoa học khi có sự tham gia của các anh/chị, do vậy rất mong anh/chị dành thời gian tham gia vào nghiên cứu này. Bảng hỏi được gửi đến anh/chị thông qua đường liên kết. Chỉ với khoảng 15- 20 phút trả lời khảo sát, anh/chị đã giúp chúng tôi tìm hiểu vấn đề cần nghiên cứu, từ đó có những giải pháp phù hợp, nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam trong tương lai.

Việc tham gia nghiên cứu của các anh/chị là hoàn toàn tự nguyện và mọi thông tin anh/chị cung cấp sẽ được bảo mật và cam kết chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu. Nếu có bất kỳ câu hỏi gì liên quan đến nghiên cứu, hãy liên lạc với chúng tôi qua email: lanminhan2007hn@gmail.com

Trân trọng!

A. THÔNG TIN CỦA NGƯỜI TRẢ LỜI

A1. Giới tính

1. Nam 2. Nữ

A2. Cơ quan ông/bà hiện đang công tác?

1. VTV
2. VOV
3. Báo Lao động
4. Báo điện tử Vietnamnet
5. Khác

A3. Vị trí công việc ông/bà đang đảm nhận

- | | |
|----------------------------|------------------------------------|
| 1. Phóng viên | 4. Cán bộ quản lý cấp phòng/ ban |
| 2. Biên tập viên | 5. Cán bộ quản lý cấp toà báo/ đài |
| 3. Cán bộ kỹ thuật, hỗ trợ | 6. Khác |

A4. Số năm ông/bà làm việc trong lĩnh vực báo chí?: (ghi con số cụ thể)

A5. Ông/bà hiện có thẻ nhà báo không?

1. Có 2. Không

A6. Ông/bà hãy cho điểm đánh giá mức độ yêu nghề và đam mê công việc làm báo của bản thân (điểm đánh giá từ 1 đến 10, trong đó 10 điểm tương ứng với mức độ yêu nghề ở mức cao nhất)?

- 10 9 8 7 6 5 4 3 2 1

A7. Ông/bà hãy cho biết hiện ông bà có bằng cấp/chứng nhận nào sau đây?

Bằng cấp/ chứng nhận	1. Có	0. Không
1. Bằng thạc sỹ/ tiến sỹ báo chí, truyền thông/ phát thanh/ truyền hình/ báo mạng điện tử	1	0
2. Bằng cử nhân báo chí, truyền thông/ phát thanh/ truyền hình/ báo mạng điện tử	1	0
3. Có một trong các chứng chỉ/ chứng nhận tham gia đào tạo ngắn hạn báo chí (nghề nghiệp báo chí/ nghiệp vụ quản lý báo chí...)	1	0
4. Tham gia lớp học/ bồi dưỡng đạo đức nghề báo/ người làm báo	1	0
5. Tham gia lớp học/ tập huấn về an toàn tác nghiệp và cách đưa tin trong tình huống nguy hiểm	1	0

A8. Từ năm 2020 đến nay, ông/bà đã từng được tham gia các hoạt động nào sau đây?

Các hoạt động đã từng tham gia từ 2020 đến nay	1. Có	0. Không
1. Được cung cấp thông tin thông qua cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, văn bản trao đổi chi tiết về Luật Báo chí và các văn bản hướng dẫn thi hành	1	0
2. Được cung cấp thông tin thông qua cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, văn bản về thực tiễn bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay	1	0
3. Được cung cấp thông tin cập nhật về vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội Nhà báo trong vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	1	0
4. Được cung cấp thông tin cập nhật về vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan quản lý nhà nước về báo chí trong vấn đề bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	1	0
5. Được tham gia tập huấn/ hội nghị/ hội thảo/ đào tạo ngắn hạn về kỹ năng tác nghiệp trong các tình huống nguy hiểm	1	0
6. Được tham gia tập huấn/ hội nghị/ hội thảo/ đào tạo ngắn hạn về đạo đức báo chí trong bối cảnh mới	1	0
7. Được tham gia tập huấn/ hội nghị/ hội thảo/ đào tạo ngắn hạn về công nghệ báo chí trong bối cảnh mới hiện nay	1	0
8. Ông/bà chủ động tự tìm hiểu cập nhật về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo, các tình huống và cách ứng xử phù hợp để bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của bản thân.	1	0

A9. Ông/bà hãy đánh giá năng lực của bản thân thông qua các mức độ đánh giá sau?

Đặc điểm	5. Rất tốt	4. Tốt	3. Khá	2. Trung bình	1. Không tốt
1. Mức độ hiểu biết của bản thân về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	5	4	3	2	1
2. Khả năng tự bảo vệ bản thân trong trường hợp bị cản trở khi hoạt động nghiệp vụ hợp pháp	5	4	3	2	1

B. ĐÁNH GIÁ VỀ THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ BẢO VỆ QUYỀN HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ HỢP PHÁP CỦA NHÀ BÁO VIỆT NAM

B1. Ông/bà hãy đánh giá mức độ an toàn của môi trường tác nghiệp báo chí hiện nay trên cơ sở trải nghiệm nghề nghiệp của ông/bà? (thang điểm từ 1 đến 10, trong đó 1 điểm = không an toàn và 10 điểm = rất an toàn)

10 9 8 7 6 5 4 3 2 1

Rất an toàn Không an toàn

B2. Ông/bà đánh giá về các quyền sau của nhà báo *được thực thi trên thực tế* tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay ở mức độ như thế nào?

Các quyền liên quan	5. Rất tốt	4. Tốt	3. Khá	2. Trung bình	1. Không tốt
1. Hoạt động báo chí trên lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, hoạt động báo chí ở nước ngoài theo quy định của pháp luật và được pháp luật bảo hộ trong hoạt động nghề nghiệp	5	4	3	2	1
2. Được khai thác, cung cấp và sử dụng thông tin trong hoạt động báo chí theo quy định của pháp luật	5	4	3	2	1
3. Được đến các cơ quan, tổ chức để hoạt động nghiệp vụ báo chí. Khi đến làm việc, nhà báo chỉ cần xuất trình thẻ nhà báo. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp cho nhà báo	5	4	3	2	1

Các quyền liên quan	5. Rất tốt	4. Tốt	3. Khá	2. Trung bình	1. Không tốt
những tư liệu, tài liệu không thuộc phạm vi bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật					
4. Được hoạt động nghiệp vụ báo chí tại các phiên tòa xét xử công khai; được bố trí khu vực riêng để tác nghiệp; được liên lạc trực tiếp với người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng để lấy tin, phỏng vấn theo quy định của pháp luật	5	4	3	2	1
5. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ báo chí	5	4	3	2	1
6. Khước từ việc tham gia biên soạn hoặc thể hiện tác phẩm báo chí trái với quy định của pháp luật.	5	4	3	2	1
7. Bảo vệ nguồn tin và bí mật nghề nghiệp	5	4	3	2	1
8. Được bảo vệ khỏi các hành vi đe dọa, uy hiếp tính mạng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; phá hủy, thu giữ phương tiện, tài liệu, cản trở hoạt động nghề nghiệp đúng pháp luật	5	4	3	2	1

B3. Ông/bà đánh giá tầm quan trọng và vai trò của việc đảm bảo thực thi tốt quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo đối với phát triển báo chí và phát triển xã hội?

Tầm quan trọng	5. Rất quan trọng	4. Quan trọng	3. Trung bình	2. Ít quan trọng	1. Không đóng góp
1. Giúp nhà báo tự tin khi khi tác nghiệp	5	4	3	2	1
2. Tăng cường uy tín và vị thế của nhà báo	5	4	3	2	1
3. Giúp giảm tình trạng miễn trừ trừng phạt (impunity) đối với các vụ tấn công nhà báo	5	4	3	2	1
4. Tăng cường uy tín và vị thế của cơ quan báo chí	5	4	3	2	1

Tầm quan trọng	5. Rất quan trọng	4. Quan trọng	3. Trung bình	2. Ít quan trọng	1. Không đóng góp
5. Tăng cường uy tín và vị thế của báo chí nói chung với xã hội	5	4	3	2	1
6. Tăng cường tính công khai, minh bạch, khách quan, đa chiều của báo chí, hướng đến nền báo chí tự do và độc lập, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước	5	4	3	2	1
7. Góp phần làm trong sạch xã hội	5	4	3	2	1
8. Góp phần đưa ra các quyết sách quan trọng của xã hội	5	4	3	2	1
9. Góp phần thúc đẩy xã hội dân chủ, minh bạch, phát triển, tiến bộ	5	4	3	2	1

B4. Ông/bà cho điểm số đánh giá về tầm quan trọng của Nghị quyết Đảng, Luật Báo chí, các Thông tư, Nghị định liên quan đóng góp vào bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam hiện nay?

Luật/ Thông tư/ Nghị định	5. Rất quan trọng	4. Quan trọng	3. Trung bình	2. Ít quan trọng	1. Không đóng góp
1. Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIII về Xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại	5	4	3	2	1
2. Chỉ thị số 43-CT/TW ngày 08/4/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong tình hình mới	5	4	3	2	1
3. Luật Báo chí	5	4	3	2	1
4. Luật Tiếp cận thông tin	5	4	3	2	1
5. Luật Phòng chống tham nhũng (Các điều luật liên quan đến quyền yêu cầu cũng như	5	4	3	2	1

Luật/ Thông tư/ Nghị định	5. Rất quan trọng	4. Quan trọng	3. Trung bình	2. Ít quan trọng	1. Không đóng góp
những quy định cung cấp thông tin liên quan đến hành vi tham nhũng cho cơ quan báo chí và nhà báo như điều 75, điều 14, điều 15)					
6. Luật Dân sự (Các điều luật liên quan đến bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín và tài sản của công dân như điều 34, điều 38, điều 589, điều 590, điều 591, điều 592)	5	4	3	2	1
7. Luật An ninh mạng (Các điều luật liên quan đến việc sử dụng không gian mạng đăng tải thông tin có nội dung làm nhục, vu khống cá nhân gồm mục 3 - điều 16, điều 17...)	5	4	3	2	1
8. Luật Hình sự (Các điều luật liên quan đến xử phạt hành vi doạ giết người. cố ý gây thương tích, làm nhục, bắt giữ hoặc giam người trái phép, huỷ hoại tài sản, xâm phạm tự do báo chí, tiếp cận thông tin báo chí như điều 123, điều 133, điều 134, điều 155, điều 157, điều 167, điều 178)	5	4	3	2	1
9. Nghị định 119/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, hoạt động xuất bản	5	4	3	2	1
10. Nghị định 09/2017/NĐ-CP quy định phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước	5	4	3	2	1

B5. Ông/bà hãy đánh giá theo điểm số từ 1 đến 5 về *mức độ sẵn sàng phát huy vai trò* của các cơ quan/ cá nhân tham gia bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam hiện nay?

Các cơ quan/ tổ chức/ cá nhân	5. Rất sẵn sàng	4. Sẵn sàng	3. Trung bình	2. Hiếm khi	1. Không sẵn sàng	99. Không biết
1. Lãnh đạo cơ quan báo chí	5	4	3	2	1	99
2. Cơ quan báo chí	5	4	3	2	1	99
3. Cơ quan chủ quản	5	4	3	2	1	99
4. Hội Nhà báo	5	4	3	2	1	99
5. Cơ quan quản lý báo chí (Vụ Báo chí - Xuất bản, Bộ Thông tin - Truyền thông...)	5	4	3	2	1	99
6. Cơ quan công an/ cảnh sát khu vực/ địa phương	5	4	3	2	1	99
7. Luật sư	5	4	3	2	1	99
8. Đồng nghiệp	5	4	3	2	1	99
9. UNESCO	5	4	3	2	1	99
10. Khác (ghi cụ thể)	5	4	3	2	1	99

B6. Ông/bà hãy đánh giá theo điểm số từ 1 đến 5 về *mức độ hiệu quả* của các cơ quan/ cá nhân tham gia bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo tại Việt Nam hiện nay?

Các cơ quan/ tổ chức/ cá nhân	5. Rất hiệu quả	4. Hiệu quả	3. Trung bình	2. Ít hiệu quả	1. Không hiệu quả	99. Không biết
1. Lãnh đạo cơ quan báo chí	5	4	3	2	1	99
2. Cơ quan báo chí	5	4	3	2	1	99
3. Cơ quan chủ quản	5	4	3	2	1	99
4. Hội Nhà báo	5	4	3	2	1	99
5. Cơ quan quản lý báo chí (Vụ Báo chí - Xuất bản, Bộ Thông tin - Truyền thông....	5	4	3	2	1	99

Các cơ quan/ tổ chức/ cá nhân	5. Rất hiệu quả	4. Hiệu quả	3. Trung bình	2. Ít hiệu quả	1. Không hiệu quả	99. Không biết
6. Cơ quan công an/ cảnh sát khu vực/ địa phương	5	4	3	2	1	99
7. Luật sư	5	4	3	2	1	99
8. Đồng nghiệp	5	4	3	2	1	99
9. Bản thân nhà báo	5	4	3	2	1	99
10. UNESCO	5	4	3	2	1	99
11. Khác (ghi cụ thể)	5	4	3	2	1	99

B7. Ông/bà đánh giá môi trường tác nghiệp báo chí hiện nay so với 5 năm trước đây (so với năm 2020) như thế nào?

Đặc điểm	5. Cải thiện tốt hơn đáng kể	4. Cải thiện tốt hơn	3. Như cũ	2. Kém hơn một phần	1. Kém hơn nhiều
1. Về mức độ an toàn	5	4	3	2	1
2. Về mức độ nhà báo được sẵn sàng bảo vệ quyền được tác nghiệp hợp pháp	5	4	3	2	1
3. Về mức độ được tôn trọng trong quá trình tác nghiệp	5	4	3	2	1
4. Về mức độ nhà báo được tự do tác nghiệp (tiếp cận/ thu thập thông tin) trong khuôn khổ luật cho phép	5	4	3	2	1
5. Về mức độ đăng, phát tác phẩm theo quy định pháp luật	5	4	3	2	1
6. Về mức độ tự do thể hiện tác phẩm báo chí theo quy định pháp luật	5	4	3	2	1

B8. Ông/bà cho biết số lần ông/bà đã từng gặp phải những vấn đề sau trong 5 năm trở lại đây (kể từ 2020 trở lại đây)?

Các vấn đề đã từng gặp phải	4. Trên 3 lần	3. 2 lần	2. 1 lần	1. 0 lần
B8.1 Bị né tránh/từ chối cung cấp thông tin?	4	3	2	1

Các vấn đề đã từng gặp phải	4. Trên 3 lần	3. 2 lần	2. 1 lần	1. 0 lần
a. Từ chối trả lời	4	3	2	1
b. Đùn đẩy trách nhiệm trả lời cho người khác, cơ quan khác	4	3	2	1
B8.2 Bị mua chuộc (để không đăng hoặc đăng theo ý của đối tượng)?	4	3	2	1
a. Bị mua chuộc bằng quan hệ (tác động vào mối quan hệ có ảnh hưởng đến nhà báo)	4	3	2	1
b. Bị mua chuộc bằng lợi ích (tiền, đất đai..)	4	3	2	1
B8.3 Bị trì hoãn/ cản trở/ gây khó dễ?	4	3	2	1
a. Liên tục sai hẹn	4	3	2	1
b. Trì hoãn bằng nhiều lý do	4	3	2	1
c. Đòi hỏi thẻ nhà báo/ giấy giới thiệu/ giấy mời	4	3	2	1
d. Chặn liên lạc	4	3	2	1
e. Đòi hỏi được trả công	4	3	2	1
g. Tác động đến gia đình, bạn bè	4	3	2	1
f. Tác động đến lãnh đạo, đồng nghiệp	4	3	2	1
B8.4 Bị từ chối tiếp cận hiện trường, nhân vật?	4	3	2	1
a. Bị đơn vị chức năng từ chối tiếp cận hiện trường, nhân vật mà không được cung cấp lý do thích đáng	4	3	2	1
b. Bị đơn vị chức năng từ chối tiếp cận hiện trường, nhân vật nhưng được cung cấp lý do thích đáng	4	3	2	1
B8.5 Bị thu giữ phương tiện tác nghiệp?	4	3	2	1
a. Bị thu giữ tài liệu, sổ sách ghi chép	4	3	2	1
b. Bị thu giữ điện thoại, máy ảnh, máy quay phim, thẻ nhớ	4	3	2	1
c. Bị thu thẻ nhà báo, giấy tờ tùy thân (căn cước công dân, bằng lái xe...)	4	3	2	1
B8.6 Bị phá hoại, phá hủy phương tiện tác nghiệp	4	3	2	1
a. Bị phá hủy tài liệu, sổ sách ghi chép	4	3	2	1

Các vấn đề đã từng gặp phải	4. Trên 3 lần	3. 2 lần	2. 1 lần	1. 0 lần
b. Bị phá huỷ điện thoại, máy ảnh, máy quay phim, thẻ nhớ	4	3	2	1
c. Bị xoá huỷ các dữ liệu (hình ảnh, âm thanh, video...) thu được	4	3	2	1
B8.7 Bị đe dọa, khủng bố tinh thần?	4	3	2	1
a. Cá nhân bị đe dọa, khủng bố tinh thần trực tiếp	4	3	2	1
b. Cá nhân bị đe dọa, khủng bố tinh thần trực tuyến (trên mạng internet)	4	3	2	1
c. Người thân bị đe dọa, khủng bố tinh thần trực tiếp	4	3	2	1
d. Người thân bị đe dọa, khủng bố tinh thần trực tuyến (trên mạng internet)	4	3	2	1
e. Bị dọa giết	4	3	2	1
B8.8 Bị vu khống, bôi nhọ?	4	3	2	1
a. Cá nhân bị vu khống/ bôi nhọ trực tiếp	4	3	2	1
b. Cá nhân bị vu khống/ bôi nhọ trực tuyến (trên mạng internet)	4	3	2	1
B8.9 Bị quấy rối tình dục (để không tác nghiệp được)?	4	3	2	1
a. Bị quấy rối tình dục trực tiếp	4	3	2	1
b. Bị quấy rối tình dục trực tuyến (trên mạng internet)	4	3	2	1
B8.10 Bị tấn công/ hành hung gây thương tích?	4	3	2	1
a. Bị đẩy/ tát/ đâm	4	3	2	1
b. Hành hung gây ra thương tích cho cơ thể mà không sử dụng vũ khí	4	3	2	1
c. Hành hung gây thương tích cho cơ thể bằng vũ khí	4	3	2	1
B8.11 Bị giam/ giữ trái phép?	4	3	2	1
a. Giữ (ví dụ: giữ lại không cho di chuyển đến địa điểm tác nghiệp)	4	3	2	1
b. Bắt	4	3	2	1
c. Giam giữ	4	3	2	1
d. Trói	4	3	2	1
e. Còng tay	4	3	2	1

Các vấn đề đã từng gặp phải	4. Trên 3 lần	3. 2 lần	2. 1 lần	1. 0 lần
B8.12 Bị gây sức ép (sau khi sản phẩm được công bố)?	4	3	2	1
a. Gây sức ép tiết lộ danh tính của nguồn tin	4	3	2	1
b. Gây sức ép can thiệp vào nội dung công bố (sửa nội dung, bỏ một phần nội dung, che đậy nội dung)	4	3	2	1
c. Gây sức ép gỡ bỏ nội dung công bố	4	3	2	1
d. Gây sức ép dừng hoặc hạn chế việc đưa tin về vấn đề/ sự việc nhạy cảm, tiêu cực có ảnh hưởng đến xã hội	4	3	2	1
e. Bị kiện	4	3	2	1
B8.13 Bị trả thù (sau khi sản phẩm được công bố)?	4	3	2	1

C. NGUYÊN NHÂN, GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ QUYỀN HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ HỢP PHÁP CỦA NHÀ BÁO Ở VIỆT NAM

C1. Trong 5 năm vừa qua (từ đầu năm 2020 đến nay), ông/bà đã từng nhờ toà báo/ cơ quan chức năng can thiệp khi bị cản trở, gây khó khăn hoặc bị đe dọa trong quá trình tác nghiệp?

Cơ quan/ tổ chức/ cá nhân	4. Trên 3 lần	3. 2 lần	2. 1 lần	1. 0 lần
1. Báo cáo với người đứng đầu và Ban biên tập cơ quan báo chí nơi mình làm việc nhờ hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	4	3	2	1
2. Báo cáo với Hội Nhà báo nhờ hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	4	3	2	1
3. Gọi cảnh sát/ công an địa phương/ khu vực nhờ hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	4	3	2	1
4. Nhờ chính quyền địa phương can thiệp/ hỗ trợ/ bảo vệ	4	3	2	1
5. Nhờ người dân hỗ trợ/ can thiệp/bảo vệ	4	3	2	1
6. Nhờ luật sư/ toà án bảo vệ quyền lợi	4	3	2	1
7. Nhờ mạng lưới nhà báo/ đồng nghiệp hỗ trợ	4	3	2	1
8. Nhờ cá nhân/ cơ quan/ tổ chức khác	4	3	2	1
.....				

C2. Lý do không báo cáo vấn đề gặp phải (câu B8) cho cơ quan chức năng?

Lý do	3. Đúng	2. Đúng một phần	1. Sai
1. Có thể tự bảo vệ bản thân/ tự giải quyết	3	2	1
2. Không tin tưởng vào việc can thiệp hiệu quả của cơ quan báo chí nơi mình công tác	3	2	1
3. Không tin tưởng vào tổ chức nghề nghiệp, mạng lưới nghề báo	3	2	1
4. Không tin tưởng vào các cơ quan chức năng khác (công an/ cảnh sát/ chính quyền địa phương)	3	2	1

C3. Ông/bà hãy đánh giá mức độ đúng đắn của những nguyên nhân được liệt kê ở bảng dưới đây ảnh hưởng đến hiệu quả của việc *bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam*?

Nguyên nhân	5. Rất đúng	4. Đúng	3. Đúng 1 phần	2. Sai	1. Rất sai
Nhóm nguyên nhân từ phía người dân					
1. Người dân nói chung chưa biết về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo cũng như các quy định xử lý đối với hành vi cản trở tác nghiệp báo chí, coi thường pháp luật	5	4	3	2	1
2. Người dân nói chung chưa hiểu về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo cũng như các quy định xử lý đối với hành vi cản trở tác nghiệp báo chí, coi thường pháp luật	5	4	3	2	1
Nhóm nguyên nhân từ phía các cơ quan, tổ chức có liên quan					
3. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến vụ việc chưa biết về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	5	4	3	2	1
4. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến vụ việc chưa hiểu về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	5	4	3	2	1
5. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm liên quan đến bảo vệ quyền hoạt động hợp pháp của nhà báo (Bộ Thông tin - Truyền thông, Vụ Báo chí - Xuất bản, Hội Nhà	5	4	3	2	1

Nguyên nhân	5. Rất đúng	4. Đúng	3. Đúng 1 phần	2. Sai	1. Rất sai
báo ...) chưa thể hiện thái độ và hành động đủ mạnh trong việc bảo vệ nhà báo					
6. Cơ quan thực thi pháp luật chưa phản ứng đủ mạnh và kịp thời	5	4	3	2	1
7. Chính quyền địa phương chưa phát huy hết vai trò, chưa chú trọng bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo.	5	4	3	2	1
8. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng chưa đủ chặt chẽ	5	4	3	2	1
Nhóm nguyên nhân từ môi trường pháp lý					
9. Thiếu các quy định cụ thể trong luật và chế tài xử lý chưa nghiêm minh	5	4	3	2	1
10. Các quy định về hành vi xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo còn chưa rõ ràng, khó quy kết tội	5	4	3	2	1
11. Mức xử phạt/ điều khoản áp dụng chưa phản ánh đúng tính chất nghiêm trọng của hành vi cản trở hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	5	4	3	2	1
12. Đối tượng vi phạm chưa bị xử đúng người, đúng tội	5	4	3	2	1
13. Khó khăn trong việc thu thập chứng cứ vi phạm quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo	5	4	3	2	1
Nhóm nguyên nhân từ phía nhà báo					
14. Bản thân các nhà báo nhận thức còn hạn chế: về quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp để tự bảo vệ bản thân	5	4	3	2	1
15. Nhà báo thiếu kỹ năng trong quá trình tác nghiệp các vấn đề nhạy cảm/ vấn đề nóng	5	4	3	2	1
16. Nhà báo chưa am hiểu kỹ pháp luật để tự bảo vệ	5	4	3	2	1
17. Nhà báo thiếu thẻ, giấy tờ, thủ tục cần thiết trong quá trình tác nghiệp	5	4	3	2	1
18. Nhà báo thiếu tuân thủ trách nhiệm và đạo đức nghề báo (chưa khách quan, hoạt động vì lợi ích cá nhân....)	5	4	3	2	1

C4. Ông/bà hãy đánh giá về mức độ quan trọng của các giải pháp sau đây góp phần tăng cường hiệu quả bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay?

Giải pháp	5. Rất quan trọng	4. Quan trọng	3. Bình thường	2. Ít quan trọng	1. Không quan trọng
1. Tăng cường việc thực thi pháp luật đối với vi phạm/ xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	5	4	3	2	1
2. Tăng nặng chế tài xử phạt hành vi cản trở, xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	5	4	3	2	1
3. Nâng cao vị thế của Hội Nhà báo	5	4	3	2	1
4. Tăng cường đoàn kết nghề nghiệp, xây dựng mạng lưới báo chí toàn quốc đoàn kết, bảo vệ, hỗ trợ lẫn nhau	5	4	3	2	1
5. Nâng cao nhận thức xã hội về vai trò báo chí, sứ mệnh, chức năng, nhiệm vụ của nhà báo, tôn trọng bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo	5	4	3	2	1
6. Tăng cường truyền thông về Luật Báo chí, chế tài bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo	5	4	3	2	1
7. Tăng cường sự ổn định môi trường chính trị - xã hội	5	4	3	2	1
8. Phối kết hợp chặt chẽ, ăn ý của các cơ quan ban ngành địa phương, chính quyền địa phương nhằm tăng cường bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay	5	4	3	2	1
9. Cải tiến quy trình giới thiệu nhà báo xuống tác nghiệp, hoạt động nghiệp vụ tại cơ sở/ địa phương	5	4	3	2	1
10. Tăng cường năng lực, nghiệp vụ, chuyên môn xử lý tình huống để nhà báo có thể tự bảo vệ bản thân hiệu quả trong quá trình tác nghiệp, đặc biệt tác nghiệp trong tình huống nguy hiểm	5	4	3	2	1
11. Tăng cường chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của nhà báo	5	4	3	2	1
12. Tăng cường vị thế, uy tín của nhà báo	5	4	3	2	1

C5. Theo quan điểm của ông/bà, những phẩm chất nào sau đây cần được nhà báo củng cố, tăng cường, nhằm nâng cao vị thế và uy tín của nhà báo tại Việt Nam hiện nay?

Các phẩm chất nhà báo	5. Rất quan trọng	4. Quan trọng	3. Bình thường	2. Ít quan trọng	1. Không quan trọng
1. Tính độc lập, không chịu tác động từ nhóm lợi ích	5	4	3	2	1
2. Tính chuyên nghiệp: đưa thông tin kịp thời, khách quan	5	4	3	2	1
3. Tính trách nhiệm: chịu trách nhiệm trước pháp luật và xã hội về thông tin mình cung cấp	5	4	3	2	1
4. Tính nhân văn: đề cao giá trị con người, vì con người	5	4	3	2	1
5. Cam kết phục vụ lợi ích cộng đồng	5	4	3	2	1
6. Tôn trọng và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp báo chí	5	4	3	2	1

C6. Ông/bà hãy đề xuất thêm các giải pháp ông/bà cho là quan trọng góp phần tăng cường *bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay* (giải pháp từ góc độ pháp lý/ Luật/ Thông tư/ Nghị định; giải pháp thay đổi từ xã hội; giải pháp từ các tổ chức/ cơ quan/ hiệp hội liên quan đến nghề báo; giải pháp từ các toà soạn báo/ đài phát thanh/ truyền hình; giải pháp từ chính nhà báo....)

.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn!

Phục lục 3:

Nội dung phỏng vấn nhà báo:

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

MẪU BIÊN BẢN PHỎNG SÂU

Họ và tên người trả lời phỏng vấn:

Chức vụ:

Thời gian phỏng vấn:

1. Ông/bà đánh giá thế nào về tình trạng cản trở, hành hung nhà báo khi đang hoạt động nghiệp vụ hợp pháp ở Việt Nam hiện nay?

.....
.....

2. Khi bị gây khó khăn, cản trở trong quá trình tác nghiệp, ông/bà đã giải quyết như thế nào?

.....
.....

3. Ông/bà đánh giá như thế nào về vai trò bảo vệ của cơ quan báo chí nơi làm việc? Quy trình bảo vệ khi phóng viên bị cản trở của cơ quan ông/bà như thế nào?

.....
.....

4. Ông bà đánh giá như thế nào về vai trò của Hội nhà báo và mạng lưới đồng nghiệp trong bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo?

.....
.....

5. Theo ông/bà, những quy định pháp luật hiện hành đã đủ bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo không? Vì sao?

.....
.....

6. Theo ông/bà, những nguyên nhân chủ quan, khách quan nào dẫn đến hiện tượng nhà báo bị cản trở, hành hung khi đang hoạt động nghiệp vụ?

.....
.....

7. Để bảo vệ một cách hiệu quả quyền tác nghiệp của nhà báo trong bối cảnh hiện nay, cần có những biện pháp cụ thể và quyết liệt như thế nào?

.....
.....

Nội dung phỏng vấn trưởng, phó ban chuyên môn và quản lý cấp cao của tờ báo
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

MẪU BIÊN BẢN PHỎNG VẤN

Họ và tên người trả lời phỏng vấn:

Chức vụ:

Thời gian phỏng vấn:

1. Ông/bà nhận định thế nào về tình trạng xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay?

.....
.....

2. Theo ông/bà, việc bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay có những điểm tích cực và hạn chế nào?

.....
.....

3. Cơ quan của ông/bà có hướng dẫn cụ thể cho nhà báo khi tác nghiệp tại các điểm nhạy cảm hoặc khi xử lý các vấn đề phức tạp không? Nếu có, các quy trình này là gì?

.....
.....

4. Khi gặp tình huống nhà báo của mình bị đe dọa, gặp nguy hiểm trong quá trình tác nghiệp, ông/bà đã có hỗ trợ như thế nào?

.....
.....

5. Đánh giá của ông/bà về vai trò của Hội nhà báo/Cơ quản lý báo chí trong vấn đề bảo vệ nhà báo khi bị cản trở, hành hung trong quá trình tác nghiệp?

.....
.....

6. Theo ông/bà, những quy định pháp luật hiện hành đã đủ bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo không? Vì sao?

.....
.....

7. Theo ông/bà, những nguyên nhân chủ quan, khách quan nào dẫn đến hiện tượng nhà báo bị cản trở, hành hung khi đang hoạt động nghiệp vụ?

.....
.....

8. Để bảo vệ một cách hiệu quả quyền tác nghiệp của nhà báo trong bối cảnh hiện nay, cần có những biện pháp cụ thể và quyết liệt như thế nào?

.....
.....

Nội dung phỏng vấn lãnh đạo cơ quan chủ quản
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

MẪU BIÊN BẢN PHỎNG SÂU

Họ và tên người trả lời phỏng vấn:

Chức vụ:

Thời gian phỏng vấn:

1. Ông/bà nhận định thế nào về tình trạng xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay?
.....
.....
2. Theo ông/bà, bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay có những điểm tích cực và hạn chế nào?
.....
.....
3. Các cơ quan nhà nước đã có những chính sách cụ thể nào để bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp của nhà báo trong các trường hợp bị đe dọa hoặc cản trở khi tác nghiệp?
.....
.....
4. Ông/bà có thể chia sẻ về những thành công đã đạt được trong việc xử lý các vụ việc liên quan đến vi phạm quyền tác nghiệp của nhà báo không?
.....
.....
5. Những hạn chế và thách thức lớn nhất mà cơ quan quản lý đang đối mặt trong việc bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo là gì?
.....
.....
6. Các cơ quan nhà nước có kế hoạch hoặc giải pháp nào để tăng cường phối hợp với các đơn vị báo chí trong việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhà báo?
.....
.....
7. Theo ông/bà, cần có những thay đổi gì về mặt pháp lý để bảo vệ quyền tác nghiệp của nhà báo hiệu quả hơn?
.....
.....
8. Ông/bà có đề xuất gì về việc cải thiện quy trình phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức báo chí trong việc giải quyết các tình huống liên quan đến quyền tác nghiệp?
.....
.....

Nội dung phỏng vấn luật sư và nhà nghiên cứu
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

MẪU BIÊN BẢN PHỎNG SÂU

1. Ông/bà đánh giá thế nào về tình trạng xâm phạm quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam hiện nay?
.....
.....
2. Ông/bà đánh giá thế nào về vai trò của Luật Báo chí năm 2016 trong việc bảo vệ nhà báo hoạt động tác nghiệp đúng luật?
.....
.....
3. Ngoài Luật báo chí, theo ông những văn bản pháp luật nào khác cũng có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ của nhà báo?
.....
.....
4. Theo ông/bà, quy định pháp luật bảo vệ nhà báo trong quá trình hoạt động nghiệp vụ hợp pháp còn những khoảng trống nào?
.....
.....
5. Theo ông/bà, cần thay đổi những gì trong hệ thống pháp luật hoặc cơ chế quản lý để đảm bảo nhà báo được bảo vệ quyền tác nghiệp hợp pháp tốt hơn?
.....
.....
6. Ông/bà có đề xuất những giải pháp nào cần được triển khai để nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền hoạt động nghiệp vụ hợp pháp của nhà báo ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay
.....
.....